N° 172 Mai 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NHÀ NHO

Nhà nho có lẽ đến ngày nay là cùng-vận. Con nhà nho bây giờ là cái vật trái mùa, còn ai là người qui-chuộng. Dầu còn thoi-thóp răm ba kẻ, cũng tự mình không tin mình rồi, còn mong gì kẻ khác trọng nữa. Phàm giống gì cũng vậy, phải tự biết qui mình trước, rồi sau người ngoài mới qui. Nếu tự mình rẻ-rúng mình thì chẳng bao lâu đến ngày tiêu-diệt. Phép sinh-lý như vậy : muốn sống phải biết ham sống ; ham sống là thiết-tha về sự sống của mình, đem hết sức mạnh mà chống với những cái trở-lực nó ngăn-ngừa sự sống đó. Nay nhà nho ta, từ khi thấy thời-thế thay đổi, tự xét mình không đắc-dụng với đời nữa, sinh ra chán-nản, trước sau chỉ biết giữ một cái thái-độ tiêu-cực. Thẳng hoặc cũng có kẻ hăng-hái, không muốn cam-tâm chịu tiêu-cực nữa, thì lớp trước kia hô-hào cải-cách, rủ nhau xuất-dương, rồi mà sở-chí sở-sự không thành, kết-cục đến kẻ bôn-ba nơi hải ngoại, người ẩ-dột chốn lao-lung, còn ai sống sót thì cũng là đem cái thân tàn mà ngậm-ngùi với nước-non bạc-bẽo, nghĩ càng thêm cảm lại thêm thương ; lớp sau này thời có kẻ hiểu lầm cái nghĩa tùy-thời, cũng a-dua theo đời mà học đòi những thói cách cầu-danh trục-lợi, không xứng-đáng với cái bản-sắc nhà nho, hay cao hơn một tầng thời làm ra mặt duy-tân, nói-năng nghị-luận, nhất-thiết trái hẳn với tôn-chỉ nhà nho, không sợ chủ-trương xướng-suất những tư-tưởng học-thuyết cực-đoan của Âu-tây mà có lẽ tự mình cũng chưa hiểu hết tinh-lý. Nhưng dù tiêu-cực, dù tích-cực, thủy-chung đều là không biết nhận-chân cái địa-vị cùng cái thiên-chức của mình, tự phóng tự khí, đến bày ra cái cảnh tượng điêu-tàn như bây giờ, tựu-trung bởi thời-thế không lợi cũng có mà bởi nhà nho tự khinh phần nhiều vậy.

Nhà nho tự rẻ-rúng mình đến hồi này là quá, mà người đời sẵn khinh rẻ nhà nho cũng đến buổi này là cùng. Tình-thế đã đến thế, còn có thể mong vãn-hồi được nữa không?

Hoặc-giả nói : Nếu nhà nho đã bị cái số đào-thải, vì không thích-hợp với đời nữa, sớm trưa tất sẽ đến tiêu-diệt hết, thì còn mong vãn-hồi mà làm gì ?

Nhà nho có quả là bị cái số đào-thải tất-nhiên không? Có thật là đã đến ngày sắp tiêu-diệt không ? Hay là chỉ có cái hình-thức nhà nho là tất phải thay đổi, mà cái tinh-thần nhà nho lại còn phải bảo-tồn lấy, vì tinh-thần ấy còn thiết-yếu cho sự sinh-tồn của dân-tộc ta?

Muốn trả lời mấy câu hỏi đó thì trước phải biết cái tinh-thần của nhà nho là ở đâu, và như trên kia vừa nói, nhà nho vốn có cái thiên-chức, cái địa-vị thế nào ở trong xã-hội nước Nam từ xưa đến giờ.

Lại trước hết phải giải nghĩa nhà nho là gì.

Cái tên « nhà nho » không những là để chỉ người biết chữ, học đạo thánh-hiền trong Nho-giáo ; lại là chỉ một

giai cấp trong xã-hội, tức là hạng thượng-lưu trí-thức trong nước. Vì xưa kia ngoài nho-học không có cái học nào khác nữa, nên phàm người đi học là học đạo Nho hết cả. Đạo Nho có cái địa-vị độc-tôn, nên hầu thành như một tôn-giáo; mà thực ra cũng chính là cái quốc-giáo của nước Nam từ xưa đến giờ.

Những người phụng-sự cái quốc-giáo đó, tức là nhà nho. Vậy thời nhà nho là kẻ có học hành, biết chữ nghĩa; nhà nho là bậc thức-giả xã-hội trong nước; nhà nho là tín đồ của cái tôn-giáo họ Khổng. Về đường xã-hội, về đường chính-trị, về đường trí-thức tinh-thần đều có một cái địa-vị đặc-biệt, đối với một cái chức-vụ đặc-biệt.

Chức-vụ này cao-quí, có thể gọi là một thiên-chức được, vì là chức-vụ hướng-đạo cho quốc-dân, làm tiêu-biểu cho cả nước. Như trong một bài trước đã nói (1), xã-hội nước ta chỉ có hai giai-cấp lớn: một hạng bình-dân, là dân quê làm ruộng, một hạng học thức, tức là nhà nho. Hạng bình-dân coi hạng học-thức là thầy dạy bảo, là người đưa đường, sẵn lòng phục-tòng, không có đố-kỵ. Hạng học-thức cũng tự nhận cái chức-trách đó, không lạm-dụng, không kiêu-căng, vì coi mình như kẻ giáo-sĩ của đạo Khổng Mạnh, thiên-hạ thờ là thờ đạo, kính là kính đạo, mà nhờ cái dư-oai của tôn-giáo mới khiến cho mình có một địa-vị tôn-trọng vậy. Muốn cho xứng-đáng với địa-vị đó, thời như ông linh-mục tuyên-truyền đạo-giáo, phải đem cái đạo của thánh-hiền, cái học của tiên-nho mà truyền dạy trong dân-gian, đem thân tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho đạo-đức. Mà thật thế; nhà nho chân-chính thực là chức linh-mục của đạo Khổng Mạnh. Đạo này là một đạo thông-thường, một đạo nhập-thế, không có gì là siêu-nhiên thần-bí, cho nên những người tuyên-truyền phụng-sự cũng không cần phải phát nguyện tu-hành gì. Nhưng cái chức-vụ truyền đạo dạy đời thời cũng chẳng khác gì nhà giáo-sĩ chức linh mục của các đạo khác vậy. Chỉ có khác là một đàng thời phải xuất thế mới tu đạo được, một đàng thời cứ ở đời mà vẫn hóa đời, không những hóa bằng cái công tuyên-truyền giáo-dục, lại cốt hóa bằng cái cách cư-xử hành-vi nữa. Có thể nói nhà nho là một hạng thầy tu, vừa kiêm cả phần đời phần đạo, đem đạo-vị mà dấm-thấm cho cuộc đời; còn thầy tu của các đạo khác, thời bỏ đời mà theo đạo, và thường cũng chỉ thiên về cái phần hình-thức của đạo, là phần lễ-bái mà thôi; phạm-vi của đôi bên rộng hẹp thật là khác nhau, mà ảnh-hưởng thời sâu-xa vị tất đã kém gì.

Cứ cái chức-vụ, cứ cái địa-vị, cứ cái thế-lực ảnh-hưởng của nhà nho trong xã-hội nước Nam từ xưa đến giờ, thì có thể sánh nhà nho với phái Bà-la-môn bên Ấn-độ cũng không phải là quá. Duy phái Bà-la-môn là một giai-cấp kiêu-căng, cách-biệt hẳn với các cấp khác, một mình hưởng cái địa-vị độc-tôn cùng những quyền-lợi đặc-biệt, ỷ ở cái sức chuyên-chế của tôn-giáo, bằng ở cái lòng mê-tín của người dân, mà bày ra cái cảnh tối-bất-bình-đẳng trong xã-hội, gây lên cái mầm oán-giận trong lòng người. Chứ nhà nho ta với kẻ bình-dân trong nước, khác nào như một lần một lót với nhau, tiên-phong hậu-thuẫn cho nhau, trên tiếp dưới ứng, không hề có cách-trở nhau bao giờ, có cái địa-vị của phái Bà-la-môn mà không có những lưu-tệ của phái đó vậy.

---

(1) Xem *Nam-Phong* kỳ trước, bài « Phong-hóa suy-đồi ».

Trong nước chỉ có một cái đạo độc-tôn, văn-chương, học-thuật, xã-hội, luân-lý, pháp-luật, chính-trị, mĩ-thuật, tôn-giáo đều uyên-nguyên tự đó mà ra, cho nên bao nhiêu kẻ trí-thức trong nước đều như đúc theo một cái khuôn đó cả. Kẻ trí-thức là bọn nhà nho, mà bọn nhà nho là kẻ trí-thức. Vì cách giáo-dục duy-nhất, vì cách đào-tạo một khuôn đó, cho nên phái nhà nho tuy không lập thành đoàn-thể, mà hình như có kỷ-luật, có phép-tắc chung, cùng theo một tôn chỉ, cùng biểu một tinh-thần vậy. Người nào làm trái cái kỷ-luật vô-hình đó thời kẻ bằng-bối tất kết án cho là phạm tội với danh-giáo. Phạm tội với danh giáo là người rất bỉ rất tiện, đáng trục-xuất ra ngoài giác-hội nhà nho, trụy-lạc xuống tận bậc dưới trong xã-hội, không bằng kẻ phàm-phu tục-tử vậy.

Danh-giáo là danh-phận giáo-hóa, là cái giường-mối lớn của xã-hội nước Nam, là cái mục-đích thiết-tha cho sự-nghiệp thân-thế của nhà nho vậy.

Người nào trong xã-hội cũng có danh-phận của người ấy : làm cha, làm con, làm chồng, làm bạn, làm tôi, làm vua ; sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ, phận có thấp cao, danh có lớn nhỏ, mà ai ai cũng phải ăn-ở làm sao cho xứng danh tròn phận ; di-luân là phép cả, dẫu từ trời đất vạn-vật cũng không thể lọt ra ngoài phép-tắc thiên-nhiên. Những phép-tắc ấy, đối với cuộc nhân-sinh, ứng trong vòng nhân-sự, đã do các bậc thánh-hiền đời xưa nghiên-tinh đàm-tứ, ngẫm nghĩ sâu-xa mới phát-minh ra, đời đời truyền lại để làm cái gương xử-thế cho người đời. Tiếp lấy những lời giáo-huấn đó, ứng-dụng vào cho mình, rồi truyền-bá ra cho người, ấy cũng là phận sự của người muốn sống làm người một cách có ý-thức.

Lý-tưởng của đạo nho suy ra thời cao-xa man-mác, mà rút lại trong vòng thực-sự cũng chỉ có thế mà thôi, chân-tuần trong cõi luân-lý, phát ra ở nơi nhật-dụng. Nhà nho sống theo một cái lý-tưởng thiết-cận mà thâm trầm đó, hàng ngày làm khuôn-mẫu cho quốc-dân, bấy lâu vẫn duy-trì cho xã-hội, khiến cho nước Nam kinh-qua bao nhiêu sự ngoại-xâm cùng nội loạn, từng-trải biết mấy lần nước đổ với nhà tan, mà vẫn sinh-tồn được mãi mãi, càng ngày càng sinh-sôi nảy-nở, chẳng hề có khi lụn khi tàn.

Đã hay rằng cái công dề-tạo duy-trì cho quốc-gia là công chung của cả các tiên-dân ta, nhưng nhà nho là cái phần có ý-thức trong quốc-dân, công ấy cũng được một phần to vậy.

Hoặc-giả nói : Công gây dựng cho nước là công của những bậc anh-hùng hào-kiệt làm nên những sự-nghiệp vĩ-đại vẻ-vang, sử-sách còn truyền, đời sau ca-tụng ; há phải là công của một lũ thầy đồ đái lưng tốn vải, chỉ biết cả đời gặm chữ nhà văn, ôn lại những câu sáo cũ của tiền nhân ?

Vẫn biết thế, và cái lòng sùng-thượng anh-hùng bao giờ cũng phải có. Nhưng anh-hùng không phải là cái món thường ở đời, chính là cái quà quí của trời. Cổ-nhân đã nói muốn gây lên một bậc anh-hùng phải núi sông lao-lực trong bao lâu mới chung đúc được cái khí thiêng. Người anh-hùng chỉ xuất-hiện những buổi ngụy-cơ, và cái công đãng-định chỉ là cái công oanh-liệt trong nhất-thời. Cái công duy-trì mới là cái công cần-cù ở hằng ngày vậy.

Công duy-trì ấy phần nhiều là công của thầy đồ nho vậy.

Nói đến nhà nho, không thể không nói đến thầy đồ.

Thầy đồ là cái hình-ảnh thông-thường bình-dị của nhà nho. Vì nhà nho cũng có nhiều hạng. Đại-khái có hạng nhà nho đã hiển-đạt, nghĩa là thi đỗ làm quan, công-nhiên ra trị dân giúp nước ; có hạng nhà nho không

thành-công, già đời lạo-đảo nơi trường-ốc, vãn-niên mới xoay ra dạy học, làm thuốc, xem đất ; có nhà nho xuất-chính, có nhà nho ẩn-độn. Thân-thế tuy có khác mà tâm-lý thời cũng một. Cho nên ngay trong hạng hiền-đạt, có người làm đến quan to mà khi tuổi già về hưu cũng mở trường dạy học, như một thầy đồ thường vậy. Tuy-nhiên thầy đồ phần nhiều là thuộc về hạng nhà nho không thành-công, không hiền-đạt, số này là số nhiều lắm. Phải nhà nho ví như một đoàn quân-đội, thời quan lớn quan nhỏ, ông cống ông nghè, là hàng tướng-tá, bậc sĩ-quan, còn những thầy đồ vô-danh là hạng quân-lính cả. Trong quân-đội, tướng-sĩ vẫn là cần, mà quân-lính lại là phần quan-hệ lắm nữa. Nhà nho hiền-đạt dường như không phải là nhà nho thuần-thúy nữa ; nhà nho thuần-túy là nhà nho trọi-trơn, không có phẩm-tước danh-vị gì cả. Nhà nho trọi-trơn thì còn ai bằng thầy đồ quê nữa ?

Ôi, thầy đồ chỉ « ngồi lê ngồi la », thế-gian cười cợt cũng đã nhiều ; thầy đồ chỉ « dài lưng tốn vải », thiên-hạ mỉa mai cũng đã lắm. Nhưng dù mỉa-mai, dù cười-cợt, chẳng qua là người đời trêu ghẹo cho vui đó mà thôi, lại thường khi chính thầy đồ cao-hứng mà tự-trào nữa.

Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc-mắc,... chứ kỳ-thực quốc-dân vẫn sẵn lòng yêu-mến. Vì thầy đồ thật có công với xã-hội lắm vậy.

Thầy đồ là thầy cai thầy đội tinh-thần của đội quân quốc-dân. Đội quân này mà được nghiêm trang tề-chỉnh, có thống hệ, có kỷ-luật, biết giữ nền nếp trong gia-đình, biết theo lễ-phép của xã-hội, biết trung-quân, biết ái-quốc, biết dốc lòng tín-ngưỡng ở đạo Thánh-hiền, là nhờ ở cái công vô-danh của bọn cai đội vô-danh đó vậy.

Nay lại ví xã hội như một cái trường học lớn : mà xã-hội nước Nam quả là một trường học lớn thật ; nước ta tuy không có lệ cưỡng-bách-giáo-dục, nhưng có thể nói là hầu hết quốc-dân ai cũng có chí đi học cả, chỉ đó hoặc vì cảnh-ngộ mà không thể đạt được, nhưng dù người bần-tiện cũng có lòng ham-mê yêu-mến sự học. Cả nước là một cái trường học lớn, trường tự-nhiên, trường thiên-thành, không cần phải Nhà-nước can-thiệp, chẳng có hạn năm, hạn tuổi, hạn ngày, hạn giờ gì cả, cũng chẳng cần phải định chương-trình học-khóa gì hết. Thầy giáo dạy cái trường quốc-dân đó tức là thầy đồ, không phải là người của Nhà-nước, không thuộc vào ngạch nào cả, không có lương-bổng, không bị kiểm-đốc, rất là tự-do, rất là thong-thả, mà « chấn thiên-uy ư roi mây », oai-quyền lẫm-liệt, không những lũ trẻ phải khiếp-sợ mà người lớn cũng nể-vì. Suốt trong quốc-dân, ai ai cũng là ở trong tay thầy đồ mà ra cả, thầy đồ dạy cho biết chữ, thầy đồ nặn cho nên người, thầy đồ «vỡ lòng» cho trước dã, rồi sau có tài mới bay-nhảy lên cao xa mà làm nên công kia nghiệp nọ, hay là bất-tài không có cái khiếu học-hành thì đi cầy đi cuốc, làm ruộng làm vườn, quầy gồng quầy gánh, đi bán đi buôn, cũng vạch được ba chữ ký, đọc được tên ông vải, biết trọng nhân-nghĩa, giữ lễ-phép, ấy cũng là nhờ công thầy đồ phá ngu cho vậy.

Lại ví xã-hội như một cái giáo-hội lớn, tôn-giáo là đạo Nho, giáo chủ là ông Khổng, mà giáo-sĩ tức là thầy đồ. Thầy đồ tuyên-truyền cái tôn-giáo họ Khổng, đem kinh thánh truyện hiền mà truyền dạy cho quốc-dân, thân bố-y mà nhờ oai-quyền một cái đạo luân-lý cổ của Á-đông rất hợp với nhân-sinh, với quần-chúng, tựa-hồ như có một cái vẻ hào-quang thần-bí vậy.

Ôi! thầy đồ như vậy chẳng là vẻ-vang lắm dư? Mà một xã-hội có hạng thầy đồ đó, chẳng là cái bảo-chướng

để giữ-gìn cho được yên-ổn, phòng-ngừ cho khỏi họa-loạn dư? Chẳng là cái bảo chướng vững vàng bền chặt dư?

Cho nên nói rằng duy-trì cho xã-hội, tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ vệ cho phong-hóa, ấy là cái công của nhà nho, và trong bọn nhà nho là cái công của thầy đồ phần nhiều vậy.

Nay thầy đồ tuy là cái kiểu nhà nho thông-thường trong dân-gian, nhưng nhà nho không phải là thầy đồ hết cả.

Nếu nhà nho là thầy đồ hết cả thì có lẽ chưa hoàn-toàn xứng-đáng là hạng « thức-giả xã-hội » trong nước, là kẻ chủ-trương hướng-đạo cho quốc-dân, vì cái vận-mệnh tinh-thần của một nước không thể ở cả một bọn giáo-sư dạy học, hay một bọn mục-sư truyền đạo được.

Ngoài cái công duy-trì, còn có cái công xướng-suất nữa, ngoài cái công bảo-tồn, còn có cái công hưng-khởi nữa. Công này cũng là công của nhà nho, nhưng là nhà nho khoát-đạt, nhà nho quán-thông, nhà nho bác-nhã, nhà nho cao-thượng, nhà nho đã qua bậc « Tiểu-Thừa » tới bậc « Đại-Thừa » vậy.

Nhà đại-triết-học nước Pháp đời nay là ông HENRI BERGSON, mới xuất-bản một bộ sách là kết-quả cái sự-nghiệp tư-tưởng của ông trong bốn-mươi năm nay, sách đề là « Hai cái nguồn của luân-lý và tôn-giáo » (*Les deux sources de la morale et de la religion*). Ông cho luân-lý có hai thứ : một cái « luân lý kín » (*morale close*), một cái « luân-lý ngỏ » (*morale ouverte*) ; tôn-giáo cũng vậy : một cái « tôn-giáo tĩnh » (*religion statique*), một cái « tôn-giáo động » (*religion dynamique*). Cái « luân-lý kín » và cái « tôn-giáo tĩnh » là để duy-trì cho xã-hội có nền-nếp, được vững-bền : gọi là « kín », là vì nó chỉ khu-khu ở trong vòng phép-tắc di-truyền của đời trước, không dám vượt ra ngoài qui-củ ; gọi là « tĩnh », là vì nó thủ-thành yên-tĩnh, không có phấn-khởi hoạt-động. Tôn-giáo ấy, luân-lý ấy không phải là không có công : có công lắm, vì nếu không có luân-lý ấy, tôn-giáo ấy làm bảo-chướng thì đoàn-thể đến lia-tan, xã-hội đến giải-tán. Nhưng nếu xã-hội toàn thuộc luân-lý ấy, tôn-giáo ấy chủ-trương chi-phối, thì tất ngưng-trệ lại, không tiến-hóa lên được, thành ra « hóa-thạch » mà không có sinh-hoạt nữa. Cho nên ngoài cái luân-lý kín là cái luân-lý của phần đông, ngoài cái tôn-giáo tĩnh là cái tôn-giáo của số nhiều, cần phải có một cái « luân-lý ngỏ », một cái « tôn giáo động » để khiến cho người ta phấn-khởi mà tiến lên : gọi là « ngỏ » là vì nó không bí-tắc mà lại khai-thông, thời-thường du-dương trong cõi tiêu-dao tự-tại ; gọi là « động » là vì nó hoạt-bát siêu-việt, muốn dũng-dược mà trực-tiếp với cõi thần-bí cao xa. Luân lý này, tôn-giáo này chỉ là riêng cho một số ít người lỗi-lạc mà thôi, thật là những kẻ hướng-đạo tinh-thần cho cả nhân-quần xã-hội.

Nay đạo Nho là vừa gồm cả luân-lý, cả tôn-giáo ; trong luân-lý vừa gồm cả cái luân-lý kín cùng cái luân-lý ngỏ, trong tôn-giáo vừa gồm cả cái tôn-giáo tĩnh cùng cái tôn-giáo động. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh, là phận-sự nhà nho « tiểu-thừa », tức là thầy đồ ta vậy. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý ngỏ, cái tôn-giáo động là phận-sự nhà nho « đại-thừa », là những bậc bác-học năng-văn, triết-nhân quân-tử, biết vượt ra ngoài những câu tử-văn trong sách cổ mà đạt cho tới cái chí-đạo của Thánh hiền.

Vậy thời thầy đồ chỉ là một nhà nho « tiểu-thừa » mà thôi. Cái đạo nho « hạ-thừa » đó, cũng như cái luân-lý « kín », cái tôn-giáo « tĩnh » của BERGSON, là cần thiết cho quần-chúng, cho nên thầy đồ tuyên-truyền cái đạo ấy là có công với xã-hội. Nhưng nếu cái tâm-lý thầy đồ, cái tinh-thần hạ-thừa mà

bành-trướng ra quá, lấn-lấp khắp cả, thời không khỏi làm hẹp mất nghĩa đạo đi, biến một cái đạo-giáo rất hay thành một mớ phiền-văn trần-hủ, không khỏi ngăn-trở cho sự tiến-hóa chung.

Xét lịch-sử thần-trí của giống ta, thì quả đã thấy có cái hiểm-tượng như vậy: đời ấy sang đời khác, nhà nho hạ-thừa đã lấn-lấp cả nhà nho thượng-thừa, mà cái tâm-lý thầy đồ đã thành cái tâm-lý chung của cả bọn thức-giả vậy

Cái tâm-lý thầy đồ là cái tâm-lý lễ-nhượng cần-thủ, là cái tâm-lý trọng về phần hình-thức phép-tắc bề ngoài. Tâm-lý ấy tác-dụng ở trong vòng-khuôn cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh theo như danh-từ của BERGSON, thì đắc-thể lắm; nhưng nếu vượt ra ngoài thì không khỏi thành ra lưu-tệ. Vì trọng về hình-thức quá thời có hại đến tinh-thần, thiên về lễ-nhượng quá thì tất-nhiên thành nhu-nhược. Cho nên cái tâm-lý thầy đồ đó biến đi một lần, sụt xuống một bậc, thời nghiễm-nhiên thành cái tâm-lý nhân-tuần cẩu-thả, cái tâm-lý hư-sức ngụy-biện, tức là cái tâm-lý «hương-nguyện» vậy.

Thánh-nhân đã nói: *Hương-nguyện đức chi tặc dã* 鄉原德之賊也, kẻ hương-nguyện là giặc của đạo-đức, vì làm hại đạo-đức không gì bằng kẻ giả đạo-đức. Hương-nguyện là kẻ giả đạo-đức, ngoài mặt làm ra cái thái-độ cung-kính cẩn-nghiêm, mà kỳ-thực sẵn lòng hòa-đồng với lưu-tục, a-dua với kẻ hương-nhân bỉ-tiện. Hương-nguyện chính là thầy đồ quê biền-hiệp, không có nghị-lực, không có khí-khái gì, học đạo thánh-hiền mà hình như học đến đâu chỉ làm cho đạo hẹp đến đó, uốn nghĩa-lý của thánh-hiền cho vừa bằng cái tầm nhân-cách nhỏ-nhen của mình. Khổng-tử đã tả tâm-lý của bọn đó bằng một câu: *Sắc lệ nhi nội nhẫm* 色厲而內荏, bề ngoài thì nghiêm-nhặt mà bề trong thì khiếp-nọa.

Cái tâm-lý hương-nguyện đó, gặp lúc quốc-vận suy-vi thì nó bành-trướng mãi ra mà hầu như tràn ngập cả. Không những thầy đồ quê mắc phải cái tâm-lý ác-liệt đó, mà đến ông nghè ông cống cũng không khỏi; không những ông nghè ông cống, mà đến tể-tướng thượng-thư cũng không khỏi. Cả bọn thượng-lưu trong nước đều đeo một cái tâm-lý hương-nguyện đó cả, thì trách nào dân không tan, nước không đổ!

Hồi nước Pháp mới đặt Bảo-hộ ở ta, cách đây trên dưới bốn mươi năm, có một vị lão-thần trong triều, có tiếng là người rất đạo-đức. Cụ đi sứ sang Tây, cùng với mấy ông nho-thần nữa. Các ngài sang đến đất nước người, bỡ-ngỡ như chim-chích vào rừng. Cái đó cũng chẳng đáng trách chi. Nhưng có người mục-kích một việc như sau này, tuy là chuyện nhỏ mà cũng đủ lộ được cái tâm-lý của các cụ: các cụ sợ sang Tây thủy-thổ không phục, nước uống độc chăng, khi ở nhà đi đã đem sẵn một nắm đất, lúc ở Tây mỗi khi uống nước thì lấy một giúm đất bỏ vào, rồi lấy phèn đánh cho trong, bấy giờ mới dám uống. Thế là lấy «đất» của mình chế lại «nước» của người, tiện-thị «thủy-thổ» không độc nữa! Không dám khinh-mạn các cụ, nhưng nhà chính-trị đi sứ nước ngoài mà cư-xử như vậy thì có lần-thần không? Ấy cái tâm-lý hương-nguyện nó như thế đó. Há phải là lỗi tại đạo Nho dư? há phải là tội cả nhà nho dư?

Người ta lại kể chuyện rằng cũng vị đại-thần đó có tiếng là cần-kiệm lắm, ngày thường ra công-đường làm việc quan, cụ thường ngồi trên sập sẽ lề sách, gấp những giấy lộn, chính tay đóng thành sách để viết cho đỡ tốn giấy.

Đương khi các nhà nho Nhật-bản, như Y-đằng, Đại-ối, ra sức kinh-luân mà sửa-sang việc nước, thì một bậc nho-thần đại-danh-giả, đại-trọng-vọng ở nước ta, ngồi không mà làm những công việc lẩn-thẩn như vậy. Nghĩ có buồn không ?

Ôi! cái tâm-lý hương-nguyện nó làm hại nhà nho ta đến thế là cùng vậy. Một vị đại-thần tướng-quốc mà còn như vậy, thì thầy đồ quê đến thế nào?

Âu cũng là vận nước đến ngày cùng-đốn mới sinh ra như vậy. Chứ đạo Nho đâu đến thế? Nhà Nho đâu đến thế?

Cái đạo Nho hạ-thừa đó nó thắng thì cái đạo Nho thượng-thừa tất phải lui.

Ôi! trong khoảng nửa thế-kỷ nay, nhà Nho thượng-thừa đã hầu như vắng tăm-tích trong non sông nước Việt này. Bây giờ còn tìm đâu cho thấy nữa?

Bởi thế nên có kẻ độc miệng làm ản nhà Nho đã buông ra một lời rằng: Nhà Nho làm mất nước!

Những người đã biết cái công-đức của nhà Nho đối với quốc-dân, đối với xã-hội, nghe câu đó không khỏi sửng-sốt, rồi buồn-rầu, rồi ngậm-ngùi mà than rằng: Nhà Nho quả phạm cái tội đại-nghịch đại-ác đó dư? — Không có lẽ, quyết không có lẽ. Nhưng làm sao rửa được cái oan đó bây giờ?

Lấy câu thời-vận mà cắt nghĩa sự thịnh-suy thì kể ra cũng là một kế cùng. Gặp lúc người chẳng ra gì, việc chẳng ra gì, nói là thời đấy, vận đấy, người trí-giả cho là nói cùng. Nhưng nếu không có thời, không có vận, thì cớ sao xưa kia công-nghiệp nhà nho hiển-hách như thế, mà gần đây tiếng-tăm nhà nho mai-một như vậy? Cớ sao gặp những lúc quốc-gia đa-sự, nhà nho không thấy có ảnh-hưởng gì với đời?

Nói rằng vì chữ nho không học nữa, đạo nho không trọng nữa, nên nhà nho thành ra vô-dụng với đời, nói vậy lại càng là nói cùng nữa. Nếu nhà nho quả là bậc thượng-lưu tri-thức trong nước,— mà từ xưa đến nay công-nhiên như vậy,— thì không lẽ vì một thứ chữ học hay không học nữa mà giá-trị đến suy-sút đi được. Như vậy thì phẩm-giá con người không cốt ở người mà chỉ cốt ở một thứ tử-văn đắc-dụng hay không đắc-dụng với đời hay sao? Còn như đạo nho, thì một là đạo nho là một đạo sai-lầm, có hại cho nhân-quần xã-hội, như vậy thì phải kíp cải-cách canh-tân đi; hai là đạo nho là một đạo chân-chính, chỉ vì thiên-hạ hiểu lầm nên dùng sai đó mà thôi, như vậy thì lại càng phải cải-chính mà phát-huy ra vậy. Đàng nào cũng cần phải có cái công chấn-chỉnh của nhà nho, nhà nho lại càng phải hoạt-động lắm, há cứ ngồi khoanh tay mà chịu hay sao?

Dù thế nào mặc lòng, hiện nay thì nhà nho đã chịu ép một bề, không còn có một chút phản-động-lực gì đối với thời-thế, đối với hoàn-cảnh nữa.

Một phái từ xưa đến nay vẫn ăn trên ngồi trốc trong xã-hội, làm thầy dạy học, làm kẻ đưa đường cho quốc-dân, mà nay tự bỏ cái địa-vị đó, bỏ cái chức-trách đó, thời đối với quốc-dân, đối với xã-hội thành ra thế nào?

Một nước đương có một hạng thượng-lưu hướng-đạo, mà nhất-đán hạng thượng-lưu đó trụy-lạc hẳn như vậy, thì nước ấy thành ra thế nào?

Nước ấy cũng vi như một cái thân-thể không có đầu, một cái khu-xác không có hồn vậy.

Bởi thế nên mới gây ra cái tình-trạng khủng-hoảng về tinh-thần như bây giờ.

Nước Nam ta là một nước không thể không có một hạng trí-thức để cầm cân nẩy mực cho quốc-dân được. Vì nước là một nước nông-dân, đại-đa-số là người làm ruộng, quê-mùa mộc-

mạc, nhất-thiết về chính-trị, về xã-hội, về pháp-luật, về tôn-giáo, phải ngưỡng-vọng ở một số ít người học-thức để làm khuôn làm mẫu cho mà theo. Nếu không có khuôn có mẫu thì bâng-khuâng lơ-láo, không biết y-ỷ vào đâu, hay là sẵn tính phục-tòng lại theo ngang theo bậy vậy.

Dân vẫn cần phải có người hướng-đạo, mà người hướng đạo từ xưa đến giờ, không đủ tư-cách hướng-đạo nữa. Ấy cái hiểm-tượng của nước Nam là ở đó

Nay phái nhà nho đã tự cáo lui, phái tây-học có thể ra thế chân mà đương được cái chức-trách đó không? Hiện nay chưa thể được, vì phái này hãy còn hỗn-độn lắm, chưa có thể-thống, chưa có tôn-chỉ gì cả. Theo một cái học của nước ngoài đem lại, cùng với cốt-cách tinh-thần của giống mình không có mật-thiết gì cả, thành ra càng học thì càng xa-cách với giống-nòi, cho dẫu thành tài cũng chưa có ảnh-hưởng gì với quốc-dân. huống phần nhiều hãy còn mơ-hồ sốc-nổi vậy. Tựu-trung cũng có người thông-minh tài-tuấn, có cái tư-tưởng vì nước vì nòi, nhưng tự biết mình còn cách-trở với quốc-dân, hình như tài càng cao học càng rộng thì cái vực sâu nó phân-biệt với người trong nước lại càng to, trước hết còn phải tự sáp-nhập mình vào cái hoàn-cảnh của nước mình đã, hình như phải tạm quên cái học ngoài đi mà tập lấy cái cốt-cách tinh-thần của nòi-giống, lấp cho được cái vực sâu cách-biệt, để có đường giao-thông hòa-hợp với quốc-dân, nói tóm lại là phải cho hoàn-toàn tư-cách người An-Nam mới có thể mong làm khuôn làm mẫu cho người nước Nam được. Muốn được như vậy thì phải có công-phu, phải biết kiên-nhẫn, phải có cái đức khiêm của người quân-tử hay của kẻ tu-hành, không tự-cao ở cái học sở-đắc của mình mà chỉ mong tu-luyện cho thành nhân-cách. Cái công-phu tự-kỷ giáo-dục, tự-kỷ tu-luyện đó, không thể một hôm một mai mà thành được, cũng không thể tự-nhiên đơn-độc mà nên được. Phải dần-dà lâu năm, lại phải gây thành một cái hoàn-cảnh riêng, một cái không-khí riêng cho nó phát-đạt nẩy-nở ra thời mới mong có kết-quả được. Hiện nay trong phái tây-học hoặc cũng có rằm ba kẻ có cái chí thành-đốc hữu-vi như vậy, nhưng chưa gây thành được một cái không-khí thích-hợp nên chưa có ảnh-hưởng gì.

Đương lúc thanh-hoàng quá-độ này, văn-hóa cũ đã tàn, văn-hóa mới chưa thịnh, chính là buổi điều-hòa dung-hợp, nhà nho lại càng phải nên gắng-gỏi lắm, chứ không nên chỉ giữ cái thái-độ tiêu-cực, đối với vận-mệnh nước nhà lãnh-đạm như khách bàng-quan vậy.

Vì đạo nho còn dùng được ở đời này, không phải là cái đạo tiểu-thừa của phái hương-nguyện, chính là cái đạo đại-thừa của nhà chân-nho vậy

Không nói về phần triết-lý siêu-hình, những cái thuyết âm-dương thái-cực có nhiều điều phù-hợp với những sự phát-minh tối-tân của khoa-học đời nay, chỉ nói về phần ứng-dụng thực-tiễn, về cái đạo kinh-luân tế-thế của nhà nho, cũng có nhiều phương-pháp kinh-nghiệm. có thể bổ cho thời-cơ, cứu cho thời-bệnh được.

Như cái thuyết « nhân, nghĩa, lễ, trí », thì thật là giường-mối của đạo-đức luân-lý muôn đời. Đem những vi-ngôn đại-nghĩa của cổ-thánh-hiền mà phát-huy cái tinh-lý nó bao-hàm ở trong mấy cái quan-niệm thâm-trầm mầu-nhiệm đó, rồi xét xem cái cách nên ứng-dụng ra đời này thế nào, đó chẳng phải là một việc mà nhà nho nên nhiệt-thành đảm-nhiệm dư?

Lại như cái thuyết « tu, tề, trị, bình », há chẳng phải là tiêu-biểu cho

một cái lý-tưởng làm người rất thâm-trầm và rất thiết-thực dư? Thuyết này vừa kiêm được cả cái chủ-nghĩa cá-nhân, chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa thế-giới, không cái nào mâu-thuẫn với cái nào, hết thảy đều như hiệp-tác với nhau theo một cái trật-tự rất là hợp với lẽ thiên-nhiên vậy.

Người ta trước hết phải tu-thân, nghĩa là trau-giồi cho nhân-cách mình được hoàn-toàn; ấy là chủ-nghĩa cá-nhân đó. Rồi phải tề-gia, nghĩa là cai-quản trong gia-đình cho có trật-tự, theo cái chế-độ gia-trưởng của Đông-phương; đó là chủ-nghĩa gia-tộc, mà đã hàm có tính-cách chủ-nghĩa xã-hội một đôi chút, vì gia-tộc là một cái tiểu-xã-hội, cũng như hương-đảng là một cái tiểu-triều-đình vậy. Rồi phải trị-quốc, nghĩa là ra tham-dự việc nước, lo cái vận-mệnh chung cho quốc-gia, cho xã-hội; đó là chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội chân-chính. Rồi đến sau cùng phải bình thiên-hạ, nghĩa là mưu sự hòa-bình hạnh-phúc cho cả loài người; đó là chủ-nghĩa thế-giới, hay là chủ-nghĩa quốc-tế, hay là chủ-nghĩa nhân-đạo, hay là chủ-nghĩa bác-ái, danh-từ có khác, nhưng cái tôn-chỉ cũng là một, là muốn cho cả thiên-hạ được yên-ổn sung-sướng, biết thương-yêu giúp-đỡ lẫn nhau, chứ đừng tương-tàn tương-hại nhau nữa.

Ấy cái đạo Nho đại-thừa nó rộng-rãi sâu-xa như vậy. Ai dám bảo rằng đạo ấy không hợp với thời-đại này? Đạo ấy là đạo thiên-cổ, loài người ta còn sinh-trưởng trên mặt đất này thì đời nào nước nào cũng là thích-hợp. Có lẽ đời này là đời lấy quyền-lợi, đối với nghĩa-vụ, tạo-thành ra một cái thế-giới vô đạo-lý, duy công-lợi một cái đạo điều-hòa thích-trung như vậy lại là cần lắm nữa.

Đem cái đạo Nho đại-thừa ấy mà truyền bá trong quốc-dân, ấy là cái thiên-chức của nhà Nho đương lúc giao-thời này. Nước ta bấy lâu nay đã bị khốn về cái đạo Nho tiểu-thừa của phái hương-nguyện, nay cái cặn-bã nó còn lại, ta nên nhất-phiên gột rửa đi cho sạch, mà kíp xướng lên một cuộc cách-mệnh trong Nho-giáo.

Nho-giáo có do cách-mệnh một lần thì Nho-giáo mới mong sinh-tồn được. Nhà Nho có làm nổi cuộc cách-mệnh đó thì nhà Nho mới có công với quốc-dân, xứng-đáng với cái lịch-sử vẻ-vang từ trước, xứng-đáng với cái tiền-đồ rực-rỡ sau này.

Cuộc cách-mệnh đó là phải bãi bỏ cái Nho-học tiểu-thừa, mà đề-xướng cái Nho-học đại-thừa; là phải đả-phá cái tâm-lý hương-nguyện mà đề-tỉnh cái tâm-lý chân-nho; là phải đem đạo Nho ra mà hòa-đồng với các phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, chứ không thể giữ khu-khu trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân; là phải làm cho cái tinh-lý thắng được cái tử-văn, chứ không để cho cái tử-văn tiêu mất cả tinh-lý; là phải đem ông Khổng ông Mạnh ra mà tiếp chuyện với các hiền-triết Đông Tây, chứ không nên để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Trong cuộc hội-đàm với các bậc đại-trí trong thế-giới đó, ở cái « Hội-nghị bàn tròn » có ông Gia-tô, ông Phật-tổ, ông Lão-tử, ông SOCRATE, các thầy Bà-la Ấn-độ, các nhà triết-học Thái-tây, cái đạo xử-thế của ông Khổng, cái tài hùng-biện của thầy Mạnh vị-tất đã kém ai. Bấy lâu thiên-hạ không biết là vì bị bọn hương-nguyện làm cho đạo thánh-hiền chìm đắm trong một mớ tử-văn phiền-phức. Nay nên kíp phá những cái thói học trần-hủ ấy đi, mà đem những phương-pháp sáng-sủa hợp lẽ mà nghiên-cứu các nghĩa-lý của cổ-nhân. Sẽ thấy rằng những nghĩa-lý ấy chưa

phải là đã quá cũ dâu, còn có cái tiềm-lực rất mạnh, có thể cảnh-tỉnh được quốc-dân, hoán-cải được phong-tục, mà bổ-cứu được cái tình-trạng khủng-hoảng hỗn-độn ngày nay vậy.

Gây lấy một cái đạo Nho mới thích-hợp với thời-thế bây giờ, ấy là một sự-nghiệp lớn-lao, chỉ còn đợi có người sốt-sắng. Nhà Nho ta còn có ai sốt-sắng nữa hay không?

Ôi cái sự-nghiệp của thầy đồ, không phải đến nay đã là cùng-tận. Thầy đồ nếu còn có nhiệt-thành, còn biết tự-tín, thì sự-nghiệp còn lâu dài, và còn có ngày vẻ-vang rực-rỡ, chẳng kém gì xưa.

Thầy đồ không tất-nhiên là hủ là gàn. Gàn hay hủ là bởi cái tâm-lý hương-nguyện nó khiến nên như vậy. Nếu trừ được cái tâm-lý ấy đi, thì thầy đồ còn đương được cái chức-trách vừa làm giáo-sư, vừa làm linh-mục cho quốc-dân.

Vì dân ta không thể không có thầy đồ được. Cái giống thầy đồ còn cần phải di-truyền mãi. Nhưng có di-truyền, lại phải có tiến-hóa nữa mới được. Duy không nên sai cái thiên-chức của mình, là làm kẻ hướng-đạo cho quốc-dân, mà phụng-sự tuyên-truyền một cái đạo Nho rộng-rãi, hợp với cái tôn-chỉ thượng-thừa của Khổng Mạnh, và có thể coi là một nền quốc-giáo chân-chính của nước Nam vậy.

PHẠM QUỲNH

PHÁI CHỦ-TRƯƠNG

Tiếp với bài luận về « Nhà Nho » ở trên kia, sau đây dịch hai bài của bản chí chủ-bút viết bằng pháp-văn ở báo tây mấy tháng trước : một bài đề là « Phái chủ-trương » (L'Ecole dirigeante), một bài đề là «Chuyện tâm-tình » (Confidences), đều thuộc về cái vấn-đề thượng-lưu ở nước ta ngày nay (1). Nước ta cần phải có một hạng thượng-lưu tri-thức để cầm cân nẩy mực cho quốc-dân. Hạng thượng-lưu ấy là « phái chủ-trương trong nước », trước kia vẫn có, tức là nhà nho. Nhưng nhà nho bây giờ, vì nhiều duyên-cớ, trong bài xã-thuyết đã nói tường, đã suy-đồi đi nhiều lắm, nếu không mãnh-tiến lên mà tự chấn-chỉnh lại, thì sẽ không còn có ảnh-hưởng gì trong xã-hội nữa. Còn hạng tân-tiến thời hãy còn hỗn-độn phân-vân lắm, cứ xem như câu « chuyện tâm-tình » sau đây thì biết. Dẫu những người học đã thành-công, tâm cũng chưa yên, chí cũng chưa định, phẳng-phất mơ-màng, không biết tín-ngưỡng cái gì, chỉ biết khổ vì thân mình với hoàn-cảnh như trái ngược nhau, đợi cho hoàn-cảnh thích-hợp với thân mình thời biết đến bao giờ, đem thân mình thích-hợp với hoàn-cảnh thời tự-cao không chịu, diễn ra một cái bi-kịch trong tâm-não rất thảm-thương.

Phái cũ như vậy, phái mới như vậy, thành ra trong nước vẫn không có một hạng chủ trương hướng-đạo, gặp lúc quốc-gia hữu-sự, không biết ỷ-ỷ vào ai. Ngay thay !

. . .

Bá-tước DE FELS, chủ-nhiệm tạp-chí *Revue de Paris*, mới rồi có đăng trong báo ấy một bài đề là « Phái chủ-trương », nay tôi cũng mượn cái tên ấy mà đặt cho bài luận-thuyết này. Bá-tước đã bấy lâu nay đương cổ-động

(1) Xem Pháp-văn ở Phụ-trương dưới này.

trong tạp-chí để cải-cách về chính-trị xã-hội nước Pháp, trong bài mới đăng đó muốn giải-thích những cái đặc-tính của phái cầm quyền ở nước Pháp luôn không gián-đoạn tự hồi thành-lập "Đệ-tam Dân-quốc" đến giờ.

Phái đó tuy phần nhiều là tuyển-cử trong các « chức-nghiệp tự-do », song cũng không hẳn là một giai-cấp đặc-biệt. Duy có chỗ giống nhau, là có một cái chủ-nghĩa chung, gốc là tham-bác ở hai học-thuyết của ROUSSEAU và của KARL MARX, đối-nội là cái chủ-nghĩa «duy-quốc» (*étatisme*), đối-ngoại là cái chủ-nghĩa « quốc-tế », dù thời-thế thay đổi, cơ-hội khác nhau, thủy-chung vẫn trung-thành với chủ-nghĩa đó. Nhờ có chủ-nghĩa đó mà có cái tính-cách duy-nhất, có cái lực-lượng mạnh-mẽ. Những người xuất-thân khác nhau, chỉ có một cái chí-hướng chung là chiếm lấy quyền-vị để chủ-trương việc nước, nhờ có chủ-nghĩa đó mà nghiễm-nhiên thành tính-cách một phái chính-trị hay phái tôn-giáo, gồm cả cái hay cái dở một môn-phái. Mà thực những người đó là phái chủ-trương tuyệt-đối của nước Pháp ngày nay. Bá-tước DE FELS thời lấy cái thuyết bảo-tồn xã-hội, duy-trì trật tự mà phản-đối phái đó cùng cái chủ-nghĩa của phái đó phụng-sự.

Những sự cạnh-tranh về chính-trị của nước Pháp, chúng ta đây chẳng biết đâu mà can-thiệp vào. Chẳng qua chỉ là một cái bài giáo-khoa thực-sự cho ta, nhưng một bài giáo-khoa rất có hứng-vị.

Ta không can-thiệp vào mà bài học đó cũng có ích-lợi cho ta nhiều. Ta coi đó mà hồi-tưởng đến mình, suy nghĩ cũng được nhiều điều hay.

Nay nói riêng về cái đề-mục định bàn hôm nay, thời một nước vẫn cần phải có một hạng người chủ-trương, có đủ tư-cách thống-nhiếp được các sức mạnh trong nước để hiệp lại mà mưu thi-hành một cái lý-tưởng chung. Nước Nam lại cảng cần hơn các nước khác có một hạng người như vậy. Vì không có một hạng thượng-lưu để chủ-trương trong nước, cùng một chủ-nghĩa, cùng một tôn-chỉ chung, nên xứ này đã mất mực thăng-bằng và đương vào cái cảnh bềnh-bồng trôi-giạt vậy.

Tuy-nhiên, xưa kia có thế đâu. Hồi trước nước Nam cũng có một hạng thượng-lưu, một phái chủ-trương hẳn-hoi, là phái nhà nho, tuy một đôi khi cũng bị có kẻ nói xấu, nhưng thực là tiêu-biểu cho cái giường-mối chính-trị xã-hội của xứ này.

Phái đó thành-lập thế nào? Khi làm hướng-đạo cho quốc-dân, khi ra cầm quyền chính-trị — cầm quyền chính-trị không những là cái đặc-quyền, mà lại là cái nghĩa-vụ của phái đó nữa. — cách xử-sự thế nào?

Những người trong phái đó đều chịu cái giáo-hóa của một đạo thống-nhất, là đạo nho, có tính-cách thuần đạo đức và văn-học. Không phải là một giai-cấp bế-tắc, nhưng toàn là tuyển-trạch ở trong nhất-ban quốc-dân mà ra. Chỉ vì giáo-dục theo một đường cho nên có cái tính-cách thuần-nhất, có cái kỷ-luật tự-nhiên, có cái phép-tắc nghiêm-nhặt như trong một môn một phái vậy.

Vì nhà nho thật là hoàn-toàn một môn một phái. Những người trong môn đó, phái đó, về đời tư cũng như về đời công, đều phải cư-xử theo phép-tắc, nếu không thì ắt trụy-lạc mất danh-giá. Đối với những vấn-đề lớn thuộc về các cơ-hội trong đời người, tư-tưởng đều giống nhau, đối với người ta, đối với mọi việc, cách phản-động cùng cả tình-ý cũng như nhau. Cùng theo một lối giáo-dục, khác nào như cùng đúc trong một khuôn, cho nên có sức mạnh. Cứ như cách tuyển-trạch, cũng đã rõ là một hạng thượng-lưu rồi; lại có kỷ-luật nghiêm, nên tiện-thị là một hạng thượng-lưu

có tổ-chức, có ý-thức, vừa biết giá-trị của mình, vừa biết nghĩa-vụ cùng chức-trách của mình.

Cái phái chủ-trương là phái nhà Nho ở nước Nam xưa đó, thành-lập theo những nguyên-tắc gì?

Trên đã nói rằng cái đạo chung của phái đó là Khổng-giáo. Nay đặc-sắc của Khổng-giáo là tôn-trọng về luân-lý trong cách tu-dưỡng của cá-nhân cùng cách tổ-chức các sự giao-tế trong xã-hội, lại là cái quan-niệm về gia-đình, về xã-hội, về quốc-gia, theo như cái khuôn chế-độ gia-trưởng.

Cái thuyết căn-bản của phép giáo-dục cũ trong phái nhà nho, là cái thuyết « tu, tề, trị, bình », ở ngay đầu sách *Đại-học*.

Tu là tu-dưỡng về bản thân của cá-nhân, tập năm cái đức lớn, là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cho đạt tới cõi đạo-lý. Là theo đúng những phép-tắc thuộc về tam-cương, là ba cái giường mối lớn trong xã-hội : quân-thần, phụ-tử, phu-phụ. Phép tu-dưỡng đó vừa về lý-thuyết, vừa về thực-sự, phải là cái tự-kỷ công-phu của từng người. Người nào muốn hi-vọng vào bậc thượng-lưu chủ-trương trong nước, thời công tu-dưỡng ấy lại càng cần lắm nữa. Làm người thượng-lưu tất phải có hàm-dưỡng, nếu không thì dù thông-minh, bác-học, tài-năng đến thế nào mặc lòng, ở trong xã-hội này cũng là vô-dụng, vì xã hội này chỉ biết xét người theo cách cư xử cùng cái giá-trị về luân-lý mà thôi.

Người đã biết *tu-thân* thời bấy giờ có thể *tề-gia* được. Cá-nhân vẫn là trọng, nhưng một cá-nhân không đủ. Cái đời duy-kỷ, chỉ biết thỏa-thích lấy một thân mình thôi, thời người An-Nam theo cái luân-lý đạo Khổng không thể tưởng-tượng được. Phàm người xứng-đáng thời phải lập gia-thất, khác nào như gây ra một cái nước nhỏ mà mình đứng đầu vậy. Cái nước nhỏ đó phải biết cai-quản cho được hòa-bình vui-vẻ, cũng theo mấy cái nguyên-tắc về nhân, nghĩa, lễ, trí, như trong việc tu-thân vậy. Chính ở trong gia-đình là phải tập để ra giao-tiếp với xã-hội, ra đảm-đương việc chính-trị. Vì gia-đình chính là cái hình-ảnh thu nhỏ của xã-hội. Nếu trong nhà mà giữ được cho có trật-tự, cho được điều-hòa, thì tức là tập để sau này cai-quản được công-việc của xã-hội, của quốc-gia.

Đó là phận-sự của những người có tài có học, thi đỗ, tức là đủ tư-cách ra đương việc công. Có tài có học nghĩa là xứng-đáng hơn kẻ khác để đảm-đương chức-trách đó, nhưng cũng phải như mọi người khác đủ các đức-tính một người biết tu-thân, biết tề-gia mới được. Cách cư-xử riêng phải cho chính-trực, và phép trị nhà phải vừa có oai, vừa có đức.

Dẫu có những tài-năng lỗi-lạc, khả-dĩ kinh-luân tế-thế được, mà cách cư-xử riêng, cách cai-quản nhà không ra gì, thời cũng không có oai-quyền gì khiến cho quốc-dân phải tin phải phục được. Hoặc lấy quyền-mưu hay nhờ cơ-hội mà chiếm được quyền-vị, bắt quốc-dân nhất-thời phải khuất-phục cái quyền chuyên-chế của mình, thời cũng là không bền, sớm trưa sẽ bị dân-chúng bất-phục mà đổ mất. Vậy thời những người nào muốn cho xứng-đáng được vào phái chủ-trương, ra cầm quyền trị nước, trước phải kiêm được đủ hai điều trên đã, nghĩa là phải biết tu-thân cho nghiêm-chỉnh, tề-gia có trật-tự vậy.

Khi đã ra cầm quyền việc nước rồi, thời một là phải biết « trị-chúa », nghĩa là làm người giúp việc sáng-suốt của nhà vua, hai là phải biết « trạch dân » nghĩa là gia ân-trạch cho quốc-dân. Như vậy thời tự-khắc khiến cho thiên-hạ, nghĩa là cả dân cả nước, — theo

nghĩa hẹp của chữ thiên-hạ ngày xưa, — được thái-bình hòa-lạc. Thế là biết trị nước mà bình được thiên-hạ vậy.

Ấy là cái chủ-nghĩa mà ở nước Nam ngày xưa, phàm người nào có cái hi-vọng muốn vào phái thượng-lưu chủ-trương trong nước, từ thuở nhỏ đã phải học-tập vậy. Không phải là người nào theo cái chủ-nghĩa đó cũng được ra cầm quyền chủ-trương việc nước đâu. Nhưng dù người ẩn-dật, nâu mình không để thiên-hạ biết, cũng giúp gây nên một cái dư-luận để kiểm-sát những người kia, dư-luận ấy, những người kia phải châm-chước, không thể vượt được. Dư-luận ấy gọi là « thanh-nghị », nghĩa là lời nghị-luận công-bằng của kẻ thức-giả biết xét người xét việc theo nghĩa-lý đương-nhiên. Chính cái thanh-nghị của phái học-thức đó làm một cái sức hạn-chế rất mạnh cho kẻ cầm quyền không lạm quyền được; danh-giá thành hay bại cũng ở đó, và có thể nói là Chính-phủ đứng được hay bị đổ cũng vì đó.

Như vậy thời phái chủ-trương ở nước Nam ngày xưa là tiêm-nhiễm cái lý-tưởng thuần-túy của đạo Khổng, thực có hai hạng người, cùng đào-tạo theo một lối giáo-dục, cùng bó-buộc theo một cái kỷ-luật như nhau, duy có khác là một hạng thì công-nhiên ra cầm quyền, một hạng thì đứng ẩn ở bên trong (tức là một hạng *xuất*, một hạng *xử*). Mà hạng *xuất* vị-tất đã là hạng có quyền-thế hơn. Hạng này là hạng đương các chức-vụ công, tức là hạng nhà Nho đã thành-công, thi đỗ làm quan vậy. Hạng *xử* là phần đông hơn, chỉ là hạng «bố-ý chi sĩ», không có địa-vị gì mà thực là giám-đốc hạng trên. Không có lòng đố-kỵ chi những kẻ đã thành-công, — vì họ thành-công là đã có công thi-cử khó-khăn mới được, — cam-tâm giữ cái chức-vụ kiểm-sát và tự cho cái chức-vụ ấy là hệ-trọng. Nhờ có ảnh-hưởng của hạng này mà kẻ cầm quyền không dám lạm-dụng quyền-thế của mình. Cách kiểm-sát rất nghiêm, cách giám-đốc rất cần, khiến cho những kẻ lũng-đoạn quyền-hành cũng không dám làm quá, sợ bị tố-cáo ở trước tòa án thanh-nghị của kẻ thức-giả, tòa án này những phường tham-quan ô-lại rất lấy làm kinh-hãi vậy.

Nước Nam trong bao nhiêu thế-kỷ vẫn sinh-trưởng ở dưới chế-độ của phái chủ-trương đó, tự mình cầm quyền, lại tự mình kiểm mình, theo một cái đạo luân-lý phổ-thông, ai nấy đều công-nhận, vì không những truyền dạy cho một hạng thượng-lưu mà thôi, mà truyền dạy cho cả nhất-ban quốc-dân bằng một cách giáo-dục trong gia-đình và trong xã-hội rất nghiêm.

Tuy-nhiên gặp lúc biến-loạn, như khi đổi đời hay đổi triều, thời sự giáo-dục đó cũng có trễ-nải suy-vi. Những buổi đó thời cái trình-độ đạo-đức trong phái chủ-trương cũng như trong khắp dân-gian có sụt kém. Trong sử gọi là những lúc vận nước suy, thường là hồi cuối một đời vua hay đổi một triều-đại vậy.

Song đó là chuyện đời xưa đã qua rồi. Đó là thuộc về nước Nam cổ-thời, mà ta nay là ở nước Nam hiện-kim, cái luân-lý của đạo Khổng đã suy, cái chế-độ về gia-trưởng cũng yếu, không thể khôi-phục lại cái phái chủ-trương là phái nhà nho kia, cốt-cách mạnh-mẽ, ảnh-hưởng thâm-trầm như xưa được nữa.

Vậy mà như trên kia đã nói, ngày nay lại giữa là lúc rất cần phải có một phái thượng-lưu chủ-trương trong nước, cần hơn cả từ xưa đến giờ.

Lối học tây như bây giờ có thể tạo được cho ta một phái thượng-lưu đó không?

Phái thượng-lưu đó đào-tạo được rồi có thể trở nên được một phái chủ-trương thế chân cho phái nhà nho trong bao nhiêu thế-kỷ vẫn cầm cân nẩy mực cho quốc-dân hay không?

Những lý-tưởng cùng học-thuyết mới, vẫn có cái sức phá-hoại mạnh, có thể khiến cho các lớp tân-tiến sau này cũng có một đạo xử-thế, một mối tư-tưởng duy nhất như các bậc tiền-bối hay không?

Đó là những vấn-đề mà phàm kẻ hữu-tâm về tiền-đồ nước nhà thường phải nghĩ-ngợi đến. Về phần riêng chúng tôi, xin để tâm suy-nghĩ, cố tìm xem có cách giải-quyết được không.

PHẠM QUỲNH

CHUYỆN TÂM-TÌNH

Một hôm tôi có tiếp một người bạn thiếu-niên đến kể chuyện tâm-tình. Câu chuyện rất thảm-thương, bày ra một cái cảnh tâm-thần tán-loạn, không biết chuẩn-đích ở đâu, bơ-vơ như chiếc thuyền trôi-giạt. Câu chuyện đó tiêu-biểu cho cái tâm-lý khủng-hoảng vô-cùng của một phần đông trong phái thượng-lưu tri-thức ở xứ này.

Vì người bạn thiếu-niên của tôi quả là một người trong phái thượng-lưu. Đã từng du-học bên Pháp lâu năm, học đã thành-tài. Con nhà dòng-dõi, có gia-giáo tốt. Thật là không giống cái kiểu du-học-sinh quái-gở kia, ngao-du trong phố-phường thành *Paris* mấy năm, đã tưởng là hấp-thụ được cả cái văn-minh của Thái-tây, về nước rất mực khinh-bỉ kẻ đồng-bào, sẵn lòng nhạo-báng cái đạo-đức cổ của ông cha.

Bạn tôi thật trái lại thế: người tính ôn-hòa, biết suy-nghĩ, rất đứng-đắn, làm việc trong chức-nghiệp mình một cách rất chu-đáo. Cứ bề ngoài thì là một người về phái lạc-quan lắm. Vậy mà không có lạc-quan chi cả. Làm ra bộ mặt vui-vẻ, tỏ ra tính-cách hoài-nghi, nhưng thực thì có những nỗi đau-đớn âm-thầm. Bữa đó bày tỏ nỗi lòng cho tôi nghe, thổ-lộ những giọng rất thê-lương.

Nói rằng:

— Các ông là bậc đàn anh chúng tôi chừng mười-lăm hai-mươi năm, các ông vẫn từng phàn-nàn là một lớp người bị hi-sinh. Vậy thế chúng tôi thời sao? Dễ lớp chúng tôi về sau được biệt-đãi hơn các ông chăng, được sang hấp-thụ cái khoa-học của Thái-tây ở tận nơi nguồn gốc, có lẽ về nước tiện-thị làm tay chủ-động để cải-cách duy-tân cho nước nhà chăng?

Trước kia chúng tôi cũng tin-tưởng như vậy. Nhưng từng trải sự-thực mới thấy mình thất-vọng. Muốn hành-động ở trong một xã-hội đương biến-hóa, muốn tự mình giúp cho sự biến-hóa đó, thời mình đối với xã-hội ấy phải có cái giây liên-lạc về tâm-thần thiết-tha thâm-trầm như thế nào mới được. Nghĩa là muốn có ảnh-hưởng đến kẻ đồng-bào mình thời phải cùng kẻ đồng-bào ấy có một mối tư-tưởng, một mối sinh-hoạt chung, uyên-nguyên tự cái gốc thâm-trầm của quốc-gia của xã-hội vậy. Nay chúng tôi đã chịu một cái giáo-dục ở ngoài, thành ra xa-cách hẳn với xứ-sở, với giống-nòi mình.

Tôi xin thú thực, cũng lấy làm xấu-hổ: tôi đối với kẻ đồng-bào tôi bây giờ không thấy gì là cái cảm-tình tự-nhiên nó giàng-buộc với nhau những người

cùng nòi cùng giống. Tôi ở trong nước tôi mà hình như một người khách ngoại quốc, không có đồng-tình đồng-ý gì với phần nhiều kẻ đồng-bào cả.

Đối với ngay người nhà tôi, tôi cũng thấy xa cách, dù không xa-cách bằng tâm-tình, cũng xa-cách bằng thần-trí. Tôi không phải là người con bạc-bẽo bất-hiếu. Tôi vẫn thâm-cảm cái ơn của cha mẹ tôi đã phải hi-sinh biết bao nhiêu để cho tôi học được như bây giờ, cái học đó nó đem tôi đến nông-nỗi này, tôi thấy mà không lấy gì làm tự-cao nữa. Tôi vẫn yêu kính cha mẹ tôi, nhưng tôi đối với cha mẹ tôi, tư-tưởng cảm-tình không có gì là giống nữa ; tôi lý-luận, cảm-giác khác hẳn cha mẹ tôi ; máu là máu của cha mẹ mà tâm-tình thấy khác hẳn

Nói ra thật não lòng : có khi tôi tránh không muốn nói chuyện với cha tôi nữa, không dám nghị-luận về chuyện nọ chuyện kia, sợ ý-kiến trái ngược, làm cho cha tôi phật lòng.

Đối với ngay trong thân-thích, thần-trí đã cách biệt như vậy rồi, thời đối với nhất-ban kẻ đồng-bào, lại càng xa-cách biết bao nhiêu, dù kẻ đồng-hang đồng-học cũng vậy. Vì muốn cho cảm-thông với nhau, thời phải có một chủ-nghĩa, một lý-tưởng chung. Nay không có chủ-nghĩa, không có lý-tưởng gì cả. Có lẽ cùng nhau chỉ có một mối đau-đớn chung mà thôi. Nhưng cái mối đồng-cảm đó là cái mối tiêu-cực, chỉ làm cho tâm-hồn ủ-rũ, chứ không làm cho tâm-hồn mạnh-mẽ được.

Mới xét ra thì tưởng cứ xem cái gương của mấy bậc đàn anh trực-tiếp ngay, cũng có thể noi đó mà theo được. Nhưng tôi xin nói thực, ông đừng giận : cái lớp đàn anh ngay trước chúng tôi, tức là lớp các ông đó, đại khái cũng phất-phơ lơ-láo, và tôi dám nói là bất-tài bất-lực, hỗn-độn dở-dang cả.

Lời tôi nói hoặc có nghiêm-khắc, và có lẽ cũng không được công-bằng, nhưng tôi đã xin nói thực thì bụng chúng tôi nghĩ làm sao, tôi xin nói to như vậy.

Các ông là bậc đàn anh, vậy trong hai mươi năm nay các ông đã làm được những gì ? Đáng lẽ các ông phải làm kẻ đưa đường cho chúng tôi, nay chỉ thấy các ông biết lợi-dụng cho mình mà thôi. Các ông phò cho cái chế-độ hiện-thời, để lấy được vinh-thân phi-gia. Đến đâu cũng lên giọng hát cái bài hát cũ-rích, nào là hợp-tác, nào là dề-huề, mà có lẽ tự các ông cũng không tin rồi. Các ông không bao giờ dám nói rõ cho kẻ cầm quyền biết cái nỗi khổ-tâm của chúng tôi. Các ông không có can-đảm mà cũng không có thành-thực. Bởi thế nên chúng tôi không tin các ông. Lại ngay trong bọn các ông với nhau, cũng vì những chuyện cá-nhân, chuyện quyền-lợi mà chia cách nhau. Nào là ganh-ghen nhau, nào là tị-nạnh nhau, toàn là những chuyện nhỏ-mọn tây-riêng. Trong cuộc thảo-luận, dẫu có ý-kiến hay, nó cũng pha thêm cái vị tạp, làm cho mất hay đi.

Chúng tôi học ngoài, sở-đắc có một điều, là tập được cái trí phê-phán đối với các sự-vật ở quanh mình, nhất là đối với các bậc đàn anh không biết làm trọn nghĩa-vụ hướng-đạo cho đàn em.

Thành ra chúng tôi bơ-vơ một mình, cách-biệt hết-thảy, không thích-hợp với một cái xã-hội và một cái chế-độ nó đối với chúng tôi không có gì là tương-đồng tương-loại cả. Ở trong nước mình như người nước ngoài vậy, ăn sổi ở thì, không có gì là phấn-khởi, không có gì là cao-thượng cả, xấu-hổ với mình và bất-bình với hết thảy chung-quanh mình vậy.

Về phần riêng tôi, nếu tôi không còn cha mẹ già, thì tôi bỏ xứ này, tôi sang ở bên Pháp, bên Âu-châu kia, ở chỗ nào cho hẳn là một khách tha-phương ở nơi dị-vực. Tôi tưởng đi như thế còn hơn là ở đây. Tôi sẽ làm kẻ cầu may

đi lang thang trên mặt đất, như người không có quê-hương xứ-sở vậy. Tôi sẽ sống một cách mãnh-liệt, một cách nguy-hiểm, theo như lời khuyên của NIETZSCHE, để lấy cái hăng hái bề ngoài đó cho tự quên mình đi.

Dù thế nào nữa, hiện nay tôi không có vợ con, và tôi nguyện cứ ở vậy. Tôi không có cái can-đảm lập một gia-thất, vì chính tôi còn không biết cái đạo xử-thế cho tôi ra thế nào, thì tôi biết giáo-dục con tôi ra làm sao ? . . .

Tôi ngồi nghe câu chuyện não-nùng đó mà rầu lòng thay. Khi người bạn trẻ tôi làm ân bậc đàn anh, thời về phần tôi cũng cam-nhận những lời trách-móc đáng hay không đáng đó. Bạn tôi càng nói càng như nóng-nảy hăng-hái lên ; người xưa nay vẫn bình-tĩnh êm-ái, vậy mà lúc kể cái nỗi đau đớn của mình, thời tự-nhiên thành ra giọng kích-thích. Nghe nói mà hiểu rõ cái tình-cảnh của phái thanh-niên nhiệt-thành khí-khái kia, không thích-hợp với sự sinh-hoạt của xứ-sở cùng giống nòi mình nữa, thành ra bi-thảm biết đường nào !

Khi bạn tôi đã nguôi, nguôi tôi cố phân-giải như sau này :

— Nỗi đau-đớn của bạn, tôi hiểu lắm. Bệnh này là bệnh lãng-mạn đó. Nó là cái bệnh của thời-thế, là cái « thời-bệnh » đương bây giờ. Phái tri-thức ở nước Pháp đã từng biết cái bệnh ấy vào khoảng 1830 ; phái tri-thức nước Nam nay cũng được biết cái bệnh ấy vào khoảng 1930 này, có điều nặng hơn, là vì đào-tạo bằng cách giáo-dục của nước ngoài, nên không còn có liên-lạc gì thâm-trầm với hoàn-cảnh cùng chủng-tộc mình nữa, thành ra càng ngày càng như cái cây mất rễ, khó lòng mà cứu cho được. Vì các bạn, cũng như hết thảy chúng ta, là một giống cây mất rễ (*déracinés*) cả, theo như cái danh-từ mạnh-bạo của MAURICE BARRÈS vậy. Cái bệnh của chúng ta đây, nhà văn-hào nước Pháp đó đã từng biết, và đã tả-mạc nó ra rất kỹ-càng, vì bệnh này nó thường phát ra vào từng thời-kỳ một, thường thường là những thời-kỳ mà cái tinh-thần trong nước bị ủy mĩ (như ở nước Pháp là vào hồi sau trận 1870)

BARRÈS nói rằng : « Tôi buồn tênh chán ngắt, chẳng được việc gì, mà lấy thế làm tiêu-dao tự-thú. . . Cái gì cũng chán mà cái gì cũng ham. Ôi, chán ôi là chán, chán trọi chán trơn, chán khắp hết thảy. Hoạt-động mà làm gì, cũng là vô-bổ hết ! . . Tôi nhọc, ối chao ôi là nhọc, chưa làm gì mà đã nhọc. Ai làm thế nào cho tôi quả-quyết được việc gì bây giờ ! »

Lại nói : « Tôi thấy tôi vô-dụng, rời-rạc như cái máy không *lò-so*. Nghĩ đến sau này mà sợ ; biết rằng có đủ sức làm được gì chăng ? Khí-lực tôi tiêu-tán đi như ba giọt dầu *săng* trên bàn tay vậy. »

Như vậy thời cái bệnh tâm-thần, bệnh ý-chí đó, ở nước khác cũng có, chứ không phải riêng gì đây. Và ai ai cũng có một hồi phải qua cái bệnh đó. Duy ở đây có những tình-tiết riêng làm cho nó thêm nặng ra, nhất là vì cách giáo-dục có khuyết-điểm, không thích-hợp, nhưng cái bệnh-căn thời trong phái thanh-niên ta ngày nay cũng như trong phái thanh-niên nước Pháp sau năm 1870, và chính BARRÈS đã tả rõ ra đó.

Ông đã chỉ rõ cái bệnh-căn rồi, ông bèn bày phương thuốc chữa : bệnh là bệnh « vong-bản », thời nay phải « hồi-bản », như cái cây bật rễ, nay phải trồng nó lại, trồng nó vào trong đất nước của tổ-tiên, là nơi đã đề-tạo ra mình, đã như in dấu vết vào trong tâm-hồn mình vậy. Hãy nghe lời ông thầy thuốc

chữa hồn của Thái-tây đó, ông giáo-sư phân-chấn cho cái nghị-lực nước Pháp đó ; ông nói rằng :

—Người ta ví như cái cây, muốn mọc lên tươi-tốt, nảy-nở ra nhiều, phải giống nào sinh-trưởng theo cách-thức giống ấy, như bao nhiêu đời trước đã lưu truyền tới đời nay vậy.

— Nhất-cử nhất-động mà trái với tổ-tiên đất nước ta là làm cho ta tự dối ta, khiến cho tiêu mất cái nhuệ-khí của ta đi.

— Ta phải biết cam chịu thân-phận ta, đó là điều cốt-yếu. Đã được điều cốt-yếu đó rồi thì muốn tổ-chức cuộc đời ta thế nào cũng được . . . Ta sẽ như cái cây mọc ở đất nước nhà, không phải là giống không chẳng không rễ. Dù đi đâu, dù đặt mình vào những nơi rất nồng-nàn nào-nhiệt, cũng không sợ mất giống, ta vẫn là con cháu ông cha ta, ta vẫn được hưởng-thụ cái công học-tập mấy mươi đời, từ khi hãy còn chưa sinh-hạ ra đời, từ khi hãy còn nằm trong mạch máu tổ-tiên, mà tổ-tiên hãy còn mới quan-niệm đến ta mà thôi . . .

Phải cam nhận cái thân-phận mình (*accepter notre conditionnement*), đó là phương thuốc để trị cái bệnh của ta vậy. Phương thuốc ấy hiệu-nghiệm lắm, chúng tôi đã có mấy kẻ thử dùng, thấy nhờ đó mà được tâm-hồn bình-tĩnh, thần-trí điều-hòa.

Coi đó thời biết ở đời này cốt là phải quyết theo một bề nào. Nay ta thế nào, ta không thể làm khác đi được. Ta sinh-trưởng là người An-Nam, thời sống là người An-Nam, mà chết cũng vẫn là người An-Nam. Đừng có mơ-mộng thành ra người khác được ; đừng có kiếm cách tự mình không nhận mình được. Ta đã gây hình bằng cái đất phù-sa xứ Bắc-kỳ này, thời ta phải qui mến cái đất nó đã đào-tạo ra ta cùng tổ-tiên đã truyền-thụ cho ta có linh-hồn.

Vậy thời phải cam nhận cái thân-phận mình, theo như lời khuyên của Barrès ; có cách đó là hay hơn cả. Khi đã quyết theo về một bề đó rồi, thời bấy giờ có thể « tổ-chức cuộc đời mình », nghĩa là cải-cách duy tân cho nó thích-hợp với tình-trạng xã-hội đời nay, mà tất phải có thể thì mới cải-cách cho thích-hợp được.

Tuy-nhiên, muốn giữ lấy cốt-cách của mình, thì phải tự nhận-chân mình đã. Cách giáo dục như bây giờ có thể giúp cho ta tự nhận-chân được ta không, hay là chỉ khiến cho ta tự xa-cách với ta, xa-cách với nòi-giống xứ sở của ta ? Đó là vấn-đề nghiêm-trọng, kẻ cầm quyền phải giải-quyết. Từ trước đến giờ đã nhiều người tỏ ý-kiến về vấn-đề đó rồi. Câu chuyện tâm-tình cảm động của bạn bữa nay, lại thêm một chứng cớ mới nữa về cái tính-cách rất nghiêm-trọng cần-cấp của vấn-đề đó.

Còn như lời phán-đoán của bạn về lớp « dân anh » kia, thời có lẽ cũng hơi nghiêm-khắc quá. Nhưng tôi không muốn thảo-luận về câu chuyện đó. Tôi thiết-tưởng bọn chúng tôi cũng đã có gắng lắm. Nếu quả làm không nên, thời xin cũng khoan-dung cho, vì chính chúng tôi cũng đã từng có hồi khủng-hoảng như các bạn, và cũng mới qua khỏi được ít lâu nay mà thôi. Nên khoan-dung cho người trước, và nếu có tài-cán thời cố làm cho hay hơn lên. Nhưng phải nên nhớ rằng nhân làm gì mà trái với tổ-tiên đất-nước nhà, là chuyện hão-huyền vô-bổ cả, « chỉ khiến cho mình tự dối mình và làm tiêu mất cả cái nhuệ-khí đi vậy » . . .

Phạm Quỳnh

QUỐC-GIA

Nước là hay hay là dở?

Trông thấy trong thế-giới ngày nay, các nước chỉ những hầm-hè ngấm-ngầm lẫn nhau, rồi đến xung-đột chiến-tranh với nhau, kẻ nhân-nhân quân-tử hoặc khởi lên câu hỏi rằng: Nước là hay hay là dở? Nếu loài người không có cái chấn-vực nước nọ với nước kia, không có sự phân-biệt giống này với giống khác, nếu biết cùng nhau sinh-trưởng trong một cái thế-giới đại-đồng, lấy câu: 古今皆我友, 天地亦吾儕 (Người xưa người nay đều là bạn ta, trên trời dưới đất cũng là nhà ta), làm tôn-chỉ, thì chi đến nỗi xảy ra những cuộc tương-tàn tương-hại, máu chảy thành sông, thây chất thành đống như từ xưa đến giờ. Bởi thế nên có nhà triết-học xướng lên cái thuyết rằng: « Cái chí của người ta muốn lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự ác », nghĩa là nước chẳng qua là một cái ác-nghiệp của loài người, chứ chẳng hay-ho gì mà quí-hóa; kẻ học-giả cao thượng phải vượt qua cái giới-hạn quốc-gia mà làm người của nhân-loại.

Sau đây là bài của một văn-sĩ phản-đối cái thuyết ngụy-biện đó. Đại-khái nói rằng sự hợp-quần là một cái tính căn-bản của loài người, không hợp-quần thành nước thì hợp-quần thành đảng, thành phe, thành đoàn, thành cấp; có hợp quần tất có cạnh-tranh, không sao khỏi được. Xét cho kỹ trong các cách hợp-quần, cách hợp-quần thành nước còn là hay hơn cả. Vì quí nhất trong một nước là cái quốc-hồn, mà quốc-hồn là một mối thiêng-liêng, một cái của báu vô-ngần, người ta phải biết mà trân-trọng lấy.

* * *

La Nation

On ne peut s'empêcher d'être frappé, en lisant au début d'une intéressante étude que M. Julien Benda publie en ce moment dans la *Revue de Paris*, une phrase comme celle-ci: « Je persiste, du point de vue moral, à tenir la volonté des hommes de s'affirmer en nation comme une forme du mal. » Le groupement des hommes en nations est-il vraiment « une forme du mal »? On peut se le demander, quoique à poser seulement la question on risque l'accusation de nationalisme. Par le temps qui court, en effet, les patriotes sont des « nationalistes », comme les modérés sont des « fascistes », chacun sait cela.

Quốc-gia

Văn-sĩ Julien Benda hiện đương đăng trong tạp-chí *Revue de Paris* một bài nghiên-cứu hay, đầu bài có một câu như sau này, đọc đến không khỏi lấy làm lạ: « Về phương-diện đạo-đức, tôi vẫn cứ cho cái chí người ta muốn quyết lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự ác. » Người ta họp nhau thành nước có hẳn là « một cái trạng-thái của sự ác » không? Tuy khởi lên câu hỏi đó có cái nguy-hiểm bị tố-cáo là về « phái quốc-gia », nhưng cũng có thể tự hỏi như vậy được. Giữa thời buổi này, ai cũng biết rằng phàm người ái-quốc thì thiên-hạ mục là « phái quốc-gia », kẻ ôn-hòa thì thiên-hạ cho là « đảng pha-xi ».

Qu'est-ce qu'une nation ? Renan s'est efforcé de le dire dans une célèbre étude ; mais il a surtout expliqué ce que cela n'est pas. A vrai-dire, personne, ni avant lui ni après, n'est parvenu à donner de la nation une bonne définition. Mais beaucoup d'autres mots d'une grande importance sont pareillement indéfinissables. « Nous parlons facilement du *droit*, de la *race*, de la *propriété*, dit Paul Valéry. Mais qu'est-ce que le droit, la race, la propriété ? » On serait bien embarrassé de l'exprimer rationnellement ; mais au fond tout le monde le sait, et il en va de même de la nation. D'ailleurs, il serait très intéressant de passer en revue les définitions qu'on en a données. Ce sera peut-être pour une autre fois. Aujourd'hui, nous voudrions aborder la question par un autre bout.

* *

Même dans les sciences d'observation, on est encore fort loin de pouvoir se passer de notions métaphysiques, et M. Julien Benda remarque fort justement que, pour expliquer certains phénomènes collectifs comme la migration des oiseaux ou le travail des fourmis, les naturalistes allèguent couramment le « génie de l'espèce ». A la vérité, mieux vaut ne recourir à cette explication qu'à la dernière extrémité, et pour cette raison péremptoire que ce n'en est pas une. C'est ce que ne fait pas le docteur Allendy, par exemple, lorsqu'il introduit en psychanalyse la notion de l'instinct social pour expliquer la formation du « surmoi ». Toutefois, il faut bien reconnaître que l'inconscient possède des éléments qui sont identiques chez tous les individus et il est commode (bien que ces termes soient assez impropres) d'appeler cela « l'âme collective » et de l'opposer à l'âme individuelle. Nous dirons qu'une fourmi qui est admirablement douée pour tout ce qui se rapporte à la fourmilière, mais qui est presque stupide pour le reste, a une âme collective très forte et une individualité psychologique presque nulle.

Thế nào là một quốc-gia ? Renan đã thử giải nghĩa trong một bài luận trứ-danh (1) ; nhưng ông chỉ cốt cắt nghĩa thế nào là không phải quốc-gia mà thôi. Thực ra thì trước ông cũng như sau ông, không ai là định nghĩa được chữ quốc-gia cho đích-đáng. Tức như Paul Valéry nói rằng : « Nói những *công-lý, chủng-tộc, sở-hữu* thì dễ lắm. Nhưng công-lý là gì, chủng-tộc là gì, sở-hữu là gì ? » Diễn-giải cho hợp-lý, thì cũng khó thật ; nhưng rút lại nói đến ai cũng hiểu. Nay nói về quốc-gia cũng vậy. Vả lại giá lược-thuật được cả những câu giải thích về quốc-gia từ trước đến giờ thì cũng hay lắm. Có lẽ sau này sẽ có dịp làm. Hiện nay hãng xin bàn qua về vấn-đề này ra một phương-diện khác.

* *

Ngay trong các khoa-học thực-nghiệm, cũng còn lâu nữa chửa bỏ được những cái quan-niệm siêu-hình, và ông Julien Benda nghiệm rất đúng rằng muốn cắt nghĩa những hiện-tượng công-cộng như giống chim đổi chỗ, giống kiến làm việc, các nhà bác-vật vẫn thường viện cái câu là « tinh-thần của chủng-loại ». Thực ra thì cùng lắm hãng nên cắt nghĩa như vậy, vì lẽ hiển-nhiên rằng cắt nghĩa thế không phải là cắt nghĩa vậy. Tỉ như bác-sĩ Allendy kia lại không thế, về khoa phân-tích tâm-lý, muốn giải nghĩa cái « siêu-ngã » thành-lập thế nào, ông phải mượn đến cái thuyết về bản-năng xã-hội. Tuy-nhiên cũng phải nhận biết rằng cái vô-ý-thức ở hết thảy người ta đều có những phần-tử giống nhau, và tuy danh-từ không được đúng cho lắm, song gọi nó là cái « hồn công-cộng » để đối với cái hồn cá-nhân cũng là tiện vậy. Như ta nói rằng con kiến, phàm cái gì thuộc về tổ kiến thì nó khôn-ngoan lắm, nhưng về cái khác thì hầu như ngu-xuẩn, thế là nó có

(1) Bài luận này đề là : *Qu'est-ce qu'une nation ?* Đã dịch cả toàn-văn trong N.-P. số 74 (Août 1923).

A mesure que notre pensée est plus puissante, que nous réfléchissons mieux notre moi, que nous devenons plus conscients, nous développons notre âme individuelle. Mais ces éléments de l'inconscient qui sont les mêmes chez tous les hommes, et que nous appelons leur esprit collectif, ne disparaissent pas pour autant. On les a étudiés dans leur action et c'est la « psychologie des foules » sur laquelle le docteur Gustave Le Bon, qui vient de mourir chargé d'ans, a écrit des livres très connus du public, mais moins goûtés des savants.

Ces livres sont en effet imprudents. Le Bon use de cette expression d'âme collective, ou d'« âme des foules », comme il dit, avec si peu de précautions qu'on pourrait presque penser qu'il attribue à cette notion une valeur absolue. Gabriel de Tarde, pourtant s'en méfiait beaucoup. On peut bien considérer toute collectivité, une classe sociale, une nation, un club même, que sais-je ? comme un être animé par un certain esprit qui lui est propre ; mais il ne faut pas oublier que ce n'est là qu'une métaphore commode, une allégorie, quelque chose comme le « génie de l'espèce », et le docteur Le Bon l'oubliait presque tout à fait.

Quoi qu'il en soit, lorsque des gens sont assemblés en nombre suffisant, lorsqu'ils forment une foule, à la première excitation leurs sentiments communs apparaissent et souvent les dominent : l'âme collective prend en eux le dessus sur l'âme individuelle. Je dis des *sentiments*, et violents, des passions ; je ne dis pas des *idées* : l'âme collective est irrationnelle, elle ne comprend nulle raison : et comment en serait-il autrement, puisque tous ses éléments appartiennent à l'inconscient ?

một cái hồn công-cộng rất mạnh mà tâm-lý riêng thì dường như không có vậy. Tư-tưởng ta càng mạnh lên, ta càng suy-nghĩ về cái bản-ngã của ta, ta càng thêm có ý-thức lên, thì lại càng phát-siển được cái tâm-lý riêng của ta. Nhưng những cái phần-tử vô-ý-thức ở người nào cũng vậy, gọi là cái tâm-lý chung của người ta đó, không phải vì đó mà mất đi đâu. Người ta đã nghiên-cứu trong khi nó tác-dụng ra, và chính đó là cái « tâm-lý của quần-chúng», mà bác-sĩ Gustave Le Bon tuổi đã cao mới tạ-thế có làm mấy quyển sách về đó, thiên-hạ đã biết lắm, nhưng các nhà bác-học thì xem ra lại không ưa mấy.

Vì mấy quyển sách đó dùng chữ không cẩn-thận. Bác-sĩ Le Bon nói về hồn chung, hay là « hồn quần-chúng » một cách khiến cho người ta tưởng rằng ông cho cái quan-niệm đó một cái giá-trị tuyệt-đối. Tuy-nhiên, Gabriel de Tarde vẫn đã không tin cái đó lắm rồi. Phàm một đoàn-thể, một giai-cấp trong xã-hội, một quốc-gia, cho đến một câu-lạc-bộ nữa chẳng hạn, cũng vẫn có thể coi như một thực-thể, có một cái tinh-thần đặc-biệt; nhưng không nên quên rằng đó chẳng qua là một cách tỉ-dụ cho tiện, một cách nói vì, tức cũng như chữ «tinh-thần của chủng-loại » nói trên kia, và cái đó thì bác-sĩ Le Bon hầu như quên hẳn vậy.

Dù thế nào mặc lòng, khi người ta họp nhau lại đông, thành một đám quần-chúng, thời hễ có kích thích, những cái tình-cảm chung nó lộ ra ngay, mà thường-thường thắng-đoạt cả : cái hồn chung át hẳn cái hồn riêng vậy. Tôi nói là *tình-cảm*, mà kịch-liệt, tức là những tình-dục ; chứ tôi không nói đến *ý-tưởng* : cái hồn chung nó không theo về lý-trí, nó không hiểu lý-trí là gì cả ; mà đó là sự cố-nhiên, vì cả các phần-tử của nó là thuộc về vô-ý-thức vậy.

Sous son empire, des gens qui individuellement sont les plus braves gens du monde pourront se conduire comme des sauvages. Lorsque leur âme collective est émue, lorsqu'elle les mène, ils pourront se laisser emporter à des brutalités affreuses, à des lynchages, des incendies, mille lâches horreurs, dont le souvenir les fera rougir lorsqu'ils auront, comme on dit, «repris possession d'eux-mêmes», c'est-à-dire de leur individualité, de leur personnalité; d'ailleurs et tout au contraire, ils pourront également se comporter en héros: à la guerre, les cas d'héroïsme collectif ne sont pas rares. Réunissez dans une salle quinze cents personnes très intelligentes, vous en faites une foule, un public, qui, lorqu'il est excité, se montre presque aussi dépourvu de sang-froid et de réflexion que s'il était formé d'individus très médiocres; on le voit sujet à des enthousiasmes absurdes, à des paniques, capable de s'enthousiasmer pour des lieux communs vides de sens, de pleurer ou de rire pour des niaiseries qui feraient honte à chacun de ceux qui le composent, s'il était isolé, c'est-à-dire s'il était lui-même. Et c'est là ce qui me faisait jadis placer le théâtre au plus bas de la «hiérarchie des arts», à peine un peu au-dessus de l'éloquence. Quelle différence entre la pièce qui s'adresse à nous au moment où nous sommes le plus « collectifs », pour ainsi dire, et le livre qui nous trouve à l'instant justement où nous sommes le plus critiques, le plus « individuels »! Mais il n'y a pas de hiérarchie des arts, et les classer d'après leur degré d'intellectualité, c'est bien arbitraire, puisqu'ils ne s'adressent pas seulement à l'intelligence. D'ailleurs il n'y a jamais eu de belle pièce, non plus que de beau discours, qui ne résiste à la lecture : ne confondons pas une œuvre d'art avec « le mélodrame où Margot a pleuré», ni avec un discours parlementaire.

Bị cái hồn chung đó nó chi-phối, thì những người cứ đơn-độc một mình là người rất thuần-hậu, có thể cư-xử như kẻ dã-man được. Khi nào cái hồn chung của họ bị cảm-kích, khi nào bị nó sai khiến, thời có thể xui nên những sự tàn-bạo ghê-gớm, những cách tư-hình độc-ác, những tội đốt cửa đốt nhà, cùng trăm nghìn cách tàn-nhẫn hèn-mạt, đến lúc tỉnh rồi, nghĩa là phục-hồi được cái bản-ngã của mình rồi, thời nghĩ lại mà lấy làm hối; vả cũng có khi trái hẳn lại, có thể hành-động ra cách anh-hùng được : như khi chiến-tranh, những cái thủ-đoạn công-cộng anh-hùng không phải là hiếm. Nay họp vào trong một gian nhà rộng một nghìn rưởi con người rất thông-minh, thế là thành một bọn quần chúng, một đám công-chúng, hễ bị kích-thích, thời cũng tỏ ra không biết kiên-gan, không biết suy-nghĩ như là một mớ người rất tầm-thường vậy; thấy cổ-võ những sự vô-lý, thấy sợ hãi những cái không đâu, nức-nỏm khen những câu chuyện vô-nghĩa, khóc hay cười những cái dở hơi, giả ngồi một mình, nghĩa là lúc mình tự-chủ mình thì nghĩ lại cũng phải lấy làm xấu-hổ. Bởi thế nên trước kia tôi đã cho nghề diễn-kịch là đứng vào dưới cái biểu trật-tự các mĩ-thuật, chỉ hơn nghề diễn-thuyết một chút vậy. Một bài kịch mình coi giữa lúc thuộc về cái hồn công-cộng, với quyển sách mình đọc giữa lúc thuộc về cái hồn cá-nhân, là lúc biết phê-phán hơn cả, hai đàng khác nhau biết dường nào! Nhưng mĩ-thuật vốn không có trật-tự, nếu lấy cái trình-độ duy-trí mà phân trên dưới thì vô-bằng lắm, vì nó không phải chỉ quan-hệ đến trí-tuệ mà thôi. Vả lại không có bài kịch nào thật hay, bài diễn-thuyết nào thật tài, mà đến khi đem đọc lại không còn thấy hay thấy tài nữa : không nên lẫn một mĩ-thuật-phẩm với một bản bi-hí-kịch như « chuyện mụ Margot khóc », hay bài diễn-thuyết của ông nghị-viên nọ.

Cependant les collectivités, les foules ne sont pas toujours momentanées, occasionnelles; elles sont plus ou moins stables. Il y a celle qui se crée pour une brève émeute; il y a celle plus durable, qui forme le public d'un orateur ou d'une pièce de théâtre, le Parlement, etc. Mais le plus curieux est qu'il existe aussi des collectivités dont les liens invisibles s'étendent à travers l'espace et à travers le temps. Celles-là sont les plus fixées: ainsi un « corps », une classe, une association, les médecins, les magistrats, les anciens élèves d'une grande école, les membres d'un club, les ouvriers d'une petite fabrique, que sais-je? Et certes, toutes ces collectivités ont leur « âme »: il suffit pour s'en rendre compte d'avoir éprouvé dans sa vie les effets de l'« esprit de corps » qui anime, par exemple, les normaliens ou les polytechniciens, ou bien d'avoir assisté à un match de football entre deux clubs sportifs et rivaux, ou encore d'avoir vu combattre certains corps militaires, comme la coloniale, les zouaves ou les chasseurs, composés pourtant des mêmes éléments que les autres. Mais le mieux fixé, le plus stable des êtres collectifs, celui dont l'esprit ou l'âme se manifeste avec le plus de constance et de force, c'est la nation, — du moins jusqu'à présent.

. .

Or, tout être collectif (pour continuer à parler par métaphore) éprouve, comme tout être vivant, un vif sentiment d'amour pour soi-même, joint à une volonté de puissance que nous nommerons impérialisme pour faire plaisir à M. Ernest Seillière. Lorsque cet être collectif est une nation, on appelle cet amour de soi-même, avec l'impérialisme qu'il entraîne: patriotisme. Lorsqu'il ne s'agit pas d'une nation, il n'y a pas de nom

Tuy-nhiên, đoàn-thể, quần-chúng, không phải là bao giờ cũng ô hợp nhất-thời mà thôi; cũng có khi lâu bền nữa. Có cái quần-chúng họp lại để phiến-loạn trong một lúc; có cái quần-chúng lâu bền hơn, như thính-giả của một nhà diễu-thuyết, khán-giả của một bài diễn-kịch, như nơi nghị-trường, nghị-hội, v. v.. Nhưng lạ hơn, là cũng có những quần-chúng mà cái giây liên-lạc vô-hình của nó giàng-buộc cả không-gian cùng thời-gian vậy. Quần-chúng ấy thời có định-tính hơn cả: như một đoàn-thể, một giai-cấp, một hội-đảng (thí-dụ thầy thuốc, quan tòa, cựu-học-sinh một trường lớn, hội-viên một câu-lạc-bộ, thợ trong một cái xưởng nhỏ, v. v.). Mà các quần-chúng đó đều có cái «hồn» riêng cả: người nào đã từng nghiệm thấy cái «đoàn-thể tinh-thần» của học-trò trường *Normale* hay trường *Polytechnique*, thì đủ biết, hay đã từng xem một cuộc đá « ban » thi của hai hội thể-thao tranh-cạnh nhau, hay trông thấy quân-lính của các cơ ra trận, như cơ thuộc-địa, cơ *zouaves*, hay cơ *chasseurs*, tuy quân tướng cũng vậy mà thể-cách khác nhau vậy. Nhưng trong các cái thực-thể công-cộng, cái mà bình-định vững-vàng hơn cả, cái mà tinh thần hay hồn-tính nó xuất-hiện ra đều-đặn và mạnh-mẽ hơn cả, chính là quốc-gia,—chẳng biết sau này thế nào, nhưng ít ra đến nay vẫn như vậy.

. .

Nay phàm giống công-cộng (xin cứ dùng cách nói tỉ-dụ như vậy), cũng như giống sinh-vật khác, vẫn có cái lòng ái-kỷ, lại có cái chí cương-cường, tức như nhà triết-học Ernest Seilliere gọi là cái chí « đế-quốc » vậy. Khi giống công-cộng ấy là một quốc-gia, thời cái lòng ái-kỷ, cái chí cương-cường đó, gọi là lòng ái-quốc, khi không phải là một quốc-gia, thời không có tên để mà gọi, nhưng không nên

pour le désigner ; mais il ne faudrait pas conclure de là qu'il n'existe point, bien loin de là, car on voit couramment l'esprit de corps susciter les mêmes sacrifices et les mêmes conflits que le patriotisme proprement dit. Entre les individus aussi, il y a des conflits et pour les mêmes raisons d'égoïsme et d'ambition. Seulement, lorsque deux individus entrent en lutte, ils s'abstiennent le plus souvent de s'entre-tuer, car la morale et la société le leur défendent avec efficacité. Celles-ci ont encore quelque action lorsque les êtres collectifs ne sont pas trop puissants, mais elles en ont de moins en moins à mesure qu'ils deviennent plus forts. Nous assistons de nos jours à un effort (plein d'incertitude, de mauvaise foi sans doute, mais effort néanmoins) pour créer une société, c'est-à-dire une morale des nations. C'est là une des raisons pour lesquelles je ne partage pas l'opinion de M. Julien Benda quand il tient « la volonté des hommes de s'affirmer en nations comme une forme du mal ».

Puisque l'esprit de corps, de club ou, pour prendre la langage de M. Benda, la volonté des hommes de s'affirmer en groupes divers correspondent à une tendance de l'inconscient, il ne paraît pas probable qu'on arrive à les faire disparaître. Supposons (puisque nous sommes en train de rêver) qu'on supprime le cadre de la nation, les hommes continueront à vouloir se former en groupes: alors par quoi sera-t-il remplacé ? Par l'humanité ? Il est vrai que l'humanité montre tous les jours, par rapport aux animaux, qu'elle est un groupe et qu'elle a un esprit de corps et de solidarité impitoyable. N'est-il pas universellement admis que la vie d'un animal, que dis-je ? d'une masse d'animaux ne saurait être mise en balance un seul instant avec celle d'« un de nos semblables », fût-ce le plus indigne, le plus répugnant d'entre eux ? Tel est le nhân đó mà nói rằng cái lòng tự-ái đó không có đâu, vì thường thấy cái tinh-thần đoàn-thể nó cũng gây nên những thủ-đoạn hi-sinh cùng những duyên-cớ cạnh-tranh, như lòng ái-quốc đích-thực vậy. Cá-nhân đối với cá-nhân cũng có xung-đột, và cũng vì những cớ tham-vọng tự-kỷ như vậy. Duy khi hai người xung-đột với nhau, thường thường không đến nỗi giết lẫn nhau, vì pháp-luật và xã-hội ngăn-cấm không dám thế. Khi đoàn-thể công-cộng không mạnh lắm, thì pháp-luật cùng xã-hội cũng còn có ảnh-hưởng, nhưng càng mạnh thì ảnh-hưởng ấy càng ít đi. Hiện nay đương thấy thiên-hạ gắng-gỏi (tuy cũng còn do-dự, cũng chưa nhiệt-thành, nhưng thực có gắng gỏi), để gây lấy một cái xã-hội, tức là một cái luân-lý cho các quốc-gia. Đó chính là một lẽ khiến cho tôi không đồng-ý với ông JULIEN BENDA khi ông nói rằng « cái chí-nguyện của người ta muốn quyết-lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự ác ».

Nay cái tinh-thần đoàn-thể, cái tinh-thần câu-lạc-bộ, hay muốn nói theo danh-từ của ông BENDA thì gọi nó là cái chí của người ta muốn quyết-lập thành đoàn-thể khác nhau, đã là thuộc về cái khuynh-hướng tự-nhiên của vô-ý-thức, thì xem ra cũng khó lòng mà làm cho nó tiệt đi được. Thử thí dụ (vì chúng ta đương mộng-tưởng), thử thí-dụ đem bỏ cái vòng khuôn quốc-gia đi, người ta cũng vẫn có cái chí lập-thành đoàn-thể, vậy thì lấy gì mà thế cho quốc-gia ? Lấy nhân-loại chăng ? Vẫn biết rằng đối với loài vật thì loài người hằng ngày tỏ ra là một đoàn-thể, có tinh-thần đoàn-thể và có cái giây liên-lạc khốc-liệt. Khắp trong thiên-hạ, ai là người chẳng cho cái đời một con vật, cho đến cái đời một đàn vật nữa, không có một giây phút nào là có thể sánh cùng với cái đời một kẻ đồng-loại của ta, dù là kẻ hèn-hạ

« patriotisme humain », si l'on peut dire. Mais c'est le seul cas où il ait l'occasion de se manifester ; c'est peu. Pour qu'il s'en présente d'autres, il faudra attendre le moment où nous entrerons en relations avec les habitants d'une autre planète. Cela paraît d'ailleurs bien souhaitable pour nous désennuyer, quand Paul Morand s'écrie déjà avec lassitude : « Rien que la terre!...»

Jusque-là, malheureusement, l'humanité sera un cadre trop large pour que le besoin humain de se former en groupes trouve à s'y satisfaire. Se grouper, c'est se différencier : qu'est-ce qu'un groupe qui comprend tout le monde ? Si l'on supprime les nations, il faudra donc trouver autre chose. Les classes sociales, peut-être, ou les corporations ? Alors il y aura la patrie ouvrière ou la patrie métallurgique, la patrie du pétrole, que sais-je ? On ne voit pas très bien ce que le monde y gagnera.

Car, hâtons-nous de le dire, c'est une grosse erreur que de croire qu'en supprimant les nations on supprimerait les guerres. La guerre est un crime des foules, comme l'assassinat est un crime de l'individu, ou plutôt elle est le combat de deux êtres collectifs comme le duel est celui de deux personnes : tant qu'il y aura des groupes, quels qu'ils soient, il y aura des guerres. Et si l'on songe à l'avenir de feu, de sang, de famine que nous promettent les conflits de classes sociales ou de corporations, on ne se sent pas porté à souhaiter leur renforcement.

Les nations se sont policées et organisées intérieurement au prix d'un effort séculaire, et c'est parce qu'elles le sont qu'elles arriveront peut-être à créer une morale internationale : pas d'entente possible entre deux

đê-tiện rất mực nữa mặc lòng. Đó tức là cái lòng ái-nhân-loại vậy. Nhưng duy có trường-hợp đó là nó mới có dịp phát-hiện ra mà thôi ; thế thì ít lắm. Muốn cho có dịp khác nữa thì phải đợi đến lúc chúng ta giao-tiếp được với người ở một hành-tinh khác vậy. Vả cũng nên ước mong như vậy, để cho đỡ buồn, vì Paul Morand đã than một cách chán-nản rằng : « Đâu đâu cũng chỉ là trái đất cả... »

Từ nay cho đến bấy giờ, thời nhân-loại còn là cái vòng-khuôn rộng quá, không thể làm cho thỏa được sự cần của người ta phải họp thành đoàn. Hợp-quần tức là đặc-biệt khác người : một cái đoàn-thể mà gồm tất cả mọi người thì còn là gì nữa ? Muốn bỏ các quốc-gia đi thì phải tìm cái gì khác thế vào. Hay là các giai-cấp về xã-hội, hay là các nghiệp-đoàn về các nghề ? Bấy giờ thời sẽ có cái tổ-quốc thợ, cái tổ-quốc nghề sắt, cái tổ-quốc dầu-hỏa, hay tổ-quốc chi chi nữa đó ? Như vậy thời không biết thế-giới phỏng có lợi gì không ?

Vì có một điều nên nói ngay cho rõ : tưởng rằng bỏ quốc-gia đi, tiện-thị bãi được sự chiến-tranh, là lầm to. Chiến-tranh là tội ác của quần-chúng, cũng như giết người là tội ác của cá-nhân, hay là chiến-tranh là sự quyết-đấu của hai đoàn-thể cũng như quyết-đấu là sự chiến-tranh của hai người vậy ; hễ còn có đoàn-thể, bất-cứ là đoàn-thể gì, thời còn có chiến-tranh. Nay thử nghĩ đến các giai-cấp, các nghiệp-đoàn cạnh-tranh với nhau, tương-lai này sẽ gây ra cái tình-trạng máu lửa đói khát thế nào, thời ắt không có hứng mà mong-mỏi cho những đoàn-thể ấy mạnh thêm lên nữa.

Các quốc-gia phải công-phu mấy mươi đời mới chỉnh-đốn cho trong mỗi nước có kỷ-luật, và vì có kỷ-luật trong nước rồi sau có lẽ mới có ngày có một cái đạo-đức quốc-tế được : hai nước

anarchies ; et combien de temps faudrait-il aux collectivités qui les remplaceraient pour s'organiser aussi bien qu'elles ? Joignez que les nations comprennent des personnes très diverses : les autres groupements seraient infiniment plus homogènes, à quoi l'esprit ne gagnerait rien. D'ailleurs, si l'on y songe, quelle précieuse acquisition, quel utile principe spirituel qu'une conscience nationale, née si lentement, si laborieusement (car l'« âme » d'une nation est faite de passé autant que de présent), non seulement du désir de vivre ensemble, du sentiment des affinités intellectuelles et morales, des intérêts moraux et matériels qu'on a en commun, mais enfin, comme dit Renan, de « la volonté de continuer à faire valoir l'héritage qu'on a reçu indivis ! » Comment ne pas sentir ce que le monde perdrait à la disparition des divers esprits nationaux ? Pour ma part, je ne puis oublier que l'esprit français est le fruit de la nation française ; et, dussé-je me faire honnir par tous les « clercs » du monde pour mêler ici tant de basse sentimentalité, j'avouerai que cela contribue à me faire tenir la volonté des hommes de s'affirmer en nations comme une forme du bien.

Jacques BOULENGER.

loạn không bao giờ hòa-hiệp với nhau được ; nay dem đoàn-thể khác thay vào quốc-gia, phải bao nhiêu lâu nữa mới chỉnh-đốn được như quốc-gia ? Vả lại trong quốc-gia gồm nhiều hạng người ; chứ các đoàn-thể khác sẽ thuần-nhất quá, như vậy thời không có lợi chi cho tinh-thần. Lại thử nghĩ xem một cái quốc-hồn phải lâu đời, phải khó-nhọc mới gây nên được (vì hồn một nước là vừa gồm cả quá-khứ cả hiện-tại), không những là ở cái chí muốn ăn ở cùng nhau, lại ở cái thanh-khí chung về trí-tuệ, về đạo-đức nữa, ở cái lợi-quyền chung về vật-chất, về tinh thần nữa, hay theo như lời RENAN nói là « ở cái chí muốn cứ được thừa-hưởng mãi cái gia-tài chung của tổ-tiên để lại » ; một cái quốc-gia như vậy, há chẳng phải là một cái của-báu dư, há chẳng phải là một cái nguyên-tắc về tinh-thần có ích-lợi dư ? Nếu các quốc-hồn mà biến mất đi, thời thế-giới chẳng là thiệt-thòi lắm dư ? Về phần tôi thời tôi không thể quên được rằng cái tinh-thần Pháp là kết-quả của quốc-gia Pháp ; và dù tất cả các « học-giả » trong thế-giới như ông JULIEN BENDA bỉ tôi cho tôi là kẻ quá thiên về cái tinh-cảm thấp hẹp, tôi cũng vẫn thú nhận rằng vì đó mà tôi cho cái chí người ta muốn quyết lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự *thiện* vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

KHẢO VỀ CÁCH-THỨC LÀM BÁO (1)

I

1° Chức-vụ cốt-tử của tờ báo. — Tờ báo hoặc gọi là tân-văn 新聞, nghĩa là tin mới; chữ Pháp là *journal*, chữ Anh là *newspaper*, thông-thường người ta vẫn gọi là tờ báo hoặc gọi là «báo-chương» hay là «báo». Nội-dung một tờ báo phải cho đủ thứ, ngoài các tin mới ra, lại còn có bài xã-thuyết, các bài văn-nghệ, bức tranh ảnh, tờ quảng-cáo, vân-vân, tài-liệu phải cho thừa đủ mà môn-loại rất nhiều. Cốt làm sao cho thỏa được các hạng người, không kỳ là già, trẻ, trai, gái, sĩ, nông, công, thương, ai cũng được cái tài-liệu tốt của tự-ý mình muốn xem muốn đọc. Song cái chức-vụ của tờ báo cốt là cung-cấp được nhiều tin tân-văn, có tin tân-văn mà không có những điều-kiện khác, thì cũng không hại gì là tờ báo. Nếu chỉ có những điều-kiện khác mà không có tin tân văn, thì không ai gọi là tờ báo nữa. Nay chuyên nghiên-cứu về cách làm báo, vậy trước nhất thuật về cái định-nghĩa, và tinh-thái, giá-trị của tờ báo, cách phân-loại, cách lược-thuật và lai-nguyên của tờ báo, rồi thứ đến cách cóp-nhặt, biên-tập, tạo đề, và phương-pháp thông-tin, cuối cùng mới nói đến cách tổ-chức ra tờ tân-văn và xã thông-tin. Còn nghiên-cứu về xã-thuyết và lối quảng-cáo thì ở dưới cũng nói qua.

2° Định nghĩa của tờ báo. — Tờ báo thì số phần nhiều người xem chỉ chú-ý về những tin mới phát-sinh ra; trong cái định-nghĩa ấy phải nên chú-ý có hai điều.

1) *Tờ tân-văn cốt là báo các tin mới phát-sinh ra.* — Đời nay giao thông tiện-lợi, tin-tức linh-thông, phàm những việc quá-khứ đã hơi lâu lâu, thì những người chưa xem báo họ đã nghe biết cả rồi, không cần phải đăng lên báo-chương nữa; vậy tờ báo chỉ cốt là cung-cấp cho người xem lấy những việc hiện-thời, và những việc thế-giới mới phát-sinh ra trong và ngày. Nếu những việc từ tháng trước, hay là từ chủ-nhật trước, đều là cũ cả rồi, không phải là mới nữa. Trong tờ báo cũng có khi đăng lại những việc từ trước, nhưng phải nói rằng việc này tuy là hoa dã quá mùa, những nó là việc trọng-yếu phải nên bổ đăng cho đủ, để cung các nhà duyệt-giả khảo chứng tân-văn, nói thế cũng là để tự-giải vậy.

2) *Tờ báo là cốt đăng những việc mà phần nhiều người chú-ý thích xem.* — Những việc mới phát-sinh ra không chắc là ai cũng thích xem cả. Nếu không phải cái việc người ta chú-ý thích xem, mà đăng lên báo, thì chắc là không thỏa lòng được người ta. Đương lúc bây giờ nhà báo như rừng, nếu để cho các nhà xem báo không thỏa lòng, thì tờ báo của mình tiêu-thụ tất kém đi, có khi thất-bại đến nơi, vậy nên tờ báo phải cần đăng những bài mà các duyệt-giả thích xem; nếu không thế thì không phải là tờ tân-văn vậy. Song đó chẳng qua nói về phần nhiều các nhà duyệt-báo, chứ không phải nói cả toàn-thể mọi người; vì rằng muốn đăng hết các việc mà mọi người đều chú-ý thích xem, thì thật là khó thể được; vậy nên tờ báo phải cần đăng lấy những việc mà được đại-đa-số người thích xem cũng là khá lắm rồi. Nếu những hạng người duyệt-báo mà cũng đều nhau là một loài cả, thì đăng hết cả những tin tân-văn mà cả toàn-thể ấy cũng thích

(1) Dịch Hán-văn của Từ Bảo-Hoàng 徐寶璜。

xem, như thế thì cực dễ, song khó một nỗi là những người đọc báo có nhiều hạng không giống nhau, nào là học-sinh, quan-lại, luật-sư, y-sinh, kẻ đi buôn, người làm thợ, trai gái già trẻ, thực là lắm hạng người ; lúc đọc báo ai cũng muốn xem lấy cái tin của mình thích ý, trong tờ báo nếu đăng những bài ký-sự về việc học, thì chỉ được bọn học-giới hoan-nghênh, còn bọn thương-giới thì hẳn là không thích ; trái lại mà chỉ đăng những việc buôn bán, thì tuy rằng được các nhà buôn hoan-nghênh, nhưng các phái khác chắc cũng không lấy làm thích.

Trên này nói tờ báo là cốt đăng những tin mới phát-sinh để được đại-đa-số người xem chú-ý ; song phải biết rằng thí-dụ như cái việc cách-mệnh năm tân-hợi tuy là ai cũng chú-ý xem đến cả, nhưng không thể gọi là tin tân-văn được, vì nó không phải là việc mới gần đây vậy. Lại như cái chuyện anh phu-xe hôm nay bất-thình-lình bị ốm nặng, tuy rằng việc vừa mới đây, nhưng cũng không thể cho là tin tân-văn được, vì rằng chú-ý đến cái ốm của anh phu xe, thì chẳng qua chỉ có vợ con nó, và họ hàng thân-thích nhà nó mà thôi, số người chỉ có chừng ấy ; còn đến đại-đa-số người xem báo đối với việc ấy còn ai để ý làm gì nữa. Nếu là ông Tổng-thống có quan-hệ lớn-lao, mà bất-thình-lình hôm nay bị trọng-bệnh, thì cả nước ai cũng chú-ý đến, không những là họ-hàng bạn-hữu mà thôi, nên cái tin ông ấy bị đau mới thực là tân-văn mới-mẻ.

8° Tinh thái của tờ báo. — Tờ báo hay lấy những tin gần để dẫn cho đại-đa-số người xem đều chú-ý, mà lại có cái giá trị tờ báo, thì bởi tại cái gì ? Đó là bởi tại cái « tinh-thái tờ báo », sẽ dẫn vài việc như sau này (1).

1) *Tinh-danh hạng nhân-vật trứ-danh.*

Ông Hoàng Bi đam-tâm về Phật-học
Suốt ngày đọc kinh

Ông Hoàng Bi từ khi cáo quan về ở nhà, tạ-tuyệt tân-khách, không tiếp ai cả. Cứ như lời kẻ hầu thân nói rằng : mỗi ngày trừ những lúc xem báo và vận-động ruổi ngựa đi chơi về, thì tất cầm lấy quyển kinh Phật, đốt hương mà ám-tụng, ngày nào cũng thế. Cái chí đam-bạc không mến vinh-hoa, như ông thực là nhân-cách cao-thượng, người đời ai chẳng kính mến. Gần đây lại sai người đến Kinh mua lấy nhiều bộ kinh Phật đem về xem.

Trên này đăng cái tin ông Hoàng-Bi đam về Phật-học là tự tờ *Thời Báo* Thượng-hải đăng lên trước, kể ra cũng vô-số người đam Phật-học, mà cũng vô-số người xem báo và đi quần ngựa, nhưng nay lại đăng một chuyện ông Hoàng Bi lên tờ báo, là bởi ông Hoàng là hạng nhân-vật trứ-danh ở nước Tàu, không kỳ cử-động việc lớn việc nhỏ, người nước ai cũng chú-ý cả. Vậy nên những hạng nhân-vật trứ-danh nhất-cử nhất-động đều là tin mới cả, mà tinh-danh các ông ấy đăng lên báo-chương tức là tinh-thái của tờ báo ; vậy nên nói đến tinh-danh ông ấy thì ai cũng chú-ý về cách cử-động của ông ấy, nên mới là cái giá-trị cho tờ báo.

2) *Tin lạ-lùng.*

Cái chết lạ đời !
Nút chai nước chanh bật vào cuống họng

Ngoài cửa bắc Từ-châu có một nhà nông-gia họ Vương, trong nhà vợ con cũng đủ ấm no. Một hôm có người thân-thích đem cho hai chai nước chanh. Vương xưa nay chưa từng uống nước chanh bao giờ, muốn mở nút uống thử, vì nút chặt quá không thể mở bằng tay được, mới ghé răng vào cắn cái nút kéo ra, không ngờ hơi nước bắn lên, nút chai bật thẳng vào cuống họng.

1) Những việc thí-dụ như sau này là trích ở báo Tàu Thượng-hải.

Vương ngã ngất người ra. Người nhà cứu chữa quanh-quẩn mãi không thể làm thế nào lấy cái nút chai ra được. Chẳng đầy hai hôm đành chịu chết uổng. Ai nghe tin ấy đều cho là cái chết lạ đời!

Những chuyện lạ-lùng như trên này, tuy không có quan-hệ gì, nhưng cũng dẫn được đại-đa số người xem đều chú-ý đến, mà lại có cái giá-trị là tin mới; những chỗ lạ-lùng ấy là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Bài trên này đăng về cái tin chết lạ đời ấy là tự tờ *Thời-báo* Thượng-hải. Anh họ Vương chẳng hay là người nào, người xem báo cũng chẳng ai biết, mà cũng chẳng ai cần biết làm gì; đến như cái thân anh họ Vương chết chẳng qua cũng là khinh-thường chẳng ai để ý làm gì; nay thấy đăng tin lên tờ báo chẳng qua chỉ vì một cái chết lạ đời mà thôi. Có người nói rằng: « Cái tin chó cắn người, không phải là cái tin lạ; chỉ có khi người cắn chó, thì mới là cái tin lạ vậy. » Lời nói ấy rất là phải.

3) *Mạng người thiệt hại.*

Loài người ta ai cũng xót-xa về mệnh người khi bị thiệt-hại, vậy nên những khi mệnh người thiệt-hại đến một số lớn, cái tin ấy thường làm cho người ta phải chú-ý đến. Phỏng như có một số nhiều người vì gặp khi hiểm-trở hay là khi hỏa-tai mà chết, thời cái tin ngộ-hiểm và tin hỏa-tai ấy, tức là có cái giá-trị tin mới lạ-lùng, mà cái số người chết đó tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Như cái tin tháng năm mới rồi, chiếc tầu quân-hạm *Sở-tài* đánh đắm một chiếc tầu buôn *Giang-khoan*, có đến vài trăm hành-khách đều bị đắm cả, cái số nhân-mệnh thiệt-hại to lớn như thế, vậy nên các tờ báo trong nước Tầu đều đăng vào tin trọng-yếu cả.

4) *Tài-sản thiệt-hại.*

TIN HỎA-TAI NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ THIỆT HẠI ĐẾN VÀ NGHÌN VẠN BẠC LƯU-LY THẤT-SỞ ĐẾN HƠN HAI MƯƠI VẠN NGƯỜI

Tự-lâm *tây-báo có tin rằng: Ngày 31 tháng 5 dương-lịch, kinh-thành Quân-sĩ-thần-đình nước Thổ, bỗng dưng phát hỏa cháy mãi đến ngày mồng 2 tháng 6 mới tắt. Cái nguyên-nhân phát hỏa chỉ bởi cái tàn thuốc lá mà bốc lên, cháy lan đến hai ba dặm Anh, mất đến hơn 5.000 nóc nhà và 2 nơi nhà tắm, hơn mười tòa nhà thờ đạo, lưu-ly thất-sở đến hơn 20 vạn người. Trong bọn dân bị hỏa-tai ấy hiện đương nhiều người mắc chứng chần-đậu, tình-trạng khốn-khổ không sao kể xiết ... Tính ra tổn-hại đến và nghìn vạn bạc, thực là một trận hỏa-tai lớn nhất trên thế-giới, chưa khi nào có vậy.*

Những tin về tài-sản tổn-hại cũng giống như tin mệnh người tổn-hại, ai xem báo cũng đều lấy làm chú-ý. Vậy nên không kỳ sự gì, nếu mà sinh ra tổn-hại tài-sản đến một số lớn, đều là tin mới cả, mà cái số tài-sản tổn-hại, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Trên nói về cái tin hỏa-tai ở bên nước Thổ-nhĩ-kỳ, các tờ báo lớn trên hoàn-cầu đều đăng cả. Đại-đa-số người xem báo kia chưa chắc đã ai đi đến thành Quân-sĩ-thần-đình, những chỗ thất-thỏa vào nơi nào tưởng cũng đều mơ-màng cả; song vì cái số tài-sản tổn-hại nhiều đến và nghìn vạn bạc, thì đại-đa-số người xem báo tuy không có quan-hệ gì với nước Thổ, nhưng đối với trận hỏa-tai ấy ai lại không chú-ý được; bởi thế các báo đều đăng cái tin ấy cả.

5) *Các nơi cơ-quan trứ-danh.*

Các nơi cơ-quan trứ-danh, hễ có cử-động việc gì ai cũng đều chú-ý cả, cũng giống như các cách cử-động của bạng

nhân-vật trứ-danh. Vậy nên những nơi ấy có cử-động việc gì đều có cái giá-trị là tin mới, mà cái danh các nơi ấy tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Tức như nơi Quân-vụ-viện ở Triệu-khánh trong năm Dân-quốc thứ năm, và nơi Câu-lạc-bộ đảng An-phúc ở Bắc-kinh trong năm Dân-quốc thứ bảy, những nơi ấy đều là các cơ-quan làm tủng-động nhất-thời ; vậy nên các tờ báo đối với những sự cử-động trong hai cơ-quan ấy, đều ghi chép tường-tận cả.

6) *Cái tin động đến tình-cảm người ta.*

NGẦN-NGƠ CÔ Ả BÉ CÁI LẦM !
SAO KHÔNG NHẬN LẤY QUÁCH !

Trong ngõ Sử-gia phía đông thành Bắc-kinh, có một nhà nội-vụ-viên họ Trương. Buổi chiều Trương vừa đi ra chơi khỏi, chưa về, chập tối người nhà nghe ngoài cửa có tiếng gõ gọi mở cửa, tên người nhà mở cửa ra xem, thì thấy chiếc xe ngựa ghé đến bên ngoài, trên có một người mĩ-nhân ngồi, tên đánh xe nhảy xuống gọi to bảo rằng : « Đi hai đã đưa về đây ! » Người nhà ngơ-ngác chối từ rằng không phải. Tên đánh xe bảo rằng : « Ông chủ vừa mới cưới về đó ! » Người nhà chạy vào nói với bà chủ, bà chủ cũng lấy làm lạ nghĩ thầm rằng : «Chồng ta xưa nay đối với ta vẫn không có điều gì, nếu có thay lòng đổi dạ, vườn thủy thêm hoa, sao lại không bảo cho ta biết trước, mà nay lại đường-đột đưa về thì lạ thật ! » Bèn bảo người nhà đừng cho vào. Đến khi bà chủ đi ra, thì ả mĩ-nhân kia đã đủng-đỉnh bước vào, đứa người nhà vội-vàng giang tay ra giữa cửa ngăn lại không cho vào, chẳng nói sao cả, chỉ bảo rằng ông chủ đi vắng chưa về, không dám nhận. Ả mĩ-nhân nét mặt buồn rầu, châu sa lã chã, lấy khăn mũi lau nước mắt mãi, hình như nghĩ rằng mình về đấy mà bị vợ cả ghen đuổi ra vậy. Hồi lâu phải lên xe mà đi. Lên khi Trương về nghe chuyện cũng lấy làm lạ. Sau hỏi ra mới biết trong ngõ này cũng có một nhà họ Trương mới đến ở thuê, chiều hôm ấy có cưới vợ lẽ, mới biết ra rằng cái xe ngựa ấy là đảng nhà gái thuê đưa lại, mà lại nhận lầm mà đưa cô ả đến nhà láng giềng !

Những sự thuộc về tình-cảm như thế thì cũng đáng buồn cười mà đáng thương vậy. Nếu cách thuật chuyện cho có lý-thú thì người xem cũng phải tức cười, cũng phải thương thay, tuy là việc nhỏ-nhặt, mà cũng có cái giá-trị là tin mới, cái chỗ làm cho người ta động tình-cảm, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Tờ *Thời-báo* Thượng-hải đăng cái tin « Ngần-ngơ cô ả » trên này, tuy không phải là việc trọng-yếu gì, mà cô ả ấy cũng chẳng ai biết, chẳng qua xem cái chuyện ấy thì ai cũng sinh tình cảm-động, lúc mới lấy làm kinh-dị, đến sau cũng phải phì cười, như bà chủ họ Trương kia vậy.

7) *Những tin quan-hệ về người xem báo.*

Người ta đối với các việc của người khác thì không lấy gì làm quan-tâm, nhưng đối với các việc có quan-hệ đến thân mình, thì tuy rằng nhỏ-nhặt cũng lấy làm chú-ý lắm, đó tức là cái giá-trị về tin mới. Còn như cái chỗ để cho người xem báo sinh ra quan-hệ, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Như là cái việc giấy bạc của hai nhà Ngân-hàng giao-thông ở Bắc-kinh nước Tàu, có cái tin chuẩn định ngày hôm ấy thì cho đổi lấy hiện-ngân, các báo Bắc-kinh đều cho là tin mới mà vội-vàng đăng lên báo, vì những người ở Bắc-kinh đều chú-ý về việc ấy cả. Lại như các báo thường đăng những tin về chính-trị đến mấy hàng cột báo, vì rằng chính-trị là có quan-hệ đến mọi người phải

biết, hoặc là về đường trị-an, đường quyền-lợi, đường tín-ngưỡng đều có quan-hệ đến các nhà xem báo cả, cho nên ai cũng đều chú-ý đến.

Trên này thuật ra cũng chưa hết được cái tính-thái của tờ báo, nhưng tính-thái nó ở đâu thì cũng đã rõ. Vậy các người phóng-viên, các nhà biên-tập phải trước tiên-biểu ra cái tính-thái của tờ báo, để cho những người xem báo chú-ý đến.

4° Giá-trị của tờ báo.—Phàm sự gì đã có một cái tính-thái, thì phải có một cái giá trị đã đành, nhưng cái giá-trị nó không nhất-định. Cùng là một tờ báo mà cái giá-trị nó mỗi chỗ một khác, mỗi lúc một khác; cái giá-trị của tờ báo khác xa nhau, rất là khó phân-biệt. Cái giá-trị cao là có được nhiều tin lớn-lao, giá-trị thấp là chỉ có những tin lặt-vặt; nhưng ít khi có những tin lớn-lao, mà các nhà báo vẫn thấy hằng ngày ấn-hành ra luôn, là nhờ có những các tin lặt-vặt nó xuất-hiện ra luôn luôn. Nay muốn xét cái giá-trị cao thấp của tờ báo, thì lấy cái số người đọc báo nhiều hay ít mà đoán định; còn như cùng là một giá trị tờ báo, thì phải lấy cái thời-gian và nơi cách xa mà đoán-định hơn kém.

1) *Thời gian.* — Ví như việc hôm nay mà hôm nay đăng ngay lên báo, thế là cái tin mới có giá trị; nếu để đến ngày mai mới đăng thì cái giá-trị đã hơi kém; lại chậm đến ngày kia thì lại càng kém lắm. Cái giá-trị của tờ báo cùng với cái lúc mới nghe tin cho đến lúc đăng tin lên báo nó vẫn quan-hệ nhau; hễ rút ngắn thời-gian lại thì giá-trị cao, nếu để trễ dài thời-gian ra thì giá-trị thấp. Vậy nên các người phóng-viên khi đăng tin mới, thì phải kể rõ thì-giờ để cho người xem biết là cái tin ấy mới phát-sinh hôm nay, hay là tự hôm trước. Còn những người thông-tin thì trước khi gửi cái tin-tức phải tính xem khi nào lai-cảo đến nơi, giá-trị cái tin mới ấy về sau nó biến ra thế nào; nếu để chậm trễ quá thì thà đừng gửi tin nữa.

2) *Cách xa.*—Người ta tuy rằng ở vào cái đời giao-thông tiện-lợi này, mà ai cũng chỉ chú ý về những việc trong cái khu-vực mình ở, và những người mình biết mà thôi; còn những việc nơi khác hay là người mình chẳng biết, trừ-phi có cái tính quan-hệ đặc-biệt gì, thì mới thiết đến, chứ ngoài ra cũng chẳng để ý đến làm gì. Cái giá-trị của tờ báo lại cùng với cái nơi tin mới phát-sinh và nơi đăng báo, càng cách xa thì lại càng giảm giá-trị đi, hễ cái tin ấy truyền đến chỗ cách gần thì giá-trị còn cao, nếu đến chỗ cách xa thì giá-trị kém. Vậy nên cùng một cái tin mà ở chỗ gần thì đăng dài được đến mấy cột, nếu truyền đến chỗ xa thì tuyệt không có giá-trị là tin mới nữa, chẳng qua chỉ đăng một dòng là xong. Ví như một nhà ông quan kia ở trong thành Nam-xương, có tiếng lừng-lẫy, người trong thành đều là bạn-bè thân-thích ông ấy, mà ông ấy có tin kết-hôn với một người nữ-sĩ, thì người trong thành ai cũng đều chú-ý, cho nên việc ấy mới có cái giá-trị là tin mới, tờ báo Nam-xương có thể cho là một tin to-tát mà đăng lên báo. Nhưng cái danh-vị ông quan ấy chỉ ở trong thành Nam-xương mà thôi, mà cái sự kết-hôn của ông ấy cũng chẳng lạ-lùng gì, nếu truyền ra khỏi thành Nam-xương thì không còn có giá-trị là tin mới nữa. Lại như ông Lê Tổng-thống là một nhân-vật trứ-danh ở nước Tàu, cái việc ông ấy đam-tâm Phật-học, các báo Tàu đều nên đăng cả; nhưng tự các báo bên Âu, Mĩ xem ra, thì không còn có cái giá-trị gì là tin mới nữa. Lại như cái việc thất hỏa ở thành-phố Nam-xương, cháy mất đến và mươi nóc nhà, thì người thành-phố ấy ai xem cũng lấy làm chú-ý; vậy nên tờ báo Nam-xương mà thuật ra chỉ nguyên-nhân thất-hỏa, và những nhà

buôn nào bị cháy, những số tổn-hại, đều nên kể rỡ kỹ-càng đăng lên để cho người xem ; nhưng truyền đến Nam-kinh thì các nhà báo không coi là tin mới nữa. Nếu cái số thiệt-hại ấy mà đến hơn mười vạn đồng, hay là nơi bị cháy chính là nơi công-thự của quan đốc-quân Giang-tây, thì cái giá-trị tin mới về sự thất-hỏa lại càng tăng-tiến lên, không những là báo Nam-xương nên đăng mà tất cả tờ báo các tỉnh khác cũng đều nên đăng cả.

5° Cách phân-loại các tin đăng báo. — Trong một tờ báo những tin đăng hàng ngày, khá chia làm hai loại ; một là những tin đã biết chắc ; hai là những tin mới xảy ra. Những sự gì nhà báo đã biết trước rồi, như là việc tuyển-cử, hội vận-động, hội diễn-thuyết, vân vân, đều là những tin đã biết trước rồi, vì ngày nào tuyển-cử, ngày nào mở hội, đều đã tuyên-bố từ trước, tờ báo đều ghi lấy rồi mở ra xem, biết đích rằng ngày ấy có việc ấy, thì phải phóng-viên đi đến xem xét ; nhà báo mỗi ngày đã có những tin chắc như thế, tức như những việc trên đó vậy. Còn như những việc mới xảy ra là tin ngộ-hiểm, hỏa-tai, thủy-tai v. v. ; vì những việc ấy nó chợt một lúc xảy ra, nhà báo không thể xếp đặt từ trước được, đợi đến khi việc xảy ra mới sai người đến hỏi tin thì sự đã quá rồi.

6 Cách lược-thuật các tin báo. — Như là những lời báo-cáo tin vặt rằng : « Nhà trường kia tuyên-bố đến ngày ấy ngày nọ thì mở cuộc diễn thuyết » ; và những tin hàm-hồ chưa rõ, như là có người báo tin rằng : « Nơi nọ thất-hỏa, nơi kia đổ nhà », đó là những tin mới lược-thuật của tờ báo, để cho phóng-viên cứ nhân đó mà đi hỏi-han tin-tức rồi biên-tập thành ra một tin mới.

7° Những nơi lai-nguyên của tin báo. — Lai-nguyên của tin báo mỗi nơi một khác ; đại-khái như những việc xảy ra ở các nơi tòa-án, nhà học, cùng là các tư-lập đoàn-thể, nơi cơ-quan của chính-phủ và các công-sở, đều là những nơi lai-nguyên đã biết sẵn, cứ việc đến đó hỏi rõ sự thực mà đăng tin lên. Còn những tin mới xảy ra mà mới lược-thuật thì thường tự nơi cảnh-sát, nơi y-viện, chốn cấm-phòng, chốn cơ-quan của chính-phủ, tiếp được ở các địa-phương rồi thông cáo cho biết.

8° Cách nhặt tin của các nhà báo — Những tin mới đăng trong tờ báo, hoặc bởi những nơi thông-tin đưa đến, hoặc tự các điện-báo mà chép lại, hoặc tự người duyệt-giả lai-cảo, ngoài ba nơi ấy ra thì nhà báo phải tự đi nhặt tin lấy. Người biên-tập tờ báo phải lập ra một cái sổ, ghi nhớ lấy những việc nào phải nên đi hỏi tin, khi mở ra thì biết trong ngày ấy những nơi nào có việc gì sắp cử-hành, thì phải đúng giờ đến nơi mà lấy tin. Chức-vụ của phóng-viên ngoài việc đi lấy tin ra, lại phải biên-tập lấy những việc mình thâm xét được kỹ-càng mà đưa về nhà báo ; vậy nên phóng-viên phải theo lời bộ biên-tập chỉ bảo mà đi lấy tin và chép lại cho rõ ràng.

9° Tư-cách của phóng-viên. — Phóng-viên phải kiêm cả hai chức-vụ, là đi lấy tin mà vừa phải biên-tập, thì phải có cái tư-cách tương-đương mới được ; không thì khó hết được chức-trách. Tương-đương như thế nào, sẽ kể như sau.

1) *Phải có đủ thường-thức để xét đoán các tin-tức.* — Phóng-viên phải xem xét các sự-tình, việc gì là tin mới, việc gì không phải là tin mới, trong những việc sự-thực có giá-trị, phải xét

xem cái gì là tinh-thái, cái gì không phải là trọng-yếu, và phải phán-định cái giá-trị tin ấy lớn hay là nhỏ.

2) *Lại phải có cái sức ký-ức cho cường-kiện.*— Trong khi phóng-viên hỏi chuyện người nào, mà không tiện ghi chép lấy ngay, nếu muốn ghi nhớ lấy những câu nói chuyện để đợi lúc biên tập mà biên ra, thì phải nhờ đến cái sức ký-ức ; nếu cái sức ghi nhớ ấy không được mạnh, thì có khi nhớ lầm, hoặc có khi lại quên mất một phần câu chuyện, rất là không tiện ; vậy nên đã làm phóng viên thì phải có cái sức ký-ức cường-kiện mới được.

3) *Cách biên chép cho nhanh chóng rõ-ràng.*— Hiện nay phép tốc-ký chưa được rõ, mà những người phóng-viên thì cũng ít người biết phép tốc-ký ; vậy nên khi nghe diễn-thuyết thì phải dùng bút để ghi chép, nếu cách viết được nhanh chóng rõ-ràng, thì ghi chép rất dễ, có thể giúp được một phần mẫn-tiệp cho việc biên-tập.

4) *Chữ-nghĩa phải cho thông-thạo.* — Chữ-nghĩa của phóng-viên không cần gì phải hay chữ như bậc văn-hào, nhưng khi đi dò hỏi sự thực, hoặc nói chuyện với người nào, mà mình không cần phải nghĩ-ngợi, chỉ dụng chữ-nghĩa rõ-ràng mà biên-chép ra được ngay ; vì rằng làm phóng-viên thì không có thì giờ thong-thả khỏi-thảo mà chữa đi chữa lại mãi được.

5) *Làm phóng-viên phải biết rõ cái hiện-trạng và lịch-sử chính-trị của nước mình và liệt-cường.* - Những tờ báo phần nhiều đăng các tin về chính-trị ; vậy nên làm phóng-viên đi lấy tin, cũng phải lấy tin mới về chính-trị làm cốt. Nếu hay hiểu biết hiện-trạng và lịch-sử chính-trị nước mình, thì không những là khỏi được những nỗi khó lòng khi nhặt tin, mà đến lúc biên-tập cũng hay biết được nguồn-gốc không đến nỗi nói mập mờ. Vả lại chính-trị nước mình cũng có quan-hệ với chính-trị các liệt-cường, mỗi ngày lại càng thêm rõ-ràng mật-thiết ; vậy nên phóng-viên mà hay biết được chính-trị của liệt-cường với những việc lịch-sử gần đây thì càng hay lắm.

6) *Phải nên biết một vài thứ tiếng ngoại-quốc.*— Phóng viên muốn biết hiện-trạng chính-trị của liệt-cường, và những việc lớn trên thế-giới, thì phải xem đến báo ngoại-quốc ; tờ báo nước Tàu chép về những việc nước ngoài phần nhiều không được tường-tận rõ-ràng. Muốn xem báo ngoại-quốc thì cần phải biết tiếng ngoại quốc ; tiếng ngoại-quốc thì hiện nay cần nhất cho người Tàu là tiếng Anh tiếng Nhật ; phóng-viên nếu hay biết tiếng ngoại-quốc thì không những lợi về xem báo, mà lại còn tiện-lợi đến nhiều việc khác nữa.

7) Ngoài những tư-cách trên ra, phóng-viên lại cần phải có cái sức giác-ngộ mẫn-tiệp, khi gặp ai thì hiểu ngay cái ý-tứ người ta lại hay nhận biết được những sự-thực trọng-yếu. Vả phóng-viên cũng phải cần người thân-thể khỏe-mạnh, chịu được khó-nhọc ; vì công việc của phóng-viên là cái công-việc rất khó nhọc vậy.

10° Cái phương-pháp đi lấy tin.— Nhà báo cho đi lấy tin có hai phương-pháp : một là chỗ ngày thường đến lấy tin ; hai là khi đặc-biệt đi xem xét. Phóng-viên của nhà báo lệ thường vẫn có chỗ hằng ngày đến lấy tin, như là nơi tòa án, nơi trường học, hoặc là những nơi lai-nguyên về các tin mới, do viên biên-tập xét xem những chỗ giao-tế mà chỉ bảo đi lấy tin ; phóng-viên theo lời chỉ bảo mà đến những chỗ ấy cóp nhặt lấy những tin mới, hoặc mới lược-thuật một vài câu, đều phải hết sức theo

những sự mới lược-thuật ấy mà dò xét lấy những sự-thực nó phụ-thuộc ở sau; nếu gặp khi sự-tình lớn-lao không phải một mình dò xét hết được, thì bảo viên biên-tập làm cách liệu-lý thế nào, đó là cái phương-pháp ngày thường đi lấy tin. Nếu phóng-viên lại hay ngoài những chỗ chỉ định ra, mà dò biết được tin-tức ở nơi khác, thì cũng nên theo cách trên mà làm, chứ cũng chẳng hạn-định là cứ phải theo chỗ chỉ-định mà lấy tin. Viên biên-tập gặp khi có sự trọng-yếu hoặc lúc đặc-biệt, thì phải dùng đến phép đặc-biệt dò-thám; sau khi đã lược-thuật cái tin ấy ở tờ báo rồi, thì phải phái người phóng-viên đã có kinh-nghiệm rất giỏi cho đi dò xét về những sự thực phụ-đới sau khi mới tóm lược nói qua; phóng-viên khi ấy không khác gì người trinh-thám, cứ theo những tin đã nói tóm-lược và những điều sở-đắc sau này, rồi cứ đi hỏi dò hỏi dẫm, xét đi xét lại, cho đến khi xét được cái sự-thực trọng-yếu rồi mới thôi. Cái kết-quả về sự thám xét hoặc chỉ đăng được một dòng, hoặc đăng dài đến cả toàn-trang; nhưng phóng-viên cũng phải dụng hết toàn-lực để hỏi cho rõ được cái chân-tướng về sự thực, công-phu hai đàng cũng như nhau vậy.

11° Cách hỏi lấy ý-kiến của người ta và cách chỉ hỏi lấy sự-thực. — Nếu những việc mà phóng-viên đi xét hỏi là cái việc vị-lai còn phải đợi, khi đến kỳ thì mình thân đến nơi, tai nghe mắt xét, cóp nhặt lấy đích sự-thực thì thực là dễ; chỉ khó một nỗi là những việc mà phóng-viên phải đi hỏi xét, phần nhiều là việc đã qua rồi, khi việc ấy nó xảy ra như thế nào thì mình không được mục-kích; nên phải cần đến cái phép dò hỏi. Dò hỏi có hai cách: một là hỏi lấy sự-thực, hai là hỏi lấy cả ý-kiến người ta. Khi đã biết rõ là người nào đã mục-kích sự ấy, hoặc người nào biết tường đầu đuôi sự ấy, thì phải làm thế nào khiến cho người ta kể hết đầu đuôi sự ấy cho nghe, mà mục-đích của người phóng-viên chỉ cốt là hỏi lấy cho rõ việc nguyên-ủy, như thế là chỉ hỏi lấy sự-thực. Cái người bảo cho mình lấy sự-thực đó mình đã hỏi được rồi, thì cũng chẳng cần gì người ấy nữa; tuy rằng phóng-viên đi dò hỏi đến ngoại mười người về việc ấy, mà đến khi đăng việc ấy lên báo, thì cũng không cần phải nhắc đến những người thuật tin ấy làm gì nữa. Còn như cái cách hỏi lấy ý-kiến của một người nào thì lại không như thế, mục-đích của phóng-viên là cốt hỏi lấy cái ý-kiến của người ấy đối với việc ấy như thế nào, khi đăng báo cũng phải nói rõ là ý-kiến của người nào. Còn như cái ý-kiến ấy phải trái như thế nào lại là một vấn-đề khác. Làm phóng-viên là cốt đi dò hỏi lấy sự thực cùng là đi trưng-cầu lấy ý-kiến của người ta mà thôi, bất-tất phải bình-phẩm.

12° Thể-cách đi hỏi lấy ý-kiến của người ta. — Phóng-viên là cần phải hỏi lấy sự-thực đã đành đi rồi; nhưng còn cái cách hỏi lấy ý-kiến người ta, thì gần đây mới biết đi dò hỏi, mà hiện nay rất là thông-hành. Khi nào gặp một vấn-đề gì trọng-yếu hoặc một sự gì đặc-biệt mới xảy ra, thì các nhà báo và các nơi thông-tin-xã, thường phái phóng-viên đi đến cái người biết rõ chuyện ấy hay là người nào có quan-hệ đến việc ấy, mà hỏi lấy ý-kiến, rồi đem phát-biểu lên tờ báo, để hiến các duyệt-giả.

Phóng-viên mà đi hỏi lấy ý-kiến mọi người, có mấy điều nên chú-ý như sau.

1) *Cái tâm-lý của người thuật chuyện.* — Phóng-viên muốn đến hỏi ý-kiến người nào, phải làm thế nào cho người ta tin mình, người ta đã tin mình thì người ta mới chịu nói chuyện cho mình nghe; nếu người ta không tin, thì dẫu có nói chuyện cũng nhiều câu không nói thực; phóng-viên nếu gặp

người nào không chịu nói chuyện, thì phải tỏ cái ý là mình giữ kín, chớ đừng lấy làm quái-lạ, mà cũng đừng nản lòng, phải ủy-uyển nói rõ cho người biết rằng cái việc ấy ai cũng khao-khát muốn nghe, mà thiên-chức nhà báo là phải báo tin cho rõ, việc này cần phải lục-đăng cho tỏ-tường, nếu cứ theo cái lệ hễ nghe thấy thế nào thì đăng như thế, sợ rằng đăng cả những lời người ta phao-đồn, vô-ý mà có cái ảnh-hưởng chẳng tốt lây đến việc ấy chăng, gì bằng bày tỏ cái ý-kiến của người quan-hệ đối với việc ấy như thế nào, cho rõ phải trái thì chẳng hay lắm dư. Nói khéo uyển-chuyển như thế, thường làm cho người ta đem bụng chắc tin người phóng-viên, mà gợi cho người ta nói chuyện cho mình nghe vậy.

Khi hỏi-han, người phóng-viên phải nên giữ lễ-phép thông-thường, nếu không giữ lễ mà gặp phải người khách-khí thì cũng khó lòng mà hỏi lấy được tin. Nếu người mình đến hỏi mà là bậc nhân-vật trứ-danh, mình mà không giữ lễ thì ai chịu nói chuyện cho mình; còn như gặp người rất tầm-thường, mình cũng phải nên uyển-chuyển mà hỏi; nếu không thế thì những sự-trạng và ý-kiến mình hỏi được đó, thường là không được xác-thực cả, chẳng ích gì cho tờ báo.

Khi hỏi chuyện, phóng-viên cũng không thể đem bút chép ngay được; cái cách hỏi chuyện mà mình cầm bút chép theo ngay, chỉ đối với những bậc đã có danh-tiếng thì các ông ấy mới không sợ là ý-kiến mình phát-lộ ra; còn phần nhiều người chưa từng biết cái cách người ta hỏi-han, hễ thấy phóng-viên vừa hỏi vừa biên lấy cho nhớ, thì tưởng rằng câu chuyện mình nói là quan-hệ, sinh ra sợ hãi, mà không chịu nói chuyện cho hết.

2) *Dự-định trước khi đi hỏi tin.*— Đi hỏi tin là phải có mục-đích, người làm phóng-viên phải dự-định trước khi đi hỏi tin, mình định muốn biết sự gì, thì phải đặt sẵn những câu hỏi trước hỏi sau, để cứ lần lượt mà hỏi, thì mới gợi cho người ta trả lời mình hết được; người ta tuy rằng thích nói chuyện, nhưng người hỏi mà không biết xếp đặt câu hỏi, để giúp cho sắp đặt tư-tưởng, thì người ta cũng không muốn nói chuyện cho hết; vả lại không dự định trước, thì có khi cứ bàn nói phiếm mãi, mà quên mất việc cốt-tử lại không nói đến. Song thứ-tự câu hỏi cũng không nhất-định hẳn, nếu đương lúc nói chuyện mà lại giở đến vấn-đề khác, hay là phóng-viên chợt nghĩ đến việc gì khác, thì cứ thừa-cơ mà hỏi trước cũng được, chứ không cứ câu-nệ cái thứ-tự câu hỏi mình đã định trước. Duy có mình đã chuẩn-định trước, thì hết câu hỏi về vấn-đề kia lại quay về cái câu hỏi mình định trước mà hỏi, như thế thì không mất thì-giờ nghĩ-ngợi là nên hỏi việc gì và cách hỏi như thế nào nữa.

3 *Sức ghi nhớ và sự nhanh chóng* — Trên kia đã nói đương lúc hỏi chuyện không thể đem bút chép ngay được. Bởi vậy phải làm thế nào ghi lấy câu chuyện cho nhớ, để về sau chép lên báo được, vậy phải nuôi lấy cái sức ghi nhớ cho mạnh-khỏe, để nhớ lấy những câu người ta nói chuyện với mình; cho nên người làm phóng-viên lúc bình-nhật phải bồi-dưỡng lấy cái sức ký-ức. Nếu người nào có tài biên-tập nhanh chóng, thì cũng đỡ bớt được sức ghi nhớ. Sau khi đã hỏi được tin rồi, thì phóng-viên phải biên chép đăng báo ngay, để cho khỏi cái tệ lâu ngày quên nhãng đi mất. Vả lại trước khi đi hỏi-han thì nên đem những câu hỏi viết lên làm vấn-đề, còn bỏ lưu không giấy trắng; sau khi đã hỏi được rõ rồi,

thì viết những câu hỏi được ấy vào chỗ giấy trắng; như thế thì bớt được thì giờ, mà biên-tập cũng nhanh vậy.

13° Thể-cách đi hỏi lấy sự thực. — Một phố Thượng-hải kia có một ngôi nhà tây cao lớn, bất-thình-lình thất-hỏa; sau khi nhà báo được tin phố kia thất-hỏa, thì phải phóng-viên đi đến nơi thăm hỏi; khi phóng-viên đi đến nơi, thì đã cách khi thất-hỏa ba bốn giờ đồng-hồ rồi, phóng-viên đến chẳng qua chỉ trông thấy đống tro tàn, hòn ngói vỡ, với ồn-ào một ít người xem mà thôi, còn như những tòa nhà lúc cháy nó thế nào, thì phóng-viên không được mắt trông thấy. Những người xem đó cũng có kẻ biết được nhà ấy là ai ở, và buôn-bán làm nghề gì mà thôi, chứ còn cái nguyên-nhân tại sao mà thất-hỏa, tổn-hại tài-sản mất bao nhiêu, và tên họ những người ở nhà đó, thì phải hỏi đến người ở đó mới được, Muốn biết cái giá-trị nhà ấy đáng bao nhiêu và số tiền bảo-hiểm bao nhiêu, thì phải hỏi đến chủ nhà mới được. Phóng-viên mà gặp được chủ nhà hay người ở thuê mà hỏi thì may lắm; nếu không gặp thì phải tìm người biết đầu đuôi cái sự cháy ấy mà hỏi-han. Nếu gặp trận hỏa-tai ấy là trận dữ-tợn, chết hại nhiều người, mà người nào chết, người nào bị thương, tình-hình lúc tử-thương như thế nào, đều phải hỏi hết cả; lại còn người nào may khỏi chết cháy, cái tình-hình lúc chạy thoát, khỏi cháy nó lạ-lùng may-mắn như thế nào, cũng phải tra hỏi mà chép lấy cả. Thường có khi phóng viên đi dò xét một việc mà lại biết tỏ được dẫn-tuyến nó còn dài, thì cái chức-trách của phóng-viên phải cứ theo cái dẫn-tuyến ấy mà xét cho đến cùng, khi nào biết chắc được sự-thực cốt-tử rồi mới thôi.

Đi hỏi lấy sự-thực với hỏi lấy ý-kiến người ta, hai cách ấy cũng đại-loại giống nhau. Có khi dùng cái phương-pháp đi hỏi lấy ý-kiến người mà hỏi lấy sự-thực cũng được, nhưng nó khác nhau chỉ có hai điều.

1) Cái người cần hỏi lấy ý-kiến thì do biên-tập-viên trỏ bảo; còn như đi hỏi lấy sự-thực, thì phóng-viên tự ý mình xét xem người nào nên hỏi, sẽ liệu tìm kế đến hỏi-kiến với người ta mà hỏi

2) Sau khi hỏi lấy sự-thực, đến lúc biên-tập lại còn phải châm-chước xem xét lại một lần nữa; chứ như hỏi ý-kiến người ta thì không phải thế. Đi hỏi ý-kiến người thì cốt trọng tại cái ý người ấy đối với việc ấy như thế nào, những câu người ấy nói chuyện, không cứ là đăng cả hay chỉ đăng những câu cốt-tử mà thôi, nhưng phóng-viên cũng không được sàm-tạp ý-kiến mình vào, chỉ cốt lấy ý-kiến người ấy làm chủ vậy. Còn đến như cần hỏi lấy tin thì cốt trọng tại sự-thực, chứ không trọng gì ý-kiến; như là việc thất-hỏa nói trên kia, phóng-viên cũng không thể đăng hết cả ý-kiến mọi người khi chữa cháy và ý-kiến người ở thuê, người chủ nhà, mà trước sau đều đăng lên cả được. Phóng-viên chỉ cốt hỏi lấy những sự-thực tự mọi người thuật lại cho mình, rồi xét lại kỹ-càng xem có câu gì sai thì bỏ bớt đi, hoặc có chỗ nào trái khác nhau thì điều-hòa lại, chỗ nào rời-rạc thì chắp nối lại cho liền, rồi cứ lấy cái tinh-thần công bằng không thiên-tư mà chép lấy một tin tân-văn đầu đuôi quán-xuyến, sự-thực rõ-ràng, đăng lên báo để cho mọi người cùng biết. Vậy những tin mà bởi phóng-viên đi hỏi lấy sự-thực, phần nhiều là họp lấy những câu chuyện của mọi người.

14° Cái cách đi lấy tin ở các nơi hội họp. — Phóng-viên thường bị phải đi xem xét tình-hình các nơi hội họp, lúc

ấy thì phải chú-ý những điều như sau này.

1) Nên đến nơi hội-trường cho sớm, tìm lấy một chỗ ngồi cho thích-nghi, gần chỗ người chủ-tịch hoặc người diễn-thuyết, để tiện lúc khai-hội mình ngồi nghe được rõ-ràng ; và nhân tiện lại xem xét cả cái mục-đích họp hội, và những tên họ người trọng-yếu trong hội cùng là người diễn-thuyết là những người nào. Trong chỗ hội-trường xét xem có cái gì bố-trí đặc-biệt thì mình cũng ghi chép lấy. Phỏng như trong hội-trường có bày những phẩm-vật giấy-má gì mới in ra, hoặc có treo những bức văn-chương trọng-yếu thì mình cũng nên xem xét hết cả, xem có cái gì là có giá-trị tân-văn thì mình cũng ghi lấy.

2) *Những bài diễn-thuyết bất-tất phải chép lấy cả.*—Khi khai hội có đọc diễn-văn thì chỉ tóm lấy những câu trọng-yếu đặc-biệt mà thôi, vì rằng trang tờ báo nó có chừng, chỉ đăng lấy những điều cốt-tử, chứ không phải chép cả lấy toàn-văn bài diễn-thuyết. Phóng-viên khi ấy nên dụng-tâm ngồi yên lặng mà nghe, ghi lấy những câu đại-cương trong bài diễn-thuyết và những câu nói kinh-nhân, với những chỗ diễn-giả nói đay đi đay lại, cứ chép theo cho đúng, còn ngoài ra thì bỏ bớt đi, lục-đăng như thế tuy so với ngu ên-văn bài diễn-thuyết có phần rút bớt đi nhiều, nhưng vẫn tóm được cả đại-ý.

3) *Khi về phải biên-tập lấy cho nhanh.* — Lúc đi xét tình-hình nơi họp hội, phóng-viên tuy có ghi chép, nhưng còn nhiều điều kiến-văn không thể chép hết được, vậy phải biên-tập lại cho mau để khỏi quên nhãng đi mất một vài điều sự-thực.

4) *Cái cách biên chép liên-hoàn.* — Gặp khi có người trọng-yếu lên diễn-đàn, thì một câu một chữ đều có cái giá-trị nên biên chép lấy cả ; khi bấy giờ thì một người phóng-viên không thể chép được toàn-văn bài diễn-thuyết, phải dùng đến cách biên chép liên-hoàn, nghĩa là một nhà báo phải cắt đến hai ba người phóng-viên, hoặc hai ba nhà báo đều sai phóng-viên đến, khi bấy giờ cứ chia ra độ 5 phút hay 3 phút đồng-hồ làm một lần, các phóng-viên đều phân ra số hiệu, phóng-viên số thứ nhất thì biên chép lấy những đoạn diễn-thuyết trong 5 phút lần thứ nhất, phóng-viên thứ hai lại tiếp luôn chép lấy những đoạn diễn-thuyết thứ hai, cứ thay đổi nhau như thế mà biên chép, cho đến người phóng-viên cuối cùng, nếu bài diễn-thuyết vẫn còn chưa hết, thì lại bắt đầu lên người phóng-viên thứ nhất, mỗi người lần lượt nhau chép những đoạn diễn-thuyết trong 5 phút ; hết lượt 5 phút sau khi được nghỉ thì mình sửa lại những đoạn mới chép cho đúng, có sót thì bổ thêm vào, lầm thì cải-chính lại, rồi sao ra một bản cảo chính đưa cho người phóng-viên số thứ hai, người phóng-viên ấy lại đem cái cảo của mình đã sửa rồi mà nối với cảo người kia rồi lại tiếp lên bản chính-cảo của người phóng-viên số trên, biên chép liên-hoàn như thế, thì cả toàn-văn bài diễn-thuyết đều chép được mà đem in ra ngay được, rất tiện cho người không đi nghe diễn-thuyết mà được biết hết cả nguyên-văn bài diễn-thuyết.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *biên-dịch*

Chùa Tây-phương ở Thạch-thất (Sơn-tây)

Chùa Tây-phương ở Thạch-thất (Sơn-tây)

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

XIII

Tri-tuệ.— *Bấy giờ thời tri-tuệ đã sáng-suốt, trong lòng sẽ không phải băn-khoăn về những điều vọng-tưởng nữa.* — Sau khi đã đủ các cách giáo-dục chung và giáo-dục riêng rồi, cũng đã trọn các cách thử cho nhập-đạo rồi, thời người đệ-tử thành người giáo-đồ. Bấy giờ thời có thể khải-phát được cái tri-tuệ của mình, nghĩa là có cái tri sáng-suốt thấu-hiểu được những lý-do chân chính của các việc xảy ra trong đời người ta cùng các dân-tộc. Đâu đâu cũng thấy cái sức ngầm của các lẽ mầu-nhiệm, và bấy giờ tự mình thực-hiện được đạo-lý ở mình cùng ở các sự-nghiệp mình. Không phải nhọc mình vì những sự băn-khoăn, tham-vọng, những sự tự-phụ cùng sự yếu-cần hão-huyền nữa. Đã hiểu rõ cái chân-tính của điều thiện điều ác rồi, cũng biết rõ cái giới-hạn của lòng hoài-vọng cùng sự tài-năng của mình rồi, bấy giờ có thể cảm-thông với thiên-lý và sống một cách phục-tòng cùng bình-tĩnh.

Sẽ biết rằng người ta mà phải khổ-sở là tự mình tác-nghiệt cho mình. — Người ta là một kẻ bỡ ngỡ đi tìm đường, do Thượng-đế đặt ở ngay đầu con đường Thiên-diễn. Bước đầu vẫn khó khăn và chậm-chạp. Càng bước lên, càng thấy được thảnh-thơi, càng thấy thêm quyền-lực, càng được dùng đến cái chí biện-biệt của mình. Nay sức biện-biệt là căn-cứ ở hai cái cảm giác khổ và lạc, khổ thì sinh ra đau-đớn, lạc thì sinh ra vui-sướng. Nếu người ta tức-thì đã có cái lý-trí và cái tuệ-nhỡn hoàn toàn ngay, thời tiến lên không có công gì, và cứu-cánh được toại-chí cũng không có công gì. Vậy thời phải tự mình đào-tạo cho mình, tự mình tìm lấy đường lối của mình, tự công-phu riêng mình mà đạt tới cõi cực-lạc của mình. Trong khi đi tìm cái hay cái tốt, người ta tất phải dò đường bỡ-ngỡ, vì có quyền tự-do kén chọn, muốn đi về ngả nào cũng được. Nhưng nếu đi lầm đường, thì sẽ có cảnh-cáo cho biết ngay. Thấy có sự khó chịu, sự đau-đớn, sự khổ-sở, khiến cho phải dừng lại, phải nghĩ-ngợi, phải tìm-tòi, rồi sau mới khám-phá ra vì đâu mà mình phải đau-khổ, tìm phương bổ-cứu mà tự đặt mình vào con đường hay hơn. Nếu không có cái không hay nó ở đó để cảnh-cáo cho và bắt phải tu-tỉnh lại, thời cứ đi sai đường mãi, tất ngã xuống vực sâu. Tỉ như lửa vậy, nếu đụng vào lửa không thấy bỏng thấy đau, thời người ta không biết lửa là gì, không biết giữ cho thân-thể mình khỏi phải lửa cháy, và không biết lợi-dụng lửa cho sự tiến-bộ của mình.

Trái lại, hễ người ta cứ theo con đường chính, tự mình biết thuận phép thần-minh cùng phép thiên-diễn, thì thấy người khoan-khoái mà lòng vui-vẻ.

Vậy thời sướng với khổ ấy là cái kết-quả tốt hay xấu của mọi sự quyết-định của ta. Nó là cách thưởng-phạt cho sự tự do hành-động của ta, và là những điều-kiện tất-yếu của sự bảo-thủ cùng sự tiến-bộ của ta. Nhờ có cái sướng cái khổ nó đắp đổi nhau mà cái hồn phất-phơ của con người thô-lỗ

(1) Xem *Nam-Phong* số 169.

đời cổ-sơ đã trở nên mạnh-mẽ và rực-rỡ như vậy. Nếu không được tự-do làm trái điều thiện và không phải chịu sự ác, thời không bao giờ hiểu được thiện là gì. Có phải qua bước tân-khổ mới biết cái giá-trị cao-quí của điều thiện. Phải ốm đau rồi mới biết sức khỏe là quí.

Duy có điều thiện là vốn ở nơi Thượng-đế và rốt cùng vẫn được thắng trong trường thiên-nhiên. Điều ác là cái nghiệp của chúng-sinh phải tập học-hành và tập làm nên.

Cái ác nó chỉ có nhất-thời, vì nó chỉ là một phương-diện giáo-dục mà thôi. Nó đến quá độ rồi tất nó tự-hoại. Hễ gặp sự đau-đớn quá thời tức-thì nóng-nảy đi tìm ngay bởi duyên-cớ gì mà sinh ra như vậy. Phàm giống độc-ác tất phải chết hại mau. Cái ác vẫn mau quên lắm, có khi mau quá, vì không bao giờ cảnh-cáo một vài lần mà người ta hiểu ngay, biết đổi theo con đường chính, thường phải thiên-ma bách-chiết, mãi đến chán-chê ra rồi mới tỉnh-ngộ.

Duy có điều thiện là mới bền. Duy có điều thiện là mới tích-lũy được lâu dài, vì là cái mục-đích tuyệt-đối. Lúc tiến lên vui-vẻ, qua được chót-lọt, thì bao nhiêu sự đau-khổ từ trước tiêu-ma đi cả. Người ta lâu dần chỉ tích-lũy những cái hay mà thôi. Cứ xem các giống tấn-tới thì biết cuộc thiên-diễn là cuộc tiến-hóa. Dù thấy một đôi khi có thoái-bộ, cũng không sai được cái công-lệ đó, vì sự thoái-bộ đó là cách trừng-phạt nhất-thời, để bắt phải cho tấn-tới thêm nữa. Nghiệm trong nhân-loại thì đủ biết : dù lầm-lỗi, dù tật-bệnh, dù tai-ương, mà về đường trí-tuệ, về lòng từ thiện vẫn thấy có tấn-tới.

Phàm cái gì xảy ra trong đời người, cái hay cũng như cái dở, là cách thiên-nhiên ma-luyện cho người ta cả, là cái nghiệp-báo xa gần của cuộc đời trước của người ta. Cái hay là cách tưởng-lệ cho cứ thế mà làm, cái dở thì vừa là một cách cảnh cáo, vừa là một cách chuộc lại vậy. Hay là bảo cho mình biết rằng đã thuận ý phục-tòng, dở là lấy cái sức của vận-mệnh bắt cho phải phục-tòng vậy.

Nhân đó PYTHAGORE dạy rằng bệnh-tật là có cái nghĩa thần-bí cả. Ông cho bệnh-tật là những khi người ta thất-hòa với luật thiên-nhiên, cũng như cái triệu-trứng nó phát ra để báo cho mình biết mà phòng bị lấy thân-thể vậy. Ông lại chứng-giải rằng tuy bệnh-tật hiển-nhiên là sự không hay, nhưng thực là cách phòng-bị cho thân-thể, tấn-tới cho thần-trí, vì nếu không có bệnh-tật thì người ta không biết cái gì là hay là dở cho mình, không biết tập cái trí biện-biệt của mình, gây nên cái tư-cách điều-hòa tự-chủ là con đường tiến lên cõi đạo-lý vậy.

Vì bệnh-tật không phải bởi sự ngẫu-nhiên hay bởi sự ngoại-cảm (nóng, lạnh, ẩm-thấp, vi-trùng, v. v.). Chính là không biết hay khinh thường những phép-tắc sinh-hoạt bình-thường, không biết định việc ăn uống chất-lượng phải thế nào, thân-thể cơ-quan tác-dụng phải thế nào, sinh-lực cùng thần-trí phát-đạt phải thế nào. Nếu cư-xử sai về tất cả hay một điều trong mấy điều đó, thời thành ra người ta mâu-thuẫn với luật thiên-nhiên. Kết-quả đến cơ-thể bất-hòa, khí-huyết bất-thông, sức đề-kháng của thân-thể yếu đi, sinh ra những bệnh nội-hư cùng ngoại-cảm. Vì cái độc ở ngoài không tất-nhiên là nó cảm-nhiễm vào mình ngay. Cơ-thể mạnh thì chống được cả với vi-trùng. Vậy thời trước khi bệnh phát ra vẫn có một thời-kỳ thân-thể sẵn-sàng để tiếp lấy bệnh, vì trong cách vệ-sinh, ẩm-thực, cư-xử sai-lầm hay là không biết mà sinh ra. Những bệnh nó mệnh-danh rõ-ràng đó thực là uyên-nguyên đã lâu mà kết-quả đến thế, lúc biết

mà gọi ra được là bệnh đã tàn vậy. Những bệnh riêng của từng bộ-phận cũng là bởi toàn-thể bất-hòa mà ra, cứ dịch-thực ra thì không có bệnh nào là riêng một bộ-phận, chỉ có bệnh chung cả thân-thể, hoặc lan khắp các bộ-phận, hoặc nhiều khi thu vào một phần vậy. Nhưng dù thế nào mặc lòng, lúc đầu là cả toàn-thể bị bệnh, vì phàm bệnh phát ra chẳng qua là từ trước kia người ta không biết mà làm trác-tàng thân-thể mình đi, khác nào như dọn đường sẵn cho bệnh đến vậy.

Vậy thời người ta khỏe-mạnh hay bệnh-tật là chính tự mình làm ra. Đời người là một cuộc học khôn. Hễ biết tìm lấy đường khôn, hễ biết tuân theo phép sinh-hoạt bình-thường, thời được hưởng sức khỏe. Nếu trong cách cư-xử về thân-thể, về tinh-thần mà sai-lầm thời phải chịu bệnh-tật.

Vả lại phàm cái hay cái dở xẩy ra là trách-nhiệm toàn ở mình. Mỗi khi gặp sự phiền-muộn đau-đớn, chỉ nên trách ở mình thôi, vì nếu tự mình biết, tự mình hiểu, tự mình nói lời thẳng, làm việc phải, thời không có cái gì ngang-trái xẩy ra được. Trước đã không biết, nay còn oán gì. Chỉ là một cái dịp để học khôn mà thôi.

Không nên trách trời, trách người, trách sự-vật, chỉ nên tự xét lại mình, mà tìm xem có phải là không biết, là trễ-nải, là vội-vàng, là tức-giận mà sinh ra cái sự phiền-muộn mình phàn-nàn đó không. Hễ tìm thấy cái duyên-cớ nó rồi, thời nên suy đó mà làm gương, rồi cố cư-xử sau này cho hay hơn.

Khi nào có sự tai-ương gì xẩy ra trong một đoàn-thể, thời là đoàn-thể ấy đã cư-xử không chính-đính về đường vật-chất cũng về đường tinh-thần. Không biết chọn những thức ăn sạch lành, không biết tập-luyện thân thể, ở xa chỗ khí tốt, chỗ ánh sáng, không biết quí-trọng tôn-giáo, ăn ở ích kỷ hại-nhân, phóng-túng về vật-dục, không chịu theo kỷ-luật, đó là những cách phạm luật sinh-hoạt, tích-lũy lại thời đến làm cho cái sức đề-kháng chung suy-sút đi, và nhân đó gây ra những dịch-tệ, chiến-tranh cùng cách-mệnh. Khi những cái tai-nạn gớm-ghê đó xẩy ra, thời thiên-hạ cũng mơ-hồ không biết cái nguyên-nhân chân-chính của nó ở đâu, nó đã ngấm-ngầm từ bao lâu mới phát ra như vậy, chẳng khác gì như cá-nhân cũng mơ hồ về nguyên-nhân những sự tai-hại riêng của mình vậy. Bấy giờ mới viện những cớ mới xẩy ra ở ngoài, những cớ hão-huyền ở đâu, không biết rằng trách nhiệm là trách-nhiệm chung cả mọi người, mỗi người phải chịu một phần vì nhiều cớ khác nhau, bởi hết thảy mọi người từ đã lâu năm vẫn sinh-hoạt một cách trái lẽ thiên-nhiên, tư tưởng một cách không chính-đính, không làm hết bổn-phận với Thượng-đế, với thiên-nhiên cùng với kẻ khác. Những khi ấy bèn xẩy ra sự tai-ương chung để bách cho phải làm những sự cải-cách mà tự mình đã không làm, nghĩa là phải sửa lại cách ăn uống cho hợp lẽ tự-nhiên, cách sinh-hoạt cho mạnh-mẽ, tư-tưởng cho quảng-đại và tín ngưỡng cho cao-xa vậy.

Khốn-nạn cho những kẻ ấy. Họ không biết rằng cái của báu của họ là ở trong tay họ, ở trong người họ đó.— Cái nó làm hại cho sự hạnh-phúc của người ta hơn cả, là cái quan-niệm vô-lý của người đời về hạnh-phúc, cùng những phương pháp trái lẽ người ta dùng để thu-hoạch lấy những cái của báu hão-huyền. Thật thế, phần nhiều người lấy mục-đích ở đời là tích-lũy lấy của-cải, để cho được vinh hiển, ăn uống chứa-chan, và thong-dong không phải làm việc gì nữa. Còn những kẻ muốn cầu cho được cái thân-phận hay hơn, thì tưởng cứ trông cậy ở người

ngoài giúp đỡ, ở xã-hội tư-cấp cho là được, chứ không phải ở cái công-phu riêng của mình. Lại như khi tật-bệnh thì kẻ không có tri-giác chỉ tin ở thuốc-thang của đời, tưởng cứ dùng những vị thuốc chế ra rất cầu-kỳ là có thể bình-phục được sức khỏe.

Khốn thay cho những kẻ đó, đem hi-vọng của mình mà để ở cái hão-huyền bên ngoài, không biết rằng cái nguồn của những sự vui-vẻ, mạnh-khỏe, tấn-tới, là chính ở tự mình vậy. Sự giàu-có cùng những cái lợi-lộc vật-chất của sự giàu-có làm ra, có lẽ nó lại ngăn-trở cho hạnh-phúc cùng sức khỏe, vì những cái ấy khó lòng mà xử-dụng cho công-bằng, cho điều-độ được. Những cách chạy chữa bề ngoài, chỉ khỏi được nhất thời, rồi lại sinh ra bệnh khác càng ngày càng nặng.

Trái lại thì người nào đã phát-minh được ở trong người mình cái nguồn sinh-hoạt, cái sức ý-chí, những sức mạnh cùng phương-kế để chống giữ và để chữa khỏi, người nào đã phát-siển được năng-lực về lý-trí cùng về trác-kiến, những cái đức tốt nhân-từ trí-tuệ nó vẫn tiềm-tàng ở trong người mình, chỉ đợi có tài-bồi là nảy-nở ra, thì người ấy là tích-lũy của-cải ở ngay trong bản-thân mình, sẽ được bình-yên mà hưởng cái của báu nội-tâm đó, mà dùng cái sức mạnh tự-kỷ đó.

Muốn hiểu biết rằng sự hạnh-phúc chân-chính là ở trong người ta, thì chỉ nên suy-nghĩ đến cái tình-cảnh khốn-nạn của những kẻ chỉ ham những của phù-vân bên ngoài, đam-mê tửu-sắc, thiên về cái chủ-nghĩa duy-kỷ cuồng-dại. Chỉ nhờ ngoài, vị ngoài mà sống, chẳng bao lâu sẽ hao-mòn đi, đeo lấy những sự đau-khổ cho thân-thể, cho tinh-thần, rồi đến ngày chết là hết cả, vì không có để được cái gì ở trong mình cả. Đến như cái thân-phận người trí-giả thì không thế người trí-giả có những của báu không trông thấy, do ở cái trác-kiến mà ra, biết an-phận chỉ dùng những cái giản-dị, tự-nhiên, điều-độ, và chỉ chủ một cái mục-đích, là học mãi cho biết, sửa mãi cho hay vậy. Của báu trong thần-trí thì không ai cướp lấy được, vì nó là cái của tích-lũy không tiêu-diệt được, dẫu chết đi cũng không mất vậy.

Xem một điều này thì đủ biết cái của báu nên cầu là nó ở ngay trong mình ta, là xem như một tên ăn cướp hung-tợn có thể cướp lấy của-cải, chiếm lấy vẻ-vang ở đời, chứ cái đức người quân-tử thì có bao giờ thấy ở trong bụng kẻ tiểu-nhân đâu.

Người nào đã phát-minh được cái thiên-lý ở trong mình, biết giữ-gìn cho lương-tâm mình được chính-đốn trong sạch, biết khiến cho trong lòng mình cùng cả chung quanh mình được yên-tĩnh, thì người ấy là đã tới cõi cực-lạc rồi đó.

Những người biết cái cách giải-thoát cho khỏi sự khổ-não thật là ít lắm thay.— Phần nhiều người chỉ thiết tha cái bề ngoài, cái trực-tiếp ngay. Khi phải tìm ra cái nguồn những sự đau khổ của mình, thì không biết suy ngược đến những nguyên-nhân xa-xôi to-tát. Như khi tật-bệnh thì chỉ biết trị cái kết-quả sự sai-lầm của mình, cái ngoại-trưng của bệnh, sự bất-hòa của một bộ-phận, sự tác-ác của giống vi-trùng, vân vân, chứ không biết phục-hồi lại sự điều-hòa trong thân-thể, sức đề-kháng của cơ-quan, mà đừng ăn ở trái với luật thiên-nhiên vậy. Bởi không có con mắt sáng-suốt biết cái nguồn gốc chân-chính của sự đau-khổ của mình, cho nên dùng những cách liệu-trị thậm là vô-lý. Thậm-chí đến tin rằng dùng thuốc-thang có thể miễn cho khỏi được theo luật sinh-hoạt tự-nhiên, khỏi được bệnh-tật và cứ ăn ở một cách sai lầm phóng-túng

cũng giữ được thân-thể vô-dạng, chẳng phải đau-yếu gì.

Những người hiểu rằng cái nguồn những sự đau khổ của mình chỉ là tại mình không biết phục-tòng các luật-pháp siêu-nhiên cùng thiên-nhiên, và chỉ có một cách khôi-phục lại sự điều-hòa trong người được là khi đau-đớn thì tìm lấy cái lỗi mình đã phạm và lại quay về con đường chính, những người hiểu như thế thật là ít lắm thay. Nhưng người biết cái khoa y-học chân-chính về thân-thể cùng về tinh-thần, thật cũng ít lắm thay!

Sự mê-muội của người đời thật là quá lắm thay, làm cho trí-tuệ phải mờ-ám, khác nào như cái ổng lăn, cứ lăn liều, không bao giờ khỏi được những nỗi khổ-thống vô-cùng. — Sự ngu-muội của người ta quá đến nỗi nhiều khi cái hão-huyền, cái độc-hại lại thiết-tha mà cầu lấy như sự tốt lành, sự lợi-ích. Bởi thế nên biết bao nhiêu người chỉ ước-ao được sống một cách dật-lạc phóng-túng như những kẻ hoang-toàng kia, chỉ cầu lấy cho được nhiều của nhiều tiền, để chuốc lấy cái bề ngoài phong-phú vậy. Bấy giờ thì hình-thể to trệ, mặt mũi đỏ bừng, lại cho là cái dấu mạnh khỏe đó. Mà trái lại cách sinh-hoạt cần-lao giản dị, cách ăn uống tự-nhiên bình-thường, thế người khô-khảnh mà cứng-cáp, thế lại cho là không hay mà lấy làm kiêng-kỵ vậy.

Những sự sai-lầm của cái khoa-học giả dối, những sự quá-đáng của cái công nghệ tân-phiền, đã làm cho sai mất sự phán đoán cùng loạn mất cả trí-tuệ của người ta. Thành ra tập quen những cái thói dật-lạc, những cách cẩn-thận hão-huyền, làm cho cái mãnh-lực sinh-hoạt cũng bị cản-trở đi vậy.

Sở-dĩ đời người ngày nay đến nỗi khó-khăn đau-đớn như vậy, là vì người đời chán những cách giản-dị, xa lối sinh-hoạt mộc-mạc như xưa và khinh những sự tự-nhiên vậy. Bởi thế nên trông thấy sự thành-thực bày ra thì không chịu phục, vì sự thực bao giờ nó cũng trái với những thói-quen phiền-phức, cho là dễ dàng quá ai cũng có thể làm được.

Sống không có chủ-nghĩa, không có sức mạnh trong tâm-hồn, không có nhẫn-nại về thân-thể, người đời khốn-nạn chỉ phất-phơ không biết tín-ngưỡng vào đâu. Tùy cái cơ-hội ngẫu-nhiên mà bềnh-bồng trôi giạt, để cho việc thắng-lại nó sai khiến, và đem thân làm hi-sinh cho sự nông-nổi của mình, phó mặc cho vận-mệnh, hết nạn này đến nạn khác lớn hơn, tạo ra cái nhân-quả ác-nghiệp mà giữa lúc bấy giờ không hiểu được cái lý-do chân-chính của nó thế nào.

Vì cái tật mê-muội bất-minh đó, đi đâu nó cũng âm-ảnh hoài, thành ra không biết phân-biệt điều gì là điều phải nên thuận-nhận, điều gì là điều trái nên tránh xa mà đừng tức-giận. — Cái thân-phận khốn-nạn của những kẻ không biết rằng nguồn gốc chân-chính của sự đau-khổ của mình là ở tự mình, và kẻ cừu-địch tối-ác của mình chính là nó nấp ở trong mình, thì cứ xem ngay cái cách họ chữa bệnh của họ là biết. Không biết cái mục-đích của đời người, không biết những phép-tắc cư-xử của cá-nhân, đáng phải tự sửa lấy mình lại không nghĩ đến sửa mình, chỉ mong chữa sửa lại người, trách rằng tạo-vật không điều-hòa mà số-phận có chênh-lệch vậy. Nếu sinh ra chân-ngắn hay mắc phải bệnh-tật, thì đổi xứ này sang xứ khác, thay khí-hậu cho khác đi, bày ra mọi cách tiêu-khiển, rồi đi hỏi khắp thiên-hạ cho biết cái tên bệnh mình là bệnh gì và phải chữa cách nào cho được khỏi. Nếu có người bảo cho được biết rằng dù đi đến đâu cũng không khỏi sự

phiền-muộn được, vì đi đâu cũng là ôm cái phiền-muộn đi theo cả, và muốn cho chữa khỏi thì chữa ở đâu cũng được, miễn là biết tự soi xét mình và tự chữa sửa mình là đủ, nếu có người bảo cho họ thế, thì họ lấy làm lạ lắm.

Vậy thời cái công tự-kỷ tu-luyện, ấy là cái bí-quyết lớn cho được ở đời yên vui sung-sướng, điều đó tưởng nhắc đi nhắc lại bao nhiêu cũng là đáng vậy. Duy có sự kinh-lịch riêng, thành-thục và kiên-nhẫn là có thể phân-biệt được điều phải lẽ trái, biết thuận-nhận những cái kỷ-luật yếu cần, biết lánh xa những cái gì sai-lầm hư-hại mà không căm-tức giận-dữ, biết cứ yên-ổn mà tuân theo trật-tự. Duy có sự kinh-lịch riêng mới khiến cho được rõ và biết rằng phàm sự đau đớn là thuộc về cái phạm-vi bảo-thủ tự-nhiên cả, chính là ở sự sai-lầm lỗi-lạc của ta mà sinh ra, và cốt là để cảnh-tỉnh cho ta biết lại trở về con đường tinh-tiến, nghĩa là rút lại cái gì xảy ra cũng là do sự tác-dụng mầu-nhiệm của luật thiên-nhiên, không thể cưỡng lại được.

Lẽ thần-bí. — *Ôi Thượng-đế, là cha sinh ra chúng ta! xin cầu-nguyện Thượng-đế tế-độ cho loài người khỏi phiền, chỉ-thị cho họ biết tự mình có cái sức thần-thông là đường nào.* — Trông thấy cái cảnh-tượng những sự sai-lầm đau-đớn của loài người, kẻ có cái trí sáng-suốt trước hết lấy làm băn-khoăn thương xót. Sẵn lòng muốn xin ân-xá cho hết thảy những kẻ lạc đường, cầu-nguyện trời cao tuyệt-đối can-thiệp vào để trừ những nỗi khổ cho người ta, ban cho cái trực-giác để biết con đường lành mà đi. Lại muốn cưỡng-ép cho họ được sáng mắt ngay ra lập-tức; đem cái chân-lý mà phô bày ra trước mắt cho được tỏ tường. Không nhiệt-thành ước-ao gì bằng là làm thế nào cho họ hiểu rằng các phương-pháp tế-độ cho họ chính là ở trong người họ đó, và cái bí-quyết cho được bình-phục, cho được khỏi bệnh, cho được tương-lai sung-sướng là ở cái chí-nguyện của mình và ở lòng phục-tòng thiên-lý vậy.

Vả kẻ đệ-tử mới học đạo phải qua một hồi thất-vọng như vậy, không phải là thất-vọng vì trông thấy những điều sai-lầm của người ta, thất-vọng vì muốn mở mắt cho những kẻ khốn-nạn đó mà thấy hiển-nhiên họ không nghe không hiểu. Đem lời đạo-lý thâm-trầm mà nói với những kẻ hãy còn lối-tăm ở trong vòng sinh-hoạt mơ hồ, còn bị những cái thiên-kiến nó mờ-ám, thì thành ra lời nói không nghĩa-lý, không ảnh-hưởng. Vì rằng muốn cho thu-hoạch được những điều sơ-lược về đạo-lý, thì phải tự mình đã có tập-luyện ít nhiều vậy. Và phàm sự tấn-tới là phải do cái công-phu riêng của cá-nhân, vậy thì kẻ đạo-đồ chỉ có thể trỏ đường lối cho người ta mà thôi. Cứ nên gia-công gieo hạt, dù nó chậm mọc mầm cũng không nóng ruột, và cái kết-quả về sau thế nào không phải lo ngại gì.

Nhưng mà không: chúng ta chẳng nên rầu lòng lo-lắng, vì loài người là giống thần minh, tự mình có thể phát-minh được những lẽ mầu-nhiệm của tạo-vật bày ra cho mà tìm-tòi. — Người trí giả thử suy-nghĩ, sẽ thấy trong trí mình lại bình-tĩnh, vì nhớ rằng người ta phải tự đào-tạo lấy mình, vậy thời phải nỗ-lực mới thành-công, phải chịu khổ mới sửa được khi đã lầm lối sai đường, và phải tuần-tự tiến-hóa mới thu-hoạch được sự hạnh-phúc. Bấy giờ thì người trí-giả lại phục-hồi được sự điềm-tĩnh của mình, nhớ lại mà biết rằng sự đau-đớn là cái tạm-thời, cốt để chuộc cái lỗi cũ và răn dạy về sau, chứ cái lòng hi-vọng sáng-sủa, cầu lấy sự hạnh-phúc tối-cao, thì người ta ai cũng được có vậy.

Cho đến cái chết cũng không phải là một sự liễu kết thật. Người ta vì vô-minh hay vì phẫn-uất mà chết đi, thì chưa phải đã thoát đâu, rồi sẽ tái-sinh ra một hình thể khác tiện cho cái nghiệp tu-luyện của mình. Người nào vì lòng bác-ái mà phấn-khởi hi-sinh thì tức là được tăng-tiến mau lên và kiếp tái-sinh sẽ được sáng-sủa.

Dù thế nào mặc lòng, kẻ học đạo trong phái PYTHAGORE muốn giữ lấy lạc-quan thì cũng dễ, vì đã biết cái bí-quyết của sự sinh-hoạt trong vũ-trụ, của sự tiến-hóa trong loài người, và biết rằng người ta là thuộc giống thần-minh, nghĩa là người cũng như thần, là vĩnh-viễn bất-diệt, và phải làm thế nào cho trong người mình dần dần phát-siển được hết những cái đức-tính thiêng-liêng.

Trong đạo PYTHAGORE, có cái thuyết luân-hồi tiệm-tiến đó, là cái thuyết dạy rằng người ta phải qua nhiều kiếp rồi mới dần dần tiến lên, kết-cục phải sáp-nhập với Thượng-đế là chốn hạnh-phúc vô cùng, thuyết đó là một cái bí-quyết, đem lộ ra thì nguy-hiểm quá, cho nên vẫn giữ kín lắm.

Vả lại tất cả các đạo-giáo về cổ-đại, các nhà đại-bí truyền đời xưa đều dạy về cái thuyết tái-sinh và qui-nhất đó, nhưng bao giờ cũng chỉ truyền cho kẻ đạo đồ mà thôi, còn nói với công-chúng thì nói bằng cách tỉ-dụ xa-xôi, vì như sau này ta sẽ nói, điều đó mà truyền ra cho những người chưa có tư-cách hiểu được thì có cái nguy-hiểm lạm-dụng quá-đáng.

Cổ-nhân tượng cái thuyết luân-hồi đó bằng một cái vòng tròn, hay bằng một cái hình một con rắn khoanh tròn lại mà lấy đầu cắn đuôi vậy. Cách hình-tượng giản-dị đó là tiêu-biểu cho tinh-thần với sinh-hoạt, do tự nơi Thượng-đế phát ra, truyền vào trong vật-chất và trong thiên-nhiên, biến ra hình những nguyên-tử tinh-thần đặc-biệt, rồi cứ tuần-tự tiến-hóa lên, mở-mang sáng-suốt ra, dần dần phát-siển được hết những cái năng-lực thiêng-liêng tiềm-tàng ở trong mình, rồi hết kiếp ấy sang kiếp khác, cứu-cánh sẽ tới bậc ngang bằng với Thượng-đế và khoát-nhiên hỗn-hợp với Thượng-đế vậy.

Vậy thì cái đời hiện-tại của một người là gồm cả cái nghiệp tốt xấu của kỳ-vãng, lại vừa gồm cả cái tương-lai bao-hàm những mầm-mống của nghiệp tốt nghiệp xấu sau này.

Kẻ sơ-sinh mới lọt lòng đã có một cái kho kinh-nghiệm về sự sống rồi; biết kêu, biết bú, biết cử-động, vì đã từng sống nhiều kiếp trước rồi. Cái đời hiện-tại của nó sẽ là do ở công-phu nó, do sự ký-ức của nó, do ở cái nghiệp trước của nó tốt hay xấu mà gây-dựng ra. Đời của nó sẽ vừa là kết-quả của đời trước, vừa là tạo-nhân cho sau này. Cái đời trước của cá-nhân thế nào, thì nó tóm-tắt lại ở sự tấn-tới hằng ngày của đứa con trẻ, trước tiên cái óc nó còn chưa biết tư tưởng, con mắt nó còn chưa biết trông coi, cái lưỡi nó, cái tay nó còn ngọng-nghịu, nó tuyệt-nhiên chưa có ý-thức gì, vậy mà rồi dần dần trí khôn nó mở-mang ra, giác-quan nó luyện-tập dần, ý-chí nó tăng-tiến lên, rồi nó càng kinh-nghiệm, càng khám-phá, lắm khi cũng nhọc lòng đau-đớn lắm, thì cái tâm-trạng nó càng khoát-đạt ra, nghĩa là trong cái thời-kỳ thơ-ấu đó thì hình như ôn lại cái bài học từ kiếp trước vậy.

Khi đã đến tuổi khôn lớn rồi, thì đứa trẻ ấy tự-lập, và bắt đầu kết-cấu lấy cái vận-mệnh của mình, không những là dự-bị cuộc tương-lai của mình trên cõi đời này mà thôi, lại tạo ra thể-cách cùng cảnh-ngộ cho cái đời lai-sinh nữa. Những sự ham-muốn, những sự mong-mỏi, những sự lưu-luyến, những sự cảm-dụ nó phảng-phất trong đời, tức là những tiêu-biểu cho cái khuynh-

hưởng qui nhất, chung cho cả muôn vật trong thế-gian vậy. Tùy cái cách mình ăn ở có tâm có nghĩa hay là không, thì sự tấn-tới sẽ mau hay là chậm. Và trong đời hiện-tại này, nếu công chưa được thưởng, tội chưa phải chịu hết, thì không mất đi đâu, vẫn như có ghi vào sổ để báo-đáp về kiếp sau vậy.

Người ta không phải là lúc đẻ ra mới thành người và khi chết đi là hết cả đâu. Trước kia đã từng có sống rồi, sau này cũng lại còn sống nữa, vì là có cái tinh-thần bất-diệt vậy. Sự chết chỉ là sự biến-hóa, để lại tái-hồi bồng-bột vậy. Nó là sự bãi bỏ một cái hình-thể vật-chất đã cỗi vậy; nó là một cách đổi cái đồ dùng để tu-luyện vậy. Khi đời bỏ xác thịt chỉ mất cái hư-vô hão-huyền hay cái vật-chất trước mắt mà thôi, chứ cái nghiệp thực, nghĩa là những cái hay đã thu-hoạch được mà phải tích-lũy lấy, cùng những cái dở phải chữa sửa lại và phải bài-trừ đi, thời vẫn mang theo đi mãi. Thân-thể chết đi là thần-trí được thoát ra mà lại bay bổng trong cõi khinh-thanh, cũng như thân-thể sinh ra là thần-trí tiêu đi, rời bỏ cõi thanh-thiên mà sáp-nhập vào vật-chất vậy.

Vậy thì sự sinh là một sự tiếp-tục chứ không phải hẳn là bắt đầu. Những cái tư-tưởng chủ-trương lúc sơ-sinh, chẳng qua là những sự phảng-phất nhớ cũ cả. Về sau thì cái lòng ước-ao hạnh-phúc cũng chỉ là những cách mơ-màng dự tưởng vậy. Người ta là một giống nhớ cũ tưởng sau. Nay sự ký-ức những cái nghiệp trước thuộc về bản-năng hay thuộc về trí-tuệ, hầu như không có ý-thức gì cả, tức là để cho người ta đừng tỏ tường cái nghiệp trước của mình quá, thấy nó nặng-nề khó-nhọc mà thành ra chán-nản, không muốn gắng-gỏi cho bước lên, thậm-chí đến thất-vọng mà tự-diệt mình đi vậy.

Sự sống sự chết thực là cái gì thì cứ nghiệm ngay lúc thức lúc ngủ là thu được cái hình-ảnh đúng lắm. Thức là hoạt-động có ý-thức, ngủ là nghỉ-ngơi vô ý-thức, thức ngủ kế-tiếp nhau, coi là sự thường, vậy mà thực là cái hiện-tượng phân đôi rất mầu-nhiệm, đối với con mắt kẻ phàm-phu không có ý-nghĩa gì, nhưng kẻ trí-giả biết xem biết hiểu, thì nghiệm đó mà tỏ rạng ra nhiều. Lối ngủ bệnh của thuật thôi-miên hay lối ngủ tạo bằng cách cám-dỗ, để cho cái vô-ý-thức nó chủ-trương cơ-thể, cũng thuộc về cái hiện-tượng phân đôi nhân-cách đó.

Mỗi buổi chiều, hình như bỏ cái khu-xác mình đó không lo ngại gì, đến khi thức dậy mới lại ra tay cai-quản. Nay đời lúc cùng-tận cũng vậy, bỏ cái khu-xác hiện-tại của mình để lúc tái-sinh lại chủ-trương một cái khu-xác khác.

Lúc buồn ngủ thì thấy thân-thể mệt-nhọc, nghĩa là những cái sinh-lực lưu-thông trong người nó tạm-thời khô-cạn. Ngủ là để lại tích-lũy những sức mới vừa thu-hoạch được trong không-khí bằng sự hô-hấp, lại vừa lấy ra ở trong cái kho sinh-hoạt tiên-thiên ở trong người, bằng sự kích-thích của các cơ-quan. Đến khi cái tiềm-lực đã đầy đủ rồi, có thể tiếp-tục hoạt-động được, thì bấy giờ tỉnh-thức dậy. Sự chết cũng vậy, hoặc là bởi cái sinh-lực của một người đã tuần-tự mà hết đi, hay là chưa đến kỳ mà đã sớm tiêu-tiết đi mất, hay là gặp sự bất-kỳ mà bị phá-hoại mất, chết đi rồi thì có một khoảng giữa để nghỉ-ngơi, tức là để tích-lũy lại những cái sức mạnh tiên-thiên mà đem ra dùng trong cuộc đời sau này, khiến cho có thể phản động lại những sự kích-thích bên ngoài vậy.

Ngày hôm trước mình ăn ở thế nào, tức là qui-định cho sự tác-dụng của cơ-thể mình về đêm hôm ấy và ngày hôm sau. Nếu đã biết theo đúng luật

thiên-nhiên về vật-giới, về sinh-hoạt, về tinh-thần, thì giác-quan được yên-ổn, thần-trí được bình-tĩnh, đêm ngủ yên giấc, và ngày hôm sau sẽ được sáng-sủa tỉnh-tao. Trái lại, nếu làm sai luật sinh-hoạt, hoặc là ăn uống quá độ, hoặc là tập-luyện sai cách, hoặc là tư-tưởng hay hành-vi những sự không tốt, thì đêm đầy những chiêm-bao mộng-mị, mơ-màng những chuyện gớm-ghê độc-ác, mà ngày hôm sau thì thân-thể nặng nề, tinh-thần khốn-khó. Đời người mà sống không ra gì, trái với luật thiên-nhiên, trái với phép thần-thánh, thời cũng sinh ra như thế, gặp những khoảng trung-gian đau-đớn hãi-hùng, rồi đến kiếp tái-sinh thì khổ-sở phiền-não, như là qua cái cầu giải-oan hay cái cảnh địa-ngục vậy. Còn như sống một cách có tâm có nghĩa thì khi nghỉ-ngơi ắt được bình-tĩnh và lúc tái-sinh cũng được cái đời thảnh-thơi sáng-sủa.

Vậy thì thiên-đường hay địa-ngục là tự tay mình tạo ra cả, tay đã gieo giống gì, thì sẽ lại gặp giống ấy, chẳng sớm thì chầy, vì nếu việc gì cũng có thưởng phạt ngay lập-tức, thì cái trí sáng-suốt, cái công tu-luyện, còn phải cần chi nữa. Lại nếu công-việc làm đã không có kết-quả trực-tiếp, lại cũng không có thưởng-phạt xa-xôi, thời cái lẽ công-bằng là điều cốt-yếu của tạo-vật, không thể nào phát-sinh ra trong tâm-trí người ta được. Vậy thì nếu làm trái điều thiện mà phải trừng-phạt, thì không phải là bề trên trả thù gì mình đâu, chính là mình có lỗi thì lẽ công-bằng là phải chịu tội. Cho nên sự trừng-phạt đó chỉ nên nhất-thời cho đủ chuộc lấy lỗi, lập lấy công, gắng-gỏi thế nào cho đền bù được cái tội đã phạm.

Cái luân-lý của đạo PYTHAGORE đó vừa thỏa-thích cho trí-tuệ, cho lý-tính, cho cái lòng ham muốn tự nhiên càng ngày càng được thêm công-bằng, thêm cao-thượng, thêm hạnh-phúc. Luân-lý đó trước hết phá được cái ức-thuyết cho đời người là một con đường độc-nhất, sướng thì sướng vô-cùng, khổ thì khổ vô-hạn, thuyết đó thật là chán-ngán thay. Lại giải nghĩa được những sự bất-bình-đẳng tiên-thiên ở trong người ta, về thân-thể, về trí-tuệ, về đạo-đức. Sau hết lại thích-hợp với cái lòng nhân-từ vô-hạn của Thượng-đế, ngài đã tiên-tri mà hiểu biết hết thảy, không muốn cho phần nhiều các sinh-linh của ngài đến phải vĩnh-viễn trụy-lạc.

Cách giải-nghĩa về sự bất-bình-đẳng hiện-tại của loài người bằng cái phép ngầm tiến-hóa của từng người, tiến-hóa một cách tự-do mà mau chậm có khác nhau, vì công-đức không giống nhau, cách giải-nghĩa đó thật là cái cơ-sở vững-vàng cho những quan-niệm về trật tự, về kỷ-luật, là cái lý-do phù-cường hạnh-phúc cho các đoàn-thể. Nó lấy khoa-học cùng tôn-giáo làm căn-cứ mà chứng rằng ở đời cần phải công-nhận cái trật-tự về trí-tuệ và đạo đức và phải phục-tòng những người thủ-lĩnh kén-chọn trong những kẻ tài giỏi mà ra. Cho lẽ công-bằng không phải là căn-cứ ở sự bình-đẳng mơ hồ, mà ở sự yếu-cần cho vạn-vật phải giúp đỡ lẫn nhau, sự giúp đỡ này lại càng dễ hơn nữa, vì kẻ ngu tự-nhiên phải phục-tòng người hiền, và quyền-lợi cùng nghĩa-vụ người ta vốn không chia đều mà thật là xứng-đáng vậy. Theo lẽ đó thì những người được tấn tới hơn, có phần hơn người khác về oai-quyền, về phương-tiện, nhưng cái hơn ấy vẫn phải cố bảo-thủ lấy, là nhờ được có tinh-thần siêu-việt hơn kẻ khác, phải làm cái gương đạo-nghĩa cho người ta, nghĩa là làm con người có nhân-từ, có hiếu-nghĩa vậy. Vì rằng muốn có cái oai-quyền riêng thì bao giờ cũng phải tỏ ra hơn người, tự-khắc kẻ dưới phải kính-trọng phục-tòng và theo đó tấn-tới lên.

Người nào đã thấu-hiểu những lẽ cao-thượng đó thì sống ở đời có lòng tín-ngưỡng băng-hải. Biết gắng sức bổ-cứu lại những sự khuyết-điểm của mình, gia công dự-bị cái khuynh-hướng cho cuộc đời về sau của mình, chỉ chăm-chăm có một cái mục-đích là : sửa-sang tấn-tới cho bản-thân mình và cho kẻ khác nữa. Đã hiểu rõ rằng sự tinh-tiến của mình là có liên-lạc với người ngoài, và giúp cho người ngoài được tiến-bộ tức là một cách chắc-chắn để mưu sự tấn-bộ cho mình vậy. Đem lòng thương-xót phù-trì cho những kẻ lạc đường khốn-nạn, đối với mỗi người tùy cái tài-trí người ta có thể dung-nạp được phần nào thì đem cái chân-lý mà truyền-thụ cho phần ấy. Phàm mọi sự hành-vi của mình đều tỏ ra khoan-dung bình-tĩnh cả. Không có phiền lòng về sự gì nữa, và chỉ nghĩ cách tỏ rạng cho người ta, chứ không oán trách gì ai nữa. Bấy giờ thì sự đau khổ cho là một cách cảnh-cáo hay cho mình, và sự khoái-lạc thì coi như một cách dự-tưởng của thần-minh vậy. Cho đến cái chết cũng không lấy làm ghê sợ nữa, vì coi như là sự khai-mạc cho một cõi đời sáng-sủa hơn.

Nhưng mà những cái quan-niệm cao-siêu đó cố-nhiên là phải có thấu-hiểu thâm-trầm thời mới thành ra kết-quả tốt đẹp được. Cái tính cách cao-thượng của nó chính là một sự trở-ngại cho những kẻ tầm-thường. Muốn đem ngay những điều đó mà truyền-thụ cho họ, thì có cái nguy-hiểm là họ không sao hiểu được, và có khi đến khiến cho cái bụng dục bạo-phát ra mà không ngăn-ngừa được vậy. Vì đối với kẻ ác rất không nên dạy cho họ rằng Thượng-đế vẫn sẵn lòng khoan-dung, tội gì rồi cũng được tha-thứ hết. E rằng nói như vậy chỉ đủ khiến cho họ thừa-cơ mà lại càng làm bậy vậy. Chắc rằng tội gì rồi cũng có thể chuộc được, dù sao rồi cũng có ngày tới cõi hạnh-phúc, bấy giờ thời chỉ muốn cho thỏa-tình tùng-dục ngay lập-tức, rồi có phải chuộc tội cũng cam-tâm. Trí-thức họ còn hẹp, kinh-lịch họ chưa đủ, không trông được rõ cái khổ-hải mênh-mông về sau này.

Phàm cái Chân-lý càng cao thì đem bộc-lộ ra lại càng nguy-hiểm. Vả lại cái lẽ tự-nhiên phải như vậy, vì phàm cái quan-niệm gì càng siêu-việt thì càng khó diễn-giải ra được. Thượng-đế hay là cái Chân-lý tuyệt-đối, thì thật là vô-khả tư-nghị.

Vậy thì có những điều Chân-lý không nên nói rõ ra. Vả lại ngay trong cõi vật-chất, cứ xét khoa-học ngày nay phát-minh ra được bao nhiêu những cái sức mạnh về lý-hóa mà loài người ngày nay lạm-dụng một cách ác-hại như thế nào, thì mới hiểu rằng các nhà đạo-học ngày xưa hay hết sức cẩn-thận cũng không lấy chi làm lạ ; các nhà ấy không có gặp ai cũng truyền dạy cho những lẽ bí-mật về đạo, những sức mầu-nhiệm của tư-tưởng, cùng cái vận-mệnh rực-rỡ của loài người, là những điều tối thâm-trầm và tối nguy-hiểm vậy.

Thí-dụ như xã-hội ta ngày nay là một cái xã-hội rất mê-cuồng về nghĩa bình-đẳng, nếu mà đem ra tuyên-bố truyền-dạy rằng mọi sự bất-bình-đẳng về thể-chất, về trí-tuệ, về tinh-thần là sự chính-đáng, vì là sự hiển-nhiên, rồi nhân đó suy ra mà nói rằng phàm quyền-lợi, nghĩa-vụ, thưởng-phạt vốn là bất-bình-đẳng và ở đời cần phải có trật-tự trên dưới, kẻ kém người hơn, nếu mà đem giảng những điều đó, thiên-hạ tất là cực-lực phản-kháng lại. Những kẻ chửa tiến-hóa đến nơi sẽ kêu to lên là không công-bằng, vì không đủ tư-cách hiểu những cái lẽ mầu-nhiệm của mọi sự bất-bình-đẳng về trí-tuệ, về uy-quyền

thường nghiệm thấy trong các thời-kỳ tiến-hóa của loài người.

Vậy thời xem đó lại càng thêm rõ cái cớ sở-dĩ làm sao mà các bậc hiền-triết về cổ-đạo lại chia đạo học ra làm hai bậc, để cho điều hòa được những sự yếu-cần về trí-tuệ ở mỗi người một khác, vì cái trình-độ tiến-hóa không giống nhau vậy. Lại cũng nghiệm đó thì hiểu rằng sở-dĩ làm sao mà ngoài cái luật-pháp cùng tôn-giáo bí-truyền, chỉ để dạy cho những kẻ thượng-lưu mà thôi, các nhà ấy lại đặt ra những luật-pháp cùng tôn-giáo phổ-thông, lấy cách tỉ-dụ mà truyền dạy lẽ đạo, bắt-buộc người ta phải làm điều thiện, vì sợ phải chịu những tội-ác ghê-thảm đến thân-thể về sau này.

Ở thời-đại ta này, sự học của cá-nhân mỗi ngày một ban-bố ra, một tấn-tới lên, những người có đủ trí-tuệ hiểu được những lẽ cao-xa về vũ-trụ, càng ngày cũng càng nhiều thêm lên. Vả chính vì lẽ đó nên những cái hình-thức phổ-thông của đạo-giáo đời xưa, xem ra không đủ để mà hướng-đạo cho các dân-tộc nữa, bởi đó nên có thể đem lẽ huyền-bí mà truyền dạy ra, khiến cho những kẻ thượng-lưu trí-thức biết quay về con đường Chân-lý hoàn-toàn, kiêm cả khoa-học cùng tôn-giáo vậy.

Thật thế, nếu những bậc giáo-sĩ của các đạo, hiểu rõ các lẽ thần-bí, lại thêm có tài cai-quát, biết lợi-dụng để mà cắt nghĩa những cái biểu-tượng về tôn-giáo khiến cho cái tử-văn thành ra có sinh-hoạt, khiến cho lời diễn giải được mới-mẻ và dễ hiểu hơn, thì sẽ trừ được một cái duyên-cớ cốt-yếu làm cho lòng người xa cách với đạo-giáo vậy. Trí người đời nay rộng rãi hơn, phàm cái gì có phô-diễn ra rõ-ràng, thuyết-minh ra hợp lẽ thì mới chịu phục chịu tin vậy.

Vậy thì muốn cho một cái đạo phổ-thông giữ được sức mạnh cảm-dụ và truyền-bá, thì những người có chức-trách truyền-đạo, cần phải là những người đã chân-chính đắc-đạo, nghĩa là phải gồm cả tư-cách nhà bác-học, nhà hiền-triết, nhà tu-hành, thì mới dung-hòa được khoa-học và tôn-giáo cho thành kết-quả vậy. Vì rằng muốn truyền dạy cho kẻ khác cái chương-trình của Thượng-đế, thì trước hết phải tự mình đã trông thấy cái chương-trình đó thi-hành ra hoàn-toàn vừa ở bản-thân mình, vừa ở trong vũ-trụ vậy.

Thời-kỳ kết-quả

Cõi trí-đạo.— *Các lẽ mầu-nhiệm đó đã thấu được rồi, thì những lời ta khuyên dạy đây, sẽ làm được dễ-dàng, và đáng được giải-thoát cả mọi sự phiền-não.*— Khi đã cố công gắng sức tìm được Thượng-đế ở trong bản-thân mình cùng trong cõi thiên-nhiên, hiểu cái cách tác-dụng của luật-pháp ngài trong mọi sự hiện-tại cùng mọi sự xảy ra, thời bấy giờ sự chiết-đấu để cho tự-kỷ tinh-tiến lại càng dễ-dàng lắm. Những phép tắc cao-thượng về đạo tu-luyện cũng tuân theo được dễ, và kết-cục sẽ đưa tới cõi trí-đạo. Bấy giờ thì cái cơ-hội cùng những sự xảy ra bên ngoài không có ảnh-hưởng gì đến người trí-giả cả, trong lòng tín-ngưỡng hăng-hái vô-cùng, dẫu đối với cái chết hiển-nhiên, cũng vẫn bình tĩnh như thường, vì thấy người mình càng ngày càng thoát được khỏi những cái chướng-ngại về vật-chất và khuynh-hướng về cõi thần-minh.

Nhưng mà phải nên kiêng-kỵ những thức ăn ta đã cấm trong khi tu-luyện trai-giới, và cứ nên theo đuổi cái công-phu giải-thoát cho linh-hồn được thảnh-thơi, phàm sự-vật, phải biết kén chọn cho đích-đáng và cho thích-nghi, để cho cái phần tinh-tuý trong người là Thần-trí bao giờ cũng được thẳng vậy.— Tuy-nhiên đã hiểu biết những lẽ phải thiêng-liêng mà được hưởng những lợi-ích

cao-thượng, thời phải có công-phu kiên-nhẫn mới giữ được lâu bền. Muốn cho khỏi ngưng-trệ một chỗ, hay là tệ hơn nữa là bị cái sóng vật-chất nó lại tràn ngập mất, thì phải gắng-gỏi luôn không được ngừng, phải thường ôn đọc lại những điều răn dạy về cách sinh-hoạt cao-thượng, phải càng ngày càng tiêm-nhiễm cho sâu, để cho nó chế-ngự được cả mọi sự tư-tưởng hành-vi của mình. Và cốt nhất cả, muốn cho những cái quyền-lực cao-thượng đó giữ được lâu bền, thì phải thường-thường theo cách ăn uống cho cẩn-thận và trong sạch, thường thường xem xét bản-thân mình, trước khi nói-năng quyết-định việc gì, phải suy nghĩ cho kỹ-càng đích-đáng, rồi sau cứ dốc một lòng mà theo đuổi cái mục-đích đã định, là dù xử vào cơ-hội nào mặc lòng cũng hết sức làm cho đạo đức cùng chân-lý được thắng ở trong bản-thân mình cùng cả chung quanh mình, khiến cho phát-siển được cái năng-lực tuyệt-đối của thần-trí và thoát được cái cuộc đời lao-khổ trên trần-thế này.

Cõi vĩnh-viễn cực-lạc. — *Được như thế thì đến khi dời bỏ cái khu-xác này sẽ bay bổng lên cõi thanh-hiền, và bấy giờ không phải theo luật sinh-tử nữa, sẽ biến-hóa mà thành một vị thần-tiên bất-diệt vậy.* — Kẻ học đạo có công thì cái phần thường ở trên cõi trần-thế này là được khoan khoái vì mùi đạo lý; sau khi chết rồi thì sẽ được vào một cõi dời vĩnh-viễn cực-lạc.

Lúc chết thời cái phần trọng-trọc ở trong người sẽ trở về đất mà cái phần khinh-thanh thì bay bổng lên trời. Trong khi sống, cái gì là cái lấy ở đất ra, thân-thể cùng những của-cải vật-chất thì bỏ lại mà trả về cả, vì những cái của đó có phải là của riêng của ta đâu. Thuộc về bản-thân người ta duy có những sự thu-hoạch của tư-tưởng, hoặc tốt hoặc xấu, những cái công cái tội ở dời mà thôi. Nếu còn phải kinh-nghiệm nữa, còn có nghiệp phải báo, thì còn phải tái-sinh lần nữa trong cõi vật-chất. Nếu trái lại, thần-trí đã tìm được một con đường nào mà đạt tới được những luật-pháp thiêng-liêng, biết ăn ở một cách đạo-đức, thì bấy giờ chỉ có công được thưởng chứ không có tội gì nữa, không phải quay về cõi vật-chất nữa, có thể sống theo một cái đời cao thượng bằng một cái thể vô-hình, gồm những khí-lực tinh-anh bất-diệt vậy.

Cái thang vật-loại tiến-hóa cho tới cõi Thượng-đế, không phải đến người ta là cùng. Trên cả lớp những loài ở trên mặt đất, khoáng-vật, thực-vật, động-vật, mà người ta là bao gồm hết thảy, là đầu chót hơn cả, thì lại còn có một lớp nữa là lớp siêu-nhân-loại, ở đó thì tiến-hóa lại càng cao, suy cùng mãi đến Thượng-đế. Vậy thời ngoài cái trật-tự những giống có cơ-thể ở trên mặt đất này, mà đến giống người ta là cùng-cực, còn có thể tưởng tượng một cái trật-tự sinh-hoạt cao-thượng hơn, phát-siển ra ở trong cõi mặt trời lồng-lộng, vũ-trụ mênh-mông, mà biến-hóa bằng những cái cơ-quan nhẹ-nhàng, không bị bó buộc trong vòng vật-chất.

Cái đời nhẹ nhàng trong sạch đó đối với cái đời ta sống ở trong vòng không-khí này, cũng có thể sánh với cái đời không-khí của ta đối với cái đời những giống sinh trưởng dưới nước vậy. Cứ so-sánh cái sự sống tầm-thường của con cá, với sự sống tự-do hoạt-động của loài người thì có thể suy-loại mà biết cái quyền-lực của ta ngày nay rất nhỏ-nhen đối với cái quyền-lực của ta sau này sẽ to-tát là dường nào.

Các đạo-giáo, muốn cho công-chúng dễ hiểu được, thường tả cõi cực-lạc là nơi người ta được hết sức sung-sướng về vật-chất, vậy thì cõi cực-lạc đó tức là nơi người ta chuyển tự cái

cõi đời trần thế này nên một cõi đời thanh-cao hơn. Tới đó thì hình-thể càng khinh-thanh, tâm-trạng càng khoát-đạt, ý-chí càng mạnh-mẽ, chuyển-dịch càng dễ-dàng, cảm-thông càng mau chóng, và khoái-lạc thật vô-ngần vậy. Những cái hình-thể mới đó là gồm cả các hình-thể có thể tưởng-tượng được. Ý-thức bấy giờ thấu-triệt cả những cái ký-ức tốt các thời-kỳ trước. Cả cái công của tạo-hóa dần dần chung-đúc về cá-nhân. Rồi lần lần cá-nhân đó thành một bản-vị hoàn-toàn, tự cảm-giác được cả các vật các loài, biết tư-tưởng ra ngoài cả thời-gian cùng không-gian, rồi cứu-cánh được tham-dự vào cuộc tư-tưởng của thần-minh, sinh-trưởng trong một cái không-khí thiêng-liêng, gồm đủ các tài-năng phẩm-cách của thần-minh, và theo như lời PYTHAGORE đã hứa sẽ trở nên một vị thần-tiên ở trong cõi Thượng-đế vậy.

HẾT

T.-C. *dịch*

CHỮ NÔM VỚI QUỐC-NGỮ

Nói đến quốc-học của ta, trước nhất phải xét văn-tự của ta có những gì.

Văn-tự riêng của ta, là thứ chữ nôm (xưa gọi là quốc-ngữ).

Nay xin kể cái cội-gốc thứ chữ nôm ra thế nào.

Thứ chữ nôm của ta, có từ bao giờ, sáng-tạo tự người nào, đấy là một cái vấn-đề nên biết. Cứ theo sách Đại-nam quốc-ngữ *của Văn-đa cư-sĩ* 文多居士 *chép lại, thì biết có từ đời Sĩ-vương* 士王.

Cư-sĩ có chép rằng : Sĩ-vương bắt đầu lấy tiếng Tàu dịch ra tiếng ta, thế thì biết có lẽ chữ nôm ta phôi-thai từ đấy.

Văn-đa cư-sĩ là một nhà bác-học, ở đời Tự-đức, có nghiên-cứu đến đạo Lão, Trang 老莊 *và học Vương Dương-Minh* 王陽明, *chỗ học khác hẳn với các nhà học-giả khác ; và có kê-cứu đến thứ tiếng của ta, làm ra tập* Đại-Nam quốc-ngữ 大南國語, *thế là đủ biết cư-sĩ có căn-cứ vào đâu, mới nói ra đấy, tiếc trong sách của Cư-sĩ không chép ra cho rõ.*

Lấy ý riêng của tôi xét ra, thì tưởng đương-thời ta học sách chữ Tàu, thầy dạy hay là học-trò học, thế nào cũng phải lấy tiếng nước ta mà giải-thích, mới có thể hiểu ; lại cần phải có một thứ chữ gì để làm phù-hiệu, ghi cho dễ nhớ, nhân vậy Sĩ-vương mới lựa những thứ chữ Hán nào phát-âm như tiếng ta, lấy những thứ chữ ấy, để làm phù-hiệu, âm cái tiếng chữ Tàu : học-trò học sách mà muốn nhớ tiếng chữ Hán, thì cũng phải nhớ lấy chữ Hán hay là thứ tiếng chữ Hán khác, âm vào để cho khỏi quên, nhưng vì dùng chữ Hán cũng không âm hết được thứ tiếng của mình, tỏ hết ý của mình, nhân vậy mới lựa lấy một nửa cái hình chữ Hán và một nửa chữ Hán khác, hợp lại thành chữ, hoặc dùng tiếng, hoặc dùng nghĩa, hoặc cùng ý-hội, đem mà làm phù-hiệu, dịch cái tiếng của ta ; đấy là một cái nguyên-do bắt đầu bày ra thứ chữ nôm.

Vả chăng Sĩ-vương là người đất Quảng-tin, quận Thương-ngô, thuộc về đất tỉnh Quảng-tây nước Tàu bây giờ, mà bên ấy từ xưa đã có một thứ chữ tục-tự hệt như thứ chữ nôm của ta, loại như : tiếng « ngành » là nhỏ, thì viết ra chữ là 𡚸, *mà đọc là ngành ; tiếng « oảnh » là yên-ổn, thì viết*

ra chữ là 奎, *mà đọc là oảnh, toàn là thể-thức như chữ nôm của ta ; cứ theo trong bộ sách* Lĩnh-ngoại đại-đáp 嶺外代答 *của ông Chu Khử-Phi* 朱去非 *đời Tống chép lại, thì rõ-ràng thứ chữ tục ấy toàn như thứ chữ nôm của ta.*

Sĩ-vương sang làm thứ-sử nước ta, bắt đầu lấy những Thi-Thư *của Tàu, dạy cho dân ta, mới suy theo lối chữ tục của Quảng-tây, bày ra cách chữ nôm ta, như lời của Văn-đa cư-sĩ nói, thật là có chứng-cứ lắm.*

Từ Sĩ-vương bày ra cách dùng chữ nôm, về sau càng ngày càng thêm nhiều ra, thì lại lựa ra thành bộ, không khác gì chữ Tàu ; chữ gì quan-hệ đến miệng, thì dụng bộ khẩu 口, *chữ gì quan-hệ đến lòng, thì dụng bộ* tâm 心, *lấy cách ấy mà suy ra, cho nên chữ nào cũng viết ra được, mà cũng có thể làm ra một quyển tự-điển chữ nôm được chớ không phải không, chỉ từ xưa chưa có ai làm ra đấy thôi.*

Nhưng thứ chữ nôm ấy, dụng ra được nhiều tiếng nhiều chữ, không phải do một người nào viết ra hết được, hay là do một bọn người ở một xứ nào viết ra đủ tiếng được, mà vì chưa có tự-điển, cho nên những sách viết bằng chữ nôm, mỗi nơi cũng có khác nhau, đấy là cái lẽ tự-nhiên.

Xét ra thứ chữ nôm có chép ở trong sử, bắt đầu từ chữ Bố-cái đại-vương 布蓋大王 *là một chứng-cứ tượng ra trước nhất, và đến đời Đinh, cũng dụng thứ chữ nôm, đặt tên nước là Đại-cồ-việt* 大瞿越 ; *đến triều Trần, thì thứ chữ nôm ấy, đã phổ-thông lắm, cho nên mỗi khi quan hành-khiến có truyền cái sắc-chỉ gì của vua ra, thì có thích ra bằng chữ nôm, bởi vì hạ-lưu xã-hội, không thể biết hết được chữ Hán nên phải dụng thứ chữ nôm, cho dân ta dễ hiểu, thế đủ biết về thời Trần thứ chữ nôm ta đã thông-hành lắm.*

Lại các bậc danh-nho triều Trần, như ông Hàn Thuyên 韓佺 *mới bày ra làm thơ bằng chữ nôm, ông có làm ra tập thơ gọi là* Phi-sa 泛 拔沙集, *có nhiều bài thơ nôm hay, người đương-thời bắt-chước làm thơ nôm, nhân mới gọi thứ thơ nôm ấy, là* Hàn-luật 韓律.

Ông Nguyễn Sĩ-Cố 阮士固 *bắt đầu bày ra làm phú chữ nôm, người minh cũng đua nhau học theo. Ấy thơ phú bằng chữ nôm, đều là có từ đời Trần.*

Hai ông ấy, đều là danh-nho triều Trần, không những chuyên học chữ Hán, mà cũng học chữ nôm một cách rất dụng-công, nổi tiếng ở đương-thời, vì thế mà quốc-ngữ của ta càng ngày càng thịnh-hành ở trong dân-gian, thành một cái ảnh-hưởng to cho học-giới.

Vì cái học bằng chữ nôm đã có cái thế-lực to, cơ-hồ cả nước đều sùng-thượng, cho nên thơ văn cũng tiến-bộ một cách rất chóng. Xem vua nhà Trần, có sự gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm-thành Chế Mân, thì cả triều-đã đều vịnh thơ quốc-âm để trào-phúng về sự ấy, cho như thế là một cái nhân-duyên ép-uổng, mà tỏ lòng thương-tiếc, mong nhà vua có hối-ngộ lại chăng, thơ ấy đến nay cũng hãy còn truyền lại, được hơn bốn-mươi bài, đáng cho là một thứ thơ nôm tối-cổ vậy.

Về cái phong-trào học chữ nôm ở triều Trần, khắp cả toàn-quốc, nên những nhà học-giả đương-thời, cũng phần nhiều là nghiên-cứu thứ chữ nôm; như cụ Chu Văn-An 朱文安 *cũng có* Quốc-ngữ thi-tập, *Trang-Định-vương* 莊定王 *cũng bắt đầu bày ra làm thứ thơ yết-hậu* 歇後 *bằng chữ nôm, để phúng-chế Trần Nguyên-Đán, mà Hồ Quý-Ly* 胡季犛 *cũng lại lấy chữ nôm dịch kinh* Thi *và thiên* Vô-dật 無逸, *để dạy nhà vua, xem thế đủ biết chữ nôm thịnh-hành biết chừng nào.*

Từ Trần trở đi, thì thứ chữ nôm là thứ chữ thông-dụng thứ nhất, văn-thơ

và sách-vở in ra bằng chữ nôm là phần nhiều, nếu nước nhà ta cứ dụng thứ chữ dễ phổ-cập ấy, mà dạy bảo cho dân thì nước ta từ xưa đã chóng tiến-bộ biết chừng nào.

Tiếc thay, vào đời Lê, trong năm Vĩnh-thịnh thứ 14 (1718), nhân thứ chữ nôm thịnh-hành quá, dân-gian có nhiều nơi in ra những sách vở để nói việc này việc nọ, có khi phạm đến chính trị và phong-hóa, chúa Trịnh sợ như thế có khi họ báng-sán đến triều-chính, nhân truyền lệnh cho bọn thần-liêu vương-phủ, thông sức cho thần-dân cả nước rằng : « Những sách vở gì có quan-hệ đến thế-giáo, mới được ấn-hành, gần đây có nhiều kẻ hiếu-sự, đem những tạp-truyện bỉ-ngữ, không phân-biệt sách gì hay hay là dở, cứ in ra để lưu-hành, điều đó lẽ nên cấm-chế, từ nay về sau hễ có ai thu-trữ hay in bán những thứ sách-vở ấy, nhà vua có thể một-thu và tiêu-hủy hết cả.»

Nhân có lệnh truyền ấy, các quân thừa-hành, lại càng làm những-nhiễu nhiều cách, dân-gian kinh-hãi, sợ phải vạ gởi tai bay, đốt bỏ đi hết nhiều. Sách-vở thuộc về chữ nôm, gặp cái hạo-kiếp ấy, không khác gì chữ Hán gặp vua Tần Thủy-hoàng vậy, thiệt-hại không biết chừng nào.

Nhưng về các thời-đại ấy, các kinh-tích dịch ra chữ nôm cũng nhiều, sự học-hành ở dân-gian đã thấy tiến-bộ lắm, cho nên ông Phạm Nguyễn-Du 范阮攸 đã có xin lấy chữ nôm dịch Võ-kinh, để dạy quân-lính cho tiện.

Về đời Tây-sơn, thì cả thảy công-văn, đều dụng bằng chữ nôm, nhưng hưởng nước không được bao lâu, cho nên văn-học thời ấy, chưa thấy được phát-đạt gì. Nay xét lại văn-trị đời Tây-sơn, hãy còn để lại, chỉ còn mấy bộ kinh-truyện dịch bằng chữ nôm thôi.

Bản-triều từ lúc đầu mới khai-thác về miền Thuận-Quảng, nhiều dụng chữ nôm, cho đến vua Thế-tổ trung-hưng cũng vậy, nay xem các tập công-văn xưa, thì cũng đủ thấy.

Bắt đầu từ đời vua Minh-mệnh trở về sau, thì bỏ không dụng chữ nôm nữa, văn-chương trường-ốc, và chương-tấu của thần-liêu, đều bắt phải dụng thứ chữ Hán, lại bắt phải viết cho đúng theo Khang hi tự-điển, *nhân vậy cái khuynh-hướng dụng chữ nôm, ngày càng kém đi, mà chữ Hán ngày có cái thế-lực lớn, cho đến bây giờ.*

Tuy vậy, thứ chữ nôm lưu-hành ở dân-gian ta, vẫn ngấm-ngầm phát-đạt, không bao giờ quên được bỏ được, cho nên đến bây giờ, ở các hương-thôn có tờ yết-thị gì, cũng còn dụng thứ chữ nôm, vì thứ chữ nôm ở về phương-diện xã-hội, vẫn thông dụng nhiều hơn số người biết chữ Hán vậy.

Nay thử kể các đời trước lấy chữ nôm dịch ra những thứ sách gì như sau này :

Sự lấy chữ nôm để làm ra các thứ thơ-văn như thơ văn Tàu, là từ ông Hàn Thuyên, ông Nguyễn Sĩ-Cố, còn lấy chữ nôm làm ra văn-chương, để dịch kinh-truyện, dạy cho người minh, là từ ông Hồ Qui-Ly nhà Trần.

Ông bắt đầu lấy quốc-ngữ dịch ra nghĩa kinh Thi, *gọi là* Quốc-ngữ thi-nghĩa *(1394), và có làm một bài tựa, khiến các nữ-giáo-sư dạy cho bà Hoàng-hậu và cả thảy cung-nhân đều phải học tập, trong bài tựa phần nhiều ông cứ theo cái ý của mình mà bàn, chớ không theo lời của Chu Hy, thế đủ biết chỗ cao-kiến của ông. Ông lại có dịch ra thiên* Vô-dật 無逸 *trong kinh* Thi *(1395) để dạy cho nhà vua. Ông Phùng Khắc-Khoan* 馮克寬 *cũng có bộ* Chu-dịch diễn-nghĩa ; *ông Vũ Thành* 武誠 *dạy học trò, đều lấy kinh-tích dịch thành quốc âm, ông Đặng Thái-Phương*

鄭泰芳 *cũng có lấy chữ nôm dịch ra kinh* Dịch *gọi là* Chu-dịch quốc-âm dịch-nghĩa ; *ông Nguyễn Bá-Lân* 阮伯璘 *có dịch kinh* Thi, *gọi là* Thi-kinh quốc âm ; *ông Lê Quí-Đôn* 黎貴敦 *có dịch kinh* Thư *ra quốc-âm, gọi là* Thư-kinh diễn-nghĩa. *Đến đời Tây-sơn thì có đặt ra* Sùng-chính thư-viện 崇正書院, *sinh ông Nguyễn Lạp-Phong* 阮立峰 *ra làm viện-trưởng để chủ-trương sự dịch các kinh ra quốc-âm, và ông cũng có dịch ra sách* Tiểu-học *để dạy học-trò.*

Bản Quốc-ngữ thi-nghĩa *và thiên* Vô-dật *của Hồ Qui-Ly dịch ra, thì nay không thấy còn, nhưng các kinh-truyện khác, dịch bằng quốc-âm, thì nay cũng hãy có chỗ còn.*

Còn thứ chữ quốc-ngữ dụng bằng thứ chữ La-mã, như bây giờ, thật là một thứ chữ rất tiện-lợi, hơn chữ nôm ngày xưa, có thể làm cho con đường học-vấn chóng lên ; nhưng sở-dĩ văn quốc-ngữ ngày nay, mà có một áng văn-chương, kể ra cỗi-gốc, là nhờ thứ chữ nôm về trước ; vì nếu từ xưa mà không có thứ chữ nôm ấy, để cho người mình được tự-do phát-huy cái tư-tưởng cảm-xúc ra ngoài thì ngót nghìn năm nay, lấy đâu mà có cái áng văn-chương hay, để ngày nay có đường do đó mà tiến lên, vậy nên nói đến quốc-học mà nói đến quốc-văn, thì không sao không nhớ đến cái công của các tiền-bối đã vì quốc-học mà gây nên những áng văn-chương hay.

Sở-cuồng

TOLSTOI VỚI PHẬT-KINH (1)

Bài tự của Pháp-sư Hiền-Ấm 顯蔭

Hiện nay những người tri-thức trên thế-giới, ai cũng công-nhận rằng Phật-pháp là một ngôi sao sáng của văn-hóa phương đông; ai cũng bảo rằng Phật-pháp có quan-hệ mật-thiết đến mọi sự hành-vi và tinh-thần loài người ta. Nay muốn nuôi lấy cái hành-vi cho có đạo-đức, mong an-ủy về đường tinh-thần, phi nghiên-cứu lấy Phật-pháp không được; mà đến các phương-diện tôn-giáo, triết-học, khoa-học, văn-học, muốn học cho đến cái địa-vị viên-mãn cứu-cánh, cũng phi nghiên-cứu lấy Phật-pháp không được. Song những nhà học-vấn, nhà tư-tưởng đời nay, nếu không có cái chứng-cớ gì xác-thực rõ-ràng, thì không ai chịu tin Phật-pháp là có giá-trị.

Hồ Ký-Trần tiên-sinh có làm ra bài khảo về « Thác-nhĩ-tư-thái với Phật-kinh », xem ra mới biết Thác-nhĩ-tư-thái (Tolstoï) là một nhà triết-học có danh-tiếng, mà học-thuyết cũng có nhiều lý-tưởng sở-đắc tự kinh Phật; cứ đem những triết-lý tư-tưởng của ông ấy ra mà so-sánh thì biết. Chúng ta mong Hồ tiên-sinh ngoài sự khảo-chứng về văn-học ra, lại nghiên-cứu về triết-lý, đem những tinh-ý trong kinh Phật mà phô bày giới-thiệu cho mọi người biết, để cho mọi người đều hiểu-thấu cái chân-nghĩa về tôn-giáo, triết-học và khoa-học, và biết rõ Phật-pháp là cao-diệu viên-dung, làm cho tỏ cái ánh sáng đại-quang-minh trong cõi tư-tưởng học-thuật. Mong lắm thay!

---

(1) Nguyên-văn của Hồ Hoài-Thâm.

Hai bài tự-tự của Hồ Hoài-Thâm 胡懷琛

I

Tôi biên-tập ra quyển sách nhỏ này ý là muốn cho mọi người ai cũng biết rằng cái tư-tưởng của TOLSTOI (Thác-nhĩ-tư-thái) có một phần sở đắc tự kinh Phật. Song những người xem sách của Thác-thị, thì lại thường không xem đến kinh Phật, mà người đọc kinh Phật lại thường không đọc đến sách của Thác-thị, cho nên không ai biết được những chỗ giống nhau ấy.

Ta vốn giữ cái thái-độ bình-tĩnh, nghiên cứu lấy những chỗ lai-lịch và tư-tưởng của các nhà học-giả trứ-danh, là cái việc mình nên làm, chứ chúng ta không phải chỉ tách-bạch văn-hóa Tây-phương với Đông-phương như thế lại là hẹp-hòi lắm.

Những bài trong sách này trước đã đăng ở *Thời-sự tân-báo* đề là « Thác-nhĩ tư-thái sao tập Phật-kinh » sau có sửa đổi lại nhan đề là « Thác-nhĩ tư-thái với Phật-kinh » do hội « Thế-giới Phật-giáo Cư-sĩ-lâm » in ra thành sách để truyền-bá cho rộng.

II

Tôi biên-tập xong được quyển sách nhỏ này, có nhờ ông Lý Kính-Vĩ cư-sĩ giới-thiệu đến chất-chính với ông Hiền-Ấm pháp-sư, nhờ pháp-sư làm cho bài tựa. Pháp-sư có bảo trong chương thứ tư sách này có dẫn hai bài ngụ-ngôn, đều là sao ở kinh Phật ra, chớ không phải là ngẫu-nhiên mà giống nhau đâu. Trong thư Pháp-sư nói rằng :

« Chương thứ tư. — Có bài ngụ-ngôn « Thủy-thần với ngọc trân-châu », ý-tứ cũng toàn giống như bài « Thái-tử tát nước bể để tìm ngọc châu » trong kinh Phật. Bài ngụ-ngôn « Người mù với sữa bò » cũng giống như bài tỉ-dụ « Sữa bò với tuyết » trong kinh Phật ; xem như hai bài ấy thì thực là sao-tập ở Phật-kinh ra, chứ không phải là ngẫu-nhĩ giống nhau.

« Xem thế thì biết Thác-thị mượn nhặt trong kinh Phật cũng nhiều, chứ không những chỉ mấy điều như Hồ tiên-sinh dẫn ra đó. Chúng ta hãy tụng đọc kinh Phật mới biết ra như vậy. »

Tôi xin cảm ơn Pháp-sư dạy bảo cho mấy lời trên này, lẽ ra thì phải sửa đổi lại những chỗ ấy, nhưng sợ tổn mất thì giờ, vậy xin cứ để như cũ, mà đặt mấy lời pháp-sư dạy bảo như trên, để làm bài tựa thứ hai.

Vả không mấy người biết được văn của Thác-thị là lấy ở trong kinh Phật ra ; vì rằng người đọc kinh Phật thì thường không đọc đến sách của Thác-thị, mà người đọc sách của Thác-thị thì thường không đọc kinh Phật ; sở-dĩ không mấy người biết. Nay ta mới phát-kiến ra cũng là sự ngẫu-nhiên vậy. Khi ta chửa khảo-cứu chứng minh ra được, ngờ đâu Thác-thị-tư-thái là một nhà triết-học trứ-danh, mà tư-tưởng lại phần nhiều lấy ở trong kinh Phật ra vậy.

(Hồ Hoài-Thâm tự-tự ngày tháng chín năm thứ 12 Dân-quốc).

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Lời nói đầu

Nhà triết-học trứ-danh nước Nga là Thái-nhĩ tư-thái, người trên thế-giới ai là không biết tiếng.

Ngoài nước Nga ra, các nước bên Âu-châu nhiều người sùng-bái Thác-thị, bảo rằng học thuyết ông ấy có cái vẻ Đông-Âu ; nhưng không biết rằng cái vẻ Đông-Âu ấy toàn là cái vẻ Viễn-đông, mà chính là cái vẻ Ấn-độ vậy.

Ta nói như thế không phải là không có chứng-cứ, ta xét trong tập *Nhi-đồng văn-học loại-biên* của Thác-thị, có những bài ngụ-ngôn có một phần tư-tưởng là sở-đắc tự kinh Phật ra ; và lại có một phần cũng sao-tập ở

trong kinh Phật. Ta mới biết ra rằng triết-học của Thác-thị có cảm-hóa về kinh Phật rất là sâu-xa. Phần nhiều người Tây-phương chỉ biết có Thác-thị mà không biết đến Phật-kinh, sở-dĩ ta mới phải thuyết-minh việc này cho rõ ra vậy.

Cái tập *Nhi-đồng văn học* của Thác-thị, ta thực chưa được trông thấy nguyên-văn, ta mới được xem bản dịch-văn mà thôi ; song phải nhận xem bản dịch ấy có chắc tin không. Cứ như ta xem ra thì bản dịch ấy chắc tin lắm.

Nguyên bản dịch ấy là tự Đường Tiểu-Phố 唐小圃 dịch ở bản chữ Nhật ra. Nguyên-bản chữ Nhật là tự Thăng Thự-Mộng 昇曙夢 người Nhật biên-dịch, bản dịch-văn của Đường-quân, thì do Thương-vụ ấn-thư-quán xuất-bản năm Dân-quốc Trung-hoa thứ mười hai.

Đường-quân là một nhà trước-tác cũng nhiều, có những sách *Gia-đình đồng-thoại* đã truyền-bá ra ở đời. Thăng Thự-Mộng cũng là một nhà văn-học trứ-danh ở nước Nhật, sách của Thác-thị, ông ấy phiên-dịch ra cũng nhiều. Xem thế thì Đường với Thăng hai người ấy đáng chắc tin lắm. Vả lại trong bài tự của Đường-quân có nói rõ rằng : «Khi ta dịch sách của Thác-thị gặp chỗ nào chữ Nhật nói không rõ-ràng, thì nhờ có Bách-sinh Bái-Lâm, Triệu-sinh Vũ-Tình, hai người tra xét lại bản chữ Nga cho ; vì thế may ra ít chỗ sai lầm.»

Xem thế thì biết bản dịch của Đường-quân, cũng đã có tham đính đến nguyên-bản chữ Nga. Trong bài tựa của Đường-quân lại có một đoạn nói rõ về cái lai-lịch nguyên-bản chữ Nhật, đủ biết ông ấy đối với sách này rất là xem xét kỹ-càng trịnh-trọng. Ông nói rằng :

« Tập *Nhi-đồng-văn-học* của Thác-thị xưa nay vốn chưa đóng thành ra một tập sách ; văn ông ấy mỗi chỗ một bài ; tự người Nhật là Thăng Thự-Mộng mới biên chép ra thành một tập *Thác-nhĩ-tư-thái vật-ngữ* tức là *Thế-giới thiếu-niên văn học danh-tác* quyển thứ hai, do hội Đông-kinh gia-đình độc-vật san-hành, xuất-bản năm 1919), từ đó mới có thành tập, ta biên-dịch sách này, phải theo đúng chính-bản của Thăng Thự-Mộng, chẳng qua chỉ di-dịch một đôi chỗ mà thôi.

« Nguyên-bản của Thăng Thự-Mộng phân ra ba mục : Cổ-sự, Vật-ngữ, Dân-thoại. Sách này thì phân ra năm mục : Cổ-sự, Vật-ngữ, Ngụ-ngôn, Dân-thoại, Tiểu-thuyết. Tập Ngụ-ngôn là toàn mới thêm vào, (trích lấy ở trong tập Đồng-thoại chữ Nga do Thăng Thự-Mộng dịch ra). Tập Cổ-sự cũng có thêm ít nhiều. Tập Tiểu-thuyết thì theo như nguyên-bản, tập Vật-ngữ thì có di-dịch.»

Trên đó là nói rõ cái bản dịch của Đường-quân là chắc tin lắm. Nay xét về phần sao-tập ở kinh Phật ra, thì cứ đem bản dịch của Đường-quân đối-chiếu với nguyên-văn kinh Phật thì khá rõ. Không kỳ là thế nào, nước Tàu dịch kinh Phật trước Thác-thị hơn nghìn năm ; kinh Phật truyền sang Âu-châu còn sớm hơn Thác-thị. Về phần ấy thì ai cũng biết không cần phải nói rõ nữa. Chương dưới này có dẫn những truyện ngụ-ngôn trong *Bách-dụ kinh* là theo chính-bản xứ khắc kinh ở Kim-lăng ; lại dẫn cả *Tạp-thí dụ-kinh* là theo chính-bản kinh *Đại-tạng* ở Tần-giả tinh-xá. Nguyên-thư hãy còn đủ cả, có thể đem ra mà phúc xét được.

Chương thứ hai

So-sánh lời ngụ-ngôn của Thác-thị với kinh Phật

a) *Đầu rắn và đuôi rắn* (1). — Có một con rắn, đầu nó với đuôi nó tranh

(1) Lời ngụ-ngôn của Thác-thị ở trang thứ nhất trong bản dịch của Đường-quân.

nhau đi trước, vì thế sinh ra cãi nhau. Đầu rắn nói :

— Mày chạy trước không được! Mày đã không có cái mắt, lại không có tai thì chạy sao được?

Anh đuôi nói :

— Không sợ thế...! Ta tuy không có mắt và tai, nhưng ta có cái lực-lượng khỏe ; mày thử nghĩ xem, nhờ về ai mà quật động lên được như thế? Nếu ta quấn vào cây, thì mày có chạy lên được bước nào không?

Hai anh Đầu Đuôi cãi nhau mãi, không anh nào chịu thua. Sau cùng anh Đầu bảo rằng :

— Thôi mặc cho mày chạy trước.

Anh Đầu rắn vừa nói xong, anh Đuôi liền quay kéo đầu rắn đi, không ngờ chạy vừa được một thôi, ngã lăn ngay xuống một cái hố sâu.

b) *Đầu rắn và đuôi rắn tranh cãi nhau* (1) — Xưa kia có một con rắn, đầu nó với đuôi nó tranh cãi nhau. Anh Đầu bảo anh Đuôi rằng : « Ta lớn thì ta là anh cả ». Anh Đuôi bảo anh Đầu rằng : « Ta là anh cả mới phải ». Đầu nói : « Ta có tai để nghe, có mắt để trông, có miệng để ăn, lúc đi thì ta phải đi trước, ta là anh cả mới phải ; chứ như mày có cái tài gì, mà đáng là anh được ». Đuôi nói : « Ta không cần mày, ta cũng đi được ; nếu ta lấy thân quấn vòng vào cây, cho đến ba ngày, thì cái đầu mày không thể nào đi mà tìm ăn được, rồi phải đến chết đói ». Anh Đầu bảo anh Đuôi rằng : « Thôi mày buông ta ra, ta nhường mày làm anh cả ». Anh Đuôi nghe lời buông ra. Đầu lại bảo Đuôi rằng : « Mày đã là anh, thì cho mày đi trước ». Đuôi ta vùng lên chạy trước, chẳng được vài mươi bước, ngã lăn ngay vào hố lửa mà chết.

. . .

a) *Chia đôi di-sản* (2). — Một ông già có hai người con. Khi ông già hấp-hối gần chết, gọi hai đứa con vào dặn rằng :

— Sau khi ta chết rồi, còn có của-cải ta lưu lại cho đó, hai anh em mày chia đôi mỗi đứa một nửa.

Ông già dặn bảo xong rồi thì chết. Hai đứa con chôn cất cho cha xong, bèn theo lời di-chúc của cha bàn tính đến việc chia của ; song chia đi chia lại mãi thủy-chung vẫn không đều, sinh ra cãi cọ nhau, quân-phân mãi không xong. Hai anh em mới nghĩ rằng mình không đủ trí khôn, bèn chạy sang hỏi người láng diềng bảo giúp hộ cho. Người láng-diềng hỏi rằng :

— Ông thân các anh di-chúc lại dặn hai anh như thế nào?

Hai anh em nói : « Cha chúng tôi dặn lại rằng : Cái gia-sản này đều chia đôi mỗi người một nửa. » Người láng-diềng nghe nơi lẳng-lặng nghĩ một hồi lâu, vừa nghĩ vừa gật đầu rồi mới nói lên rằng : « Có phải đích là lời dặn lại như thế, thì can gì phải cãi nhau mãi, các anh cứ theo đúng như lời di-chúc ấy, đâu là sống-áo, đâu là đồ-đạc, đâu là các muông gia-súc, các anh cứ đem chia cắt làm đôi cả, quân-phân như thế là xong! »

Hai anh em nghe lời người láng-diềng, rồi đem các đồ-vật chia cắt đôi ra cả. Rút-cục lại hai anh em sở-đắc phần của chia đều cắt đôi ra cả, chẳng dùng làm gì được nữa.

---

(1) Trang thứ năm trong kinh *Tạp-thi-dụ*.

(2) Lời ngụ-ngôn của Thác-thị ở trang thứ tư trong bản dịch của Đường-quân.

b) *Hai con chia của* (1). — Xưa nước Ma-la có một thầy chùa, mắc bệnh nặng, biết là không thể khỏi được; mới dặn hai con rằng: «Khi ta chết rồi liệu mà chia gia-sản cho đều.» Hai con theo lời di-chúc, sau khi cha mất rồi đem gia-sản chia làm đôi, anh em cãi-cọ nhau mãi về nỗi chia không đều. Khi ấy có một ông già ngẫn ngơ xui hai anh em nó một cách chia, bảo đem các đồ-vật đều phá ra làm đôi cả, như là cái áo, cái quần đều xé ra mỗi anh một nửa, cái bình cũng đập ra làm đôi, cái đĩa cái chén cũng đập ra làm đôi, đồng tiền cũng bẻ làm đôi, bao nhiêu đồ-vật đều đập phá ra làm hai phần cả. Cách chia của như thế, ai cũng cười là ngu.

.·.

a) *Con bủ-dủ với nắm đậu* (2). — Con bủ-dủ hai tay vốc lấy hai nắm đậu; cầm không chặt thế nào rơi mất một hột xuống đất.

Bủ-dủ ta rơi mất hột đậu, lấy làm tiếc không muốn bỏ, mới cúi mình xuống nhặt; vì cái nhặt ấy lại rơi thêm mất hai-mươi hột; vì tiếc hai-mươi hột đậu ấy lại lom-khom cúi xuống nhặt, nhặt mãi lúng-túng thế nào làm cho hai nắm đậu đều rơi vung cả ra mặt đất.

Bủ-dủ ta thấy đánh rơi mất cả đậu, tức giận nhảy lên dẫy xéo vào những hột đậu, rồi bỏ chạy đi mất.

b) *Con khỉ với nắm đậu* (3). — Con khỉ kiếm đâu được nắm đậu cầm ở trong tay, vô-ý rơi mất một hột xuống đất, bèn thò tay xuống nhặt lấy hột đậu, hột đậu rơi kia chưa nhặt được mà lại đánh rơi mất cả nắm đậu trong tay. Đàn gà ở đâu chạy đến mổ mất hết cả.

.·.

a) *Bò sữa* (4). — Có một anh nuôi được một con bò cái, cứ mỗi buổi sớm vắt lấy được một lít sữa. Anh ta thấy lấy được sữa như vậy, mới định mời khách nếm sữa, trong bụng nghĩ rằng: « Ta định mời khách ăn sữa bò thì phải chừng độ mười lít mới đủ; con bò này mỗi ngày vắt được một lít, thì phải mười ngày mới được mười lít; nay ta cứ để dành mười ngày không vắt, vừa đến hôm thết khách, tất là tích được mười lít sữa ».

Anh ta nghĩ như vậy, liền tính ngay từ hôm ấy trở đi, không vắt lấy sữa vội. Đợi đến hôm thứ mười, khách lại chơi đông đủ cả, anh ta mời đi vắt lấy sữa bò để thết khách; dè đâu con bò ấy trong mười ngày không vắt lấy sữa, thành ra sữa đều lên hết cả, đến lúc đem ra vắt lấy một lít cũng chẳng được.

b) *Người ngu định cóp lấy sữa bò* (5). — Xưa có người ngu định ngày mời khách, muốn nghĩ cóp lấy sữa bò để thết đãi, mới nghĩ rằng: ta nay nếu hằng ngày vắt lấy sữa bò, thì tích sữa nó nhiều mãi ra không có chỗ để, mà có khi nó sinh ôi ra, gì bằng ta cứ để trong bụng con bò, đợi đến hôm làm tiệc thết khách, ta hãy vắt lấy một thể. Nghĩ như vậy bèn đem buộc hai mẹ con con bò mỗi con một nơi. Sau độ một tháng mới bày tiệc mời khách đến đông đủ, khi ấy mới dắt bò ra để vắt lấy sữa, thì bò đã lên hết sữa chẳng vắt được một giọt nào cả. Mọi người khách đều mắng rằng ngu, người thì lấy làm tức cười.

---

(1) Trang thứ năm trong kinh *Bách-dụ* quyển hạ.
(2) Bài ngụ-ngôn của Thác-tuị trang thứ tám trong bản dịch của Đường-quân.
(3) Trang thứ 22 trong kinh *Bách-dụ* quyển hạ.
(4) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ mười trong bản dịch của Đường-quân.
(5) Trang thứ tư trong *Bách-dụ kinh* quyển thượng.

a) *Thử lê nào nếm ngon nhất* (1). — Có một ông chủ sai tên người nhà đi mua lê, dặn nó rằng: « Mày đi mua cho tao lấy thứ lê nào nếm ngon nhất ấy nhé ». Tên người nhà nghe lời chủ dặn, liền đi đến hàng bán hoa quả, bảo người nhà hàng rằng: « Bán cho thứ lê nào ngon nhất ». Người nhà hàng đem thứ lê tốt ra cho nó xem, tên người nhà xem rồi nói rằng: « Thứ này chưa chắc đã ngon, ngươi phải bán cho ta một thứ lê rất ngon mới được ». Người nhà hàng liền bảo rằng: « Anh thử nếm ngay một quả xem, anh có nếm thì mới biết là rất ngon. » Tên người nhà nói: « Ta nếm biết được một quả ngon, còn những quả khác nó đều không ngon cả thì biết sao được? » Tên người nhà liền cầm mỗi quả đều nếm thử một miếng, rồi mua đem về. Khi đem về chủ thấy không quả lê nào nguyên lành, đều bị nó nếm qua cả, liền đá cho nó một thôi.

b) *Nếm thử quả soài* (2). — Xưa có ông trưởng-giả sai người nhà cầm tiền đi đến vườn kia mua soài, mà dặn rằng: « Xét xem quả nào ngon ngọt thì mua về. » Tên người nhà cầm tiền đi mua. Người bán soài nói: « Cây soài này quả nào cũng ngon-ngọt, chứ chẳng quả nào sai cả, anh nếm thử một quả thì khắc biết. » Tên người nhà nói: « Tôi phải nếm qua cả thì mới dám mua, nếu nếm một quả thì sao biết được? » Rồi quả nào nó cũng nếm thử mới mua đem về. Trưởng-giả thấy quả soài nào cũng nếm dở cả, bèn bỏ không ăn.

a) *Đàn chim mắc lưới* (3). — Anh đi săn giăng lưới ở bên bờ hồ, để chực bắt chim. Chợt một đàn chim bay qua, anh ta giật lưới chụp được cả đàn. Không ngờ đàn chim nhiều con to, bốc cả lưới bay đi. Anh ta tham tiếc đàn chim, hết sức đuổi theo, giữa đường gặp một chú nông-phu hỏi rằng: « Anh đuổi theo đàn chim kia biết đến bao giờ cho cùng? Đàn chim nó cứ bay mãi lưng-chừng trời, anh dẫu hết sức đuổi sao cho theo kịp được? » Anh đi săn nói: « Không sợ, nếu chỉ có một con chim thì ta cũng chẳng đuổi làm gì; nhưng nó là một đàn nhiều lắm, ta phải đuổi bắt cho được. » Anh đi săn cứ đuổi theo mãi đến khi trời gần chiều; đàn chim con nào cũng mong bay về tổ mình, con thì bay bổ về rừng, con thì bay nhào ra bãi, con lại muốn luẩn-quẩn bay về bờ ao, bay nhầy rối beng liền rơi cả lưới xuống; anh đi săn vì thế mới bắt sống được cả đàn.

b) *Đuổi bắt đàn chim* (4). — Người bắt chim giăng lưới ở trên chầm, quăng thức ăn nhử cho chim vào lưới; đàn chim đua nhau bay đến ăn, người bắt chim giật lưới, đàn chim mắc cả trong lưới. Trong ấy có một con chim to, gia sức bay bốc lưới lên, đàn chim đều bay đưa lưới đi mãi. Anh bắt chim cứ trông bóng mà đuổi theo. Có người gặp bảo anh bắt chim rằng: « Đàn chim bay trên không mà anh cứ đuổi theo hão mãi, thì ăn thua gì! » Anh bắt chim nói rằng: « Anh không biết, loài chim đến chiều tối là nó phải đi tìm chỗ đậu ngủ, khi bấy giờ mỗi con bay về một ngả, dằng-co nhau thế-tất là lưới phải rơi xuống ». Nói rồi cứ đuổi theo mãi không thôi, mặt trời gần chiều tối, trông lên đàn chim, cứ thấy bay dằng-co nhau mãi, con thì bay về hướng đông, con thì bay về hướng tây,

(1) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ 15 trong bản dịch của Đường-quân.
(2) Trang thứ 14 trong kinh *Bách-dụ* quyển hạ.
(3) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ 33 trong bản dịch của Đường-quân.
(4) Trang thứ 5 trong kinh *Tạp-thí-dụ*.

con muốn bay về rừng, con muốn bay ra vực, nhẳng đàng nọ kéo đàng kia, luẩn-quẩn mãi, vụt chốc rơi cả lưới chim xuống, anh bắt chim cứ việc mà nhặt lấy.

Chương thứ ba

Không phải là phiên-dịch

Có người nói : « Cứ xét như chương trên, thì không phải là triết-học của Thác-thị là chịu được cái ảnh-hưởng của Phật-học, mà cũng không là Thác-thị sao-tập ; chẳng qua là Thác-thị phiên-dịch Phật-kinh ra vậy ». Song cứ như ta xét ra, nếu là phiên-dịch, thì phải nên nói rõ là phiên-dịch. Như là Nghiêm Hựu-Lăng dịch bài *Thiên-diễn-luận* của Hách-tư-lê (Huxley), thì ông ấy nói rõ là bài luận của Hách-thị, chứ không có lẫn cả bài *Thiên-diễn-luận* của Nghiêm-thị. Trương Đông-Tôn dịch bài *Sáng-hóa-luận* của Bá-cách-xâm (Bergson), thì ông ấy nói rõ là bài luận của Bá-cách-xâm, chứ không có lẫn cả bài *Sáng-hóa-luận* của Trương-thị. Đường Tiểu-Phố dịch bản *Nhi-đồng văn-học* của Thác-nhĩ tư-thái, ông ấy cũng nói rõ là nguyên-văn của Thác-thị, chứ không có lẫn-lộn *Nhi-đồng văn-học* của họ Đường. Vô-luận là đã kinh-qua một lần dịch, hoặc hai lần phiên-dịch, đều phải nói lai-lịch cho rõ-ràng. Nay những bài ngụ-ngôn của Thác-thị trên kia, không nói rõ là chính bài ngụ-ngôn trong kinh Phật, bởi thế nhiều người vẫn tưởng là ngụ-ngôn của Thác-thị, mà đều là tư-tưởng của Thác-thị cả.

Chương thứ tư

Không phải là ngẫu-nhiên giống nhau

Có người nói : « Đó là ngẫu-nhiên giống nhau, vẫn thường như thế ; sao lại cho là Thác-thị sao-tập được? Huống-hồ nước Nga gần với Đông-phương, tư-tưởng lại càng dễ giống nhau lắm ». Song cứ như ta xét ra, xưa nay vẫn thường có cái sự bất-ước nhi-đồng, trùng giống nhau cũng là thường ; song xem ra, một là trong mỗi điều không phải là giống nhau cả, hoặc nhiều lắm là giống đến một nửa, có khi không đến một nửa. Hai là giống nhau không được nhiều như thế ; trong bản họ Đường dịch những bài ngụ-ngôn của Thác-thị cộng là ba-mươi-hai bài, mà có sáu bài là giống trong Phật-kinh, thế là đã chiếm một phần trong năm phần, không phải là sự ngẫu-nhiên mà giống nhau vậy.

Ngẫu-nhiên giống nhau mà tựu-trung có một phần không giống, như thế thì xem ra ai cũng dễ biết. Tức như họ Đường dịch những bài ngụ-ngôn của Thác-thị, trong có bài « Thủy-thần với hòn trân-châu » thì giống như ý bài « Ngu-công dời núi » ở trong sách *Liệt-tử*, như thế là đại-ý ngẫu-nhiên giống nhau. Lại họ Đường dịch bài « Người mù với sữa bò » giống như bài « Nói vì mặt trời » của Tô Đông-Pha, như thế thì cũng là đại-ý ngẫu-nhiên giống nhau, sẽ diễn nguyên-văn đối-chiếu như sau.

Thủy-thần với hòn trân-châu (1). — Có một người đi thuyền qua bể, chẳng hay bởi sao đương cầm hòn trân-châu qui-báu đánh rơi xuống bể.

Người ấy mất hòn trân-châu, quay ngay thuyền ghé vào bờ bể, cầm gáo múc nước bể tát lên bờ, tát luôn tay hết gáo nọ đến gáo kia, ròng-rã đến ngày thứ tư, chợt thấy ông hải-thần hiện lên bảo rằng : « Anh sao lại tát nước bể đi, anh phải thôi ngay! » Người kia nói : « Vì tôi đánh rơi hòn trân-châu vào trong bể, nên phải tát nước bể đi để tìm. » Thủy-thần lại bảo

---

(1) Trang thứ 26 bài ngụ-ngôn của Thác-thị trong bản dịch của Đường-quân.

rằng: «Anh phải lập-tức thôi ngay, không thể làm được đâu.» Người kia nói: «Tôi tát cho đến cạn nước bể mới nghe!» Nói rồi cứ việc làm. Thủy-thần vội-vàng chạy xuống bể sai tìm lấy hòn trân-châu đem lên trao trả cho người kia.

Ngu-Công dời núi (1). — Hai trái núi Thái-hàng với Vương-ốc vuông bảy trăm dặm, cao hàng vạn nhận; vốn ở phía bắc đất Hà-dương và phía nam châu Ký. Ông Bắc-sơn Ngu-Công đã gần chín-mươi tuổi, nhà ở trông ra trước núi, bị hai quả núi chắn ở phía bắc, khi ra vào phải đi vòng quanh; một hôm ông họp cả nhà lại bàn rằng: «Ta cùng với lũ các ngươi hết sức làm cho bình trị quả núi kia, để cho thông đất Dự-nam đến đất Hán-âm, nên chăng?» Chúng đều xin hết sức. Duy người vợ còn nghi ngại mà rằng: «Cứ như sức ông thì không thể phá nổi được cái gò Khôi-phủ, nữa là núi Thái-hàng với Vương-ốc kia! Vả lại đem đổ đất đá kia vào đâu?» Chúng đều nói rằng: «Đem đổ về cuối bể Bột-hải vào phía bắc đất Ân-thổ.» Nói rồi, cụ bèn đem con cháu ba người ra đào cuốc, nào là đập đá cuốc đất bỏ vào sọt, đem đổ ra cuối bể Bột-hải. Người đàn-bà góa bên láng-điềng là Kinh-thị có một thằng con trai mới hết răng sữa, cũng nhảy ra giúp việc làm. Từng trải nắng-mưa rét-mướt mới trở về nghỉ một bận. Ông Hà-khúc Trí-tầu trông thấy cười mà ngăn rằng: «Sao bác ngu lắm thế! Cứ cái sức thừa thoi-thóp của bác có làm tổn được cái lông trái núi kia không, nữa là như đất đá này thì phá sao nổi.» Bác-sơn Ngu-Công than mà rằng: «Cái cố-chí của tôi vẫn không biết rằng có đạt được không. Song lẽ nào lại không bằng đứa trẻ con với người đàn-bà góa. Tuy rằng tôi chết đi, nhưng lại còn con tôi; con tôi lại sinh cháu, cháu lại sinh chắt, chắt lại sinh chút, con cháu chắt chút sinh mãi vô-cùng; mà núi kia không thêm to lên, lo gì mà chẳng bình-trị được?» Trí-tầu không đáp lại được. Thần Thao-sà nghe thấy Ngu-Công cố-chí làm, sợ rằng làm mãi không thôi, mới lên tâu Trời. Trời cảm cái bụng thành của Ngu-Công, bèn sai Khoa, Nga hai gã cõng hai trái núi đi, một quả để ở đất Sóc-đông, một quả để ở châu Ung, từ đó phía nam châu Ký với phía bắc châu Ung không cách-đoạn nhau nữa.

Người mù và sữa bò (2). — Một người kia, khi mới sinh ra đã phải chứng thong-manh, vì thế không trông qua thấy vật gì cả. Một ngày kia, người mù mới hỏi người sáng mắt rằng: «Sữa bò sắc nó như thế nào?» Người sáng mắt nói: «Sữa bò sắc nó trắng như tờ giấy.» Người mù nói: «Sắc nó trắng như tờ giấy, tôi sờ nó ram-ráp như thế này có phải không?» Người sáng mắt nói: «Không phải, sữa bò sắc nó trắng như bột mì kia mà!» Người mù lại hỏi: «Sắc nó trắng như bột mì, sờ nó sạm-sạm có phải không?» Người sáng mắt nói: «Không phải, cái sắc nó trắng muốt hình như lông thỏ kia mà!» Người mù lại hỏi lại: «Cái sắc nó trắng như lông thỏ nó mườn-mượt có phải không?» Người sáng mắt nói: «Cũng không phải, ta nói rõ cho anh biết cái sắc nó trắng như tuyết ấy.» Người mù nói: «À, tôi biết rồi, nó như tuyết lạnh buốt ấy có phải không?» Người sáng mắt dẫn-dụ cái này cái khác mãi để cho anh mù biết, mà anh mù vẫn không biết đích cái sắc sữa bò nó ra làm sao.

(1) Trong thiên *Thang-vấn* sách *Liệt-tử*.

(2) Trang thứ 28 bài ngu-ngôn của Thác-thị trong bản dịch của Đường-quân.

Nói thí-dụ về mặt trời (1). — Có người sinh ra đã mù mắt không biết mặt trời hình nó thế nào, hỏi anh sáng mắt. Có người bảo: « Hình mặt trời nó như cái mâm đồng.» Anh mù gõ vào mâm đồng nghe thấy tiếng, một hôm nghe tiếng chuông cũng tưởng là mặt trời. Có người bảo rằng: « Mặt trời nó sáng như cái đuốc ấy. » Anh mù sờ biết hình cái đuốc, một hôm sờ thấy cái ống sáo cũng tưởng là hình mặt trời. Ôi! hình mặt trời với cái chuông, cái ống sáo khác nhau xa, thế mà anh mù vẫn không biết là khác, vì anh ta chưa từng trông thấy bao giờ. Đạo-lý là thế nào? Đạo-lý lại khó trông thấy hơn mặt trời, người ta chưa từng trông thấy đạo-lý cũng không khác gì anh mù. Tuy rằng người đã hiểu-thấu đạo-lý rồi đem dẫn-dụ bảo cho như thế là đạo-lý, cũng không khác gì đem cái mâm cái đuốc mà bảo như thế là mặt trời; những người không biết lại nhận lầm cái mâm ra cái chuông, cái đuốc ra cái ống sáo, rồi nó sai-lạc mãi đi không biết thế nào là cùng! Vậy nên bàn nói về đạo-lý mà cứ đem sở-kiến của mình mà bảo người ta, người ta vẫn không trông thấy mà cứ rờ-rẫm hỏi mò mãi, sao cho biết thấu đạo-lý.

Chương thứ năm

Một phần tư-tưởng của Thác-thị sở-đắc ở Phật-kinh

Xem như chương thứ hai trên kia khá biết rằng Thác-thị đã đọc qua kinh Phật. Vậy ta chắc rằng cái bài ngụ-ngôn « Tội-ác bởi đâu mà ra » của Thác-thị, cũng là sở-đắc cái tư-tưởng về kinh Phật, sẽ dịch nguyên-văn như sau.

Tội-ác bởi đâu mà ra (2). — Một người ẩn-sĩ ở trong núi sâu, những loài điểu-thú côn-trùng trong núi ấy, đã thường quen biết ông ta không sợ-hãi gì cả, lâu ngày ông ta hiểu biết được cả các thứ tiếng. Một hôm, ẩn-sĩ ngồi dựa dưới gốc cây to, một chốc có một con quạ, một con bồ-câu, một con hươu, một con rắn đều đến dưới gốc cây ấy, quây-quần lại một chỗ cùng bàn-bạc về một cái vấn-đề: « Tội-ác bởi đâu mà ra. » Anh quạ nói lên trước rằng: « Tội-ác trên cõi đời chỉ tại cái đói mà sinh ra cả, các anh thử xem khi đã được mồi ăn no rồi, thôi thì bay nhảy trên cành cây, tha-hồ kêu hót, trong bụng vui mừng thỏa-thuê, không kỳ là trông thấy cái gì cũng dửng-dưng mỉm cười mà thôi. Nếu mà bị đói độ hai ngày, thì trong bụng đã rối-beng, trông thấy trên cõi đời đều không có cái gì là thú-vị cả. Thôi thì bay đến chỗ nọ nhảy đến chỗ kia, đi lục-lõi tìm-tòi lấy ăn, nếu mà trông thấy miếng thịt kia, thôi thì không nghĩ gì cả, liều mạng bay xuống cắp lấy cho được; lúc ấy bị nó lấy gậy xua đuổi, lấy đá ném quăng, hoặc là bị con chó con cầy nó ra đuổi, biết rõ là nguy-hiểm đây mà cũng lăn lấy miếng thịt cho được, xem thế thì có phải chỉ vì cái đói mà đến nỗi gặp phải tội-ác mà chết đấy không? Nên ta mới bảo rằng tội-ác là bởi cái đói mà ra cả ».

Anh quạ nói xong, thứ hai đến anh chim bồ-câu nói: « Cứ như ý tôi nghĩ thì tội-ác không phải là vì cái đói mà sinh ra; tội-ác là chỉ vì ái-tình mà sinh ra; nếu chúng ta chỉ sinh-hoạt một thân một mình cho qua ngày tháng, thì không có sự gì cần-cấp phải nghĩ bàn đến lòng; vậy nếu những người chỉ độc một thân thì không khi nào phải cùng-túng; mà những người cùng-túng khổ-sở đều không phải là người độc-thân cả. Chúng ta chỉ vì phải một đôi cùng nhau sinh-hoạt, mới sinh ra cái tình luyến-ái lứa đôi mình; đã luyến-ái lứa-đôi thì không sao dành

---

(1) Trong tập Tô Đông-Pha.

(2) Trang thứ 66 bài ngụ-ngôn của Thác-thị trong bản dịch của Đường-quân.

lòng được; lại phải bận lòng lo nghĩ cho bạn đôi lứa mình, làm sao cho nó khỏi đói khỏi rét, lúc nào cũng phải lo nghĩ đến luôn. Nếu bạn lứa đôi mình mà hay đi đâu mất, thì mình lại buồn rầu lo sợ, chẳng hay nó có khỏi bị chim cắt đánh không? Tránh khỏi người bắt nó không? Muôn phần lo sợ chỉ bận về chút tình thương yêu nhau, mình phải bay đi tìm người đôi lứa mình, thôi thì gặp chim cắt, gặp lưới giăng lắm hồi gian-nan nguy-hiểm. Nếu bạn đôi lứa mình mà mất tung-tích, thì mình xiết bao phiền-não, chẳng kỳ là trông thấy cái gì đều không có thú vị gì cả, suốt ngày chẳng buồn ăn chẳng buồn nói, lúc thì khóc-lóc lại vơ-vẩn đi tìm, vì chút ái-tình ấy mà có khi đến chết đấy, phải không? Vậy ta bảo rằng tội-ác là bởi ái-tình mà sinh ra cả, chứ không phải là bởi tại cái đói ».

Anh rắn cãi rằng: « Không phải, tội-ác không phải là bởi tại đói, mà cũng không phải là bởi tại ái-tình. Cứ như ta nghĩ thì chỉ bởi tại cái lòng phẫn-nộ mà sinh ra cả, các anh bảo phải hay là không phải? Nếu người ta mà không sinh lòng tức-giận, thì suốt ngày êm-ái hòa-bình, còn sung-sướng gì bằng. Nhưng người ta không thể nào giữ được như thế, nếu gặp sự bất-bình thì liền tức-giận lên đùng-đùng. Sau khi đã nổi giận thì trông thấy cái gì cũng ghét, bởi thế mới sinh ra cái tâm-niệm báo-thù giải-hận; rồi chẳng nghĩ gì cả, một mặt thì âm ỷ la-thét, một mặt thì hăng-hái xông ra đánh nhau; lúc ấy trông thấy ai cũng gây chuyện, chẳng kiêng-nể gì cha mẹ người ta cả, cứ cắn bậy chửi càn, thậm-chí có khi mình lại cắn lại cả mình; ấy cái cơn tức-giận như thế, có phải là hại cho mình không? Vậy ta mới bảo rằng phàm tội-ác trên cõi đời đều bởi tại cái lòng tức-giận mà sinh ra cả ».

Anh hươu cãi rằng: « Không phải, tội-ác không phải tự sân-nộ mà sinh ra; cũng không phải tự ái-tình, không phải tại cái đói mà sinh ra cả. Ta cho rằng tội-ác chỉ bởi cái lòng khiếp-sợ mà ra; nếu được yên-ổn không sợ-hãi gì, thì trong tâm sướng biết chừng nào! Xem như đôi cẳng của ta chạy rất là nhanh la-lùng, mà sức-lực lại rất khỏe; gặp độ một con vật nhỏ thì ta giơ sừng ra đánh nó phải lui; nếu gặp phải anh nào to lớn thì ta sợ khiếp, phải rảo cẳng mà cuốc chạy, trong rừng khi ấy hoặc quả rơi lốp-đốp, hoặc lá rụng rào-rào, làm cho trong bụng ta cuống-cuồng chạy bán sống bán chết, không kỳ là nghe tiếng con thỏ kêu, tiếng con chim hót, hoặc tiếng cành cây gẫy răng-rắc, trong bụng ta đều nghi là có con gì nó đuổi theo, bởi thế mới hoang-mang chạy, nhẩy cuống-cuồng lại đâm ngay vào trước mõm con vật lớn kia; không thế thì lại nhẩy quàng ra đàng có chó đuổi, hay lại dảo lại đàng có người đinh, lúc ấy sợ quá nhẩy bừa, có khi từ trên sườn núi trượt chân ngã lăn xuống chết quay ra. Vả lại khi chúng ta ngủ vẫn phải chong-chong đôi con mắt, hay là rỏng tai lên để nghe ngóng, không lúc nào chẳng lo sợ, thực là một cảnh sinh-hoạt chẳng được vui sướng lúc nào! Vậy ta bảo rằng tội-ác là bởi khiếp-sợ mà sinh ra ».

Người ẩn-sĩ ngồi ở dưới gốc cây nghe thấy các con vật bàn nói mãi đến nửa ngày, xong rồi ẩn-sĩ mới bảo chúng nó rằng: « Các anh đều nhận sai cả, các anh phải biết rằng cái nỗi thống-khổ của chúng ta, không phải là tại đói mà sinh ra, không phải là tại ái-tình mà sinh ra, cũng không phải là tại sân-nộ, tại khiếp-sợ mà sinh ra cả. Chẳng qua tội-ác ở trên đời là bởi tại cái thân xác thịt của chúng ta mà sinh ra cả; các anh thử nghĩ xem vì ta có cái xác thịt mới sinh ra đói khát, mới sinh

ra ái-tình, mới sinh ra xân-nộ, mới sinh ra khiếp sợ mà mới mắc vào vòng tội-ác đấy! »

CHƯƠNG THỨ SÁU

Kết-luận

Ta nói trên này không phải là ta công-kích gì Thác-thị, chẳng qua ta muốn nói rõ cái lai-lịch một phần tư-tưởng của Thác thị. Vì rằng ta được xem sách của Thác thị hiện-tại bây giờ, là cái bản dịch của Đường Tiền-phố, mà Đường-quân thì theo bản dịch của Thăng-thự-mộng, nếu Đường-quân hay là Thăng-thự-mộng có sai lầm khác với nguyên-văn của Thác thị, thì Đường-quân với Thự-mộng phải chịu trách-nhiệm, chứ không phải trách tại ta.

. . .

Lời bạt

Khi sách này đã in xong rồi, thì được thư Cảnh Tế-chi tiên sinh bảo cho rằng: « Nguyên bản Nga-văn sách này, trong những bài ngụ-ngôn có chua rõ là trích ở kinh Phật. Chỉ vì bản dịch không chua rõ đó mà thôi, như thế thì không phải là ông ấy sao-tập. » Song cái ý ta nghiên-cứu đây là cốt xét biết cái học-thuyết của Thác-thị, có phải là chịu ảnh-hưởng của Phật-học không; chứ còn thư sao-tập hay không phải, thì cũng không cần phải bàn. Nay ta xin cám ơn Cảnh tiên-sinh trỏ bảo cho ta, và ta nói rõ là ta không phải là chỉ-trích Thác-thị sao tập, ta chỉ cốt nghiên-cứu về học-thuyết của Thác-thị có phần nào là chịu ảnh-hưởng của Phật-học mà thôi.

NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

IV

121 — Có cỗ thì ngồi áp vách, có khách tôi ngụ-cư (1).

122 — Ăn đi trước, lội nước đi sau (2).

123 — Ăn uống tìm đến, đánh nhau tìm đi (3).

124 — Bầu-dục đâu bàn thứ năm, chè đâu đến chú chủ lăm ăn chè (4).

125 — Ăn cơm nhà thồi tù-và cho hàng tổng (5).

126 — Hàng tổng đánh kẻ cướp (6).

127 — Trân đồng ta ăn cỗ đồng ta,
Tuy rằng cỗ cụt nhưng mà cỗ thơm (7).

128 — Cõng rắn về cắn gà nhà (8).

129 — Rước voi về dày mồ (9).

130 — Ăn cây nào rào cây ấy (10).

131 — Ăn cây táo rào cây soan đâu (11).

1) Ngôi-thứ ở đình lấy từ vách đình trở ra. Bàn ngồi áp vách là bàn nhất. Khách là lính sai của quan-nha cho về làng đốc-thúc việc quan, hoặc bắt đàn anh ra chịu trách-nhiệm gì cho làng, cổ-tục gọi là khách sai. Ngụ-cư là mới ở đâu đến ở trọ nhờ làng.

Đây là chế kẻ tri-giả đối với xã-hội một cách giảo-quyệt. Khi làng có cỗ thì tranh lấy ngôi đàn anh, ngồi áp vách đình mà hưởng lấy miếng ngon miếng lành hơn, tới khi làng có việc nghĩa-vụ đối với nước mà lệnh quan về trách cứ vào đàn anh thì chối mà nói với khách sai rằng: « Tôi là kẻ ngụ-cư », để không phải chịu trách-nhiệm. Suy ra ở

những xã-hội lớn, ở quốc-gia, hạng người này cũng không thiếu gì, thực là đáng bỉ.

2) Đây là chê kẻ trí-giả đối với xã-hội một cách hóm vặt. Khi ở đâu mời, đi đến sớm nhất thì được ăn cỗ còn nóng sốt ngon lành, đến sau thì thường bị cỗ ôi cỗ thừa. Khi một đám đông đi đến chỗ đường bị lụt vỡ, kẻ đi trước phải mạo-hiểm để dò đường, xảy gặp hố thì ngã, còn kẻ đi sau thì được nhờ mà theo lối yên-ổn. Nay kẻ hóm vặt đã hiểu rõ lợi-hại việc đi ăn và lội nước như thế rồi, bèn ăn thì đi trước để tranh lấy ngon lành, lội nước thì đi sau để nắm lấy phần yên-ổn. Trong xã-hội mà ai cũng hóm vặt như thế, đối với việc gì cũng làm cách hóm vặt như thế, thì ai là người chịu nhường miếng ngon, dấn chân đi trước mạo-hiểm để giúp nên sự-nghiệp lớn cho công-chúng nữa. Nghĩ thế mới hiểu câu tuy-ngôn này là chê. Nếu tưởng là lời để dạy mình cách xử-thế thì lầm, mà thực kẻ hóm vặt đáng khinh.

3) Đây là chê kẻ trí-giả đối với xã-hội một cách tư-kỷ. Đối với xã-hội, chỗ có ăn uống cũng như chỗ có lội, kẻ tư-kỷ chẳng nghĩ gì nghĩa-lý, cứ cố len-lỏi tìm đến mà phân-phì ; chỗ dấu-ẩu thường cũng như khi có biến-loạn lớn, kẻ tư-kỷ sợ lấy nghĩa-hiệp sẵn vào can-ngăn, thì một là mất công hai là đa-lụy, nên cố tìm chỗ lánh xa. Xã-hội nào mà nhiều những kẻ trí-giả như thế thì xã-hội ấy bị suy-vong.

4) Bần dục, quả cật, là một cái mà khác tên, tức là cái thận. Đây là nói cái thận của con lợn. Cổ-tục hương-ẩm, có mổ lợn thì hai quả cật đem trần tái hoặc để sống, rồi thái bày một hai đĩa đặt ở bàn nhất bàn nhì là nơi các cụ và đàn anh. Tục cho quả cật là ăn bổ mà có ít nên làng để kính lão và đàn anh mà không cho đến bàn ba bao giờ, nữa là bàn năm. Chè là thứ cháo nấu đường với bột lọc, dùng với xôi vò làm đồ cháng miệng.

Cổ tư-gia cũng ít khi có chè đường xôi vò để đãi suốt lượt, nữa là cỗ hương-ẩm. Cho nên cỗ hương-ẩm mà có chè đường xôi vò thì cũng chỉ bàn các cụ đàn anh có mà thôi, không khi nào phổ-cập đến đàn em. Song tục thế là bất-công.

Đây là khẩu-khí tả một người đàn anh để chê cái chế-độ bất-công của xã-hội. Xã-hội nào thì đàn anh cũng được hưởng quyền-lợi hơn. Nhưng là những quyền-lợi thuộc về vinh-dự mà do công-chúng tặng cho. Còn về phần hưởng-thụ thì vô-luận đàn-anh đàn-em, nghĩa-vụ đều thì quyền-lợi chung, chứ nếu phân giai-cấp, hoặc một số ít độc-hưởng thì bất-công mà người ta phải kêu. Nay xem lời của một người đàn anh mắng người đàn em về việc ăn cỗ làng. Người đàn em hẳn tị cỗ của hắn không có bầu dục và chè đường thì người đàn anh mắng và bảo cho hắn biết cỗ của hạng dưới như hắn không bao giờ có được. Lời mắng ấy thực tả được đúng cái khẩu-khí vũ-đoán của các đàn anh tự-chuyên ở khắp các xã-hội. Song thử hỏi tiền mua lợn và nấu chè đường thì bàn năm trở xuống có phải góp không. Mà dù trích tiền công đi nữa thì đàn em có dự phần tiền công ấy không. Việc làng cứ kiện nhau rối bét thực chỉ tại đàn anh chuyên-lợi.

Câu tùy-ngôn này là bỉ đàn anh chuyên-lợi chứ không phải là dạy đàn anh được an-hưởng như thế đâu, kẻ làm đàn anh đừng lầm.

5) Tù-và là cái còi to làm bằng cả cái sừng nghé, hoặc bằng cái ốc vặn bể. Tù-và dùng để cho tuần-đinh thổi đi tuần đêm. Tổng có mấy xã họp lại. Xã có tuần-đinh của hàng xã, tổng có tuần-đinh của hàng tổng, đều do các xã cắt ra.

Đây là chê xã-hội hàng tổng không biết công cho kẻ làm chức-phận. Thổi

tù-và là kẻ tuần-đinh, tuần-đinh là kẻ trai nghèo. Hàng tổng là khu tự-trị rộng ra ngoài giới-hạn của làng. Tuần-đinh tức là dân binh đem thân ra phòng giữ tính-mệnh tài-sản cho làng cho tổng. Làng cũng nên nuôi, nữa là tổng. Thế mà hàng tổng chỉ biết bắt người ta đi thổi tù-và mà để người ta cứ phải về ăn cơm nhà, thế thì mong cho người ta hết bổn-phận sao được.

6) Đây là chê trong xã-hội hàng tổng, không biết bênh-vực cứu giúp nhau trong khi nguy-cấp. Tục thường làng nào bị cướp vào phá thì người làng ấy hết sức ra đánh đuổi. Còn các xã trong tổng được tin đều đem tuần-đinh ra đánh cứu giúp. Song đó là chỉ ý-ổ để giữ cái tiếng có phó-cứu mà thôi, thực ra cốt ăn ngữ cho cướp khỏi tràn vào làng mình, chứ không hết lòng đánh thù-tử gì cho người làng.

Nhưng làm như thế là tự-kỷ mà cũng là không biết phòng xa. Cướp vào làng khác trong tổng, làng mình không thực-tâm cứu, thì khi cướp vào làng mình, chẳng các làng trong tổng người ta có hết sức cứu làng mình không. Vả cướp vào làng khác được thì rồi nó tha gì làng mình. Thế mà chỉ giữ tiếng, không thực tâm cứu-hộ, thời đáng khinh-bỉ thay. Cũng vì thói ấy mà sức đoàn-thể các xã hội yếu hèn, giặc cướp hoành-hành, nhân-dân đều bị khổ.

7) Lệ các làng, cỏ đồng nào chỉ để cho trâu làng ấy ăn. Trâu làng khác không được chăn nhờ vào được.

Đây là lời của người yêu-mến quê-hương xứ sở (1). Tục có khi dùng nghĩa hẹp để chỉ nghĩa gái làng nên lấy chồng trong làng hơn lấy chồng xa. Nhưng thực thì là nghĩa đối với đất nước của xứ-sở lớn kia đấy. Ý cho rằng người ta với đất nước như con trâu với cánh đồng. Cỏ của cánh đồng con trâu nó ở tuy cụt nhưng nó đã quen đi rồi mà lấy làm thơm ngon hơn cỏ đồng khác. Người ta cũng như thế. Phong-khí của đất nước nơi mình sinh-tụ, tuy người nơ khác coi ra bất-mãn, nhưng mình thì đã quen đi rồi mà lấy làm thú, hết sức mến yêu không đâu bằng. Như thế mới thực là chân ái-quốc.

8-9) Hai câu này đều chê kẻ dại đem người ngoài về để làm hại họ-hàng xứ-sở nhà mình.

10) Đây là lời dạy người ta phải biết bênh-vực giữ-gìn lấy quê-hương xứ-sở của mình. Kẻ ăn quả của cây nào thì hẳn rào lấy cây ấy không cho ai chẫy trộm. Vậy người ta lại không biết bênh-vực giữ-gìn lấy quê-hương mình sinh-tụ dư ?

11) Táo là thứ cây có quả ngon, hình quả nhỏ, khi chín có bột cũng như quả soan. Soan là thứ cây có quả đắng lắm, giống như quả táo mà không ăn được.

Đây là chê kẻ dại, xứ-sở mình thì bỏ mà lại yêu mến ở đâu. Khác nào cái cây mình đang ăn quả thì không rào lại đi rào cho cái cây mà quả không ăn được.

VI — Hợp-quần luân-lý

132— Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên chòm núi cao (1).

133 — Nước còn quyến cát làm dòi,
Huống chi ta chẳng tài-bồi lấy nhau (2).

134 — Vượn lìa cây có ngày vượn rũ (3).

135— Vạch áo cho người xem lưng (4).

136— Trâu chết ăn trâu, bò chết ăn bò, củ tỏi giất lưng (5).

137— Trăm hòn chì đúc chẳng nên chuông (6).

---

(1) Từ câu 127 này trở xuống đến câu 131 nguyên thuộc về mục Quốc-gia luân-lý mà lầm xuống mục này, sau sẽ đặt lại.

138— Trăm cái rui nhằm một cái nóc (7).

139— Trăm cái tên nhằm một cái đích (8).

140— Trâu bò ở với nhau được lâu (9).

141 — Trống đánh xuôi kèn thổi ngược (10).

142— Dưới kinh trên nhường (11).

1) Đây là dạy về cái nghĩa hợp-quần thì sức mạnh. Xem núi non kia thuần là những cây phủ kín. Nhưng nếu một cây thì không làm nên thành non được, thế mà độ ba cây thì đã thành một chòm tùm-bum xanh tốt mà trông ra vẻ một quả núi cao rồi. Cũng như một người thì hèn yếu không làm gì được, thế mà năm ba người hợp lại đã thành bọn đông có thế-lực rồi. Đông nữa lên thì thành đàn, đàn lớn thì làm gì không nên.

2) Doi là cái bãi cát hình nhọn nổi ở cửa sông cửa bể, bởi nước từ ngọn nguồn đem cát xuống bồi dần lên.

Tải 栽 là trồng cây, *bồi* 培 là vun bón. Đây là nói về nghĩa vun-thu vào cho đàn.

Cái doi ở cửa sông cửa bể kia, ta trông thì to thật. Thế mà chỉ có nước chảy nó bồi dần-dà mãi mà thành ra đó. Nước còn làm nên doi được, phương-chi là người. Người có trí khôn có sức mạnh há lại không nên tải-bồi lấy nhau để thành một cái đàn to-lớn có sự-nghiệp dư ?

3) Vượn là thứ khỉ tay dài, chuyên leo và đu ở trên cây trong rừng suốt ngày, chứ không ở núi trọc được như khỉ khác.

Đây là nói về lẽ phải hợp-quần. Người ta sống là nhờ ở đàn, một ngày lìa đàn ra thì chết. Cũng như vượn sống là nhờ ở cây, một ngày lìa cây ra thì vượn đến phải rũ.

4) Đây là nói nên che đậy cho nhau trong đàn. Cả đàn hay là một ai trong đàn có điều gì dở thì cần phải bảo cho nhau để sửa-sang lại, thì đàn mới thịnh. Nhưng đối với ngoài thì không nên bới móc cho người ta biết cái chỗ kín của đàn mình. Che cho lưng là nhờ có áo, nay vạch áo ra cho người xem thấy lưng mình gầy béo xấu tốt, ấy là việc có hại.

5) Tỏi là thứ gia-vị ăn với thịt trâu, cũng như gừng là thứ gia-vị cho thịt bò. Cổ-tục không biết vệ-sinh chung. Ai kiêng thì được, ai không kiêng thì thôi, không cấm nhau. Cho nên súc-vật chết toi thường cho những kẻ ăn liều xin về ăn thịt. Đây là chê kẻ đối với đàn một cách vô-lương-tâm. Trong xóm-làng chẳng may có nhà bị toi trâu bò, thì ai không thương cho nhau bị thiệt-hại. Nhưng kẻ vô-lương-tâm kia thì lại mừng, được mẻ no-nê không mất tiền. Bấy giờ hắn đã giắt sẵn củ tỏi ở trong lưng rồi, hễ trâu hay bò của ai ngã xuống là sẻo về sực cho phỉ chí. Chẳng thương ai mà cũng chẳng sợ gì bệnh-tật truyền-nhiễm.

6) Đây là nói phải làm cho các phần-tử đều có tư-cách hay cả mới được. Vẫn biết hợp số nhiều lại làm đàn, nhưng các phần-tử trong số nhiều ấy phải đều có tư-cách hay cả mới được. Cũng như muốn đúc chuông phải có đồng tốt. Nay cứ đen đầu gọi là người, kể số nhiều chứ không kể tư-cách, thì hợp vạn thằng mù lại cũng không trông thấy gì, hợp vạn thằng điếc lại cũng không nghe tiếng gì. Cũng như thấy chì thì gọi là loài kim, dẫu nhiều đến trăm hòn chì cũng không đúc thành chuông được.

7) Đây là nói đàn phải có chỗ để dựa. Chỗ để cho trăm cái rui nó dựa là ở một cái chồng nóc, chỗ để cho cả mọi người trong đàn dựa vào há không phải là kỷ-luật dư ? Cũng có nghĩa là một người hay để cho cả đàn dựa.

8) Đây là nói đàn phải có mục-đích. Trăm cái tên tuy nhiều mà đều nhằm vào một cái đích mà bắn. Cũng như đàn tuy đông mà đều trông vào một mục-

đích của công-nguyện. Cũng có nghĩa một người hay để cho cả đàn trông vào.

9) Đây là lấy sự hợp-quần của trâu bò để khuyên người ta. Người ta ở trong đàn, ăn ở không biết lựa nhau, mà thường xẩy ra khích-bác luôn. Quá lắm đến tan cả đàn. Như thế thực không bằng đàn trâu đàn bò. Chúng nó ở với nhau mãi cũng không thấy húc lẫn nhau, đánh đuổi lẫn nhau bao giờ. Thật là đáng khen.

10) Đây là chê trong đàn không hòa-hợp với nhau. Ví như cuộc hòa-nhạc kia. Trống với kèn phải theo nhau một dịp-dàng, một cung bậc, thì mới thành khúc, có tiết-tấu hòa vui. Nay trống đánh dịp xuôi, kèn thổi điệu ngược, thì còn ra âm vận gì. Trong đạo hợp-quần cũng vậy, mỗi người mỗi ý riêng phản-nghịch nhau, thì còn thành vận-sự gì.

11) Đây là dạy về cách đối-đãi nhau trong đàn. Trong một nhân-quần không thể không có kẻ trên người dưới, bởi nghĩa-vụ với quyền-lợi xui nên. Vậy trên dưới đối-đãi với nhau, dưới phải xét những công-ơn đã làm cho đàn mà kính người trên, trên phải thương nỗi thiệt-thòi về phận-sự mà nhường kẻ dưới. Như thế thì đàn mới hòa vui, có tinh-thần bình-đẳng.

. . .

143 — Trong có ấm thì ngoài mới êm (1).
144 — Thuận buồm xuôi nước, chén chú chén anh;
Buồm ngược nước quanh, thằng anh thằng chú (2).
145 — Thà ăn bắp hột đông vui,
Còn hơn giàu có mồ côi một mình (3).
146 — Thân trâu trâu lo, thân bò bò [liệu (4).
147 — Xẩy đàn tan nghé (5).
148 — Rậm người hơn rậm cỏ (6).
149 — Ong kiến có bầy đông vui,
Huống chi loài người chẳng có nghĩa dư ? (7)
150 — Nhiều áo thì ấm nhiều người thì vui (8).
151 — Nhà có láng-diềng nhà, đồng có láng-diềng đồng (9).
152 — Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa (10).

1) Đây là nói về thực-lực của đàn. Trong đàn xử với nhau có kín-đáo ấm-cúng mọi việc, thì ngoài người ta mới tin yêu mà sự gì cũng êm.

2) Đây là chê trong đàn không biết hòa vui để đối với lúc có việc khó-khăn. Xem bọn chân sào ở đò dọc kia, khi thuận buồm thuận gió, nước chảy xuôi, thuyền đi như bay, anh em không ai phải làm gì thì giở ngay ra chè rượu chào mời nhau. Nào chén anh đây, chén chú đó. Đến lúc buồm ngược gió, nước chảy quanh, anh em đều phải hết sức chèo đẩy mà thuyền đi cũng không được là mấy, thì giở ngay ra cãi chửi lộn bậy. Nào em gọi « thằng anh », anh mắng « thằng em ». Việc càng rối mà thuyền càng không đi. Ấy tiểu-nhân dụng sự thường như thế.

3) Bắp hột là hột bắp ngô, có nơi gọi bắp lúa bẹ.

Đây là nói về cảnh ly-quần. Kẻ giàu có mà mồ-côi một thân ở với những người xa lạ cả thì thấy khổ-sở buồn-bã, mới biết hối : thà nghèo khổ ăn bắp hột trừ bữa mà được ở với đàn mình đông-đúc thì còn vui sướng hơn cái cảnh cô-độc mà giàu có này biết bao.

4) Đây là chê trong đàn không biết mưu lo việc công-ích cho nhau. Như một đàn trâu với bò ở lẫn với nhau kia, lợi-hại chung thì phải lo liệu chung. Nếu thân nào thân nấy lo, không hề giúp đỡ nhau, thì rồi thân nào cũng nguy và đàn tan.

5) Nghé là trâu con.

Đây là nói cái cảnh đàn tan. Nghé còn ấu-trĩ phải nhờ vào đàn mới yên. Nay đàn đã xẩy vỡ thì nghé khỏi sao không lạc, không nguy-khốn. Cho nên trong nhân-quần mà đã bại-hoại mối giường, thì đàn em rất khổ-cực.

6) Đây là nói nên yêu đàn. Kẻ có đất rộng bỏ cho cỏ mọc rậm kia thì sao bằng cho người đến ở nhờ cho rậm còn hơn. Người rậm còn giúp cho mình nhiều việc, chớ cỏ rậm thì được ích gì.

7) Ong có nhiều thứ, như : ong mật, ong vàng, ong bọ vẻ và ong bầu, ong nào cũng biết làm tổ. Kiến có nhiều thứ như : kiến vàng thì mình nhỏ đào lỗ dưới đất, kiến đen thì mình to làm tổ ở trên cây.

Đây là nói về lệ hợp-quần. Xem những loài ong kiến là vật bé nhỏ cỏn-con mà còn biết hợp đàn ở với nhau cho đông vui để cùng bênh-vực giúp đỡ lẫn cho nhau. Phương chi người ta là giống có tài-năng sức-vóc và trí-tuệ hơn ong kiến biết chừng nào, mà lại không biết đến cái nghĩa ở đời vị gì mà phải hợp đàn với nhau ru ?

8) Đây là nói nghĩa hợp-quần.

9) Láng-diềng nhà là những nhà ở liền với nhà mình trong xóm. Láng-diềng đồng là những điền-chủ có ruộng liền với ruộng mình ở ngoài đồng. Láng-diềng nhà thì giúp đỡ nhau những việc cần ở trong nhà, láng-diềng đồng thì giúp đỡ nhau những việc cần ở ngoài đồng.

Đây là nói ở đâu, nghề gì cũng có xã-hội ấy, thì biết người ta cần phải có đàn.

10) Sãi là kẻ trông coi đình, miếu hoặc chùa. Sãi chùa tức là sư tăng, sư ni.

Đây là chê đàn không có thể-thống, không có chuyên-trách. Tưởng rằng chùa nhiều sãi thì việc chùa càng chỉnh-đốn hưng-thịnh. Ngờ đâu có đông người mà không có thể-thống, không có chuyên-trách gì, chỉ tranh nhau điều lợi, đưa nhau việc khó, mà đến bỏ cả cửa chùa không ai đóng. Thực đều có tội.

. . .

153— Nhiều tay thì vỗ nên độp (1).
154— Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn (2).
155— Đông có mây, tây có sao (3).
156— Muốn cho có đấy có đây,
Sơn-lâm hồ-dễ một cây nên rừng (4).
157— Một hòn đắp chẳng nên non,
Ba hòn đắp lại nên hòn Tản-viên (5).
158— Một mình vừa chống vừa chèo,
Nào ai tát nước đỡ nghèo cho đây (6).
159 — Khôn-ngoan đá-đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau (7).
160 — Khi giàu có chẳng đỡ ai,
Đến khi hoạn-nạn chực ai đỡ mình
161 — Khi ăn nào nhớ đến ai, [18].
Đến khi phải bỏng cứ tai mà sờ (9).
162 — Khôn-ngoan kiếm ăn ngoài,
Mạt đời kiếm ăn trong (10).

1) Độp là tiếng nhiều tay vỗ. Khi một bọn đông cùng nhau tiến đi để đòi sự gì, làm cái gì thì tay cũng vỗ, miệng cùng hò reo cho nức lòng vui chí mà cùng ồ vào, hay là giúp người đương-cục hăng-hái thêm lên. Như những cuộc tranh thi cướp quả cầu, kéo gỗ để lấy giải ở các làng, v. v.

Đây là nói đàn đông thì làm nên việc, tức như những tiếng độp vỗ tay của bọn hò reo kia là bởi nhiều người mà thôi.

2) Đây là nói trong đàn không nên tị so nhau về sự đóng góp phải một loạt. Cứ xem ngay bàn tay mình trong năm ngón cũng có ngón dài ngón ngắn không đều, thì biết đạo trời phú-bẩm cho mọi người không nhất-luật được. Vậy trong một đàn, người hơn phải bù cho người kém, người mạnh phải đỡ cho người yếu, thì việc mới nên. Nếu so tị đồ-đưa cho kẻ số nhận kém hèn thì không phải.

3) Đây là nói có kẻ nọ người kia hợp lại làm một đàn mới nên công-việc, cũng như trên trời, đông có mây bay, tây có sao sáng, mới thành cảnh-tượng trời vui-vẻ lúc đêm thanh. Chớ nếu trông lên cứ tối mù-mịt, chẳng hề có mây có sao gì, thì cảnh bầu trời lúc đó phỏng có buồn-rầu không.

4) Đây là ý rủ nhau hợp lại làm một đàn. Cái rừng ở trong sơn-lâm kia, ai

cũng biết không phải một cây mà nên được. Vậy ở đời có thể người nào cứ ở riêng một mình mà sống được dư? Bởi vậy muốn đây với đấy hợp lại với nhau cho thành công-việc.

5) Ba là nói hàm về số nhiều. Tản-viên là ngàn núi to và cao ở Sơn-tây, có tiếng ở Bắc-kỳ.

Đây là nói nhiều sức hợp lại thì làm nên việc lớn.

6) Đây là nói lúc lâm-nguy lý hiểm mà không có đàn thì dù có tài-cán cũng hỏng. Một cái thuyền nát đương cơn sóng gió mà chỉ có một mình. Vậy một mình dù có gan có tài vừa chống đầy, vừa chèo bát được cả. Song còn nước ở ngoài cứ dò vào thì sẽ lấy ai tát ra cho khỏi cái hiểm-nghèo sắp chìm lỉm cả thuyền lẫn người kia.

7) Đây là khuyên trong đàn chớ hại nhau. Người ta hợp đàn lại để lo sinh-tồn. Vậy kẻ có khôn-ngoan biết khóe đấu chọi, thì đi mà đá-đáp với người nào ở ngoài đàn. Chớ trong một đàn là cùng một nòi giống, cũng như đàn gà kia là nó cùng một mẹ sinh ra đó. Gà trong đàn nó không đấu chọi với nhau bao giờ, nữa là đàn người mà đá đáp nhau dư?

8) Đây là nói trong đàn phải giúp đỡ nhau. Muốn người đỡ mình, mình phải đỡ người. Sự giúp đỡ nhau thì nhiều mà giàu nghèo giúp đỡ nhau là việc rõ-ràng nhất. Vậy khi mình giàu có mà tuyệt không đỡ ai, thì nhất-đán mình bị sa nghèo hoặc bị hoạn-nạn gì, bấy giờ còn chực ai người ta đỡ mình nữa.

9) Trên mặt thì chỗ trái tai lạnh hơn cả, cho nên hễ tay bị bỏng thì người ta quen sờ vào trái tai để cái nóng nó truyền vào đó mà đỡ nóng.

Đây là lời hoạt-kê để chê kẻ lợi thì tự-kỷ mà hại thì nhờ đàn. Nghĩa là lúc anh ăn thì tay anh chỉ vơ vào miệng chứ anh có và vào tai cho tai ăn với đâu. Thế mà hễ tay anh bị bỏng thì sờ ngay lên trái tai để cầu-cứu.

10) Đây là chê những kẻ mọt khoét hại đàn. Kẻ khôn-ngoan đem tài-nghệ để làm ích-lợi cho thiên-hạ mà kiếm ăn với ngoài đàn. Sự kiếm ăn ấy ai cũng phải khen. Còn như kẻ ngu hèn, chỉ xoay sở vào trong đàn để mà kiếm ăn thì thực là mọt đời, ai cũng khinh-bỉ.

. .

163 — Ăn một mình thì được chứ làm một mình không được (1).
164 — Khôn độc không bằng ngốc đàn (2).
165 — Buôn có bạn bán có phường (3).
166 — Gà béo thì bán bên Ngô,
Gà khô thì bán làng điềng (4)
167 — Góp gió thành bão, chụm cây nên rừng (5).
168 — Chết một đống hơn sống một người (6).
169 — Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ (7).
170 — Cơm ăn chẳng hết thì treo,
Việc làm chẳng hết thì kêu làng-điềng
171 — Cơm ăn chẳng hết thì treo, [(8).
Việc làm chẳng hết thì meo mặt vào
172 — Cả bè hơn cây nứa (10). [(9).
173 — Ăn cho đều tiêu cho sòng (11).

1) Đây là nói cái nghĩa trong đàn, làm phải chung thì ăn chớ độc. Khi ăn không những phải cần đến ai mà lại không muốn có ai để bớt bát của mình đi. Thế thì được đấy. Tâm-lý người ta như thế cũng nhiều. Nhưng đến khi làm thì nó lại trái lại. Một mình không thể làm nổi được việc gì, nhất là cái miếng ăn kia cũng vậy, phải có bao nhiêu người giúp vào mới nên. Thế ở đời không nên cốt vơ lấy cho đầy nồi mình, mà không nghĩ đến những ai giúp đỡ.

2) Độc là một mình. Ngốc là dại.

Đây là nói chớ cậy một mình khôn mà khinh cả một đàn dại. Dại nhưng có đàn, đồng-tâm hiệp-lực lại giúp đỡ

lẫn cho nhau thì việc gì cũng thành. Thế là dại mà nhiều sức cũng thành khôn. Khôn nhưng chỉ có một thân, không ai tư-trợ thì không có làm được gì.

3) Đây nói về sự hợp-quần của nhà thương-mại. Buôn mà có bạn để giúp nhau thì dễ cất hàng, bán mà có phường thì cầm được giá mà cũng có lợi. Cho nên việc gì ngày nay, người ta cũng lập ra có hội « ái-hữu 愛友 » để cùng nhau giúp đỡ bênh vực quyền-lợi.

4) Ngô là một nước trong ba nước Tam-quốc bên Tầu mà gần nước ta. Đã đánh lấy nước ta, tức là thời bà Triệu-ẩu vậy. Vì thế ta quen gọi người Tầu là người Ngô, nước Tầu là nước Ngô.

Đây là chê kẻ xử tệ với dân. Như anh chàng bán gà kia, bên Ngô thì có ích gì cho anh, mà hễ con gà nào béo thì anh để đem bán cho họ. Còn láng-diềng là nơi tắt lửa tối đèn có nhau, rất có tình-nghĩa với nhau, thì hễ con gà nào gầy là anh để bán cho.

5) Đây là nói về cái lẽ hợp dân thì sức mạnh.

6) Đây là lời quả-quyết tỏ nghĩa đồng-sinh đồng-tử của dân với nhau. Đang khi hay là sắp ngộ biến, người ta tính rằng: một mình mình thì có thể sống được, nhưng không nỡ trông thấy cả dân bị chết, thì thà mình cũng cùng dân cùng chết làm một đống với nhau, còn hơn sống lấy một người như mình sót lại.

7) Tầu là cái chuồng nuôi ngựa. Nuôi nhiều ngựa thì tầu làm dài mỗi gian vừa một con đứng.

Đây là nói cái cảm-tình trong đàn. Xem đàn ngựa kia là loài vật mà chúng nó có cái cảm-tình đối với nhau rất thiết-tha. Khi trong một chuồng nhiều ngựa mà có một con nào bị đau thì cả tầu nó đều không ăn cỏ. Là vì chúng nó thương nhau mà không thể ăn được. Vật còn như thế, phương-chi là người.

8-9) Hai câu này cùng giống nghĩa như câu thứ 163. Cơm ăn không hết thì biết treo để dành, không cho láng-diềng. Sao việc làm không được thì biết gọi láng-diềng giúp, hoặc méo mặt lại mà cố không nổi. Vậy thì khi được phong-hậu hơn bà con xóm láng, cũng nên giúp đỡ cho nhau; ở đời là nghĩa tương-tư tương-bảo, mình giúp người cái này, người đỡ mình cái khác, không mất đâu mà thiệt.

10) Đây là nói một mình dù giỏi cũng không bằng cả đàn.

11) Ăn là ăn cỗ hoặc ăn phần chia.

Kêu cũng là gọi, gọi đóng góp việc gì. Sòng là nộp ngay không trì-duyên khiêu-khất, không trây lười.

Đây là nói về nghĩa-vụ với quyền-lợi ở trong đàn. Ăn thuộc quyền-lợi. Kêu thuộc nghĩa-vụ. Những phần-tử đối với đoàn-thể, dân đối với làng với nước, muốn được đều quyền-lợi, phải làm trọn nghĩa-vụ. Phần ăn-nưởng đã được chia đều thì phần gọi đóng phải nộp sòng, đó chính là cái tinh-thần về quyền-lợi nghĩa-vụ của dân đối với phần-tử, phần tử đối với đàn vậy.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ NAM

VĂN THIỀU-NỮ

Mười ba năm

Kính tặng hương-hồn từ-mẫu

... Đã mười ba năm rồi! ... Ở làng T... tỉnh S... một tòa nhà ngói nền đúc, cất theo lối cổ, nhưng hãy còn mới, khách qua đường trông vào đoán biết được chủ-nhân cũng thuộc vào bậc hào-phú.

Một đứa con gái bé độ mười tuổi, ngày ngày vào ra làm mọi công-việc trong nhà, như người ta thường thấy hạng con gái ở các nhà chăm việc. Đứa bé ấy cũng có đi học, nhưng chỉ vừa đọc được chạy quốc-ngữ rồi thôi, vì cái lòng muốn ở nhà giúp đỡ cha mẹ mạnh hơn lòng cầu học. Về nhà nó vẫn vui trong các việc nữ-công: chỉ kim bếp nước. Dầu là còn ít tuổi, nhưng nó đã có nhiều lòng hiếu-thảo, cái lòng có bởi thiên-tính.

Thường ngày, thấy cha mẹ nó nhất là người mẹ yêu-quí của nó phải đau-đớn vì cảnh nhà sa-sút, thì con bé ấy rất lấy làm suy-nghĩ, vẫn muốn làm cho cha mẹ nó được vui lòng để đỡ những điều sầu-thảm. Cũng như phần nhiều các con trẻ khác, đối với cha, nó có nhiều lòng sợ mà ít có lòng yêu. Mẹ nó là người hiền-đức lắm, thường ngỏ ý muốn cho các con đứa nào đứa ấy đều được nên người, có phẩm-hạnh, có học-thức, con trai cũng như con gái. Phẩm-hạnh thì nó tự hứa với lòng gìn-giữ để xứng với tấm thân băng trong tuyết trắng; còn học thức thì nó đã phải nhiều khi buồn rầu vì biết mình khó đến được chốn cao-xa. Cái vô-hi vọng ấy khiến cho nó mỗi lần nghĩ đến là mỗi lần sa nước mắt mà riêng những âm-thầm thương tủi.

« Ban-cua »! Chứng bệnh rất nguy-hiểm nó lại phải mang vào khoảng năm mười-một tuổi, không ai ngờ là khỏi được. Nhưng còn may! Sau khi bà ngoại nó đem về quận Ô-môn thuốc-thang săn-sóc ngót ba tháng thì sức khỏe nó dần dần bình-phục được. Nhân đó nó lại được bà ngoại nó cho đi học.

Đã gần mười hai tuổi rồi mà chỉ mới bắt đầu học vần tây, so với bạn-bè thì thua kém rất nhiều. Nhưng nó cũng chẳng buồn, vì nó biết thân-phận không may của nó phải chịu như thế, vẫn chăm-chỉ cố-gắng luôn. Mà rồi sức học nó cũng dần dần lấn được bạn cùng lớp. Nên nói thực cho nó là nó chẳng được có thiên-tư tốt cho lắm, sự tiến-hóa mau chóng đó là nhờ ở chỗ thấy: « sự học-thức của nó sẽ làm cho mẹ nó vui lòng », khiến nó có đủ sức phấn-miễn trong việc học-hành. Đến năm mười-bốn tuổi, ở trường làng đến lớp tư là hết bậc học cho con gái, nó muốn ra tỉnh học nhưng còn phải tốn hao. Ngại nỗi ấy thì một điều rất may mắn, nhờ có người trong thân giúp đỡ. Ra tỉnh C... học, vào lớp ba, rồi từ ấy sự học nó ngày càng tấn-tới mà mỗi năm đều được lên lớp dễ-dàng. Tuy mới chừng ấy tuổi mà ở trọ một nhà người quen, nó đã biết trọng danh-giá và biết ăn-ở cho mọi người gần-gũi đều thương-mến.

Ở trường, thầy yêu, bạn yêu, về nhà ai nấy chiều chuộng. Việc ăn-ở cho mọi người yêu, cũng như việc chăm học là bởi một tấm lòng thương yêu cha mẹ mà muốn làm cho cha mẹ được vui lòng, vì nó nghĩ rằng: con cái có nết-na thì cha mẹ được tiếng khen.

Dầu vậy, nó vẫn có cái tính lạ là ít chịu giao-thiệp với nhiều người. Nó lấy sự học-hành chăm-chỉ làm vui thú

hơn, vì nghĩ rằng : nhiều bè bạn tất thế nào cũng có điều không vừa ý.

Mới chừng ấy tuổi đầu đã phải xa cha mẹ, xa chị em, xa chốn gia-đình đầm-ấm, như cái tổ đối với con chim non, mà đất khách quê người, tháng ngày thui thủi ; nên nhiều khi ngồi trông ngọn gió thoảng qua cửa sổ, mấy lá gòn lay động, hoặc là khi hoa rụng bên thềm, trăng soi trước ngõ, hoặc là khi một vài tiếng chim kêu hót buổi chiều hôm, đối với cảnh nên thơ ấy, nó đã từng nhiều phen chan-chứa lệ... Trời ban trưa, trong nhà sau trước vắng người, thì chỉ có quyển sách vừa buông ngỏ trên bàn, cành cây lá cỏ ủ-rũ lừ-đừ vì cơn nắng hạ, một luồng gió hắt, điểm có vẻ dìu-hiu, là thấy được lòng đứa bé đang ngơ-ngẩn chạnh niềm thương nhớ gia-hương. Liền tay nó lau ngay giọt lũi để cầu lấy giải khuây trong sự học. Trong tuần-lễ nó được có hai ngày vui-vẻ nhất : thứ năm và chủ-nhật. Hai ngày được đi thăm dì nó, hai ngày nó thấy được một phần cái hình-ảnh gia-đình và tiếp-xúc được một phần khí-vị tình thân-ái trong nghĩa gia-tộc.

Năm 16 tuổi vào lớp nhất. Hi-vọng chan-chan trước mắt, trông cho mau đến ngày công-thành danh-đạt, để cho cha mẹ nó được chút vui mừng bấy lâu đã nhiều ao-ước. Nhưng than ôi ! Cuộc đời điên-đảo, tai-nạn không ngờ ! Thần chết chợt một cái đã cướp mất người nó yêu quí nhất trên đời : mẹ nó từ-trần, trong lúc nó còn đang mê-man tâm-trí trong quyển sách tập bài.

Than ôi ! nó không được thấy khi mẹ nó vất-vả trên giường bệnh, nó không được cầm tay mẹ nó phút cuối cùng, cánh tay ấm bồng âu-yếm nó từ những ngày thơ dại, nó không được nghe tiếng thở hắt ra của mẹ nó, tiếng từ-giã cõi đời, nơi còn để lại đứa con thơ yếu. Nó làm việc cốt để cầu lấy vui lòng cho mẹ nó mà nay mẹ nó đã chẳng còn thì thực là khiến cho nó tuyệt-vọng với đời. Bước vào nhà cũ, chốn vui-vầy ấm-áp mọi khi mà nay thấy buồn-rầu lạnh-lẽo vô-cùng, mẹ nó nằm, nét mặt gầy-gò xanh-xao, trong màu tử-khí, đôi con mắt như đang trông đứa con xa cách sắp về, miệng như mỉm cười mà lộ một vẻ đắng-cay đau-đớn. Cười vì đã rũ sạch bụi trần, cõi đời, chốn người ta bao-la nơi khổ-não ; đau-đớn vì lo cho bốn đứa con thơ dại, rồi đây, muốn sống, cậy nhờ ai ? Đối với đứa bé sau khi người mẹ đã chôn vùi dưới ba thước đất rồi thì trời đất này là một giống oan nghiệt vô-ngần, mà cuộc đời là một tấn tuồng diễn bằng nước mắt.

Rất không may cho nó bước đầu trên quãng đường đời. Nó thôi-chí ư ? — Cha nó thì bệnh yếu, chị nó cũng vẫn còn là thơ ngây như nó, em nó thì còn nhỏ dại, nó không thể thôi-chí được, nó phải bước lên mà lo phận-sự, mà giúp-đỡ gia-đình kia mà. Cái gánh nặng, nó không thể trút cho ai !

Nó không dám vì sự chán-nản, mà toan bỏ học. Nó cố gắng luôn, dầu lòng dốc chí luôn, nhưng mỗi cái dầu lòng dốc chí của nó đã khiến cho nó rớt bao nhiêu nước mắt. Dầu thế nào nó cũng nghĩ rằng : mẹ nó tuy đã chẳng còn, nhưng một tấm linh-hồn thương con vẫn quanh-quẩn bên mình nó.

Cuối năm ra thi, đậu bằng sơ-học. Nó vui ư ? — Thì người mà bấy lâu nó muốn làm cho vui lòng đã cùng nó chia biệt nghìn thu rồi, thì cái vui ấy chỉ là cái vui thoảng qua trong buồn tủi mà thôi !..

. . .

Đã mười ba năm rồi ! Ngôi nhà ngói ba gian, nền đúc, cất theo lối cổ, ở làng nay hãy còn, nhưng chủ-nhân đã khác, mà con bé lên mười vào ra ngõ ấy năm xưa tức là em đây, em ngồi ngậm-ngùi nước mắt ôn lại tình-cảm mười ba

năm trời nay mà viết bức thơ này cho anh vậy.

Em mới sắp bước ra đời, thưa anh, đời đã chào rước em bằng nhiều nỗi chua cay. Cảnh tử-biệt ấy rồi nó cứ vơ-vẩn trong óc em mãi, về sau nhiễm thành cái bệnh đa-cảm đa-sầu, nhưng bao giờ em cũng hết sức đề nén, vì e để cho sự buồn-rầu lung-lạc quá, tất có phương-hại cho cuộc tương-lai. Ngày em đậu sơ-học rồi mà lòng những phân-vân nhiều nỗi: muốn kiếm một nghề làm thì đã được, nhưng cái nghề xứng mới mảnh bằng sơ-học khó có thể mà gánh vác được một cái gia-đình nghiêng-ngửa. Muốn học thêm thì tiền đâu? Duy chỉ còn trông về học-bổng. Thì cũng may mà hi-vọng được thành. Rồi từ ấy xứ người em lại đem chiếc thân sầu-não mà theo đuổi trên đường học-vấn: ban sư-phạm nữ-học-đường. Việc nhà vẫn nhờ có chị em, một mình thờ-phụng cha già, săn-sóc em thơ.

Một khoảng thời-gian bốn năm, em tạm gác cái tình đối với gia-đình mà vui mà buồn cùng các bạn đồng-học. Đời em bốn năm ấy, có lẽ là bốn năm để cho em một cái cảm-tình rất thanh-thú và một cái ấn-tượng rất thâm-trầm trong ký ức. Học-đường bấy giờ đối với em nó cũng như gia-đình đã đối với em ngày mẹ em còn, dưới cái âu-yếm thương-yêu của tấm lòng từ-ái, thì nay em cũng được vui-sướng thảnh-thơi trong cái tình nhẹ-nhàng đầm-ấm của bạn-bè.

Bốn năm tốt-nghiệp ra, đèn sách nên công đó cũng nhờ lắm người trong thân giúp-đỡ mà bấy giờ ông trời cay-nghiệt xưa kia đối với em hình như cũng bớt tay khe-khắt.

Ngày nay em chỉ nhờ cái chức-nghiệp con-con này mà lo ân đền nghĩa trả phận làm con trong gia-đình và góp một chút công phận làm dân trong xã-hội. Như thế em tin rằng: chốn hoàng-tuyền mẹ em cũng được ngậm cười.

Từ đây về trước là thế, đời em nó chẳng hay gì, còn từ đây về sau thì đường đời man mác biết về đâu...

* * *

Đã mười ba năm rồi! Ngôi nhà ngói ba gian, nền đúc, cất theo lối cổ ở làng ?.... nay vẫn còn, nhưng chủ-nhân đã khác, mà con bé lên mười vào ra ngõ ấy, năm xưa tức là em đây, em ngồi ngậm nước mắt ôn lại cái tình cảm mười ba năm trời nay mà viết bức thơ này cho anh vậy...

Ngày xuân năm nhâm-thân 1932

Nữ-sinh Tri-đức học-xá
(Hà-tiên)

TUỒNG HÁT

TRUNG HIẾU THẦN TIÊN

(*Truyện Hưng-đạo-vương* 興道王傳)

III

Hồi thứ V

Sửa thành rồng rước chúa thượng hoàn cung
Dạo giá phượng gặp cảnh-binh giữ cửa

Các vai :

Trần Thủ-Độ — Thái-tôn — Hoàng-hậu — Chư-tướng — Linh-huệ phu-nhân — Thị-nữ — Cảnh-binh.

Trần Thủ-Độ ra nói :

Đành đã thanh đảng cáo; âu kíp sửa thành rồng. Trước là nghinh Hoàng-thượng hoàn cung; sau cũng thỉnh phu-nhân hồi đệ. (*Vào*)

Thái-tôn ra nói :

Trùng quang khai nhật-nguyệt; y cựu phục sơn-hà. Thăng-long trông cũng không xa; Chư-tướng, Đông-bộ kíp âu dời gót.

Vãn rằng :

Đông-bộ kíp âu dời gót,
Thăng-long-thành vua trước tôi sau.
Cường-Hồ kiệt-ngạo đến đâu,
Cũng nên lấy trận Bộ-đầu làm gương.

Hoàng-hậu nói :

Xưa đương cơn hoạn-nạn; nay gặp vận thăng-bình. Nước non y-cựu cao-thanh; cung điện trùng-tân cảnh-sắc.

Vãn rằng :

Cung điện trùng tân cảnh-sắc,
Hỏi cường Hồ có chắc chi không.
Thành rồng lại trả cho rồng,
Kìa ai luống những mất công giữ nhà.

Chư-tướng cùng nói :

Quản bao công hãn-mã; may giúp vận thừa-long. Nước non đã thấy cao trong, bờ cõi sẽ thanh gió bụi.

Vãn rằng :

Bờ cõi sẽ thanh gió bụi,
Quyết ra tay giúp hội vân-lôi.
Dù cho quyền thổ trùng-lai,
Sơ-hồi đã vậy hậu-hồi ra chi.

(*Đều vào*)

Thị-nữ ra bảo rằng :

Phu-nhân hỉ-sự.

Linh-huệ phu-nhân ra. Phu-nhân nói :

Sự gì mà hay?

Thị-nữ nói :

Nay vâng lời Thượng phụ, lại cấp thỉnh phu nhân. Long-thành đã quét bụi trần; phượng-khuyết xin dời gót ngọc.

Phu-nhân nói :

Hảo a, thị-nữ sắm-sửa xe loan, ba trở về Thăng-long mà như thế này.

Yến đã về nhà cũ; rồng lại hiện thành xưa. Cố-hương âu kíp giã từ; tiền lộ trông chừng tiến-phát.

Vãn rằng :

Tiền-lộ trông chừng tiến phát,
Trải dặm hòe bát-ngát mùi hoa.
Khi đi ô đỗ nóc nhà,
Khi về thành lại hiện ra rồng vàng.

Thị-nữ vãn rằng :

Dù hiểm-trở gian-nan khôn kể,
Thấy giang-sơn đẹp-đẽ mà vui;
Khi đi huệ héo lan tồi,
Bây giờ cỏ-thụ đã chồi tân-hoa.

(*Đều vào*)

Binh-linh ra nói :

Phận tuy rằng rất nhỏ ; ny cũng thiệt là to. Như ta nay lại ở đây, không kỳ ông nào bà nào đi qua đây mà không xuống xe xuống ngựa, ta nào có dám cho qua đâu.

Trước là nối lấy phép nhà vua, sau là giữ lấy quyền tên lính. *(Vào)*

Linh-huệ phu-nhân ra nói :

Đây đã đến thành Thăng-long đây mà.

Trời gặp chiều êm-ái ; đất sẵn cảnh phồn-hoa. Thị-nữ ! Âu là kíp dấy loan-xa ; chỉ lối trông chừng phượng-khuyết.

Vãn rằng :

Chỉ lối trông chừng phượng-khuyết,
Xem cung đền càng đẹp càng tôn ;
Trời Nam một cuộc vuông tròn,
Đền vàng phủ tía vẫn còn như xưa.

Thị-nữ vãn rằng :

Dẫu là trải mấy nắng mưa,
Nét vàng vốn đến bao giờ không phai.
(Đều vào)

Một tên cai cùng bốn tên lính ra canh cửa hát lối đi canh.

Linh-Huệ phu-nhân đi xe cùng thị-nữ đều ra.

Cai lính nói :

Ai kia ngồi trên kiệu ; tới đó phải dừng xe. Ta canh đây chẳng dám cho qua ; ai đến đó phải nên trở lại.

Thị-nữ nói :

Ngôi đường - đường mệnh - phụ ; quyền hách - hách Thái-sư. Sao bay không thấy mặt mà trừ ; coi lấy đó giữ dầu kẻo mất.

Cai lính nói :

Mất mấy dầu cũng chịu ; qua một bước không cho. Bởi sợ phép nhà vua ; lại hơn quyền Thượng-phụ.

Phu-nhân nói :

Thêm nói chi chúng nó ; thị-nữ, thôi thôi kéo xe trở về con, về bẩm bạch Thái-sư.

(Phu-nhân thị-nữ vào)

Mấy tên lính ba- an một hồi rồi vào.

Trần Thủ-Độ ra. Phu-nhân ra.

Trần Thủ-Độ nói :

Ta vốn cho người đón ; nàng đâu đã về đây ? Sao mà khí-sắc không được vui làm vậy ? Xin ngỏ chút niềm tây ; hỏi ý sao buồn-bã ?

Phu-nhân nói :

Thính bẩm.

Thủ-Độ nói :

Thuyết lai.

Phu-nhân nói :

Trăm lạy phu-tướng, như hôm nay tôi cùng năm ba đứa thị-nữ đi qua gần trước đền vua, bị những quân lính canh nó bắt dừng xe lại. Đương lộ trở lan, cánh bị canh-binh đa sỉ nhục 當路阻攔竟被更兵多恥辱。 như thế thời tôi còn thể-diện chi nữa ; thành hà sự thể, hỏi trình tướng-phủ mạc nhiêu tha 成何事體問是將府莫饒他。

Thủ-Độ nói :

Hỡi chư-tướng ! truyền cho bắt mấy tên lính canh ra đây.

Linh canh ra.

Thủ-Độ nói :

Sao phu-nhân ta đi chơi mà chúng dám bỗn-hào làm vậy ?

Linh canh nói ;

Dạ dạ, trăm lạy Thái-sư, cho anh em chúng tôi thỉnh bẩm.

Thủ-Độ nói :

Thuyết lai.

Linh canh nói :

Dạ dạ, dám bẩm Thái-sư, vì chưng cung-cấm là nơi tôn-nghiêm, pháp nước cấm không được cho ai đi xe đi ngựa qua đó, mà tới nay thấy xe phu-nhân qua đó, bởi vậy cho nên : Cung-cấm thậm nghiêm, thần chức khẳng dung xa mã quá 宮禁甚嚴。臣職肯容車馬過 ; nay chúng tôi xin chịu tội với tướng-công, tướng-môn thỉnh tội, nhân-tâm thượng ký hải sơn hoằng 相門請罪。仁心尚寄海山弘。

Thủ-Độ nói :

Bởi hay dung kẻ dưới ; mới thực lượng người trên. Như vợ chồng ta ở trong triều này ai là chẳng biết có quyền-thế, mà : Có quyền chớ khá cậy quyền ; biết phép phải nên giữ phép. Thế dù lớn ta không nên hiếp ; linh canh, tao khen cho mày, nghe : phận tuy hèn mày biết giữ-gìn. Tao lại thưởng cho tiền ; tha mày về canh cửa, nghe.

Lại nói :

Phu-nhân ơi, Nó tiểu-tốt còn biết lo chức phận ; ta phu-nhân phải giữ lượng bao dung. Thôi phu-nhân về lại nhà, nghe. Ta sẽ chực đền rồng ; nàng trở về trướng phượng, nghe.

Hồi Thứ VI

Đặt phép nhà mới một thứ truyền trao
Tiếp ngoại-sứ đã lắm phen di lại

Các vai :

Thái-tôn — Văn vũ bá-quan — Trần Thủ-Độ — Lê Phụ-Trần — Chiêu-thánh hoàng-hậu — Hoàng-tử — Nhạc-công — Thánh-tôn — Thiều-dương công-chúa — Lê Đà — Đinh Củng-Thần — Hưng-đạo-vương — Hốt-lung-hải-nha — Trương Đinh-Chân — Thị-nữ.

Thái-tôn cùng văn vũ bách quan đều ra. Thái-tôn nói :

Như nay, Thành vàng vững-chãi ; bệ ngọc rỡ-ràng. Ngoài đã diệt dấu sài-lang ; trong lại yên đềm hồng-nhạn. Như phải làm vậy : Trước là bởi thúc-phụ kỳ-mưu diệu-toán ; sau cũng vì tướng-thần hiệp sức cùng lòng. Công thực là công ; thưởng đáng nên thưởng. Việc ấy sẽ ban chiếu phượng ; tiệc này đại-hội thành rồng.

Cùng hát bài-ban :

Xuân bỉ cừu phương hề cảm phạm ngô-cường, sư xuất hữu danh hề ngã vũ duy dương, tam quân hùng hoàn hề xích bỉ sài lang, khôi-phục sơn-hà hề nhật nguyệt trùng quang, quân minh thần lương hề hội ngộ nhất đường, ư vạn tư niên hề quốc tộ duyên trường.

蠢彼仇方兮敢犯吾強。師出有名兮我武惟揚。三軍熊桓兮斥彼豺狼。恢復山河兮日月重光。君明臣良兮何遇一堂。於萬斯年兮國祚延長。

Trần Thủ-Độ nói :

Dạ dạ dám tâu chúa-thượng, nay có chúa trại Qui-hóa cho người về trình với tôi rằng. Từ Hạp-Thai bại-trận, có Hà-Bồng đón đường, nên tặc-binh đã bị tử-thương, đem khí-giới hồi triều bẩm nạp.

Thái-tôn nói :

Hảo ư ! Đã tài dũng-lược ; lại dạ trung-thành. Ai hay đâu những lũ áo xanh ; mà cũng biết đem lòng son dỏ. Hầu-tước phải ban cho nó ; kế phong cũng được từ đây.

Lại nói :

Tướng-quân Lê Phụ-Trần : Dầu khỏi cơn hoạn-nạn ; đâu quên kẻ trung-lương. Ta nghĩ lại như ta hữu tứ kim-nhật cũng là nhờ công-đức Lê Phụ-Trần đó mà. Do-Vu kia lấy mo đỡ Chiêu-vương ; Kính-Đức nọ cũng mình che Đường-chúa. Nghĩa xưa đành phải nhớ ; công lớn ấy nên đền. Quân cho mời bà Chiêu-thánh ra đây ; phải phải là : Cho Chiêu-thánh kết duyên ; cùng Phụ-Trần vi phối. Nghĩa chẳng khác chung chăn cùng gối ; ơn lại hơn nhường áo xẻ cơm. Thưởng cho một chút hoa thơm ; ghi lấy trăm năm dạ đá.

Vãn rằng :

Ghi lấy trăm năm dạ đá,
Một mà hồng đáng giá nghìn vàng.
Đan-thư thiết-khoán là thường,
Lạ gì một sợi tơ vương mà bền.

Chiêu-thánh nói :

Thiếp vâng đành giữ phận ; gái vì buộc chữ tòng. Cúi đầu lạy trước sân rồng ; nối gót theo cùng bạn phượng.

Văn rằng :

Nối gót theo cùng bạn phượng,
Lệ hai hàng lai-láng khôn ngăn.
Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Phụ-Trần thì cũng là Trần chứ ai.

Phụ-Trần nói :

Miễn là phù nghiệp chúa ; đâu dám kể công tôi. Được giờ gọi chút thơm rơi ; bao thuở dám quên nghĩa cũ.

Văn rằng :

Bao thuở dám quên nghĩa cũ,
Ghi ân này biết thuở nào nguôi ;
Dù rằng son-phấn cũng nhiều,
Sao bằng một chút bấy nhiêu là tình.

(*Đều vào*).

Thái-tôn, Trần Thủ-Độ, Hoàng thái-tử đều ra.

Thái-tôn nói :

Trẫm nghĩ lại như chú cháu ta phen này dựng được cơ-nghiệp họ Trần không phải dễ đâu, bởi vậy cho nên : xem lấy gương Lý-triều ; phải dựng nghiệp Trần-gia. Thôi thôi, Đền tây-cung đành dưỡng lấy thân già ; ngôi nam-diện nhường cho con cả. Nhờ vua lớn phúc cho miếu-xã ; truyền phép hay để lại tử-tôn. Dám thưa thúc-phụ, thúc-phụ nghĩ lại việc ấy có nên không? Nếu việc ấy có nên ; xin chước kia sớm định.

Thủ-Độ nói :

Hảo a ! Phép nhà nên truyền dõi ; việc nước phải lo toan.

Quân-sĩ ! Truyền hội triều-quan ; tảo đồ đại-kế. Trước làm lễ thượng-hoàng nhượng-vị ; sau chúc mừng thái-tử lên ngôi.

Văn-võ bách-quan đều ra.

Thái-tôn nói :

Như ta nay : vì việc nước lâu nay đà mỏi mệt ; nối nghiệp nhà thái-tử đã lớn khôn. Muốn cho tôn-xã đồ-tồn ; âu phải thánh-thần tương-kế. Nay trẫm đành nhượng vị ; Hoàng-tử, cho con được nối ngôi. Việc chi to thì phải tấu tài ; còn ra nữa mặc dầu xử đoán.

Hoàng-tử nói :

Trẫm lạy cha, như nay phó thác con làm vậy, con dám nghĩ : Tuấn-mệnh do thiên bất dị ; quân-nhân tự cổ duy nan. Mình đã gánh giang-sơn ; lòng phải lo tiêu-cán. Việc to nhờ Thượng-hoàng xử-đoán, mưu hay cậy ông chú vẽ-vời. Lên ngôi trời dám để dạ ăn chơi ; giữ báu lớn lại thêm lòng kính úy. Bách quan : Ư ta nay tức hoàng-đế-vị ; tôn đức cha làm Thái-thượng-hoàng.

Thủ-Độ nói :

Mừng Thượng-hoàng nhượng-vị ; chúc Kim-thượng đăng-quang. Truyền bá-quan, đai tiền la-bái song hàng ; Quân, cho đòi nhạc-công ra đây, điện ngoại tấu chương bát-dật.

Nhạc-công ra múa hát xong thì bãi triều.

Thái-tôn Thánh-tôn ra.

Quân ra bảo rằng :

Từ Thượng-phụ lui chầu đền tía ; nào ngờ dâu êm giấc suối vàng. Trướng-hạ kíp vội-vàng ; ngự-tiền ngỗ tâu bạch.

Thái-tôn Thánh-tôn cùng nói :

Chân thống-thiết, chân thống-thiết ; thậm ai lân, thậm ai lân ! Thiên đoạt ngã tôn-thân ; địa mai ngô thạc-phụ ! 眞痛切眞痛切甚哀憐甚哀憐天奪我尊臣地埋吾碩輔

Cùng than rằng :

Cơ-nghiệp nhà ta ; công-lao của chú ! Ân-nghĩa ấy biết bao nghìn thuở ; tử sinh đâu chia rẽ hai phương. Lã-chã hai hàng ; ái-hoài tấc dạ.

Thái-tôn nói :

Ta nghĩ như thúc-phụ có công với ta biết là bao nhiêu. Thu giang-sơn họ Lý ; dựng cơ-nghiệp nhà Trần ; ân thực là ân ; kể sao xiết kể. Sinh tiền dù tôn-sùng bị chí ; nhưng thế mà : tử-hậu nên tình-lễ chu-truân. Trạch cát-địa an phần, hội bách quan tống táng.

Hội bá-quan làm ma, đưa Trần Thủ-Độ xongrồi, đều vào.

Thánh-tôn cùng Hưng-đạo-vương đều ra.

Quân ra báo rằng :

Hai sứ-thần Mông-cổ ; nay đã đến Nam-quan. Quan Trấn-thủ Lạng-sơn, sai tôi về tâu bạch.

Thánh-tôn nói :

Như nay nước ta ở gần nước Mông-cổ làm vậy, nước nó thì mạnh mà nước ta thời hèn. Bởi ở gần nước mạnh ; ta cam chịu phận hèn. Ta nhớ lại từ khi Mông-cổ sai sứ sang, ta cũng đã sai sứ đáp lại nhiều lần đó mà. Sứ vãng lai kể đã đến bốn phen ; oai hống-hách lại giao cho sáu việc. Nào có phải chỉ thế, mà thôi đâu : Đặt ra Đạt-lỗ-ba-xích ; chẳng qua là Ý toan giám-trị Nam-bang. Ta không biết nghĩ sao bây giờ : Chống thì e cô-lực nan-đương ; chịu thì sợ mất quyền tự-chủ. Nay sứ nó đã gần tới đó ; ta hỏi : giờ vương-huynh ý nghĩ thế nào ?

Hưng-đạo-vương nói :

Dạ dạ như nay xứ Mông-cổ lai đây, chưa biết tình-ý nó làm sao, nhưng dù thế nào mặc lòng, ta hãy lấy cách tử-tế mà đãi nó, đã mà : Kiệt ngao cố nan tuần sài hổ : tín thành diệc khả cập đồn ngư 桀敖固難馴豺虎信誠亦可及豚魚 Bởi vậy cho nên : Nay sứ-thần đệ đáo quốc-thư ; xin hoàng-thượng thân ra nghinh-tiếp. Khi ấy mà : nếu nó đem lòng bách hiếp ; thì ta bốn mặt quật-cường. Chiến-hòa âu sắp sẵn hai đàng ; mềm rắn cũng đủ cho mọi mặt.

Thánh-tôn nói :

Hảo a ! Lời anh phân phải lẽ ; ý trẫm quyết nương theo. Đợi Mông-sứ vào châu ; sẽ tùy-cơ ứng-đối.

Quân ra báo rằng :

Hữu vương-sứ đáo vu thành ngoại ; thần hoang mang lai báo trướng tiền 有王使到于城外。臣慌忙來報帳前。

Thánh-tôn nói :

Quân ! Truyền quân-sĩ : Soạn ngự-giá an bài ; khai thành môn nghinh-tiếp 饗御駕安排開城門迎接。

Hai sứ ra.

Thánh-tôn nói :

Quả-nhân chào hai vị sứ-thần.

Hai sứ-thần nói :

Chúng tôi xin chào Trần-chúa.

Thánh-tôn nói :

Xin mời hai vị sứ-thần yên vị.

Thánh-tôn cùng hai sứ ngồi ngang nhau.

Thánh-tôn nói :

Quả-nhân xin hỏi hai sứ-thần qua đây có việc chi mà hay ?

Hốt-lung-hải-nha nói :

Tôi sang thay cho Nạp-xích-đinh làm chức Đạt-lỗ-hoa-xích. Còn người này Trương Đình Trân sang làm phó Đạt-lỗ-hoa-xích. Như hai tôi sang đây là vì : Vâng chiếu-thư Nguyên chúa ; sang cai-trị Nam-bang. Lẽ ra cho phải thì Trần-chúa bày thiết hương-án, đón rước vui mừng : Trước là bái-thụ chiếu-thư ; sau là rước chào thiên-sứ, thế mới phải. Có lẽ đâu kháng lễ tương-đương ; cũng chẳng thấy hạ giai nhi bái ! Nếu làm như vậy : Tiểu bất năng sự đại ; nhược nhi cầm địch cường.

Thánh-tôn nói :

Như nay thiên-sứ bảo tôi làm vậy, nhưng theo lẽ cũ nước tôi hễ có chiếu-thư thiên-triều đem đến thì chỉ nhận lĩnh tại chính-điện mà thôi, không có bắt phải lạy bao giờ. Bởi vậy cho nên Theo lệ cũ chiếu xin chịu lĩnh ; trái lẽ thường lời chẳng dám vâng. Ý tôi ngữ rằng Ngài chẳng qua nhất cả sứ-thần ; tôi đây cũng một vì thiên-tử. Nếu ngài bảo tôi phải bái chiếu-thư làm vậy : Nếu đê-đầu tự-xử ; còn mở mặt với ai. Xin đãi ngài lấy cách hẳn-hoi ; tha cho trẫm những điều sỉ-nhục.

Hốt-lung-hải-nha nói :

Sao gọi là bang văn-hiến ; mà không hiểu nghĩa xuân-thu ? Kìa vương-nhân còn đứng trước chư-hầu ; mà tới nay sao Trần-chúa dám địch cùng vương-sứ ? Tôi bảo trước cho mà nghe : Việc nhỏ không thiện xử ; vạ to chắc cũng liên mang đó không chơi đâu.

Thánh-tôn nói :

Tôi vốn không cứng cổ ; ai xin chớ đè đầu. Mặc dầu sinh-sự về sau ; cũng phải cam-tâm chịu vậy.

Hốt-lung-hải-nha nói :

Thôi chẳng cần nói chuyện ; vì không khứng chịu lời. Truyền sứ-giả kíp dời ; hồi Bắc-thành tấu bạch.

Hốt-lung-hải-nha vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Dạ dạ, như nay hoàng-thượng cự lại cùng Nguyên-sứ làm vậy cũng thiết là phải, nhưng tôi còn lấy làm e lắm mà. Dù ta cự bởi nương theo lẽ phải ; nhưng thế mà : e nó về lại thêu dệt lời gian. Bởi vậy cho nên : sai sứ-thần âu kíp lo toan ; sang Nguyên-quốc đặng mà biện-bạch.

Lại nói :

Còn nghĩ, vả lại chăng việc sai sứ chẳng là khó lắm thay ! Sứ-thần là chức-trọng ; ứng-đối phải tài lanh. Tôi có biết Lê-đà cùng Đinh Củng-Viên như hai người ấy : Hai người này vốn có học-hành, sai sang đó chắc không nhục-mệnh.

Thánh-tôn nói :

Hảo a ! Quân-sĩ, cho mời Lệ Đà và Đinh Củng-Viên ra đây ứng hầu.

Lê Đà, Đinh Củng-Viên đều ra cùng nói :

Dạ dạ, Nay vâng lời thánh-dụ ; cho tuyên triệu hạ-thần. Công tư lẽ ấy khôn phân ; cơ-sự việc chi chưa rõ.

Thánh-tôn nói :

Như nay ta đôi hai người vào đây, cốt ta sai sang Nguyên-triều để mà biện-bạch các lẽ đó mà. Bởi vậy cho nên : Ta trao cho gánh nặng, người phải có tài lanh. Như nay hai người đi làm vậy : xa xôi muôn dặm hành-trình ; ghin phải đá vàng tạc dạ.

Vãn rằng :

Ghin phải đá vàng tạc dạ,
Thơ Hoàng-hoa từ giã đưa theo ;
Một mình muôn dặm treo-leo,
Ngọc-quan lại thấy Ban-Siêu trở về.

Lê Đà Đinh Củng-Viên cùng nói :

Như nay hoàng-thượng sai anh em chúng tôi sang sứ Nguyên - triều làm vậy, vả chăng sứ-thần chẳng là hệ-trọng lắm mà ; Dám khoe tài chuyên đối ; đành giữ dạ trung-lương. Gian-nan bao quản chí mình ; sống thác cốt đành lấy lưỡi.

Cùng vãn rằng :

Sống thác cốt đành lấy lưỡi,
Dẫu gian-ngay khôn ngỡ tấc tòng ;
Cho rằng cờ Hán hết lông,
Chàng Tô vẫn giữ một lòng như xưa.

Hưng-đạo-vương nói :

Như nay hai người sang sứ nhà Nguyên, đường sá xa-xôi làm vậy, chẳng là có công bạt-thiệp lắm mà : Ngọc tiết minh câu noãn ; thiều xa xuất tái hàn, 玉節鳴駒煖。韶車出塞寒。 Trông chừng vạn-lý giang-sơn, tiễn-biệt mấy lời vàng đá.

Vãn rằng :

Tiễn biệt mấy lời vàng đá,
Đường bắc nam kẻ ở người đi ;
Sao cho đương mặt nam-nhi,
Sứ tinh phấp-phới có cờ vẻ-vang.

Thánh-tôn vãn rằng :

Vó câu thẳng ruổi dặm trường,
Trông miền Bắc-địa trỏ đường Nam-quan.

(Hiều vào)

Thiều-dương công-chúa cùng thị-nữ ra.

Công-chúa nói :

Tôi nghĩ lại như tôi : Cung trăng thấp-thoáng bóng Hằng-nga, tôi từ thuở bé đến giờ chỉ là ở trong đền chầu chực đức thượng-hoàng mà thôi, chứ nào có nghĩ chi đến sự nhân-duyên làm chi, bởi vậy cho nên : quế ngậm mùi hương chửa trổ hoa ; thôi thì ta ở nhà mà chầu chực đức thượng-hoàng cũng được mà : Âu xếp chữ duyên lo chữ hiếu, mai già không sợ sợ xuân già. Tôi nghĩ như tôi tiếng là con gái mặc lòng, nhưng đức thượng-hoàng thương tôi không biết chừng nào mà kể. Ân sinh-thành xiết kể ; tình chung-ái biết bao : Bởi vậy cho nên : Mong đền lấy nghĩa cù-lao ; sả nghĩ chi duyên tác - hợp. Như nay đức Thượng-hoàng đã đến sáu mươi tuổi, lòng tôi lấy làm mừng cũng lấy

làm lo: Tuổi qui-hạc mừng vừa chu hoa-giáp; điềm ngô-công lo đã tới năm đinh. Ối cha! Tiếng chuông đâu nghe đã liên-thanh, âu kịp tới ngự-đường thăm hỏi a. Vào.

Thái-tôn Thánh-tôn ra:

Thái-tôn nói:

Ta nghĩ lại từ khi truyền ngôi cho con đến giờ: Giang-sơn đành có chủ; nhưng thế mà tiêu cán vẫn không nguôi. Buồn thúc-thân cũng đã qua đời; giận Hồ-lỗ thường hay sinh-sự. Bởi vậy cho nên cũng một đôi kui ngự lên chùa An-tử để mà giải buồn mà: Mượn cảnh Phật thường chơi chùa An-tử; bỏ cõi trần e đã tới năm đinh. Ta nghĩ lại như cái điềm con rết hóa ra cái đinh làm vậy. Sinh tử do-lai định mệnh; âm-dương phút đã chia đường.

Thái-tôn tạ thế.

Khi vua Thái-tôn nói đến ưu-tư sinh tật-bệnh thì hấp-hối.

Vua Thánh-tôn nói:

Hoàng-phụ lại tỉnh lại tỉnh.

Thánh-tôn nói:

Tràng dục đoạn tràng dục đoạn; lệ nan khâm lệ nan khâm. Bạch-vân hà-xứ tầm; hoàng-tuyền nan tái kiến.

Than ôi! Cù-lao chín chữ; chan chứa hai hàng, ơn sinh thành biết thủa nào quên, nghĩa bào đáp lấy chi cho xứng.

Khi vua Thánh-tôn dương than khóc, có Thiều-dương công-chúa ra thì vua Thái-tôn đã mất rồi, công chúa than khóc rồi cũng lăn ra.

Công-chúa kêu khóc rằng:

Đền chuông vừa nổi tiếng; ngọc giá đã xa dời. Tôi không ngờ rằng phụ-hoàng tôi đã mất vội như vậy! Tiếc thay chưa kịp một lời; đâu nỗi chia làm hai ngả! Như tôi lấy chi mà đền ơn cho cha tôi bây giờ: Con muốn đền ơn ơn khó trả; như tôi nào có nghĩ chồng con làm chi nữa đâu! thân còn chẳng tiếc tiếc chi duyên. Trời ơi là trời! Thông-thiết dẫn hồ thiên; ôi cha ơi cha! đề-mê tương nhập địa. Như tôi bây giờ chết theo cha tôi là hơn. Nguyện dữ bạch vân câu thệ; đặng may hoàng-nhưỡng tương tùy.

Nói xong công-chúa tạ thế.

Thánh-tôn nói:

Như nông nỗi em tôi làm vậy! Tưởng là cơn khóc ngất; đâu ngờ nỗi chết liền! Thương hại cho em tôi! Buổi đầu xanh không nghĩ nỗi nhân duyên; mà tới nay: nơi suối bạc quyết đem lòng báo-bổ. Như tôi bây giờ: Yến con vừa phá tổ; nhạn chiếc lại lìa bầy! Thôi thì em sống thì khôn, chết thì thiêng, ta nhớ em nuôi lấy cha thay cho anh cũng: Đạo thần hôn em thay lấy việc này; tình báo-bổ anh quên đâu nghĩa đó.

Lại nói:

Bách quan nghe ta dặn: Trạch long-hưng cát-địa; nghinh hạc-giá triều thiên. Cho nương-muội phụ-táng nhất biên; đặng hoàng-phụ yên lòng chín suối. Bách quan đại-hội; tống-táng như nghi. *(Hều vào).*

Thánh-tôn ra.

Quân bảo nói:

Da dạ, hữu vương-sứ đáo vu thành-ngoại; thần hoang-mang phi báo trướng-tiền.

Thánh-tôn nói:

Ta nhớ lại, trước ta cũng đã sai Lê Đã, Đinh Củng-Viên sang Nguyên-đình để mà biện-bạch, thì hai gã ấy cũng đã phục-mệnh, thế mà bây giờ Nguyên-chúa hãy còn sai sứ sang đây: Ta đã sai người biện-bạch; nó còn sai sứ bày nài. Nhưng thế mà biết tính làm sao! Quân! Truyền cho thượng-tướng kịp đời; phải tới sứ-môn nghinh-tiếp.

Hồi thứ VII

Sài-Thung đã lên mặt sứ-thần Hưng-đạo cũng giả hình hòa-thượng

Các vai:

Sài-Thung — Trần Quang-Khải — Hưng-đạo-vương — Dã-Tượng — Yết-Kiêu — Thánh-tôn — Quân-sĩ.

Sài-Thung ra bạch rằng :

Nam xuất Giang-lăng khứ lộ xa,
Viễn nhân tranh đồ nhạ hoàng-ba ;
Bách tha Trần-chúa lai triều-phục,
Đạp bỉ phiên-ly tổng nhất-gia.

南出江陵去路賒
遠人爭覩逕皇華
迫他陣主來朝服
踏彼藩籬總一家

Lại nói :

Tư nghĩ từ khi ta tới đây ; Khi-khu tòng điều đạo ; thiều đệ đáo long-thành. Nghĩ mình thật cách văn-minh ; xem nó thật là mọi rợ.

Quân nói :

Đây đã đến đền nhà vua, quan lớn có xuống ngựa không ?

Sài-Thung nói :

Hễ chỉ đến đài mà xuống ngựa. Quân ! Sứ-quán đâu tới đó sẽ dừng xe ?

Quân bẩm rằng :

Dạ dạ. Có Trần-triều thượng-tướng ; xin yết-kiến đại-nhân.

Sài-Thung nói :

Cho vào.

Quang-Khải nói :

Tôi tên Trần Quang-Khải ; chức thái-úy đại-vương. Nghe thiên-sứ đã sang ; nên tôi phải thay Trần-vương nghênh-tiếp.

Quang-Khải vào yết-kiến Sài-Thung, Sài-Thung lên mặt kiêu-ngạo không hề nói chi cả, chỉ ngồi ở trên ngựa.

Sài-Thung nói :

Người nào vào hầu đó : quân-sĩ ? quân lính bảo ra ngay. Ta ngang với vua mày ; chuyện-trò chi với nó. (*Đều vào*)

Hưng-đạo-vương ra, có Yết-Kiêu Dã-tượng đứng hầu.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta nghe có sứ thiên-triều qua đây chẳng hay công-việc ra thế nào, các ngươi có hay không ?

Yết-Kiêu nói :

Dạ dạ đám thưa đại-vương, anh em tôi ở ngoài có nghe rằng bắc sứ phen này tên là Sài Thung ở tại sứ quán, mà nó khinh quan mình, cha chả là khinh rể lắm mà ! Thượng-tướng đã vào ra mắt ; sứ-thần không chịu trả lời. Nào có phải nó không trả lời mà thôi đâu, Nằm trên giường líu cẳng lại mà chơi ; bởi vậy cho nên quan Thượng-tướng đợi lâu không được, trực ngoài trướng mỏi chân lâu cũng tháo.

Hưng-đạo-vương nói :

Giận cha chả là giận ! Kia đối trá những loài đeo da báo ; dám ngang-tàng làm bộ vuốt râu hùm. Ta bây giờ cũng ra mắt nó xem làm sao, nhưng phải nghĩ cách thế nào để mà tới đó mà ? À phải phải ! Muốn cho biết mặt Sài-Thung ; âu phải giả hình hòa-thượng. Quân, truyền đem áo mũ thầy tu ra đây : Bỏ cân đai quan tướng ; đội mũ áo thầy tu. Như ta tới đó : mượn tiếng tàu nói chuyện những đâu đâu ; xem ý nó có điều chi lạ lạ. Như ta ăn mặc thế này, ai cũng tưởng là ta tu đó mà, nhưng thế mà : Nay tạm theo đạo Phật ; xưa cũng vốn tài tiên. Giận vì lấy mạnh hiếp hèn ; bởi vậy cho nên : dầu có muốn tu sao đặng.

Vãn rằng :

Dầu có muốn tu sao đặng,
Việc giang-sơn phải gánh phải lo ;
Miệng tuy tụng chữ na-mô,
Lòng này cam giết đứa thù không tha.

Yết-Kiêu Dã-Tượng cùng nói :

Theo thầy âu cả hai ta, đặng xem ý-tứ nó ra thế nào. (*Đều vào*)

Sài-Thung ra.

Quân ra bẩm rằng :

Dạ dạ, Có một người hòa-thượng ; xưa vốn ở nước Tàu. Sang Nam-quốc đã lâu ; xin vào hầu thiên-sứ.

Sài-Thung nói :

Cho vào.

Hưng-đạo-vương ra nói :

Na-mô a di đà phật, bần-tăng nghe tin tướng-công đã sang đây, vậy xin vào bái yết.

Sái-Thung nói :

Xin mời lão-tăng ngồi. Quân pha chè nghe.

Sái-Thung xướng rằng :

Ta xin hỏi pháp-hiệu lão-tăng là chi, quê-quán ở đâu : Pháp-hiệu thị thùy, sinh trưởng bắc-phương hà xứ-sở 法號是誰。生長北方何處所? như lão-tăng qua bên này tu ở chùa nào, đặng bao nhiêu năm rồi : trụ-trì mỗ xứ, thê chi Nam-quốc kỷ hà niên 住持某處棲遲南國幾何年?

Hưng-đạo-vương xướng :

Dạ da, dám bẩm Tướng-quân, tôi bản-hiệu Huyền-minh quê ở Thạch-động thuộc tỉnh Hồ-nam : Pháp-hiệu Huyền-minh, quán tại Hồ-nam cư Thạch-động 法號玄明貫在湖南居石洞; nhưng thê mà tôi qua nước Nam đã đặng mười năm, bây giờ tôi tu ở chùa Nhất-trụ ở gần thành Thăng-long, chẳng mấy khi có tướng-công sang đây, bởi vậy cho nên tôi lấy tình người xứ-sở cùng nhau mà lại hầu : Khách du Nam-quốc, tự danh Nhất-trụ bạng Long-biên 客遊南國寺名一柱傍龍編.

Khi Sái-Thung đương chuyện-trò với Hưng-đạo-vương, quân-sĩ của Sái-Thung thấy Hưng-đạo-vương trọc đầu, nó lấy mũi tên châm đầu Hưng-đạo-vương mà chơi, mà Hưng-đạo cứ điềm-nhiên không biết. Yết-Kiêu Dã-Tượng đứng ngoài cửa trông thấy nổi giận rồi đánh nhau với quân Sái-Thung một hồi. Hưng-đạo-vương trông thấy vậy, lấy mắt liếc Yết-Kiêu Dã-Tượng bảo đừng đánh nữa.

Hưng-đạo-vương lại xướng :

Na-mô a-di-đà Phật, dam bẩm tướng-công, nghe ngoài phố có đồn rằng Trần-chúa có cho thượng-tướng Trần Quang-Khải ra tiếp, thế nhưng mà tướng-công không thèm nói chuyện là có ý khinh rể nó không ra chi, có thể không : Nhân khẩu cạnh truyền thiên-sứ như kim đa ngạo-ý 人口競傳天使如今多傲意; tôi nghĩ lại rằng tướng công lấy lẽ mình là thượng-quốc, thế nhưng mà cũng nên lấy lễ nghĩa mà đãi người ta : nếu làm như vậy e rằng về sau sinh ra sự thù oán, bởi vậy cho nên : lão-tăng thực cáo Nam bang bất miễn khởi thù tâm, 老僧實告南邦不免起讎心.

Sái-Thung xướng rằng :

Lão-tăng nói làm vậy, nào ta có giận chi đâu, ta nói thật cho lão-tăng biết, ta phụng mệnh sang đây là cốt bắt Trần-chúa phải vào chầu : Ngã bốc thử hành, Nam-Việt Trần-vương tu cận 我卜此行。南越陳王須覲; nếu nó không nghe lời ta thì giang-sơn nước nó sẽ ra cám đó mà : tha như bất thính; thiên-triều Bắc chúa định hưng-binh 他如不聽。天朝北主定興兵。

Hưng-đạo-vương nói :

Da dạ như tôi bây giờ chót đã lìa quê quán ; phải giữ đạo tu-hành. Bình-an dao chúc sứ-trình, từ giã lui về phật-tự.

Vãn rằng :

Từ-giã lui về phật tự,
Lòng từ-bi vẫn giữ xưa nay ;
Muốn cho quả phúc được đầy,
Quật-cường âu phải bắt tay mới vừa.

Sái-Thung nói :

Tuy rằng xa vạn dặm, đâu tưởng gặp một nhà. Sau đây ta lại gặp ta ; lúc ấy nghĩa càng thiết nghĩa.

Vãn rằng :

Lúc ấy nghĩa càng thiết nghĩa,
Chút chữ tình mãi mãi không quên ;
Trách vì nó chẳng chịu hên,
Từ bi âu giữ đạo thiền như ai.

Thôi người về ngay.

Hưng-đạo-vương vào.

Quân của Sái-Thung ra bảo rằng:

Trăm lạy tướng-công, như người hòa-thượng mới rồi vào hầu tướng-công, chúng tôi ở ngoài này đã biết cả rồi mà Người ấy thật Trần-gia danh-tướng ; vốn gọi là Hưng-đạo-đại-vương. Lúc bấy giờ có Yết-Kiêu Dã-Tượng hai chàng ; nhưng hai người ấy là gia-nô của ông ấy đó mà : vốn đứng chực ở ngoài sứ-quán. Như ông ta : giả bộ làm hình hòa-thượng; cũng vì hay nói tiếng tàu. Trong lúc bấy

giờ hai đứa gia-nô đánh nhau với quân ta ngoài tỏ vẫn đánh nhau; trong thầy làm giả-tảng. Tưởng bởi tướng-công rộng lượng; nên chỉ chúng nó mắc lừa.

Sái-Thung nói:

Thế a! Nào ta có biết nó giả như thế đâu; Ngờ đâu loài qui-sứ: giả làm bộ thầy tu. Việc này tích lấy làm thù; ta sẽ cho bay biết mặt.

Quân ra báo rằng:

Nay có người ra báo; có Trần-chúa ra thăm.

Sái-Thung nói:

Mời vào.

Trần-chúa ra.

Trần-chúa và Sái-Thung mời nhau ngồi.

Thánh-tôn nói:

Chẳng hay đại-sứ qua đây có việc chi mà hay?

Sái-Thung nói:

Như ta qua đây phụng thiên-triều dụ-chỉ; Bảo Trần-chúa vào chầu. Như Trần-chúa có vào chầu, chắc là hoàng-đế cũng đãi cho tử-tế mà: Như vâng lời, cho giữ lễ chư-hầu; nếu nghịch-mệnh, ắt ra oai thượng-quốc.

Thánh-tôn nói:

Người dạy làm vậy, tôi cũng muốn làm mà: Tôi vốn là sinh-trưởng Nam-bang; lòng vẫn mộ y-quan thượng-quốc. Nhưng thế mà khó cho tôi, bởi vì: Lo không quen đất nước; e đến nỗi yếu đau. Bởi vậy tôi không có thể nào đi được mà: Nếu đem việc ấy ép nhau; dù có thế nào cam chịu.

Sái-Thung nói:

Như thế này: Đi đã không được việc; nói chẳng chịu vâng lời. Quân-sĩ sắm sửa kiệu ra đây: Truyền xa giá cấp đi; hồi Bắc-thành tấu bạch, nghe.

Quân nói:

Phụng-mệnh (*Đều vào*).

Hồi thứ VIII

Hưng-đạo vương ướm ý thử các con Tây-vương-mẫu định duyên cho hai gái

Các vai:

Hưng-đạo-vương — Thụy-Ngọc phu-nhân — Quốc-Nghiễn — Quốc-Oai — Quốc-Nghệ — Quốc-Tảng — Thị-Trinh — Thị-Nguyên — Tây-vương-mẫu — Trung-sứ — Thị-nữ — Quân-sĩ.

Hưng-đạo-vương, Thụy-Ngọc phu-nhân, Thị-Trinh, Thị-Nguyên, Quốc-Nghiễn, Quốc-Oai, Quốc-Nghệ, Quốc-Tảng đều ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Em ơi: Từ hài duyên cầm-sắt; may ứng mộng xà-bi. Xum-vầy phượng-nữ lân-nhi; tươi tốt cành vàng lá ngọc. Ư các con, nghe lời cha dặn: Việc đèn sách trai kia phải học; nghề thêu thùa gái nọ nên chăm. Tri-gia đã có phương-châm; giáo tử không sai thằng-mặc.

Lại nói:

Ư các con: Xem từ trước giàu sang bốn bề; cốt truyền cho con cháu muôn đời. Nếu cha làm việc ấy như chơi; các con có ý gì cho nói đi mà nghe.

Quốc-Nghiễn Quốc-Oai cùng nói:

Dạ dạ dám thưa cha, nghĩa quân-thần thiên-cổ: tình thúc-điệt một nhà. Anh em con nghĩ rằng: Hay chi câu «chử nhục bì oa 煮肉皮鍋»; trách những kẻ «nhiên ky đậu phũ 燃其豆釜». Nay tranh ngôi của chú; chắc lỗi đạo làm tôi. Vả như vậy thì chúng tôi chắc rằng: Trăm năm rửa tiếng không rồi; một buổi sang giàu không kể.

Quốc-Nghệ nói:

Dạ dạ dám thưa cha như con nay: Ấu-trùng còn phải học; phải chẳng lẽ chưa rành. Việc này đã có các anh; xin hãy thử cho một trẻ.

Thị-Trinh Thị-Nguyên nói :

Dạ dạ, dám thưa cha, như chị em chúng tôi: phận hồ sinh làm gái; nghĩa phải giữ tòng phu. Dám bàn chi những việc ngôi vua; âu chỉ biết lo đường gia-đạo.

Quốc-Tảng nói :

Dạ dạ trăm lạy cha, như ý con thời khác ý anh con, vì con nghĩ đi nghĩ lại, như cha bây giờ có tài mà lại có thế, có lẽ ma chịu như vậy hay sao? Không tài cam chịu dại; có thế dễ làm khôn. Dạ dạ thưa cha: Công hầu chi mà vào cúi ra luồn; bà con nữa dễ nhường cơm xẻ áo. Bởi vậy cho nên: Trung-hiếu là câu thủ-cựu, đổi thay thực nghĩa duy tân. Dạ dạ trăm lạy cha, nhân cơ-hội này, xin con làm quách đi thôi. Hoàng-bào kia liệu có gia-thân; thanh-tiên ấy mới là giáng thế đó thưa cha.

Hưng-đạo-vương nói :

A là cho thằng Tảng đó mà! Nghiễn kia chân hiếu-tử; Tảng nọ thực nghịch-thần. Dám xui tao những việc bội-quân; như chúng mày là đáng thế đi mới phải: quyết chém nó đặng trừ đẳng loạn.

Hưng-đạo-vương tuốt gươm toan chém thời phu-nhân cùng các con đứng lên can

Phu-nhân nói :

Dạ dạ trăm lạy phu-quân, xin phu-quân hãy khoan dã mà, thiếp nghĩ lại như nó là: Bởi hãy còn tuổi trẻ; nên đâm tiếng nói càn. Xin phu-quân tha cho nó một phen dã mà: Xin cưỡng dung-thứ một phen; nếu như vậy thì chắc sau này: tưởng cũng đổi thay mọi nết. (*Đều vào*)

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng Thị-nữ ra.

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng nói :

Trăng in đáy nước; gió lặng rừng cây. Chị em thơ-thẩn dan tay; thầy tớ vui vầy họp mặt. Phải phải âu là: Mấy lời nhả ngọc; một khúc phun châu.

Cùng ngâm rằng :

Da như băng tuyết mặt như hoa,
Thu-thủy xuân-sơn nét mặn-mà;
Tác-hợp cơ trời âu đã định,
Muốn đem thân-thế hỏi trăng già.

Hai chị em dương ngâm thơ trông lên thấy có một đám mây từ từ bay xuống thì đều lấy làm sợ. Liền nói :

Lạ cha chả là lạ! Thoắt trông một đám mây tròn; bỗng hiện năm diềm sắc vẻ. Lại tòng thiên-tế; từ hạ hoa-viên. Rập rìu nghê vũ áo xiêm; phảng phất quân thiên nhạc tấu. Giữa một bà tiên-mẫu; bên hai ả tiên-nương. Liếc mắt xem thực đã rõ ràng; phải phải! chị em ta âu là: cúi đầu lạy đặng nghe chỉ phán.

Tiên-nữ xuống trần. Tiên-nữ ngâm rằng:

Linh-lung thế-giới ngọc tam thiên,
Cửu chuyển đan-sa bất kể niên;
Nhật nguyệt hồ-trung thùy thị chủ,
Do lai Vương-mẫu quán quần tiên.

玲瓏世界玉三千。
九轉丹砂不計年。
日月壺中誰是主。
由來王母冠羣仙。

Lại nói :

Như ta vậy: Vốn ở Tây-thiên; qua chơi Nam-quốc. Ta tới đây cũng là: giận Nguyên-tặc bày nhiều yêu-chước; bởi vậy cho nên: cho đại-vương lĩnh lấy gươm vàng. Hai con nghe ta dặn: Cái gươm này gọi là Phi-thiên thần-kiếm: Nếu gặp sự dị-thường, đặng ra tài chế-biến. Số là các con chưa tỏ, đại-vương trước cũng là con ta giáng sinh đó mà, vì cớ ấy: lòng mẹ vẫn còn quyến-luyến; việc con âu phải lo toan.

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng nói :

Dạ dạ, Gươm vàng rực-rỡ; lời ngọc rõ-ràng. Trăm lạy ngài, như ngài đã ban cho cha tôi làm vậy: Lĩnh bảo này trình lại phu-vương; cảm ơn ấy thật nhờ tiên-mẫu. Trăm lạy ngài, như chị em tôi không biết về sau thân-phận ra thế nào: Phận gái dù là niên ấu; cơ trời chắc có trăng già. Trăm lạy tiên-mẫu, xin ngài tha lỗi cho chị em chúng tôi cùng, một lời xin dám thưa qua; muôn việc sẽ mong tiền-định.

Tiên-mẫu nói :

Xem Trần-thị chị em ; cũng tiên-gia đồ-đệ. Hảo a : Ngọc chuốt vàng chau đủ vẻ ; lan thơm huệ nức đương nồng. Mẹ bảo trước cho các con nghe : Chị thì sánh bạn ngôi rồng; em cũng kết duyên tường hồ. Một lời đã tỏ ; muôn việc không sai. Truyền xe ngọc kíp dời ; trỏ lầu quỳnh trở lại.

Tiên-mẫu biến đi.

Thị-Trinh Thị Nguyên cùng nói :

Lạ cha chẳ là lạ ! Mùi thơm còn bát-ngát ; vẻ ngọc phút mơ-màng. Âu là lĩnh lấy gươm vàng, về đặng trình qua vương-phụ.

Cùng vãn rằng :

Về đặng trình qua vương-phụ,
Tiên với phàm hội-ngộ là đây ;
Gươm vàng còn ở trong tay,
Xa trông vương-mẫu trên mây mịt-mù.

(Biến vào)

Hưng-đạo-vương, Thụy-Ngọc phu-nhân, Thị-Trinh Thị-Nguyên đều ra.

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng nói :

Da dạ trăm lạy cha mẹ, chị em con đi dạo vườn hoa đã trở về, chị em con xin vào thăm cha mẹ.

Hưng-đạo-vương nói :

Ở ngoài vườn hoa có việc chi hay không hử các con ? phân lại cho cha mẹ hay cùng nghe, các con.

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng nói :

Trăm lạy cha mẹ, hôm nay chúng con đi dạo vườn hoa, thấy một việc lạ cha-chẳ là lạ.

Hưng-đạo-vương nói :

Việc chi mà lạ đó con ? Các con phân lại cho cha nghe không ?

Thị-Trinh Thị-Nguyên cùng nói :

Thưa bẩm.

Hưng-đạo-vương nói :

Thuyết-lại.

Thị-Trinh Thị Nguyên cùng nói :

Trăm lạy cha, chị em con đi dạo vườn hoa, bỗng thấy một đám mây có ngũ-sắc, rồi lại hóa ra nàng tiên tự xưng là Tây-thiên-vương-mẫu : Tiên-mẫu giáng-lai 仙母降來, lúc ấy ngài có đưa cho một cái gươm gọi là Pai-thiên thần-kiếm để trừ quái : trừ bỉ yêu ma bằng kiếm tại 除彼妖魔憑劍在 ; lúc ấy chị em chúng con lại hỏi cái duyên phận chúng con về sau ra làm sao : thiên-cơ mạc trắc 天機莫測, ngài lại phán rằng một người thì lấy vua một người thì lấy tướng : giáo tha tỉ muội tảo hài duyên 教他姊妹早諧緣.

Hưng-đạo-vương nói :

Hảo a ! Việc thần-tiên vốn huyền ; của qui-hóa nên dành. Lĩnh gươm này để giắt bên mình, phòng việc kíp đem ra thi-nghiệm.

Trung-sứ ra bảo rằng :

Da dạ, bẩm đại-vương, tôi vâng ngọc-thư một bức, đệ bảo-vật mười rương. Quốc-trưởng có dặn tôi rằng xin bẩm-bạch đại-vương ; tiến hoàng-nô nhập nội.

Hưng-đạo-vương nói :

Hảo a ! Nếu như vậy, phỉ chí loan vầy ; đẹp duyên phượng sánh. Xin trung-sứ hãy về trước đi, tôi sẽ theo sau. Quốc-bảo-vật tôi đã vâng lĩnh ; trọn ngày lành sẽ rước vào cung.

Trung-sứ vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Thị Trinh con : Con theo cha nỗi gót ; từ giã mẹ cùng em. Kíp truyền sắm sửa xe-loan, đặng sẽ vào chầu gác phượng. Gọi quân cho đem song-loan ra đây.

Vãn rằng :

Đặng sẽ vào chầu gác phượng,
Đạo làm tôi nghĩa trước tình sau.

Con ơi, nghe cha dặn :

Hiếu trung giữ lấy làm đầu,
Quân-thân hai chữ đề hầu dám đâu.

Thụy-Ngọc phu-nhân nói :

Con ơi ! Nay vào chầu vua chúa ; trẻ ở với mẹ cha. Con nghe mẹ dặn :

Tòng-phu là đạo đàn-bà; chính-thủy thực nền vương hóa.

Văn rằng :

Chính thủy thực nền vương hóa,
Gái Khương kia tấu-mã là gương;
Dù rằng phú-quí giàu sang,
Kiệm cần phải giữ mực thường chớ sai.

Thị-Trinh nói :

Dạ dạ, dám bẩm cha mẹ : đã vâng lời giáo-hối, dám phụ đức sinh-thành. Kiệm cần hai chữ đinh-ninh; trung-hiếu mấy lời ghi tạc.

Văn rằng :

Trung-hiếu mấy lời ghi tạc,
Biết bao giờ dá nát vàng phai;
Phòng khi sương nắng một mai,
Quạt nồng ấp lạnh lấy ai đó mà ?

Thị-Nguyên nói :

Vườn hoa vừa nói gót; cung quế bỗng chia tay. Tủi phận em chưa biết rủi may; mừng duyên chị nay đà tốt đẹp.

Văn rằng :

Duyên chị đã nay tốt đẹp,
Quế cung-thiềm bóng nguyệt càng tươi,
Mới hay tác-hợp cơ trời,
Lời tiên đã bảo chẳng sai chút nào.

Thị-Trinh nói :

Nay chị đã xa nơi khuê-các; khuyên em lo chăm lễ thần-hôn. Đạo con phải giữ cho tròn; cơ Tạo chắc là không sẩng.

Văn rằng :

Cơ Tạo chắc là không sẩng,
Duyên đôi ta kẻ trước người sau;
Hoa thơm phải giữ lấy mầu.
Thôi xin mẹ cùng em ở lại,
Trăng tròn rồi cũng đứng đầu một phen.

(Còn nữa)

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

V

XVI

於人義。喻君子
利。喻小於子曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Quân-tử dụ ư nghĩa; tiểu-nhân dụ ư lợi ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Người quân-tử thấu-hiểu về đường nghĩa; kẻ tiểu-nhân thấu-hiểu về đường lợi.»

Chú-giải. — *Dụ* = Hiểu-thấu đến tận tinh-vi.

Đây là nói cái tâm-thuật của người quân-tử với kẻ tiểu-nhân khác nhau. Tâm người quân-tử chỉ hiểu-thấu về điều nghĩa là thiên-lý nên làm, cho nên ham muốn; tâm kẻ tiểu-nhân chỉ hiểu-thấu điều lợi là nhân-dục tham muốn, cho nên say-mê.

XVII

也。自而不焉。思見子
者內賢見齊賢曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Kiến hiền tư tề yên; kiến bất hiền nhi nội-tự tỉnh dã. »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Thấy kẻ hiền tất phải nghĩ sao cho bằng; thấy kẻ bất-hiền thì nghĩ lại trong mình mà tự xét xem. »

Chú-giải. — *Tự-lè* = Bụng nghĩ muốn cho bằng, nghĩa là mong mình cũng có điều hay như kẻ hiền kia. *Tự-tỉnh* = Tự xét mình, sợ rằng hoặc có điều xấu như kẻ bất-hiền kia.

Đây là khuyên người ta thấy kẻ thiện chớ nên chỉ khen hão mà mình cam tự-khi ; thấy kẻ ác chớ nên chỉ ghét hoài, mà mình quên tự trách.

XVIII

怨。勞 敬 不 諫。父 子
而 不 從。見 母。曰。
不 違。又 志 幾 如

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Sự phụ mẫu, cơ gián ; kiến chí bất tùng, hựu kính bất vi. Lao nhi bất oán* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người con thờ cha mẹ, cha mẹ có lầm lỗi thì mình sẽ can ; thấy chí cha mẹ chẳng nghe theo, thì mình lại càng hiếu kính, hễ cha mẹ vui lòng, thì lại sẽ can mà chẳng trái. Nếu cha mẹ bắt mình khó nhọc, cũng chẳng dám oán-hận ».

Chú-giải. — *Cơ-gián* = Sẽ can, nghĩa là cha mẹ có lầm-lỗi thì người con phải hòa vui nét mặt, sẽ sàng dịu tiếng mà can ngăn. *Bất-vi* = Chẳng trái, nghĩa là vẫn hết lòng hiếu kính như xưa mà chẳng dám trái, để cho cha mẹ vui lòng rồi lại can. *Lao* = Khó-nhọc, nghĩ là bị cha mẹ quở trách đánh mắng bắt mình khó-nhọc. *Bất oán* = Chẳng oán-hận, nghĩa là vẫn giữ lòng hiếu-kính để mong cha mẹ cảm-ngộ, rồi lại can.

Đây là nói cái đạo làm con can-ngăn cha mẹ trong khi cha mẹ có sự lầm-lỗi.

XIX

有 遊 遠 在。父 子
方。必 游。不 母 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Phụ mẫu tại, bất viễn du ; du tất hữu phương* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Cha mẹ còn, người con chẳng nên đi chơi xa ; nếu hoặc bất-đắc-dĩ mà phải đi xa ; thì tất định cái chỗ chơi để cho cha mẹ khỏi mong ».

Chú-giải. — *Viễn du* = Đi chơi xa cách lâu ngày để cho cha mẹ nhớ mong. *Hữu-phương* = Cái phương mình đi chơi tất có định trước cho cha mẹ biết để cha mẹ khỏi lo và nhắn hỏi cho tiện.

Đây là nói người con nên thể-tất cái lòng cha mẹ thương yêu mình và lo cho mình.

XX

懼。一 則 知 不 母 子
則 以 也。可 之 曰。
以 喜。一 不 年。父

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã. Nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cụ* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Tuổi cha mẹ bao nhiêu, người con chẳng nên chẳng ghi nhớ. Một là mừng cha mẹ được thọ, hai là sợ cha mẹ đã suy ».

Chú-giải. — *Tri* = Biết mà ghi nhớ.

Đây là cảnh-cáo cho kẻ làm con đối với cha mẹ, nên cập-thời thực-hành những điều hiếu-kính.

XXI

逮 之 恥 不 言 古 子
也。不 躬 出。之 者 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Cổ-giả ngôn chi bất xuất, sỉ cung chi bất đãi dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người đời xưa lời nói chẳng dám khinh-suất, là vì xấu-hổ mình sở-hành chẳng kịp sở-ngôn vậy ».

Chú-giải. — Nói thì dễ làm thì khó, sở-dĩ người đời xưa cẩn-thận về lời nói là còn biết xấu-hổ, để răn đời nay chỉ khinh-suất mà chẳng biết xấu-hổ.

XXII

矣。者 失 以 子
鮮 之 約 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Dĩ ước thất chi giả tiền hĩ »*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Hay giữ-gìn tỉnh-ước mà còn sai lầm ấy ít vậy ».

Chú-giải. — *Ước* = Giữ-gìn ước - thúc không dám phóng-túng, làm việc gì cũng có qui-củ tiết-chế. *Tiền* = Ít, không mấy khi.

Đây là răn kẻ hay cậy tài-trí mà phóng-túng, thì hay sai lầm.

XXIII

於 而 於 欲 君 子
行。 敏 言。 訥 子 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Quân-tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người quân-tử muốn nhụt về lời nói mà nhanh về nết làm ».

Chú-giải. — *Nột* = Nhụt, dụt-dè không dám khinh-suất. *Mẫn* = Nhanh, không dám trễ nải.

Đây là bảo lời nói dễ phóng-túng cho nên phải cẩn-thận mà không dám bạo nói ; việc làm dễ trễ biếng cho nên phải cố gắng mà làm cho nhanh ; như thế mới là cái cách học tự-tu của người quân-tử.

XXIV

有 孤。 德 子
鄰。 必 不 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Đức bất cô, tất hữu lân ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Kẻ có đức chẳng đứng một mình, tất có người thân gần mà giúp đỡ »

Chú-giải. — *Đức* = Tu lấy đạo-lý mà có sở-đắc ở tâm mình, thành được một nết tốt, gọi là đức. *Lân* = Thân gần như láng-diềng ; là nói về kẻ phù-trợ hoặc tin theo.

Đây là nói kẻ có đức chẳng khi nào cô-lập, để khuyên người nên tu-đức.

XXV

矣。 斯 友 矣。 斯 君 曰。 子
疏 數。 朋 辱 數。 君 游

Dịch-âm. — *Tử-Du viết : « Sự quân xác, tư nhục hĩ ; bằng hữu xác, tư sơ hĩ ».*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Du nói rằng : « Thờ vua phiền-xác mà thẳng can mãi thì bị nhục vậy ; chơi với bè bạn phiền-xác mà trách-thiện mãi thì bị xa vậy ».

Chú-giải. — *Xác* = Phiền-xác, can-ngăn nhàm quá đến phải sinh chán. *Sơ* = Xa cách, tuyệt giao.

Đây là nói cái đạo đối với vua với bạn, lời nói mình can-ngăn tuy phải, nhưng cũng phải lấy thành-ý cảm-cách, tùy cơ mà dẫn bảo, chớ để đến nỗi người ta chán mình.

THIÊN CÔNG-DÃ-TRÀNG THỨ NĂM

公 冶 長 第 五

(Gồm 27 chương)

(凡 二 十 七 章)

I

兄 免 道 子 以 之 妻 子
之 於 不 謂 其 中。 也。 謂
子 刑 屢。 雖 子 非 雖 公
妻 縲。 邦 容。 妻 其 在 冶
之。 以 無 邦 之。 罪 縲 長
其 道 有 也。 絏 可

Dịch-âm. — *Tử vị Công-Dã Tràng khả thê dã ; tuy tại luỵ-tiết chi trung, phi kỳ tội dã. Dĩ kỳ tử thê chi.*

Tử vị Nam-Dung, bang hữu-đạo bất phế, bang vô-đạo miễn ư hình-lục. Dĩ kỳ huynh chi tử thê chi.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng phẩm-bình thầy Công-Dã Tràng là người có thể gả con gái cho được ; dẫu từng mắc ở trong vòng dây trói, nhưng không phải là tội tự mình làm ra. Bèn đem con gái gả cho Công-Dã Tràng.

Đức Khổng lại phẩm-bình thầy Nam-Dung, khi nước có đạo, tất là dắc-dụng chứ chẳng bỏ được; khi nước vô-đạo tất là tránh khỏi cái tai-vạ hình-lục. Bèn đem con gái nhà anh gả cho Nam-Dung.

Chú-giải. — *Vị* = Bàn luận, có ý phẩm-bình. *Công-Dã Tràng* = Học-trò đức Khổng là một người hiền có nết nhẫn-nhục. *Luỵ-tiết* = *Luỵ* = Dây thừng đen. *Tiết* = Trói buộc. Đời cổ giam kẻ có tội thường dùng dây trói. *Dĩ* = Đem. *Thê* = Gả, gả con gái cho làm vợ.

Nam-Dung = Học trò đức Khổng ở đất Nam-cung, tên là Quát 适, tự là Tử-Dung 子容 là một người hiền, có nết ngôn-hành cẩn-hận. *Hữu đạo* = Có đạo, trỏ về đời trị. *Vô đạo* = Trỏ về đời loạn. *Hình-lục* = Hình-phạt giết-dóc, là những cái tai-vạ ở đời loạn.

Đây là tiêu-biểu ra cái phẩm-hạnh của hai người hiền-sĩ, mà có ý kén rể hiền.

II

取斯子無人。焉君子子
斯焉者。君魯若子賤。謂

Dịch-âm. — *Tử vị Tử-Tiện*: « *Quân-tử tai nhược-nhân! Lỗ vô quân-tử giả, tư yển thủ tư* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng phẩm-bình thầy Tử Tiện khen rằng: « Quân-tử thay người ấy! Nước Lỗ nếu không nhiều đấng quân-tử, thì người ấy bắt-chước vào đâu mà nên được đức ấy ».

Chú-giải. — *Tử-Tiện* = Học trò đức Khổng, họ Bật 宓, tên là Bất-Tề 不齊. *Tư* 斯 = Ấy. Chữ *tư* trên là trỏ người ấy. Chữ *tư* dưới là trỏ cái đức ấy. *Yển* = Đâu, ở đâu.

Đây là khen thầy Tử-Tiện biết tôn hiền học bạn để nên được cái đức quân-tử, lại nhân thế mà biết được nước Lỗ là nước nhiều người hiền.

III

瑚璉也。曰。何曰。子
璉也。曰。女如。瑚賢
也。曰。何器。子也問

Dịch-âm. — *Tử-Cống văn viết*: « *Tứ dã hà như?* » *Tử viết*: « *Nhữ khí dã* ». *Viết*: « *Hà khí dã?* » *Viết*: « *Hồ liễn dã* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng: « Tứ này vậy là bậc người thế nào? » Đức Khổng nói rằng: « Nhà ngươi như cái đồ đã thành-khí vậy ». Tử-Cống lại hỏi rằng: « Như cái đồ gì? » Đức Khổng nói rằng: « Như cái hồ liễn vậy. »

Chú-giải. — *Khí* = Cái đồ thích-dụng, ví như người đã có thành tài đủ dùng với đời. *Hồ-liễn* = Cái đồ đựng cơm trong nhà tôn-miếu, mà trang-sức bằng ngọc. Nhà Hạ gọi là cái *hồ*, nhà Thương gọi là cái *liễn*.

Đây là lấy cái đồ tôn-qui và hoa-mĩ, để ví với cái tài hữu-dụng của thầy Tử-Cống thực đã qui báu hơn người, không phải như bậc phàm-tài vậy.

IV

佞。其於口佞。子仁或
仁。人。給。禦曰。而曰。
焉不屢人焉不雍
用知憎以用佞。也。

Dịch-âm. — *Hoặc viết*: « *Ung dã, nhân nhi bất nịnh* ». *Tử viết*: « *Yên dụng nịnh. Ngữ nhân dĩ khẩu cấp, lũ tăng ư nhân. Bất tri kỳ nhân, yên dụng nịnh* ».

Dịch-nghĩa. — Hoặc có kẻ nói rằng: « Thầy Ung vậy, có đức nhân-hậu mà chẳng có tài nịnh ». Đức Khổng nói rằng: « Dùng chi cái tai nịnh. Kẻ nịnh chỉ ứng-đáp người bằng cá miệng liến, thường bị người ghét. Ta chẳng biết Ung kia nhân hay là chẳng nhân, không tài nịnh cũng đã khá, chứ dùng chi cái tài nịnh! »

Chú-giải. — *Ung* = Học trò đức Khổng họ Nhiễm 冉, tự là Trọng-cung 仲弓.

làm người trọng-hậu giản-dị và ít nói. *Nhân* = Cái đức trọng-hậu trầm-mặc. *Nịnh* = Cái tài mồm mép láu-lỉnh. *Ngữ* = *Ứng*-đáp, chống lại. *Khẩu-cấp* = Khẩu-thiệt biện-thuyết. *Lũ* = Thường, liền, ý là nhiều. *Tăng* = Ghét. *Yên* = Sao, chi, làm chi.

Đây là kẻ hoặc tiếc cho thầy Ung chẳng có tài nịnh ; mà đức Khổng lại khen cho thầy Ung chẳng có tài nịnh là hiền. Chứ không cần chi cái tài biện-bác láu-lỉnh là cái tài khả-ố.

V

子能之吾對開漆子
說。信。未斯曰。仕。雕使

Dịch-âm.— *Tử sử Tất-Điêu Khai sĩ. Đối viết « Ngô tư chi vị năng tín ». Tử duyệt.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng khuyên bảo Tất-Điêu Khai cho ra làm quan. Khai thưa rằng : « Tôi về cái lẽ ấy chưa dám tự-tín, không dám ra làm quan vội » Đức Khổng đẹp lòng.

Chú-giải. — *Tất-Điêu Khai* = Học trò đức Khổng, tên tự là Tử-Nhược 子若. *Sử* = Khiến, khuyên bảo, nghĩa là biết rằng có tài mà khuyên bảo ra làm quan để trị dân. *Tư* = Ấy, trỏ về cái lẽ tu-kỷ trị-nhân, tức là cái học-thức thi-thố ra để trị người. *Vị năng tín* = Chưa chắc biết được đích-xác mà dám tự-tín; nói thế là ý muốn học thêm cho giỏi, chẳng muốn tiểu-thành ra làm quan vội. *Duyệt* = Đẹp lòng, mừng cho thầy Khai cố-chí tiến-học, sau này tất thành đại-tài.

VI

材。我也喜子者於行。子
無好子路其海乘曰。
所勇曰。聞由征桴道
取過由之爽。材不

Dịch-âm.— *Tử viết : « Đạo bất hành, thừa phù phù ư hải, tùng ngã giả kỳ Do dư ? » Tử Lộ văn chi hỉ. Tử viết : « Do dã hiếu dũng quá ngã, vô sở thủ tài ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng than rằng : « Đạo ta đã chẳng thi-thố được với đời, ta sẽ cưỡi bè vượt bể, mà lánh xa đời ; kẻ đi theo ta được chỉ có ngươi Do đấy chăng ? » Thầy Tử-Lộ nghe lời ấy lấy làm mừng. Đức Khổng nói rằng : « Do kia vậy, hiếu-dũng hơn ta, nhưng không biết lường đạc sự lý cho phải ».

Chú-giải. — *Hiếu-dũng* = Ham-thích hăng-hái mạnh-bạo. Chữ *tài* 材 = Giống như chữ *tài* 裁. Nghĩ là lường-đạc. *Thủ-tài* = Là lấy sự-lý mà lường đạc cho phải nghĩa, như là xét xem việc ấy, nên hay chẳng nên, lời ấy nói thực hay nói ướm.

Đây là đức Khổng buồn về đạo bất-hành mà nói ướm để giải buồn, chứ tâm thánh-nhân cũng không khi nào quên đời mà lánh xa đi được.

VII

也。可何之千仁之知孟
使如。宰室也。國。也。武
與子也之可伯
賓曰。不邑。求使又問
客赤知百也治問子
言也其乘何其子路
也東仁之如。賦曰。仁
不帶也家。子也由乎。
知立可曰。不也子
其於赤使求知千曰。
仁朝。也爲也其乘不

Dịch-âm.— *Mạnh Vũ-Bá vấn Tử Lộ nhân hồ ? Tử viết : « Bất tri dã ».*

Hựu vấn. Tử viết : « Do dã, thiên-thặng chi quốc, khả sử trị kỳ phú dã, bất tri kỳ nhân dã »

— Cầu dã hà như ?

Tử viết : « Cầu dã, thiên thất chi ấp, bách thặng chi gia, khả sử vi chi tể dã, bất tri kỳ nhân dã ».

— « Xích dã hà như ? »

Tử viết : « Xích dã thúc đái lập ư triều, khả sử dữ tân-khách ngôn dã, bất tri kỳ nhân dã ».

Dịch nghĩa. — Mạnh Vũ-Bá hỏi : « Như thầy Tử-Lộ đã là bậc nhân đấy chưa ? » Đức Khổng nói rằng : « Chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá lại hỏi. Đức Khổng nói rằng : « Tài Do kia vậy, cái nước nghìn cỗ xe, khá khiến trị việc quân, còn như nhân hay là chửa nhân, thì ta chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá hỏi : « Thầy Cầu vậy là bậc người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tài Cầu kia vậy, cái ấp nghìn nóc nhà, cái nhà trăm cỗ xe, khá khiến làm quan gia-tể, còn như nhân hay là chửa nhân thì ta chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá hỏi : « Thầy Xích vậy là bậc thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tài Xích kia vậy, thắt đai đứng ở trong triều, khá khiến cùng kẻ tân-khách ứng-đối, còn như nhân hay là chửa nhân thì ta chửa được biết vậy ».

Chú-giải. — *Nhân* = Là cái lẽ từ-ái ở trong tâm, hồn-toàn thiên-lý mà không có nhân-dục. Người nào hoàn-toàn được cái đức ấy ở trong tâm gọi là bậc nhân, tức là bậc đại-hiền á-thánh trở lên. *Thiên-thặng* = Nghìn cỗ xe, trỏ về nước Chư-hầu. *Phú* = Binh. Lệ đời xưa theo số thuế ruộng điền-phú mà xuất số binh, cho nên gọi binh là phú. *Thiên-thất* = Nghìn nhà trỏ cái ấp lớn. *Bách-thặng* = Trăm cỗ xe, trỏ nhà quan đại-phu. *Tể* = Quan Tể, tiếng gọi chung những chức gia-thần hoặc ấp-trưởng của nhà quan đại-phu. *Xích* = Học trò đức Khổng, họ Công-Tây 公西, tên tự là Tử-hoa 子華. *Tân-khách* = Trỏ về các người sứ-giả của các nước chư-hầu.

Toàn chương này là nói thầy Do tài về việc quân, thầy Cầu tài về chính-trị, thầy Xích tài về việc ngoại-giao ứng-đối, đều có cái tài trị-sự cả. Còn như « nhân » là cái đức của bản-tâm ba thầy hoặc giữ được hằng ngày hằng tháng, chẳng thể biết được, cho nên không dám khinh-suất mà vội khen là nhân.

VIII

女弗如也。曰弗如也。吾與女弗如也。曰。賜也何敢望回。回也聞一以知十。賜也聞一以知二。曰。如此。吾與女弗如也。

Dịch âm. — *Tử vị Tử-Cống viết : « Nhữ dữ Hồi dã thục dã ? »*

Đối viết : « Tứ dã hà cảm vọng Hồi. Hồi dã văn nhất dĩ tri thập, Tứ dã văn nhất dĩ tri nhị ».

Tử viết : « Phất như dã, ngô dữ nhữ phất như dã ».

Dịch nghĩa — Đức Khổng hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Nhà ngươi với Hồi ai hơn ? »

Thầy Tử-Cống thưa rằng : « Tứ này vậy, sao dám mong kịp thầy Hồi. Hồi kia nghe một biết được cả mười ; Tứ này nghe một chỉ biết được hai ».

Đức Khổng nói rằng : « Ừ chẳng bằng vậy, ta khen cho ngươi tự biết mình chẳng bằng Hồi vậy ».

Chú-giải. — *Dũ* = Hơn. *Thục-dũ* = Ai hơn. *Nhất* = Một cái số khởi-thủy. *Thập* = Mười, cái số sau cùng. *Nhị* = Hai cái số đối với nhất. *Văn nhất tri thập* = Nghe một biết mười, cũng như nói nghe thủy biết chung, là bởi cái đức minh-duệ hay thấu suốt, là bậc thượng-tri thuộc về phần sinh-tri. *Văn nhất tri nhị* = Nghe một biết hai, cũng như nói nghe điều nọ biết được điều kia, là bậc hiền giả, thuộc về phần cố học mà biết. *Dữ* = Khen, ý là khen thầy Tử-Cống hay tự biết mình mà lại hay tự-khuất. Nên về sau cổ học cũng nghe hiểu được lẽ « tính đạo ».

Chương này là đức Khổng-tử mượn thầy Hồi (Nhan Uyên) mà so-sánh để khích-khuyến thầy Tứ vậy.

IX

是。觀 於 言 始 子 之 木 宰
其 人 而 吾 與 聽。不 予
行。也。信 於 何 不 可 晝
於 聽 其 人 誅。可 雕 寢。
子 其 行。也。 朽 也。子
與 言 今 聽 子 也。糞 曰。
改 而 吾 其 曰。於 土 朽

Dịch-âm.— *Tề-Dư trú tẩm. Tử viết: « Hủ mộc bất khả điêu dã; phấn thổ chi tường, bất khả ô dã. Ư Dư dư hà trú ».*

Tử viết: « Thủy ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hạnh. Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hạnh. Ư Dư dư cải thị ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tề-Dư ngủ ngày. Đức Khổng nói rằng: « Gỗ mục chẳng thể chạm khắc được, tường đất nát chẳng thể văn-sức được, cũng như người lười biếng chẳng thể dậy được. Ta đối với Dư kia, còn trách gì nữa ». Đức Khổng lại nói rằng: « Trước ta đối với người vậy, nghe lời nói người ấy thì tin ngay cái nết người ấy. Nay ta đối với người vậy, nghe lời nói người ấy mà lại phải xét xem cái nết người ấy đã. Ta vì cái sự Dư đó mà phải đổi điều lầm kia ».

Chú-giải. — *Điêu* = Chạm, khắc. *Ô* = Vẽ, kẻ vào tường cho thêm văn-sức. *Trú* = Trách.

Chương này là răn những người hôn-nọa chẳng hay phấn-khởi tinh-thần; nói rằng chẳng đủ trách mà chính là thâm-trách Tề-Dư. Nói rằng phải vì thầy Dư mà đổi cái điều lầm-lỗi về sự xem người, cũng là để răn Tề-Dư vậy.

X

焉 根 根。對 者。未 子
得 也 子 曰。 見 曰。
剛。慾。曰。申 或 剛 吾

Dịch-âm.— *Tử viết: « Ngô vị kiến cương giả ».*

Hoặc đối viết: « Thân-Trành! »

Tử-viết: « Trành dã dục, yên đắc cương ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng than rằng: « Ta chưa thấy người nào có đức cương ».

Hoặc kẻ thưa rằng: « Như Thân Trành há chẳng phải người cương ».

Đức Khổng nói rằng: « Trành vậy còn là người nhiều thị-dục, sao được là cương ».

Chú-giải. — *Cương* = Kiên-cường chẳng khuất, nghĩa là lập chí cương-nghị thắng được vật-dục, chỉ theo về đường nghĩa-lý. *Thân-Trành* = Học trò đức Khổng. *Dục* = Lòng thị-dục, trái với đức cương; nghĩa là chỉ ham muốn về đường vật-dục nó làm nản chí.

Chương này là đức Khổng than ít thấy người lập-chí cương-cường. Nếu chưa thắng được lòng thị-dục thì không phải là cương vậy; cương với dục thực trái khác nhau.

XI

也。非 子 加 吾 加 不 子
爾 曰。諸 亦 諸 欲 貢
所 賜 人。欲 我 人 曰。
及 也。 無 也。之 我

Dịch-âm. — *Tử-Cống viết: « Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân ».*

Tử viết: « Tứ dã, phi nhĩ sở cập dã ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống nói rằng: « Những sự ta chẳng muốn người ngoài gia cho mình, thì ta cũng muốn không đem sự ấy gia cho người ».

Đức Khổng nói rằng: « Tứ kia vậy, chẳng phải ngươi đã học tới bậc ấy vậy ».

Chú-giải — *Gia* = Đem đến, đem những sự khó chịu đến cho mình, hoặc mình đem đến cho người. *Vô gia chư nhân* = *Vô* 無, là không, là ý tự-nhiên không muốn gia những điều phi-lễ cho người, đó là bậc « nhân 仁 ». Kém xuống nữa là bậc thứ 恕, hay suy bụng ta ra bụng người thì « vật gia chư-nhân ». *Vật* 勿 là chớ, là đừng, nghĩa là cần phải ngăn cấm chớ gia điều phi-lễ cho người.

Đây là nói cái tâm người bậc thứ 恕 thì Tử-Cống có thể cố giữ được như thế, chứ cái tâm người bậc nhân 仁 thì Tử-Cống chưa có thể tự-nhiệm là vô-ngã được. Đó cũng là có ý khích-khuyến cho thầy Tử-Cống.

XII

而 不 與 之 也。得 文 夫 子
聞 可 天 言 夫 而 章。子 貢
也。得 道。性 子 聞 可 之 曰。

Dịch-âm.— *Tử-Cống viết : « Phu-tử chi văn-chương, khả đắc nhi văn dã. Phu-tử chi ngôn tính dữ thiên-đạo, bất khả đắc nhi văn dã ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống nói rằng : « Văn-chương đấng phu-tử thì kẻ học-giả có thể thường được nghe. Đấng phu-tử nói về tính với đạo trời, thì kẻ học-giả không khá thường được nghe vậy ».

Chú-giải. — *Văn-chương* = Trỏ về uy-nghi văn-từ, là những đức tốt hiện ra ở ngoài. *Tính dữ thiên đạo* = *Tính* là cái lẽ của trời phú cho người. *Thiên-đạo* là cái bản-thể thiên-lý tự-nhiên, phú cho người là tính, đều là một lẽ rất là tinh-vi, đức Khổng vốn ít nói đến.

Đây là nói cái phép dạy người trong cửa Khổng có thứ bậc chứ không liệp-đẳng. Khi Tử-Cống học đã tấn-tới mới được ngài dạy cho nghe tính với đạo trời, hiểu biết là hay, mới thuật lại mà than khen.

XIII

有 唯 能 未 有 子
聞。恐 行。之 聞。路

Dịch-âm.— *Tử-Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khủng hữu văn.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Lộ có nghe được điều thiện-ngôn thiện-hạnh gì mà chưa kịp thực-hành, chỉ sợ rằng lại nghe được điều gì nữa mà mình làm không kịp.

Chú-giải. — Thầy Tử-Lộ nghe điều thiện muốn thực-hành ngay, như thế mới là người thực-học vị mình. Kẻ môn-nhân lấy làm khen mà biểu-dương ra như vậy.

XIV

文 是 不 敏 也。以 孔 子
也。以 恥 而 謂 文 貢
謂 下 好 子 之 子。問
之 問。學。曰。文 何 曰。

Dịch-âm. — *Tử - Cống vấn viết : Khổng-Văn-tử, hà dĩ vị chi văn dã?»*

Tử viết : « Mẫn nhi hiếu-học, bất sỉ hạ vấn, thị dĩ vị chi văn dã ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng : « Khổng Văn-tử sao được đặt tên thụy là Văn ? »

Đức Khổng nói rằng : « Văn-tử là người minh-mẫn mà lại hiếu học, ngôi cao mà chẳng xấu hổ hỏi người dưới, vì thế nên được đặt thụy là Văn ».

Chú-giải. — *Khổng-Văn-tử* = Quan đại-phu nước Vệ tên là Ngữ 圉. *Văn* = Phép đặt tên thụy ngày xưa, có lệ rằng hễ có đức tính cần-học hiếu-vấn thì đặt là *Văn*. Sau khi người ấy đã chết, mà người trong nước xét ra cái phẩm-hạnh thủa bình-sinh của người ấy mà đặt tên, hay dở đều không ẩn-hủy, gọi là tên thụy.

Đây là kể ra cái phẩm-hạnh của Khổng Ngữ thực có xứng-đáng với tên thụy, để giải cái ý ngờ của Tử-Cống.

XV

民 也 敬。其 行 道 有 子
也 惠。其 事 已 四 者 謂
義。其 養 上 也 焉。子 子
使 民 也 恭。其 之 產

Dịch-âm.—*Tử vị Tử-Sản hữu quân-tử chi đạo tứ yên : Kỷ hành kỷ dã cung; kỷ sự thượng dã kính; kỷ dưỡng dân dã huệ ; kỷ sử dân dã nghĩa.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng bình-luận Tử-Sản có bốn điều hợp với đạo quân-tử: Người ấy sửa mình thì khiêm-cung,

thờ vua thì kính-cẩn ; nuôi dân thì có ơn-huệ làm lợi cho dân ; trị dân thì có tiết-chế hợp với điều nghĩa.

Chú-giải. — *Tử-Sản* = Quan đại-phu nước Trịnh, tên là Kiều 僑. *Huệ* = Ơn huệ, nghĩa là yêu dân, mà vì dân hưng-lợi trừ-hại. *Sử-dân* = Cai-trị ước-thúc nhân-dân. *Nghĩa* = Những điều tiết chế hợp-nghi.

Đây là kể ra bốn điều hợp với đạo quân-tử của một vị danh-khanh, mà tiêu-biểu lên để làm gương cho những kẻ có quyền-vị làm quan.

XVI

之。而 交。與 仲 晏 子
敬 久 人 善 平 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Án Bình-Trọng thiện dữ nhân giao, cửu nhi kính chi ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Án Bình-Trọng khéo cùng người kết bạn, lâu ngày mà vẫn kính bạn ».

Chú-giải. — *Án-Bình-Trọng* = Quan đại-phu nước Tề tên là Anh 嬰. *Giao* = Giao-du với bạn.

Đây là tiêu-biểu cái nết tốt của Án-tử giao-du với bạn, thủy-chung vẫn giữ được đạo kính.

XVII

知 如 梲。藻 蔡。仲 臧 子
也。其 何 藻 山 居 文 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Tang Văn-Trọng cư sái, sơn tiết tảo chuyết, hà như kỳ tri dã ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Tang Văn-Trọng làm nhà chứa mai rùa, khắc núi vào cái đấu nhà, vẽ cỏ tảo vào cái trụ con, chẳng hay cái trí khôn người ấy như thế nào ! »

Chú-giải. — *Tang Văn-Trọng* = Quan đại-phu nước Lỗ, tên là Thìn 辰, đời ấy khen là người có nhiều tri-khôn. *Cư* = Cũng như chữ *tàng* 藏. Nghĩa là chứa, để. *Sái* = Con rùa lớn, đời xưa lấy cái mai rùa, dùng để xem bói. Đó là lấy việc bói rùa mà giúp cho việc người, chứ không phải mê-tín quỉ-thần. *Tiết* = Cái đấu ở đầu cột. *Sơn-tiết* = Vẽ bình núi vào cái đấu nhà. *Chuyết* = Cái trụ ngắn ở trên sà nhà. *Tảo-chuyết* = Vẽ cỏ tảo vào cái trụ. Làm nhà chứa rùa mà văn-sức cho tĩnh-khiết như thế, là có ý hoặc về việc quỉ-thần.

Đây là chê Văn-Trọng chẳng siêng chăm việc dân mà mê-tín việc thần, sao gọi là người trí.

XVIII

子 則 則 文 乎。以 喜 子
曰。又 曰。子 曰。告 色。張
清 曰。猶 吾 有 未 新 三 問
矣。猶 吾 馬 知。令 已 曰。
曰。吾 大 十 焉 尹。之。令
仁 大 夫 乘。得 何 無 尹
矣 夫 崔 棄 仁。如。慍 子
乎。崔 子 而 子 色。文。
曰。子 也。違 崔 曰。舊 三
未 也。違 之。子 忠 令 仕
知。違 之。至 弑 矣。尹 爲
焉 之。之 於 齊 曰。之 令
得 何 一 他 君。仁 政。尹。
仁。如。邦。邦。陳 矣 必 無

Dịch-âm. — *Tử-Trương vấn viết : « Lệnh-doãn Tử-Văn, tam sĩ vi lệnh-doãn, vô hỉ sắc ; tam dĩ chi, vô uẩn sắc. Cựu lệnh-doãn chi chính, tất dĩ cáo tân lệnh-doãn hà như ? » Tử viết : « Trung hĩ ». — Viết : « Nhân hĩ hồ ? » — Viết : « Vi tri, yên đắc nhân »*

Thôi-tử thí Tề-quân, Trần Văn-Tử hữu mã thập thặng, khí nhi vi chi. Chí ư tha bang, tắc viết : « Do ngôn đại-phu Thôi-tử dã ». Vi chi. Chí nhất bang, tắc hựu viết : « Do ngô đại phu Thôi-tử dã ». Vi chi, hà như ? Tử viết : « Thanh hĩ ! » — Viết : « Nhân hĩ hồ ? » — Viết : « Vị tri, yên đắc nhân. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Trương hỏi rằng ; « Quan Lệnh-doãn Tử-Văn, ba lần

làm Lệnh-doãn, mà không thấy sắc mặt mừng; ba lần thôi chức Lệnh-doãn, mà không thấy sắc mặt giận. Chính-sách của quan Lệnh-doãn cũ thi-hành trước, tất đem bảo cho quan Lệnh-doãn mới biết; nết Tử-Văn như vậy, chẳng hay là người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tử-Văn là người trung vậy ».

Tử-Trương hỏi rằng : « Tử-Văn đã là người bậc nhân đấy chưa ? »

Đức Khổng nói rằng : « Chửa biết tâm-lý người ấy thế nào, sao được vội tin là nhân. »

Tử-Trương lại hỏi rằng : « Khi Thôi-tử giết vua nước Tề, Trần Văn-Tử có ngựa mười cỗ, bỏ mà đi. Đến nước khác thì nói rằng : « Quan nước này cũng như Đại-phu Thôi-tử nước ta vậy. » Lại đi. Đi đến một nước nữa, thì lại nói rằng : « Quan nước này cũng như Đại-phu Thôi-tử nước ta vậy. » Lại đi. Cái nết Văn-tử như vậy, chẳng hay là người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Văn-tử là người thanh vậy ».

Tử-Trương hỏi rằng : « Văn-tử đã là người bậc nhân đấy chưa ? »

Đức Khổng nói rằng : « Chửa biết tâm-lý người ấy thế nào, sao được vội tin là nhân ».

Chú-giải. — *Lệnh-doãn* = Một ngôi quan Thượng-khanh chấp chính nước Sở. *Tử-Văn* = Họ Đấu 鬬, tên là Cấu-Ô-Đồ 穀於菟. *Dĩ* = Thôi, bãi chức. *Thôi-tử* = Quan Đại-phu nước Tề tên là Trữ 杼. *Tề-quân* = Vua Trang-công nước Tề. *Trần Văn-Tử* = Cũng là quan đại-phu nước Tề tên là Tu-vô 須無. *Thập-Thăng* = Mười cỗ xe ; mỗi cỗ bốn con ngựa, mười cỗ bốn mươi con ngựa, kể là một nhà qui-tộc giàu sang. *Vi* = Đi. *Chi nhất bang* = Đi đến một nơi khác. *Trung* = Hết lòng với nước, trỏ về Tử-Văn chỉ biết có nước mà chẳng biết có mình. *Thanh* = Trong sạch, trỏ về Văn-Tử hay bỏ phú-qui mà tránh xa nước loạn để sạch mình. *Nhân* = Tâm-lý hồn-toàn, hợp lẽ mà không có lòng riêng là nhân.

Toàn chương này là luận về cái sự-tích của Tử-Văn với Văn-Tử đều có cái nết cao, đáng khen là trung với thanh vậy. Song trung mà không có lòng hiếu-danh, thanh mà không có lòng kiêu-tục, thì cái tâm mới công-chính vô-tư, mới thực là nhân. Nhưng chửa chắc hai người ấy đã được như thế, cho nên Khổng-tử chửa dám khinh-dị khen là nhân vậy.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 4 năm 1932)

Mồng 1 tháng 4.—*Nghị-viện Pháp đã duyệt xong sổ dự-toán. Định hoãn họp đến ngày mồng 1 tháng 6.*

— *Các chủ rạp hát và rạp chớp bóng ở* Paris *định đến ngày mồng 5 tháng tư đóng cửa cả để phản-đối về việc thuế nặng.*

— *Có tin Nhật-bản bằng lòng rút quân ở Ngô-tùng và Giang-loan về.*

Mồng 2.— *Hoàng-đế nước Nam là đức Bảo-đại đi du-lịch Bắc-phi-châu, hôm nay đến* Rabat *là kinh-đô* Maroc, *có vào tiếp-kiến quốc-vương* Maroc.

Mồng 3. — *Thủ-tướng Pháp* Tardieu *cùng Tài-chính tổng-trưởng* Flandin *đến* Londres, *có Thủ-tướng Anh* Mac-Donald *và ngoại-tướng* Sir John Simon *đón tiếp. Hai Thủ-tướng đã bắt đầu hội-đàm với nhau.*

— *Theo lời một tờ báo Đức,* Gazette de Voss, *thì đảng* Hitler *ở Đức có quân-đội nhiều tới 420.000 người, trong đó 85 phần trăm là thợ thất-nghiệp, phần nhiều thuộc đảng Cộng-sản.*

— *Ở* Rome *khánh-thành một học-viện nghiên-cứu về văn-hóa nước Đức. Thủ-tướng* Mussolini *có đọc diễn-thuyết tán-dương về văn-hóa nước Đức* Gœthe.

— *Các công-ti hàng-hải nước Ý về các đường Đại-Tây-dương định nhất-luật hạ giá xuống 10 phân.*

Mồng 4. — *Thủ-tướng Pháp và Anh ở* Londres *thảo-luận về vấn-đề liên-hiệp trung-Âu, vấn-đề này định đến ngày mồng 6 mời họp đại-biểu của 4 nước Pháp, Anh, Ý, Đức để công-nhiên bàn xét.*

— *Ở Đức,* Hitler *lại tiếp-tục cuộc vận-động bầu-cử Tổng-thống, đọc một bài diễn-thuyết rất kịch-liệt ở* Berlin.

— *Chúng-nghị-viện nước Mĩ quyết-nghị bản luật hẹn 8 năm nữa sẽ cho Phi-luật-tân* (Philippines) *được độc-lập.*

Mồng 5.— *Chiếc tầu bay hiệu* « Biarritz-Cousinet », *do nhà phi-hành* De Verneilh *cầm máy, đi được từ* Istres *đến* Nouméa *trót lọt cả, thế là nối được nước Pháp với đảo* Nouvelle-Calédonie *trong khoảng 28 ngày.*

— *Ông* De Valera *là Thủ-tướng* Irlande *trả lời chính-phủ Anh về vấn-đề tuyên-thệ trung-thành cùng vấn-đề tiền thải điền-thổ, nhất thiết giữ lời quyết-định như trước.*

— *Ông* Montagu Norman *được tái bầu làm quản-đốc nhà Anh-quốc Ngân-hàng.*

— *Nước* Chili (*Nam-Mĩ*) *định bỏ tiền bản-vị bằng vàng.*

Mồng 6.— *Ở Pháp bắt đầu mở cuộc vận-động tổng-tuyển-cử. Thủ-tướng* Tardieu *đọc một bài diễn-thuyết lớn ở rạp* Bullier, *kể công-nghiệp của khóa Nghị-viện thứ 14 sắp hết hạn và công-nhiên phản-đối đảng Xã-hội.*

— *Hội-đồng Chính-phủ Pháp định cử ông* Paul-Boncour *làm đại-biểu vĩnh-viễn của nước Pháp ở Hội Vạn-quốc, thay chân cho ông* Briand *đã tạ-thế.*

— *Ở* Londres *khai hội-nghị bốn cường-quốc Pháp, Anh, Ý, Đức, để xét về vấn-đề các nước Trung-Âu. Thủ-tướng Anh trình bày cái dự-án của Pháp Anh đã khởi-thảo. Đại-biểu Ý và*

Đức đều dị-nghị và muốn bàn theo cách khác.

Mồng 7. — *Ông* NAGAOKA *là đại-sứ mới của Nhật-bản ở* Paris, *hôm nay vào yết-kiến quan Giám-quốc Pháp để trình bày giấy ủy-nhiệm.*

— *Hôm nay khai viện Quốc-tế nghiên-cứu về Vạn-quốc công-pháp* (Institut international de Droit public). *Nhà chính-trị nước Hi-lạp, ông* POLITIS, *được cử làm viện-trưởng.*

— *Quyển Mẹo Pháp-văn* (Grammaire de la Langue française) *của viện Hàn-lâm nước Pháp soạn, nay đã in xong.*

— *Hội-nghị bốn cường-quốc họp ở* Londres *để xét về vấn-đề Trung-Âu, xem chừng hỏng, vì đại-biểu nước Đức và nước Ý cực-lực phản-đối cái dự-án của nước Pháp đã do nước Anh thừa-nhận làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận.*

— *Hội-nghị họp ở Thượng-hải để quyết-nghị về việc đình-chiến định hoãn đến ngày mồng 9, vì không đồng-ý nhau về kỳ-hạn cho quân Nhật phải rút về.*

Mồng 8. — *Đảng Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến phát-hành một tờ phi-lộ nói về chương-trình của đảng ấy trong việc tổng-tuyển-cử sau này.*

— *Hội-nghị bốn cường-quốc về việc Trung-Âu đành là thất-bại, phải giải-tán, không thành kết-quả gì.*

— *Ông* SMITH *là nguyên Tổng-đốc quận* New-York, *tuyên bố sẽ ra tranh-cử Tổng-thống Mĩ với ông* HOOVER *là Tổng-thống tại chức.*

Mồng 9. — *Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc đã tới Bắc-bình.*

Mồng 10. — *Thủ-tướng Pháp* TARDIEU *đi* Genève *để mai dự hội nghị tài-bình.*

— *Ông* LÉON BLUM *là lĩnh-tụ đảng xã-hội đọc một bài diễn-thuyết lớn ở* Narbonne, *nói về việc tổng-tuyển-cử sau này và kể cách-thức hai đảng Xã-hội và Cấp-tiến lâm-thời liên-hiệp với nhau thế nào.*

— *Ở Đức thống-chế* HINDENBURG *được tái-cử làm Tổng-thống bằng 19.359.642 phiếu đối với 13.417.460 về* HITLER. *Cách hai lần đầu-phiếu, đảng* HITLER *được tăng thêm lên 2.078.175 phiếu.*

Ngày 11. — *Ở* Genève *hội-nghị tài-bình lại tái-tục làm việc. Ông* GIBSON *là quan-sát-viên* (observateur) *của chính-phủ Mĩ cử tham-dự hội-nghị, trình bày một cái dự-án mới, chỉ nói về lục-quân mà thôi. Thủ-tướng Pháp* TARDIEU *cực-lực phản-đối cái thuyết đó, nói rằng hội-nghị tài-bình là phải cai-quát cả lục-quân, hải-quân, không-quân, chứ không có lẽ gì lại chỉ xét một lục-quân mà thôi.*

Ngày 12. — *Ông* HERRIOT *là lĩnh-tụ đảng cấp-tiến diễn-thuyết ở* Lyon, *trả lời lại bài diễn-thuyết của thủ-tướng* TARDIEU *ở rạp* Bullier *và kể rõ cái chương-trình của đảng Cấp-tiến Xã-hội.*

— *Nhân hội-nghị bốn cường-quốc không quyết-nghị xong về việc Trung-Âu, Hội Vạn-quốc định đến kỳ sau sẽ xét về tình-hình kinh-tế của mấy nước Trung-Âu.*

— *Nước Tàu trình với Hội Vạn-quốc rằng cuộc thương-thuyết ở Thượng-hải bị đình.*

Ngày 13. — *Hội-nghị tài-bình xem chừng càng ngày càng luẩn-quẩn, thảo-luận phân-vân, không có kết quả. Thủ-tướng Pháp* TARDIEU *bỏ về* Paris.

— *Tổng-thống* HINDENBURG *ký sắc-lệnh truyền giải-tán tức-thì các đoàn-thể có tính-cách quân-đội của đảng* HITLER.

— *Chợ « Kim-dung »* (Bourse) *ở* Berlin *đóng cửa đã bảy tháng nay, hôm nay lại mở.*

— *Hội-nghị điều-đình việc Trung Nhật ở Thượng-hải, vì không đồng ý nhau, phải đình mất mấy ngày. Nay có*

tin công-sứ các nước Âu-tây có chân hội-nghị đã tìm được một cách thỏa-hiệp, khiến cho chính-phủ Nam-kinh được bằng lòng.

Ngày 14 — *Ông* PAUL REYNAUD, *Tư-pháp tổng-trưởng, diễn-thuyết ở* Rouen, *trả lời lại mấy bài diễn-thuyết của ông* HERRIOT *và* BLUM, *và bênh cho phái đa-số ở Nghị-viện sắp mãn khóa. Có tin ông* HERRIOT *và* BLUM *sẽ có cuộc diễn-thuyết để đáp lại. Thế là cuộc vận-động tổng-tuyển-cử đương náo-nhiệt, lĩnh-tụ các đảng công-nhiên ra thảo-luận ở trước quốc dân.*

— *Ở Hội-nghị tài-binh, các nhà chuyên-môn vẫn nghiên-cứu về các khoản, nhưng không có cuộc thảo-luận chung nữa.*

Ngày 15.— *Ngoại-tướng nước Mĩ* STIMSON *đi* Genève, *dừng lại* Paris *để thương-thuyết với Thủ-tướng Pháp* TARDIEU.

— *Có sắc-lệnh của chính-phủ Pháp lưu đại-tướng* WEYGAND *là phó chủ-tịch Cao-đẳng Hội-nghị Quân-bị, tại chức không hạn tuổi.*

— *Ba viên quản-lý công-ti có quan-hệ với viên chủ máy diêm* KREUGER, *bị bắt ở* Stockholm.

— *Ở* Nouvelle-Zélande *xảy ra những việc biến-động có tính-cách cách-mệnh.*

Ngày 16.— *Ông* KELLOGG *được chính-phủ Mĩ cử làm chức Thẩm-phán ở Quốc-tế Thẩm-phán-viện* La Haye, *đi qua* Paris *đến viếng mộ ông* BRIAND.

— *Ngoại-tướng Mĩ* STIMSON *đến* Genève *để dự hội-nghị tài-binh, nhưng công việc của hội-nghị cũng không thấy có tiến-hành. Ban ủy-viên 19 nước của Hội Vạn-quốc đặt ra để xét việc Trung Nhật, hôm nay họp để nghe lời trần-thuyết của đại-biểu nước Pháp, nước Tì và nước Anh.*

— *Ở* Suède (*Thụy-điển*) *khám phá ra được nhiều việc gian lậu của mấy tay phú-tá nhà lý-tài* KREUGER *mới tự-tử.*

— *Ông* HOOVER *công-nhiên tuyên-bố lại ra ứng-cử kỳ bầu Tổng-thống sau này.*

Ngày 17.— *Lĩnh-tụ các đảng Pháp đương hết sức vận-động về cuộc tuyển-cử sau này: Thủ-tướng* TARDIEU *diễn-thuyết ở* Giromagny; *lĩnh-tụ đảng cấp-tiến là ông* HERRIOT *diễn-thuyết ở* La Tour-Du-Pin; *ông* MARQUET *là thị-trưởng thành* Bordeaux, *thuộc đảng xã-hội, diễn thuyết ở* Bordeaux, *chủ-trương cái thuyết đảng Xã-hội nên cùng đảng Cấp-tiến hiệp-lực ra cầm quyền; ông* MALVY *là một tay yếu-nhân trong đảng cấp-tiến, chánh ban Tài-chính ở Nghị-viện, cũng diễn-thuyết ở* Vigan *cổ-động cho đảng cấp-tiến.*

— *Ở Ấn-độ, tại miền* Peschavar *có việc biến-động.*

Ngày 18. — *Hội-nghị tài-binh đặt một ban ủy-viên do ông* POLITIS *đứng đầu, để biên-tập ý-kiến của phái-bộ các nước về vấn-đề tài-binh.*

Ngày 19.— *Tổng-ban của hội-nghị tài-binh quyết-định một điều tổng-tắc rằng: việc tài-binh nên chia ra từng thời-kỳ mà thi-hành dần. Còn ủy-ban 19 nước để xét về việc Trung-Nhật thì họp để định rõ quyền-hạn của ban ủy-viên ở Thượng-hải trong việc xem xét cho quân Nhật rút về được ổn-thỏa.*

Ngày 20.— *Thủ-tướng Anh đi dự Hội-nghị Tài-binh qua* Paris *cùng thương-thuyết với Thủ-tướng Pháp, rồi hai ngài cùng đi* Genève.

— *Hai nhà phi-hành* GOULETTE *và* SALEL *đi từ Pháp sang* Cap *đã tới nơi, cả thảy hết 91 giờ 15 phút.*

— *Hội-nghị Tài-binh vẫn thảo-luận mãi, hôm nay xướng ra cái thuyết «phẩm» (qualitatif) và «lượng» (quan-*

titatif), *một là tài-giảm về « phẩm », nghĩa là nên giảm những thứ binh-khí nào độc-hại nhất, hai là tài-giảm về « lượng », nghĩa là cứ nên giảm cả tổng-số quân-bị.*

— *Nghị-viện* Irlande *họp, duyệt-y bản luật bãi bỏ cái lệ tuyên-thệ trung-thành* (serment d'allégeance) *với nước Anh.*

Ngày 21.— *Hội-Nghị tài-binh hôm nay có cuộc thảo-luận to, thủ-tướng Pháp can-thiệp. Kết-cục thì tổng-ban xem ra không ưng cái thuyết của nước Pháp.*

— *Ở* Berlin *các đảng-viên Quốc-gia xã-hội làm lễ sinh-nhật* Hitler.

Ngày 22.— *Ở Hội-nghị Tài-binh, Thủ-tướng Pháp thương-thuyết với Thủ-tướng Đức; đại-biểu các nước cũng thương-thuyết lẫn với nhau, nhưng không thấy có tấn-tới gì. Tổng-ban thì quyết-nghị theo cái nguyên-tắc « tài-binh về phẩm »* (désarmement qualitatif). *Còn về việc Thượng-hải cũng chưa điều đình xong.*

Ngày 23.— *Hội-nghị Tài-binh kéo dài ra mãi không có tấn-tới gì, nghe chừng muốn đình lại ít lâu.*

— *Ở Ấn-độ, học-sĩ* Malaviya, *là một tay yếu-nhân trong đảng Quốc-gia bị tống-giam. Nữ-sĩ* Naidu, *cũng bị án tù một năm.*

Ngày 24 — *Cuộc tuyển-cử ở Nghị-viện* Prusse, *đảng* Hitler *thắng-lợi to lắm, được những 162 ghế. Đoán chừng thì biết Nội-các* Brüning *không thể đứng vững được. Việc này rất quan-trọng, các nước lấy làm chú-ý lắm.*

Ngày 25. — *Ở Nghị-viện* Prusse *có 422 ghế thì đảng* Hitler *và các đảng hữu được 193 ghế. Đảng « Trung-ương Gia-tô »* (Centre catholique) *sẽ giữ địa-vị trọng-tài* (arbitre), *hễ nánh về bên nào thì bên ấy được thắng. Ai cũng đoán rằng Nội-các* Brüning *hoặc xin từ-chức, hoặc bị khuynh-đảo.*

— *Hội-nghị Tài-binh hoãn đến ngày mồng 9 tháng 5, sau cuộc tổng-tuyển-cử nước Pháp.*

— *Dư-luận nước Nhật căm tức Hội Vạn-quốc lắm, cho là thiên vị nước Tàu. Các nhà cầm quyền cũng cùng một cảm-tưởng đó và dọa xin ra Hội.*

Ngày 26.— *Ở* Genève, *Thủ-tướng Anh, Thủ-tướng Đức và Ngoại-tướng Mĩ cùng nhau họp để trao đổi ý-kiến về các vấn-đề hiện-thời, đợi đến ngày 29 Thủ-tướng Pháp trở lại thì sẽ họp một hội-nghị bốn nước.*

Ngày 27.— *Thủ-tướng Pháp* Tardieu *bị bệnh đau cuống họng không thể đi* Genève *được, cũng không đi diễn-thuyết để vận-động về việc tuyển-cử các nơi. Vì vậy hội-nghị bốn nước định họp ở* Genève *sẽ đình lại.*

Ngày 28. — *Có tin ở Thượng-hải Tàu với Nhật đã điều-đình xong.*

Ngày 29.— *Đảng Xã-hội cấp-tiến cổ-động dữ; ba tay yếu-nhân trong đảng ấy, ông* Herriot *diễn-thuyết ở* Lyon, *ông* Daladier *diễn-thuyết ở* Pertuis, *ông* Chautemps *diễn-thuyết ở* Blois. *Nhất là ông* Herriot *cực-lực bài-xích các đảng hữu, nói sẽ cố phá cho họ không lập thành một « liên-đảng các phái hữu »* (cartel des droites).

— *Hội-nghị Tài-binh đình hẳn. Các phái-bộ lục-tục về nước. Định vào khoảng ngày 12 đến 18 tháng 5 sẽ họp lại.*

— *Ở Thượng-hải có xảy ra một cuộc ám-sát rất ghê-gớm : Giữa khi quân Nhật làm lễ duyệt-binh, thì có kẻ ném tạc-đạn vào chỗ các thượng-quan ngồi, viên Công-sứ, viên Lĩnh-sự Nhật, hải-tướng* Nomura, *lục-tướng* Shirakawa *và* Uyéda, *đều bị trọng-thương.*

Ngày 30 — *Ở trường Đại-học* Sorbonne *làm lễ bánh-chu-niên kỷ-niệm ngày chết đại văn-hào nước Đức* GŒTHE.

— *Xác của nhà thám-hiểm* HAART *cùng một phần bộ thám-hiểm* Citroën *đã về tới* Marseille.

— *Hội-nghị Tài-binh hoãn lại, nhưng các ban chuyên môn vẫn cứ làm việc.*

Thời-cục nước Tàu.— *Việc Trung Nhật.*— Trong tháng *Mai* này bản hiệp-ước đình-chiến được Hội Vạn-quốc đã công-nhận, lại thêm một khoản phụ nói về việc cho quân Tàu đóng vững ở phía nam vùng Tô-châu, thì nay đã ký xong. Các quan đại-sứ liệt-cường cùng đại-biểu Tàu là Quách Thái-Kỳ, Đái Kích và viên tướng họ Vương, phía Nhật có Trùng Quang-Qui, tướng TASHIRO, thủy-quân tư-lệnh SHIOZAWA và tướng Thực-Điền đều ký hiệp-ước. Quách Thái-Kỳ nằm trên giường bệnh trong nhà thương mà ký. Trùng Quang-Qui với Thực-Điền cũng ký trong nhà thương.

Sau khi Trùng Quang-Qui ký ước rồi thì thầy thuốc cắt một chân đi, vì từ khi bị thương trong việc ném tạc-đạn ngày 29 *Avril*, không thể chữa được khỏi.

Nhật tuyên-cáo rằng mình thành-thực ký hiệp-ước. Việc rút quân vào miền đông tạm, bắt đầu ngày hôm sau Nhật sẽ thi-hành, chứ không để chờ cho qua cái thời-hạn 8 ngày.

Các quân Trung-hoa lại đến đóng ở Giang-loan, phía tây đường hỏa-xa từ Ngô-tùng đến Thượng-hải, là nơi quân Nhật đã rút đi. Có hội-đồng điều-tra cùng chứng-thị.

Những đại-biểu các nước ở đó đã tổ-chức hội ủy-viên «Trung-ngoại công-đồng», công-cử viên Tổng lãnh-sự Hoa-kỳ làm chủ-tịch, hiệp-đồng với ủy-viên các nước trông coi người Nhật rút binh.

Còn về phần Trung-quốc, hội «Tiếp-thân ủy-viên» cũng đã thành-lập. Hễ quân Nhật rút ra khỏi khu nào, thì hội ấy phải tiếp nhận lấy để lo sắp đặt lại công việc trị an. Chủ-nhiệm hội ấy là An Nhữ-Canh, một chức viên do bộ ngoại-giao Trung-quốc phái ra.

Sớm bữa 7 *Mai* quân Nhật đã rút lui hết. Ngoại-giao thứ-trưởng của Tàu là Quách Thái-Kỳ chuyền-đạt lời cảm-tạ của chính-phủ Trung-hoa cho những đại-biểu các nước đã có công điều-đình trong hội-nghị đình-chiến, như các ông WILDEN, MILES LAMPSON và CIANO.

Ba chiếc tầu Nhật chở tướng Thực-Điền và quân Nhật về, đã khởi-hành ở Thượng-hải. Tướng Thực-Điền bị thương ở công-viên Hồng-khẩu, đi phải chống gậy.

Bạch-Xuyên là thống-tướng các đạo quân Nhật ở Thượng-hải cũng bị thương ở Hồng-khẩu, truyền máu chữa mãi không khỏi, nay đã tạ-thế. Linh-cữu đã dem xuống tuần-dương-hạm *Tatsuta* chở về Nhật.

Theo lời tuyên-bố của Nhật thì quân-đội họ ở Thượng-hải sẽ rút hết về nước. Nhưng thật ra mấy bữa nay những toán quân đã ra khỏi Thượng-hải đều kéo rốc lên miền Đông-bắc để tiếp-viện với quân-đội họ ở đó, chứ không có toán nào về nước cả.

Vì bản hiệp-định đình-chiến ký ngày 5 *Mai* vừa rồi, bên ngoài có nhiều tin đồn Chính-phủ Nam-kinh có ký nhận nhiều điều bí mật chịu khuất-phục với người Nhật, lại có thiệt-hại đến quyền-lợi và nhục-nhã đến thể-thống của Trung-quốc, họ đã gửi thông-điện khắp nơi phản-đối việc ấy. Hiện giờ các nơi cũng hưởng-ứng theo nhiều, nhất là các đoàn-thể ở Bắc-bình, Thiên-tân và Thượng-hải lại càng phản-đối kịch-liệt hơn.

Hai hội «Kháng Nhật» ở Bắc-bình và Thiên-tân đồng tuyên-bố rằng:

Hòa-ước Trung-Nhật đình-chiến ký-kết rồi mặc dầu, họ nhất-định xui-giục dân-chúng theo đuổi công việc kháng Nhật cho đến cùng.

Bởi vậy Uông Tinh-Vệ có điện cho Thương-hội ở Thượng hải, nói về bản hiệp-định ấy trừ 5 điều chính và 3 điều phụ đã công-bố, chính-phủ tuyệt-nhiên không có ký nhận điều gì bí-mật cả.

Hiện nay các cơ-quan chính-phủ quốc-dân dời đến Lạc-dương đã vâng lệnh dọn về Nam-kinh làm việc. Một số đông chức-viên ngày 21 đã về đến Nam-kinh.

Tại Thượng-hải, người Tàu đã tiếp thu gần hết những chiến-khu bị quân Nhật chiếm-cứ, nhưng bởi hư-hại nhiều quá, nên công việc chỉnh-lý còn phải tốn của dài ngày mới hồi-phục lại được.

Đường xe lửa Nam-kinh Thượng-hải nhiều chỗ bị hư, hiện đương đốc-suất tu-bổ gấp lắm, nhưng cũng phải non một tháng nữa thì mới sẽ chạy thông được.

Các trường học tuy đã lần lượt tiếp thu lại rồi, nhưng số hao-tổn tính ra đến chín triệu bạc; nếu chính-phủ Tàu không đủ tiền cứu-tế thì khó mà mở cửa như xưa được.

Việc quân-sự.— Hội quân-sự ủy-viên ở Nam-kinh thấy quân cộng-sản chiếm giữ biên-cảnh Hà-nam, Hồ-bắc, An-huy, ẩn hiện không thường, gần đây lại quấy rối phía tây An-huy, muốn mở rộng phạm-vi, nên đã quyết đem đại-quân ra sức tiến-tiễu để yên địa-phương; đặc phái Tưởng Giới-Thạch làm tiểu-phỉ tổng-tư-lệnh ba tỉnh ấy. Lý Tế-Thâm làm phó tư-lệnh thống-suất các đạo quân định kỳ tiến tiễu.

Đạo quân thứ 19 của Tàu từ khi thôi đánh nhau với quân Nhật ở Thượng-hải, thì rút cả về đóng miệt Tô-châu, Côn-sơn, hằng ngày vẫn thao-luyện; quân-trưởng Sái Đình-Khải đã thân hành đến các nơi ấy dùng lời huấn-hoại mà khích-lệ các tướng-sĩ bền giữ một lòng «giữ nước yêu dân». Cái câu « đánh giặc thì đánh, đánh nhau thì đừng », tự miệng tướng-sĩ đạo quân ấy nói ra, bây giờ thấy các báo Tàu đều có lục đăng cả.

Sái lại nói rằng: những người còn sống được chính thân chịu hưởng cái quang-vinh của lịch-sử nước nhà, một phần lớn nhờ ở các tướng-sĩ đã dám hi-sinh tính-mệnh trong khi giao-chiến với quân Nhật, nên ngày 20 *Mai* cử-hành lễ truy-điệu lớn tại trường thể-dục công-cộng xứ Tô-châu, để an-ủy trung-hồn « liều mình cứu nước » của các tử-sĩ ấy, gửi tin khắp nơi cho các giới đồng-bào biết ngày biết chỗ mà gửi trướng đối đến để phúng điếu.

Sau khi hòa-nghị Trung Nhật ký rồi, quân-sự ở Ngô-tùng Thượng-hải tuy đã tạm yên, nhưng ở Đông-bắc thì vẫn còn rắc-rối, đạo quân thứ 19 thấy thế không thể ngồi nhìn, mới rồi bọn Tưởng Quang-Nại, Sái Đình-Khải, Đái Kích cùng mười mấy vị quân-quan gửi tờ trình lên Quốc-phủ Trung-hoa xin mau hạ lệnh cho đạo quân thứ 19 kéo ra Đông-bắc đánh giặc, và họ quyết định nếu xin không được, thì toàn-thể từ chức hết, thân hành ra ngoài tổ-chức quân nghĩa-dũng, thề sao giết hết quân Nhật để đền ơn đất nước mới thôi.

Quảng-đông với Nam-kinh. — Các tướng Trần Tế-Đường, Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hy và nhiều quan-chức, nhất là Đường Thiêu-Nghi, chỉ nghi sự hành-động của chính-phủ Nam-kinh về việc ký điều-ước đình-chiến và trách chính-phủ Nam-kinh không cử viện-binh cho đạo binh thứ 19 trong khi đánh nhau với Nhật-bản ở Thượng-hải

và yêu-cầu rằng Tưởng Giới-Thạch phải từ chức.

Chính-phủ Quảng-châu xem ra muốn dự-bị khai-chiến với Nam-kinh. Các quan chức lấy làm lo về việc hành-động của Tưởng Giới-Thạch, bề ngoài thì nói rằng đi tiễu-trừ quân cộng-sản ở Giang-tây, mà kỳ-thực là dự-bị tràn vào Quảng-đông. Nghe đâu có sáu sư-đoàn của Tưởng Giới-Thạch tụ-tập ở phía nam Giang-tây.

Thành-phố Quảng-đông đã hạ lệnh giới-nghiêm. Hai bên bờ sông Châu-giang, phòng-bị ngặt lắm. Nghe nói Trần Tế-Đường sắp sửa phản-kháng Trung-ương chính-phủ, không khỏi phát-sinh chiến-họa. Còn cánh Quảng-tây thì phục-tùng Trung-ương, sắp cử binh xuống đánh Quảng-đông. Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng hết sức thúc-giục Trần Tế-Đường mau mau động binh, phe-đảng của Hồ đã nắm hết quyền chính-trị Quảng-đông rồi.

Xét cái thái-độ cánh Quảng-đông từ khi Ninh-Việt giao-hòa trong chính-phủ Trung-ương, số người về phái phản Tưởng đã chiếm đến quá nửa, vậy mà cánh Quảng-đông tuy bề ngoài nói hòa mà vẫn đặt ba ủy-viên phân-hội, lấy cớ là địa-phương tự-trị, mà tài-chính, quân-chính và dân-chính đều vẫn giữ quyền riêng, Trung-ương không có quyền gì cả, quân Quảng-đông tự-do đem vào Giang-tây, Phúc-kiến, lấy cớ là dẹp cộng mà kỳ-thực là chiếm địa-bàn. Tưởng Giới-Thạch thấy vậy phải cho Hà Ứng-Khâm vào Giang-tây, Chu Thiệu-Lương vào Phúc-kiến, cốt để ngăn-trở cánh Quảng-đông. Xem thế thì Hồ Hán-Dân vẫn có ý thù riêng với Tưởng Giới-Thạch, muốn làm cho đổ đi.

Bảo Hoa-kiều cho Hồ Hán-Dân là kẻ « hiểm ngận » có lẽ không sai cái nhân-cách của Hồ. Thái-độ cánh Quảng-đông như thế thì khi nào làm cho Trung-quốc thống-nhất được.

Tình-hình Mãn-châu.— Quân Nhật từ khi xâm-chiếm miền đông-bắc nước Tàu, toàn-đồ Mãn-châu đã hầu thu được hết; duy còn phía bắc Hắc-long-giang và đường Trung-đông là chưa vào tay người Nhật mà thôi. Người Nhật lại đặt ra một chính-phủ Mãn-châu mới để che mắt liệt-cường, mà kỳ-thực toàn-quyền đều về tay người Nhật quản-trị cả.

Phổ-Nghi từ khi bị người Nhật đem về Thẩm-dương, đặt lên cái ngôi chấp-chính Mãn-châu, người Tàu cho là cái tượng gỗ. Thật ra Phổ-Nghi bây giờ đã sa vào cái cảnh chim lồng cá chậu, người Nhật coi như kẻ tù. Đại-quyền của chính-phủ Mãn-châu nắm về một tay Câu-Tỉnh là viên-trưởng bộ tổng-vụ; bộ tổng-vụ này khi đầu thuộc quyền viện quốc-vụ Mãn-châu, nhưng bởi Câu-Tỉnh là người Nhật, nên uy-quyền bộ ấy bây giờ thắng cả viện Quốc-vụ.

Hễ ai muốn tiếp-kiến Phổ-Nghi, trước phải khai tên họ, lý-lịch và kể rõ cái nguyên-nhân và mục-đích muốn cầu kiến, trình lên bộ tổng-vụ kiểm-xét, nếu không được quan bộ-trưởng phê cho thì phải lui ngay; còn may mà được diện-kiến thì trong khi Phổ Nghi tiếp khách có bốn tên vệ-binh Nhật kèm giữ rất nghiêm-ngặt.

Còn nhà ở của Phổ Nghi tức là nơi đặt chấp-chính-phủ, ngoài buồng đều có lính Nhật canh gác. Phổ Nghi mắc ở trong vòng lao-lung của người Nhật, bó buộc không yên, cũng lấy làm khổ lắm.

Bên ngoài thì quân nghĩa-dũng tứ-xứ nổi lên như ong, nào là Lý Hải-Thành đứng đầu quân nghĩa-dũng, đánh đuổi quân Hi Hợp và Trương Hải-Bằng; Lý Xuân-Ba ở Liêu-đông quản suất nghĩa-dũng định phản-công thành Thẩm-dương; quân của Đinh Siêu và

Lý-Đỗ thì hiệp sức vây thành Y-lan; quân Vu Chỉ-Sơn thì phản-qua sắp trở lại đánh Trường-xuân; to nhất là trận đánh ở Nông-an, quân nghĩa-dũng đại-thắng; Đinh, Lý lại chỉ-huy quân nghĩa đánh hạ được mười chiếc tầu chiến của quân Nhật ở sông Tùng-hóa; quân tự-vệ Cát-lâm đánh tan được một chiến-thuyền của Nhật ở sông Thông-hà.

Hội đại-đao của quân nghĩa-dũng đã lấy lại được Tập-an, những người Nhật và hơn 10 viên quan của chính-phủ Mãn-châu đều bị đuổi chạy sang sông Áp-lục. Hiện Tập-an, Thông-hóa và các huyện ở phía đông đều đã thoát vòng giáng buộc của chính-phủ Mãn-châu.

Tại đoạn đường sắt Trung-đông về phía đông, quân nghĩa-dũng đánh nhau mãi với quân Nhật. Quân tiền-phong nghĩa-dũng đã tiến đến cách Cáp-nhĩ-tân độ chừng 60 dặm. Quân Nhật đã phải xe thiết-giáp đến để viện-trợ quân Nhật và quân của Phổ-Nghi ở đó. Nói tóm lại là hiện bây giờ một dải khu-vực về đoạn đường sắt Trung-đông không còn trật-tự gì nữa. Đoạn đường ấy bị phá hại mất nhiều.

Xem thế thì quân nghĩa-dũng thanh thế cũng mạnh, làm cho quân Nhật đối-phó không lúc nào rồi, mà nhất là từ khi Mã Chiếm-Sơn lại phản-chính thì quân Nhật càng lấy làm lo. Mã Chiếm-Sơn từ ngày 23 tháng hai, tự Hải-luân về Hắc-long-giang hợp-tác với Nhật, đến ngày mồng 1 tháng tư thì Mã bất-thình-lình lại quay lại kháng Nhật.

Thế-lực Mã Chiếm-Sơn ngày càng mạnh, ở đoạn đường Trung-đông đã đóng thêm quân-đội, thực-lực đã từ 4 vạn thêm đến hơn 5 vạn, có quân hàng-không, có xe phá-lũy, có súng bắn cao, và trong quân kỷ-luật rất nghiêm, khí-giới rất tinh. Mã phái máy bay đi rải truyền-đơn khắp các nơi, khuyên nhân-dân giúp sức cử nghĩa, cho nên luôn luôn mấy ngày số người đến theo Mã xin ra sức giúp rất nhiều.

Các quân nghĩa-dũng Hắc long-giang tôn cử Mã Chiếm-Sơn làm tổng-tư-lệnh quân cứu-quốc Hắc-long-giang. Dân-đoàn các huyện đã cử nhiều tráng-đinh và dự-bị súng đạn để đợi lệnh Mã lấy dùng. Hiện các huyện ở phía đông Hắc long-giang đã tập họp hơn bảy vạn người.

Mã Chiếm-Sơn đại cử tiến đánh Tề-tề-cáp-nhĩ (tỉnh - thành Hắc-long-giang). Tư-lệnh Nhật là Đa-Môn đã vội đem viện quân đến để chống với quân Mã.

Bọn Mã Chiếm-Sơn, Đinh Siêu, Lý Đỗ, Tô Bình-Văn có thông-điện đại-ý nói rằng: « Quân Nhật từ ngày 18 tháng 9 năm ngoái đến nay, đối với quân ta, dùng cái chiến-lược đánh đuổi trừ diệt, hiện nay lại dời quân ở Thượng-hải lên đánh Cát, Hắc, xin các nhà đương-cục mau mau tỏ lòng quả-quyết định kế chống đánh thế nào. Nếu không thì dù các kiện-nhi đông-bắc có ra sức phấn-đấu trong mười năm, nhân-lực, vật-lực đều hết cả, nước mất cũng chẳng cứu được nào.» Cả bức thông-điện, lời nói rất thống-thiết.

Có tin nói Tưởng Giới-Thạch đã giúp cho Mã Chiếm-Sơn một số tiền mười triệu *dollars*, gọi là số tiền binh-phí để đánh với quân Nhật.

Mã Chiếm-Sơn ở Hắc-long-giang đối kháng quân Nhật, việc hành-động về quân-sự cũng có tiến-bộ. Cứ như người ta đã điều-tra, thực-lực quân Mã cả bộ-binh, pháo-binh, kỵ-binh ước có bốn vạn người, trong đó có một đội không-quân, hai mươi cỗ súng dã-chiến và lòng quân rất hăng, súng đạn đầy đủ. Nghĩa-quân và dân-đoàn kéo đến theo Mã mỗi ngày mỗi đông.

Tin Cáp-nhĩ-tân nói A-thành-tử đã vào tay quân Mã rồi. Đội tiên-phong quân Tàu đã đến cách Cáp-nhĩ-tân chỉ

độ 20 dặm. Còn trú-quân của Phồ-Nghi ở trên mặt trận Hồ-Hải đều theo Mã mà phản lại chính-phủ Mãn, rồi liên-lạc ngay với quân Tàu. Quân Mã đã hạ được thành rồi, và quân-đội của Trần Đức-Tài (là tướng của Phồ-Nghi) đến 1.700 người cũng giở giáo theo về quân Tàu, mà tiến lên Cáp-nhĩ-tân. Hiện thành Cáp-nhĩ-tân đương vào cảnh nguy-cấp lắm.

Trận-thế quân Nhật ở Bắc-Mãn không tấn-tới gì mấy, vì quân của Mã Chiếm-Sơn đã chiếm-cứ vùng trung-bộ đường xe lửa Trung-đông, làm cho quân Nhật phải đứt đoạn, không liên-lạc với nhau được. Những quân-đội người Tàu nhất-trí hành-động với bộ-đội của Mã Chiếm-Sơn, tính chung được chín vạn người.

Hải-luân đã thâu trọn về tay quân Tàu. Mã Chiếm-Sơn đã đến Hải-luân, chính mình thân ra mặt trận đốc-suất quân-sĩ đánh giặc.

Lại có tin Trương Học-Lương đã hạ lệnh động-viên. Người ta nói rằng Trương ra quân lần này có hi-vọng lắm. Nếu mặt Hắc-long-giang Mã Chiếm-Sơn thắng thế, thì Thẩm-dương không dễ gì đứng vững với Trương được, mà rồi cả Đông-tam-tỉnh sau này cũng không rời khỏi bức dư-đồ Trung-quốc nữa.

Mã Chiếm-Sơn từ khi đã thoát tay thao-túng của người Nhật, thì lo chỉnh-bị binh-nhung, quyết sống mái với quân thù, để trước nữa chuộc tội với nước tổ Trung-hoa, sau là tự vãn-hồi cái danh-dự anh-hùng buổi trước. Nhờ tấm nhiệt-thành hăng-hái và lòng nghĩa-khí của ba quân, Mã đánh đâu đều thắng đó. Nào ngờ sự thua được trong trường chinh-chiến khó biết mà lường, nay lại có tin ngày 30 *Mai* nói quân của Mã Chiếm-Sơn vừa rồi bị đại-bại.

Theo điện-tín thì trận này quân Nhật đánh quá hăng, nên bao nhiêu binh lính của Mã không thể cự địch lại được, mà phải vừa đánh tháo lui vừa chạy. Quân Nhật thừa thế kéo tràn tới, tàn-sát bại-binh của Mã vừa chết vừa bị trọng-thương có trên mấy ngàn người ; thật là một trận thất-lợi đệ-nhất cho quân Tàu từ ngày Mã hưng-binh tái-chiến đến nay vậy.

Quân Mã tuy bại, nhưng quân nghĩa-dũng có một số đông lại tiến, chiếm được một đoạn trên đường Trung-đông và phá đường sắt ở đó.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 5 năm 1932)

Ngày lễ Thánh-thọ tại Huế. — Ngày 26 tháng tư ta, tức là ngày mồng 1 tháng 5 tây là ngày Thánh-thọ đức Khôn-nguyên Hoàng-thái-hậu, tại Huế làm lễ khánh-tiết cũng chiếu theo như lệ thường. Đêm 25 làm lễ tế mụ, sáng 26 làm lễ bái-khánh, có quan Khâm-sứ dâng đọc chúc-từ, có văn-võ bá-quan, Hoàng-thân, Công-chúa, Mệnh-phụ, đến làm lễ xong, thì dự tiệc đại-yến và xem hát.

Đề-phòng ngày mồng 1 Mai. — Các sở Liêm-phòng, sở Cảnh-sát và Sen-đầm đều hết sức trù-tính để đề-phòng ngày mồng 1 *Mai* là ngày kỷ-niệm của Cộng-sản, nên khắp mọi nơi không xảy ra việc gì cả.

Nhân-chủng học-viện. — Ngày 30 tháng 4 quan Toàn-quyền PASQUIER đã ký nghị-định cho lập một viện khảo-cứu tại Dalat, gọi là « Nhân-chủng học-viện » (*Musée d'Ethnographie indochinoise*), mục-đích để khảo sát về văn-

minh vật-chất của các giống người ở Đông dương, bất-cứ là dân-tộc văn-minh như An-Nam, Cao-miên, Ai-lao hay là dân-tộc phác-cổ như các dân ở Thượng-du Bắc-kỳ, Ai-lao và ở dải Trường-sơn Trung-kỳ.

Viện này có một tòa nhà để bày những đồ-vật có ích cho sự khảo-cứu, và có một cái vườn dựng đủ các kiểu nhà của các dân-tộc ở Đông-dương.

Việc tổ-chức và trông nom viện ấy giao cho trường Bác-cổ Hà-nội. Khi nào làm xong, thì trường Bác-cổ cùng các quan cai-trị các tỉnh và các quan võ coi các đạo binh sẽ thu nhặt các đồ-vật hiện đang biến-thiên hoặc thất-lạc mất, cách thu-thập sẽ theo như trường Bác-cổ chỉ bảo.

— *Số khách đến thăm viện Bảo-tàng Blanchard de la Brosse ở Sài-gòn.* — Trong tháng *Avril* vừa qua, số khách đến thăm viện Bảo-tàng *Blanchard de la Brosse* ở Sài-gòn có tới 6.142 người. Nếu kể từ đầu năm 1932 đến cuối tháng *Avril* thì có tới 27.881 người.

— *Chính-phủ được can-thiệp vào việc bán ruộng tịch-ký.* — Quan-báo ở *Paris* có đăng một đạo sắc-lệnh cho phép Chính-phủ Đông-Pháp được can-thiệp vào việc bán ruộng bị tịch-ký, có 3 khoản như sau này :

1) Trong một thời-hạn đến ngày mồng 1 *Janvier* 1934 là cùng, Chính-phủ Đông-dương được phép can-thiệp vào các việc bán ruộng bị tịch-ký. Quan Toàn-quyền sẽ định-liệu cách-thức can-thiệp thế nào, và định những hạng ruộng nào, giá bán từ bao nhiêu, là Chính-phủ không được can-thiệp.

2) Một ủy-ban sẽ xét từng việc có nên can-thiệp không. Ủy-ban ấy sẽ có những vị này : Viên đại-biểu của quan Thống-đốc Nam-kỳ, trưởng-ban ; ông chánh sở cho những người có nhà có đất vay ; hai viên đại-biểu các ngân-hàng cùng một vị thân-hào bản-xứ Nam-kỳ. Những việc can-thiệp này sẽ có một viên-chức do quan Toàn-quyền theo ý-kiến quan Giám-đốc tài-chính cử ra để theo xét.

3) Tại Sài-gòn sẽ mở một sở gọi là « *Office de colonisation rurale de Cochinchine* », sở này có một hội-đồng trị-sự sáu vị do nghị-định quan Toàn-quyền cử ra để quản-trị.

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý. — Ngày mồng 2 *Mai* quan Toàn-quyền cùng quan Thống-soái quân-vụ Đông-dương, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, đi kinh-lý ở Cao-bằng và miền bắc xứ Bắc-kỳ. Các quan thị-lễ khánh-thành một cái cầu *Ban-chai* ở trên sông Kỳ-cùng. Đi thăm thành-phố Cao-bằng, thăm nơi nuôi ngựa ở Nước-hai. Thăm các đồn binh, các đại-lý ở miền biên-thùy, thăm các hạt Quảng uyên, Trùng-khánh-phủ, thăm nghĩa-địa chôn những hài-cốt các binh lính tử-trận năm 1892 và thăm đồn Tà lùng. Đi đến đâu nhân-dân cũng hoan-nghênh trân-trọng lắm. Quan Toàn-quyền lấy làm hả lòng, có ngợi khen các quan Tây Nam miền ấy khéo cai-trị, khiến cho đường-sá đều mở mang, binh-lính đều chỉnh bị mà nhất là nhân-dân được yên-vui thuần-thục, và lại trung-thành với Nhà-nước lắm.

Ngày mồng 5, quan Toàn-quyền, quan Thống-soái và quan Thống-sứ biệt Cao-bằng để đi kinh-lý các nơi : thăm Nguyên-bình, thăm nhà ông GENCY làm chủ mỏ *Pia-ouac*, thăm các nơi làm mỏ ở Tĩnh-túc ; quan Toàn-quyền có ngợi-khen ông BENOIT DAURIAC là chủ mỏ Tĩnh-túc và các người giúp việc đều tốt lòng tín-nhiệm và cố gắng vượt được hồi khó-khăn là hồi kinh-tế quẫn bách này. Xong đây lại đi thăm mỏ kẽm ở đèo *Lea*, rồi lên thăm Bắc-kạn.

Làm nhà thương bệnh phong. — Hồi 3 giờ rưỡi chiều ngày 3 *Mai*, sở Lục-lộ Bắc-kỳ ở Hà-nội đã đấu-giá làm ba cái nhà cho những người bệnh phong ở tại nhà thương Bạch-mai. Việc làm đáng giá ba vạn đồng.

Trận bão rất dữ ở phía nam Trung-kỳ. — Đêm ngày 3 rạng ngày 4 *Mai*, về miền Dran, Phan-rang, Phan-rí, Phan-thiết có xảy ra một trận bão rất dữ-dội, theo tin phủ Toàn-quyền kể lược qua sau này :

Tại Phan-rang, trong thành phố, ngoài dân-cư, đều ngập sạch, không đâu giao-thông được với đâu, thiệt-hại không biết chừng nào mà kể. Cái tường nhà ngục bị trôi đi một khúc đến 25 thước, các đường đèn điện, các chợ, nhà sát-sinh, đều bị hủy-hoại. Hết thảy các công-sở đều bị hại, mái nhà sụt hết.

Máy vô-tuyến và hải-đăng ở *Padaran* đều bị hủy.

Các phố-sá ở Phan-rang đều ngổn-ngang những cây đổ.

Đường xe-lửa từ Phan-rang vào Sài-gòn bị đứt nhiều đoạn.

Các đường-sá, các đường giây thép đều bị đứt.

Tại *Cana*, hết thảy các nhà của sở làm muối đều bị hủy-hoại.

Các người Âu không có chỗ mà trú. Người bản-xứ bị thương, và bị nạn chết hàng trăm.

Về phía *Dalat*, nhiều cầu bằng xi-măng cốt sắt đều bị trôi, trôi cả cái cầu lớn nhất trên con đường thuộc-địa số 12 là cầu Đại-nhim. Đê-điều bị vỡ, dân-cư thiệt-hại nhiều.

Ở *Dran*, mưa bão trong 15 phút đồng hồ mực nước lên cao 5 thước, trong một giờ, châu-thành và dân-cư bị tràn ngập hết, nhà cửa trôi mất cả, hai người Pháp và độ 80 người bản-xứ chết đuối ; súc-vật và tài-sản hại nhiều.

Cái cầu ở *Bellevue* bị trôi. Đường xe lửa nhiều nơi bị đứt.

Ở Phan-thiết, tin quan Công-sứ Phan-thiết nói cái tai-nạn về trận bão này, người ta vớt được 134 cái xác người An-Nam do ngọn sóng đưa vào bờ ; 170 chiếc thuyền mất tích, 137 chiếc bị hư-hỏng ; 600 cái nhà gạch bị hư-hại và đổ ; 3.000 nhà lá bị hư-hại ; 500 trâu bò mất tích ; nhiều hồ nước mắm bị tàn-hại, còn các hoa mầu sản vật bị tàn-hại không biết bao nhiêu mà kể.

Lại có tin rằng ở Phan-rí bị trận bão dữ-dội ấy quét sạch ; số người chết có đến bảy tám trăm người.

Đối với cái tai-nạn trận bão ở phía nam Trung-kỳ. — Đối với cái tai-nạn trận bão dữ-dội ở phía nam Trung-kỳ, Chánh-phủ Đông-dương đã chuẩn-cấp tiền cho Chính-phủ Bảo-hộ Trung-kỳ để chi những sự khẩn-nhu về trận bão ấy và cứu giúp cho nạn-dân.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ và quan Giám-đốc chính-trị đã thân hành đến thăm tận nơi bão ấy.

Quan Toàn-quyền có điện lời của Chính-phủ chia buồn cùng gia-quyến các người bị nạn và tỏ lời yên-ủi mọi người.

Quan Thống-đốc Nam-kỳ đã điện cho quan Khâm-sứ Trung-kỳ biết tin rằng ngài sẽ quyên 5.000 đồng để giúp cho các dân bị hại về trận bão ấy.

Thành-phố Hà-nội theo lời thương-thuyết của quan Đốc-lý, đã định trích một số tiền 1.000 đồng gửi quan Toàn-quyền để giúp cho các dân bị bão ấy.

Hội-đồng Phổ-tế Trung-ương Bắc-kỳ đã họp Hội-đồng cùng các ông đại-biểu các báo, các ông trưởng hội các hội từ-thiện để bàn lập sổ quyên tiền giúp cho nạn-dân bị bão.

Mở cuộc chợ phiên lấy tiền giúp hội Dục-anh. — Các nhà phụ-nữ ở Sài-gòn có tổ-chức một cuộc chợ phiên vừa đấu-xảo các đồ phụ-nữ công-nghệ của các xứ Trung-kỳ, Bắc-kỳ Nam-kỳ, Cao-miên, vừa bày các trò vui, để lấy tiền vào cửa giúp cho hội Dục-anh là một hội của các Phụ-nữ người Nam ta lập nên để trông nom nuôi-nấng các trẻ con nhà nghèo ở Sài-gòn. Khai chợ phiên từ mồng 4 đến mồng 8 *Mai*, được công chúng đến xem tới hơn 50.000 người, tiền vào cửa thu được tới 14.000 đồng, tiền ấy trừ phí-tổn đi còn thì để giúp vào quỹ hội Dục-anh Sài-gòn, nhân thể giúp nạn-dân bị bão ở Trung-kỳ.

Đông-dương đối với tang-lễ quan Giám-quốc DOUMER. — Ngày 12 *Mai* là ngày cất đám quan Giám-quốc PAUL DOUMER ở bên Pháp, theo lệnh quan Toàn-quyền Đông-Pháp hết thảy các công-sở đều nghỉ việc làm một ngày và treo cờ dủ để tang một tháng. Các nhà thờ ở các thành-phố lớn đều làm lễ truy-điệu rất trọng-thể, các quan-chức thân-hào Tây Nam, các lãnh-sự các nước, học-trò các trường đều đến dự lễ rất đông, ai cũng tỉnh-túc ai điếu quan Giám-quốc.

Quan Toàn-quyền vào Nam-kỳ. — Quan Toàn-quyền vào Nam-kỳ, trưa ngày 15 đã tới Vinh. Ngài đi kinh-lý miền Vinh và Hà-tĩnh, xem mấy nơi dẫn thủy nhập-điền, chủ-lễ khánh-thành nhà Dục-anh ở Vinh, rồi vào Huế buổi chiều ngày 16. Ở Huế quan Toàn-quyền có chủ-tọa một kỳ Hội-đồng quan-trọng của viện Cơ-mật, Ngài thương-thuyết với hội-đồng về việc đức Bảo-đại sắp về Huế, và đồng-ý với các quan quyết-định các khoản nghênh-tiếp. Ngày 19 quan Toàn-quyền từ-biệt Huế đi Sài-gòn, dọc đường ngài có chủ lễ khánh thành cầu Lang-cô. Ngày 21, ngài đi qua những nơi bị hại về trận bão mới rồi, ngài có dừng lại mấy nơi để thăm và yên ủi những nhân-dân bị nạn bão. Hồi 10 giờ sáng ngày 22 thì ngài tới Sài-gòn. Kinh-lý các việc xong đến 27 thì ngài đi nghỉ mát ở *Đa-lat*.

Mới lập hội Pháp-Việt Dục-anh ở Vinh. — Ở Vinh, quan Công-sứ LAGREZE và Bác-sĩ LE MOINE mới tổ-chức ra một hội « Pháp-Việt Dục-anh », mục-đích là để nuôi-nấng và dạy bảo những trẻ con nghèo khổ và nuôi trẻ con vô-thừa-nhận. Ngày mồng 3 *Mai*, theo giấy đạt của Bác-sĩ LE MOINE và quan Tổng-đốc An-Tĩnh, thì cả quan-lại Pháp Nam các công-sở và tư-gia cùng thân-thương trong hoàn-thành đã họp hội-đồng tại dinh Tổng-đốc và bầu ban trị-sự. Bác-sĩ LE MOINE được bầu làm chánh Hội; ông Trần Ngọc-Thiện, bầu làm phó Hội.

Hội-đồng Chính-phủ. — Hồi 9 giờ sáng mồng 10 *Mai*, ban thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa, trước khi ngài đi Nam-kỳ.

Thương-ước của Nhật với Đông-dương đã ký ở Pháp. — Có tin *Paris* rằng tại bộ ngoại giao nước Pháp, Thủ-tướng TARDIEU, Tổng-trưởng Thương-vụ ROLLIN, Tổng-trưởng Thuộc-địa LOUIS DE CHAPPEDELAINE cùng quan đại-sứ Nhật-bản ở *Paris* là HARUKATU NAGAOKA, hiệp ký một tờ thương-ước tạm điều-đình việc thông-thương của Đông-dương và Nhật-bản, thuận giảm cho Nhật-bản mấy khoản thuế thương-chánh về đồ hàng Nhật-bản nhập-cảng Đông-dương.

Lễ lạc-thành và tạ ơn đền Vua Cha. — Tại làng Đương-huề, thuộc huyện Hương-thủy, gần tôn-lăng Thiệu-trị, có đền thờ đức Vua cha là một vị thiên-thần ở Thượng-giới, có tiếng anh-linh xưa nay.

Trước khi vua Bảo-đại sang du-học bên Pháp, Lưỡng-tôn-cung có đến đền ấy cầu xin Thiên-thần phù-hộ cho vua đi du-học được vạn-an. Nay vua Bảo-đại sắp về, Lưỡng-tôn-cung đã cho trung-tu đền ấy. Nay làm lễ khánh-thành và dâng một lễ tạ ơn rất long-trọng.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 18, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Chính-sách thu thuế của quan Thống-đốc Nam-kỳ. — Vì kinh-tế khủng-hoảng, dân nghèo khó kiếm đủ tiền nộp thuế thân, nên quan Thống-đốc Nam-kỳ EUTROPE mới ra lệnh như sau này :

1º Bắt đầu từ ngày nay, giấy sưu trước năm 1931 không có hỏi-han gì tới.

2º Những người nào trễ đóng thuế thì được hưởng thêm một thời-hạn hai tháng, kể từ ngày 20 *Mai* để có thì giờ trình bảo với quan sở-tại và chạy tiền đóng thuế năm 1931 còn lại chưa đóng, khỏi phải bị phạt gì cả.

3º Các quan tham-biện chủ tỉnh nên xét người nào dốc lòng đóng thuế năm 1932 mà chưa có thể đóng, thì phải gia kỳ-hạn cho người ta đủ thì giờ xoay trở.

Khánh-thành cầu Pouyanne (tức là cầu Lang-cô). — Cầu « *Pouyanne* » là một cái cầu sắt bắc ở sông Lang-cô chỗ giáp-giới Thừa-thiên và Quảng-nam trên con đường Thuộc-địa số 1 đi từ Huế vào Sài-gòn. Cầu dài 175 thước, làm một năm rưỡi mới xong, phí-tổn tới hơn 14 vạn đồng. Ngày 19 tháng *Mai* đã làm lễ khánh-thành, có quan Toàn-quyền PASQUIER cùng các đại-quan hai chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều đến thị-lễ đông lắm, có hai ông chủ thầu-khoán làm cầu ấy là Nguyễn Văn-Nghi và Nguyễn Văn-Lệ ra yết-kiến. Quan chủ-sự công-chánh GIRARD đọc bài diễn-văn xong, ông Lệ cũng đọc một bài. Quan Toàn-quyền đáp lại. Rồi ngài đặt tên cái cầu là cầu « *Pouyanne* » là tên quan Tổng-thanh-tra Công-chánh ở Đông-dương trước đã tạ-thế bên Pháp mà có di-chúc xin đem di-hài táng tại bên Nam-Việt ở gần cầu Lang-cô là một nơi sinh-tiền đã từng yêu-mến. Ngài lại chúc cho cầu, này được bền vững lâu dài, ngài cắt một nửa cái dây tam-tài buộc ngang cầu, còn một nửa nhường cho cụ Thân-thần Tôn-thất Hân cắt. Đoạn ngài cùng bá-quan đi dạo qua cầu nhìn xem cách cấu-tạo cầu này, rồi đều giải-tán.

Kỷ niệm Giám-quốc Paul Doumer bằng giải thưởng. — Quan Tổng-thống PAUL DOUMER xưa làm Toàn-quyền Đông-dương đã chia nước Nam làm ba kỳ rồi sáp-nhập với Lào và Miên làm Đông-dương hiệp-nhất ở dưới quyền cai-trị nước Pháp.

Mới đây viện Hàn-lâm về khoa-học thuộc-địa bên Pháp đã họp hội-đồng và quyết-định đặt một giải thưởng gọi là « giải thưởng *Paul Doumer* » để sẽ tặng riêng cho thuộc-địa Đông-dương ; bất-kỳ người Pháp hay người Nam hễ làm nên nhiều việc có lợi-ích chung cho toàn cõi Đông-dương thì sẽ được lĩnh cái giải thưởng ấy.

Đặt giải thưởng này mục-đích là để cho Đông-dương ghi nhớ tên quan « PAUL DOUMER » lâu mãi.

Được thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm bên Pháp. — Tin *Paris* ngày 22 *Mai* nói rằng : Trong danh-sách các thí-sinh được dự-thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm (*Ecole Normale supérieure*) và lĩnh học-bổng cử-nhân về năm 1932, thì ban khoa-học có một người An-Nam là ông Nguyễn Dương.

Năm ngoái Phạm Duy-Khiêm là người Việt-Nam thứ nhất được trúng cử vào học trường Cao-đẳng sư-phạm bên Pháp, bạn văn-chương, năm nay được Nguyễn Dương nữa là người thứ hai.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Thái-bình. — Ngày 25 *Mai* quan Thống-sứ THOLANCE đi kinh-lý tỉnh Thái-bình, để xem xét các việc công-tác trong tỉnh ấy. Từ bến Tân-đê tới Thái-bình ngài xem các máng nước mới làm xong, khiến cho ruộng-nương miền ấy cấy được cả hai mùa, không bị ngập lụt mà bỏ một mùa chiêm như trước nữa. Riêng các máng nước về hạt Thư trì, Tiền-hải, Vũ-tiên và Kiến-xương đào được tới 595.000 thước khối. Ngài lại do con đường Vân-môn đi sang tả-ngạn sông Hồng-hà thăm cái đốc bến đò mới nối Thái-bình với Xuân-trường, thăm các cống Nguyệt-lâm, Dương-liễu, các máng nước Da-cốc và Bắc-trạch. Thăm cái đê mới đắp xong ở hạt Tiền-hải giữ cho 3 000 mẫu ruộng mạn ấy khỏi bị nước mặn mà cấy cấy được. Buổi chiều đi thăm các ruộng bể ở Thái-bình theo hữu-ngạn sông Trà-lý, xem cống Đức-giương đương xây và mấy máng nước làm lợi cho dân hạt Thái-ninh và Thụy-anh. Thăm cái đập sông Tiên-hưng qua phủ Thái-ninh. Ngài đi đến đâu cũng ngợi khen công-trình làm rất mẫn-cán và khuyên nhân-dân giữ đường lương-thiện làm ăn mà trung-thành với Chính-phủ. Buổi tối ngài từ Tiên-hưng về thẳng Hà-nội.

Thư-từ của các công-sở từ nay cũng phải dán tem. — Xưa nay các thư-từ của các công-sở Nhà nước gửi nhà bưu-điện vẫn không dán tem, theo nghị-định mới thì từ đầu năm 1933 trở đi đều phải dán tem, mà ở trên tem có in thêm chữ « *Service* », lại phải có dấu của các sở ấy đóng vào thì các tem ấy mới có giá-trị.

Việc đi đón đức Bảo-đại. — Ngày 2 *Mai* này quan Hộ-bộ Thượng-thư THÁI VĂN-TOẢN đã thay mặt Nam-triều ta đáp tầu *Georges Philippar* sang đón đức Bảo-đại. Khi đi tới Hồng-hải thì tầu *Georges Philippar* bị cháy, ngài và quan viên-ngoại Nguyễn Văn-Hạp đi theo làm thư-ký cho ngài đều may được thoát nạn tầu cháy ấy, song những đồ tặng-hảo của Nam-triều đưa sang đều bị cháy cả. Nay Nam-triều lại cử quan Nguyễn Hy, Tuần-phủ Quảng-bình, sang Pháp và đem theo một phong quốc-thư, các phẩm-vật tặng-hảo, các thứ huy-chương và một bộ cửu-long quan và hoàng-bào, là những vật trước quan Hộ-bộ đã mang mà bị cháy. Ông Nguyễn Hy đã từ Huế khởi-hành ngày 26 *Mai* vào Đà-nẵng, đến 30 *Mai* đáp tầu *Chenonceaux* ở Sài-gòn sang Pháp.

Quan-lại được tăng lương. — Có tin các báo đăng rằng quan Toàn-quyền đã định bắt đầu từ năm 1933 quan-lại ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ đều được tăng lương. Các quan-lại ở Trung-kỳ được tăng lên 60 phần trăm (60 %); các quan-lại ở Bắc-kỳ được tăng lên 30 phần trăm (30 %).

Nước Pháp muốn đòi đảo Tây-sa (Siosan) cho dân Việt-Nam ta

I

Chánh-phủ Pháp cùng Chánh-phủ Trung-hoa hiện giờ đương điều-đình về việc đảo Tây-sa.

Chánh-phủ Pháp nói quyết rằng: quần-đảo Tây-sa thuộc về Việt-Nam địa giới, nhưng Chánh-phủ Tàu lại cãi: đảo ấy thuộc về địa-phận Quảng-đông.

Theo như giấy-má Chánh-phủ Pháp tư sang bộ Ngoại-giao Tàu, đảo Tây-sa

quả thuộc địa-phận nước Nam, có mấy chứng-cớ rõ-ràng lắm :

1.— Xét trong sử ký Việt-Nam, năm 1816, vua Gia-long đã từng quản-trị cái đảo ấy, và đã cắm cờ Việt-Nam ở trên miếng đất ấy rồi. Năm 1835 vua lại sai người đến xây tháp và dựng bia ở đấy nữa.

2.— Năm 1898, chiếc tàu Belleon và tàu Vnojimou của nước Anh bị đâm ở cạnh đảo Tây-sa, bấy giờ có bọn thuyền chài người Tàu lấy trộm những miếng đồng ở tầu ấy, viên Lĩnh-sự Anh đóng tại Quỳnh-nhai hải-khẩu có đem việc ấy kháng-nghị với Chánh-phủ Tàu, thì Chánh-phủ Tàu phúc-đáp rằng : « Đảo Tây-sa không thuộc về lãnh-thổ Tàu, nước Tàu không chịu trách-nhiệm việc ấy. »

Cứ chứng-cớ xác-thực như vậy, đảo Tây-sa quả thuộc về địa-phận nước Nam, hơn một trăm năm nay, không ai dị-nghị

Vậy mà ngày nay bộ Ngoại-giao Tàu theo lời khai của bộ Hải-quân nước ấy, nhận bướng rằng : đảo Tây-sa thuộc về lãnh-thổ nước Tàu. Họ viện lẽ : đảo Tây-sa vị-trí ở phía đông Quỳnh-nhai đại-đảo, cách Quỳnh-nhai có 145 hải-lý, mà bờ biển nước Nam thì ở về phía tây Quỳnh-nhai, xa cách đến 185 hải-lý, quyết không phải là của nước Nam. Đất trong đảo Tây-sa toàn là chất cát và những vỏ xò, hến, trừ mấy cánh rừng gỗ và ít mỏ phốt-phát có thể bón cây được thì không có giá-trị gì về thực-dân chính-sách Một thổi đất cô-hoang ấy, xưa nay chỉ có người Quỳnh-nhai ở đó kiếm cá sinh-nhai, chưa thấy có người An-Nam nào cư-trú, thì có lẽ gì bảo Tây-sa-đảo là của nước Nam.

Chánh-phủ Đại-Pháp lại biện-luận một cách minh-bạch rằng : nếu đảo Tây-sa không phải của nước Nam, thì sao vua Gia-long đã đến quản-trị từ năm 1816? Sao vua Gia-long đã sai quan đến xây bia, xây tháp từ năm 1835 ? Lại tra các sách « Hàng-hải chỉ-nam » của các sở trắc-lượng nước Anh, nước Mĩ làm ra, cũng thấy nói : đảo Tây-sa mãi đến năm 1909 Chánh-phủ Trung-quốc mới liệt vào bản-đồ.

Coi vậy, đảo Tây-sa quả là lãnh-thổ nước Nam, không còn nghi-ngờ gì nữa, tưởng Chánh-phủ Trung-hoa không còn viện cớ gì mà cưỡng nhận, chắc Chánh-phủ Pháp sẽ hết sức đòi lại cho nước ta.

Ký-giả viết đến đây, tự-nhiên thấy nảy ra mối cảm-tưởng : đảo Tây-sa ở về phía đông đảo Quỳnh-nhai, trong vùng có đến 10 nơi cồn bãi và 8 cái hòn đảo, chu-vi rộng đến hơn một trăm dặm, lâm-sản, hải-sản, không phải là ít. Hơn một trăm năm nay, tiền-nhân ta đã thân đến khai-thác, nào kéo cờ, nào xây tháp, mong truyền sự-nghiệp cho người sau. Đáng lẽ con cháu sau nên thể theo cái hoành-công viễn-lược ấy mà gắng sức tiến-hành, không để dấu tốt của ông cha cùng biển dâu chìm đắm mới phải

Không ngờ một nơi địa-lợi ấy bao nhiêu năm nay toàn thuộc về tay bọn thổ-trước Quỳnh-nhai, không những không có một người Việt-Nam đến khai-khẩn kinh-doanh, có lẽ hỏi đến ba tiếng « đảo Tây-sa », cũng chưa dễ mấy ai đã biết!

Ôi! quên nước, quên non, quên cả công tiền-nhân khai-thác, cái thảm-họa ngu hèn thấp kém còn trách tại đâu !

Chúng ta rất nên mong Chánh phủ Pháp đem cái chánh-sách ngoại-giao cương-quyết mà đòi lại Tây-sa đảo cho ta.

(Ngọ-báo)

II

Nước ta với nước Tàu vì địa-thế liền nhau, nên vấn-đề cương-giới thuở

nay thường sinh chuyện tranh-biện. Về đời Tần-Hán dưới quyền Triệu-đà cai-trị thì tất cả Lưỡng-Quảng (Quảng-đông, Quảng-tây) với xứ ta làm chung một nước, không phải lãnh-thổ của nước Tàu. Sau đó Mã-Viện đánh với vua Trưng-nữ-vương ta, vua Trưng bị thua, Mã có lập đồng-trụ để làm phiên-chí địa-giới. Đó là một điều nhục trên lịch-sử ta, mà tổ tiên ngày xưa nhiều phen chùi rửa. Chuyện cột đồng ấy chỉ thấy sử Tàu chép vậy, chớ khảo về sự thực thì các nhà khảo-cổ, cãi-cọ nhau chẳng có gì là đích-xác. Thế mà vì câu chuyện « đồng-trụ », lâu nay người Tàu cứ viện đó mà gạn hỏi cương-giới nhiều lần (đời Nguyên và đời Thanh, cũng có phái sứ sang tranh-biện vấn-đề ấy).

Đời Lý, Lý Thường-Kiệt nhân việc biên-giới lộn-xộn, cử binh sang đánh chiếm châu Khâm và châu Liêm, làm cho vùng biên-giới nước ta với Tàu, đến mấy ngàn dặm không có tiếng chó xủa gà gáy, người Tàu khiếp đi một hồi. Trận võ-công ấy làm cho ta hở hơi được một lúc. Nhưng cách ít lâu, về triều Mạc, Mạc Đăng-Dung lại cắt đất mình (Ngũ động thuộc châu Khâm) mà lót cho người Tàu.

Từ đó về sau, mình dầu tự-lập cũng một giải đất dọc ngang giữa biển này, chớ chưa khi nào khôi-phục lại cái nước « Bách-Việt » to rộng (nghĩa là gồm cả Lưỡng-Quảng) như trước. Nói cho phải, mấy đời vua ta, thì chỉ có vua Quang-Trung là có chí toan thu-phục Lưỡng-Quảng, dùng mưu định kế, chứa tiền nuôi binh và kết hợp với người Tàu định làm cho đạt cái mục đích vĩ đại ấy. Song rủi thay, chí chưa toại mà chết sớm, tâm-sự anh-hùng mang theo dưới chín suối mà trông đợi cho người sau có ai nối theo chí minh chăng.

Cuộc thế đổi dời, nước ta lại phục thuộc dưới quyền bảo-hộ nước Pháp.

Nước Pháp là một nước văn-minh giàu mạnh phương Tây, từ sang bảo-hộ nước ta, người Tàu phải nhượng-bộ, không nhận nước ta là nước phiên-thuộc như trước (nước ta ngày trước dầu tự-lập song vẫn chịu tiếng là phiên-phục nước Tàu, từ điều ước Thiên-tân mới hủy đi). Trên nửa thế-kỷ này, nước mình ở dưới quyền nước Pháp, về việc ngoại-giao và binh-sự do người Pháp chủ-trương, người Tàu vẫn không nhắc đến cương-giới nữa. Song xem ý người Pháp cũng đãi nước Tàu một cách ngang hàng, trừ đất Quảng-châu-loan ra, bao nhiêu biên-giới Tàu giáp với nước ta không nghe có xảy ra vấn-đề lôi-thôi gì. Mới đây thấy tờ báo Tàu có đăng một chuyện có quan-hệ đến vấn-đề cương-giới nước ta với nước Tàu, trích-dịch đôi đoạn dưới này, cho độc-giả cùng nghe một vấn-đề mới.

* *

Hoa-tự-báo *ra ngày 24 tháng 5 năm 1932 có bài đầu đề là* « Chứng-minh chủ-quyền lãnh-thổ », *nói rằng:*

« *Gần đây Chánh-phủ Pháp có đưa cho Công sứ Tàu hiện trú ở Pháp một bức thư nói mấy hòn đảo Tây-sa* (Siosan-ở phía tây biển Quảng-đông) *là lãnh-thổ của nước An-nam, yêu-cầu Chánh-phủ Tàu giải-quyết vấn-đề ấy, trong thơ viện có 2 lẽ:*

1 Theo lịch-sử An-nam chép, năm 1816 vua Gia-long từng quản-lĩnh đảo ấy và dựng cờ trên đảo; năm 1835, lại sai người đến đảo dựng tháp và bia đá.

2) Năm 1898, hai chiếc tàu Beleon *và* Vnojimou *chìm ở vùng ấy, bọn chài Tàu ăn trộm đồng đem bán; lính-sự Anh trú ở Quỳnh châu để-khởi kháng-*

nghị với Chánh-phủ Tàu yêu-cầu trừng-trị kẻ phạm tội. Chánh phủ Tàu trả lời rằng « đảo Bầy-châu » 七洲島 không phải lãnh-thổ của người Tàu. Tàu không quản-hạt !

(Thấy chưa ! điều thứ nhì thì người mình không rõ, vì là chuyện Anh với Tàu giao-thiệp nhau ; chớ điều thứ nhất thì lãnh-thổ của mình, dấu-tích và lịch-sử rõ-ràng mà có mấy người biết ? Sử bản-triều không lưu-hành trong dân-gian, cái hại là như thế).

Chỉ hai điều ấy mà cái lẽ đã cứng : điều thứ nhất chính là hòn đảo ấy thuộc về lãnh-thổ nước Nam, điều thứ nhì lại chứng rằng không phải của Tàu.

Chính-phủ Tàu tiếp được bức thư ấy giao cho Hải-bộ tra-khảo rồi trả lời cho Chánh-phủ Pháp, chứng-minh đảo ấy là lãnh-thổ của Tàu. Đại-khái nói : Các đoi biển ở phía đông Quỳnh-nhai lố rạn rất nhiều, có 8 hòn đảo đều gọi là Tây-sa, cách Quỳnh-nhai 145 hải-lý. An-nam ở phương tây Quỳnh nhai cách xa đến 185 hải-lý Đảo ấy ở miền biển Tàu, xem địa-đồ thì biết là lãnh-thổ của Tàu. Vả chăng, An-nam với Quảng-đông giao-giới lấy chỗ Trúc-sơn làm nền... Sau lại viện-dẫn nhiều lẽ nhất-định chứng-minh đảo ấy là lãnh-thổ của Tàu. Một cái lẽ cứng nhất là các đảo ngoài biển cách đất liền hễ dân nước nào ở đấy tức là đất của nước ấy. Mấy hòn đảo ấy thuở nay chỉ dân Tàu ở mà không có dân An-nam v.v..

*

Xem bài báo trên thì thấy chứ Tàu ngày nay cũng rầy thật ! Vài hòn đảo côi-quạnh không sinh-sản gì chỉ có san-hô và phân chim, ngoài ra không có gì là giá-trị, người Pháp cũng khêu chuyện chơi vậy, chớ hòn đảo ấy đâu thuộc lãnh-thổ An-nam, người Pháp cũng không lấy làm lợi, mà người Nam thiệt không ích gì bao nhiêu. Thế mà chứ Tàu cứ khăng-khăng cãi lại...

Nhân câu chuyện trên mà ký-giả sinh ra ba mối cảm-xúc :

Một là nhớ lại kế-hoạch vĩ-đại của vua Quang-Trung toan thu cả Lưỡng-quảng vào bản đồ nước Nam, chí lớn chưa thành mà người sau không ai nối được.

Hai là vấn-đề cương-giới ngày nay, có tranh-biện nhau, tất phải giải-quyết bằng gươm súng, chớ không khi nào giải-quyết bằng miệng lưỡi với giấy bút bao giờ.

Ba là miền đông-bắc nước Tàu có nước Nhật, xâm chiếm cả mấy tỉnh to lớn mà người Tàu thủy-chung bất đề-kháng ; còn miền nam nước Tàu có đại-Cổ-Việt này lại có nước văn-minh nhất thế-giới là nước Pháp ở đây, mà mới hồi chơi vài hòn đảo hoang ngoài biển, họ đã dở lý-sự ra ! Có lẽ họ khinh rẻ người Nam ta không có tay Lý-Thường Kiệt Trưng-nữ-vương hợp sức với người Pháp mà làm cho họ xiểng liểng một phen như người Nhật kia sao ?

(Tiếng-Dân)

Sách mới và báo mới

— Quyển chỉ-nam tập nói tiếng Việt-Pháp. — *Của nhà in Viễn đông Hà-nội, khổ sách 13 × 10 phân tây, 146 trang, giấy tốt chữ đẹp, các dấu chữ quốc-ngữ ra kiểu mới đánh vào sau chữ, chứ không đánh vào chữ âm. Giá 1 $ 00.*

— Phật-giáo vấn-đáp. — *Của Thiện-Chiêu biên-tập, khổ sách 19 × 13 phân tây, 128 trang, giấy thường, in tại nhà in Xưa-nay, 60-64 Boulevard Bonnard, Sài-gòn, giá 0 $ 50*

— Sách học đạo Phật bậc đầu.— *Của Lê Toại và Nguyễn Văn-Duyện dịch, khổ sách 23×16 phân-tây, 70 trang, in tại nhà in Nhật-hưng Hà-nội, giá 0$20.*

— Phong-tình y-án. — *Của Docteur Nguyễn Văn-Luyện soạn, nói chuyện về các bệnh phong-tình, cách chữa và cách đề-phòng, khổ sách 22×16, 120 trang giấy tốt, in ở nhà in Ngo-Báo 45 Rue de Lac Hà-nội, không đề giá.*

— Phong-hóa tuần-báo.— *Phong-hóa tuần-báo mới ra đời ngày 16 Juin, mỗi tuần-lễ ra một số vào ngày thứ năm, ông Nguyễn Xuân-Mai làm chủ-nhiệm, ông Nguyễn Hữu-Ninh làm quản-lý, báo-quán ở số 1 đường Carnot Hà-nội. Mỗi số giá 1 hào.*

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9 — Lịch sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (in lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hoa-lạc.